

KINH PHẠM VŨNG

BỒ TÁT GIỚI YẾU GIẢI



Thích Nữ Phước Hoàn

- Yếu giải
- Tóm tắt
- Vẽ sơ đồ:

LỜI NÓI ĐẦU

Đức Phật nói, Ngài đến cõi Ta Bà này đã tám ngàn lần rồi, chỉ với mục đích duy nhất là KHAI, THỊ, NGỘ, NHẬP Tri Kiến Phật cho chúng sanh.

Tri Kiến Phật còn gọi là Phật Tánh, còn gọi là Tâm Địa Giới Pháp sẵn có trong chúng sanh. Đó cũng là Cảnh Giới Chứng Đắc của Chư Phật, lại cũng là chỗ tu hành của các bậc Bồ Tát.

Bên trong Tâm Địa này luôn rỗng rang, sáng suốt, vắng lặng, thường hằng, không hình, không tên, vô cùng linh minh. Đức Phật gọi là Chỗ “Chơn KHÔNG Diệu Hữu”, là Chỗ “Không Hai”.

Đức Phật đã nhắc cho chúng sanh biết rõ rằng họ đang sẵn có “cái không tên” đó (KHAI) và Ngài đã chỉ cho chúng sanh sự Diệu Dụng của cái không tên đó qua tánh Giác Biết Vô Phân Biệt của họ (THỊ). Ngài khuyên chúng sanh nên Nhận Ra (NGỘ) và An Trụ vào (NHẬP) cái Tâm Địa sẵn có của mình để làm chánh nhân tu tập, hướng về Phật Quả Tối Thượng. Bởi vì Đức Phật chỉ muốn độ cho chúng sanh chứng đắc Phật Quả mà thôi, Ngài không muốn độ chúng sanh chứng quả Tam Thừa Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát.

Các hành giả Bồ Tát cần phải thực hành pháp tu Lục Độ Vạn Hạnh, thấy rõ Phật Tánh sẵn có trong tất cả chúng sanh, đó là hạt giống duy nhất có thể thành Phật của muôn loài, rồi phát Đại Bồ Đề Tâm cứu độ họ.

Do vì chúng sanh không nhận ra Tâm Địa Giới Pháp sẵn có của mình. Họ nhận lầm Tâm Thức vọng động,

giả tạo rồi bám theo cho là Tâm của mình, nên họ bị trầm luân sanh tử.

Đức Phật Lô Xá Na ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng, Ngài muốn mở bày Pháp Môn Tâm Địa Giới Pháp này cho chúng sanh, khiến cho họ tỉnh giác, quay vào bên trong và nhận ra Tâm Địa Giới Pháp không phân biệt, sẵn có của mình mà không chạy theo Tâm Thức vọng động điên đảo tạo nghiệp nữa.

Nếu ai thọ trì Tâm Địa Giới Pháp này, an trụ trong nó, sống với nó tu hành thì việc thành Phật không khó.

Tâm Địa Giới Pháp này chỉ có một mà thôi, nhưng tùy thuận theo nghiệp lực của chúng sanh mà Đức Phật Thích Ca đã phương tiện nói ra thành mười Giới Trọng và bốn mươi tám Giới Khinh để dễ cho chúng sanh gìn giữ, không để cho Tâm Thức vọng động phát khởi. Và khi Tâm Thức lặng thì Phật Tánh liền hiển lộ, hành giả lúc bấy giờ chỉ cần An Trụ vào đó để tiến tu Phật Quả. Đức Phật Thích Ca sau khi lãnh thọ Tâm Địa Giới Pháp này từ Đức Phật Lô Xá Na ở Thế Giới Liên Hoa Đài Tạng, Ngài đã đến giảng pháp ở các cõi trời. Và Ngài đã lấy hình ảnh Bảo Tràng Mành Lưới Đế Châu ở cõi Trời Tự Tại Thiên Vương để dụ cho Phẩm Hạnh và Đại Nguyên rộng khắp, tỏa chiếu, trùng trùng duyên khởi của các bậc Bồ Tát, làm nền tảng cho bộ kinh Phạm Võng này. Nếu chúng sanh có trùng trùng nghiệp lực thì hàng Bồ Tát cũng có trùng trùng hạnh nguyện cứu độ không bỏ sót. Đây là một bộ kinh nói về Đại Nguyên lực cứu độ chúng sanh, đó là cái chánh nhân rất ráo để đạt đến quả Vô Thượng Chánh Đẳng

Chánh Giác mà các hành giả Bồ Tát nhất định phải thực hành để tiến tu Phật Quả.

Con, Tỳ Kheo Ni pháp danh Như Thanh, pháp hiệu Phước Hoàn, vâng lời dạy của Hòa Thượng Thích Phước Huệ (HT. Thích Tắc Phước) chùa Phước Huệ Công Đức Tòng Lâm tại Australia, con phụ trách về Trùng tuyên Giới Luật cho Ni Chúng trong mỗi 3 tháng An Cư Kiết Hạ hằng năm tại Trường Hạ Phước Huệ.

Sau khi giảng xong bộ Giới Luật Tỳ Kheo Ni, con tiếp tục trùng tuyên bộ kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới cho Ni Chúng.

Cứ mỗi lần lên lớp, con đều có soạn bài rõ ràng, chú thích mạch lạc, tóm tắt chủ yếu từng giới luật mà Đức Phật nêu ra và phát bài cho mỗi học viên trong lớp để chị em có bài vở trong tay, chủ yếu là để cho Chư Ni dễ nhớ, khó quên, lãnh hội được yếu chỉ của Giới Luật, hầu áp dụng tu hành đúng Chánh Pháp.

Nhờ vậy, sau khi giảng xong bộ kinh, con gom góp những bài đã soạn, sắp xếp thành một quyển, gọi là Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới Yếu Giải. Xuyên suốt Mười Giới Trọng và Bốn Mươi Tám Giới Khinh, mỗi giới con đều nêu rõ chủ yếu Đức Phật Chế Giới, cộng với sự chú thích rõ ràng, kèm theo sơ đồ tóm tắt mạch lạc để hành giả có duyên cảm thấy vui học và thích tu.

Ngày nay, khoa học càng phát triển bao nhiêu thì con người càng bận rộn bấy nhiêu. Thời gian hầu như không đủ cho nhu cầu sự sống. Ai cũng vội vàng để ăn, để ngủ, để làm việc...

Mọi hiện tượng vật lý, tâm lý, tin nóng, tin mới, tâm sự, ca nhạc phản ánh thời đại... đang phơi bày vô cùng hấp dẫn trên mạng xã hội. Hiện trạng vật chất bắt buộc con người luôn vươn tới, làm cho con người khó tránh khỏi bị ảnh hưởng của xã hội.

Đức Phật đã dạy, muốn đạt đạo quả thì phải đi vào con đường Định Huệ, và Ngài đã vẽ ra con đường ấy rất rõ ràng là:

Sơ Thiên	Ly sanh hỷ lạc (Sống hạnh xả ly)
Nhị Thiên	Định sanh hỷ lạc (Giữ tâm an định)
Tam Thiên	Ly hỷ diệu lạc (Xa lìa vui buồn)
Tứ Thiên	Xã niệm thanh tịnh (Không suy luận gì cả).

Người tu sĩ một khi một khi đã dính mắc vào xã hội thì khó có thể đạt được định lực. Mỗi người đều có trong tay một chiếc điện thoại, và cả cái vũ trụ này đều biểu hiện rộng rãi ở trong đó, sức hút của nó vô cùng mãnh liệt khiến cho mọi người lúc nào cũng muốn mở nó ra, rồi lướt vào và bị chìm sâu trong cảnh giới mê hồn đó thì làm gì thực hành được xả ly và lãnh hội được giáo pháp đến nơi, đến chốn.

Vì vậy, quyển sách này ra đời với mục đích là giản lược, yếu giải và kèm theo các sơ đồ, giúp hành giả dễ học, khó quên.

Xin thành kính gởi đến những ai đã một đời thiết tha tu học, thiết tha muốn giải thoát, thiết tha muốn đạt thành Phật Quả giữa thời mạt pháp này.

Xin hồi hướng đến Chánh Pháp thường còn, chúng
sinh an lạc.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Tỳ Kheo Ni Thích Nữ Phước Hoàn
(Như Thanh)

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
I.NGHI THỨC TỤNG GIỚI:	13
II.XUẤT XỨ CỦA BỘ KINH PHẠM VÕNG:.....	18
III.GIẢI THÍCH ĐỀ KINH (PHẬT THUYẾT PHẠM VÕNG KINH BỒ TÁT TÂM ĐỊA GIỚI PHẨM)	19
* SO SÁNH SỰ KHÁC NHAU CỦA GIỚI THANH VĂN VÀ GIỚI BỒ TÁT	26
* LÔ XÁ NA PHẬT	28
* THẬP THỂ GIỚI HẢI.....	35
IV. THÍCH CA MÂU NI PHẬT	38
V.10 ĐIỀU GIỚI TRỌNG	77
1. GIỚI SÁT SINH.....	77
2. GIỚI TRỘM CƯỚP	83
3. GIỚI DÂM	91
4. GIỚI VỌNG	96
5. GIỚI BÁN RƯỢU	103
6. GIỚI RAO LỖI CỦA TỬ CHÚNG	106
7. GIỚI TỰ KHEN MÌNH CHÊ NGƯỜI	112
8. GIỚI BỎN SẼN THÊM MẮNG ĐUỐI	116
9. GIỚI GIẶN HỒN KHÔNG NGUÔI.....	121
10. GIỚI HỦY BẢNG TAM BẢO.....	126
VI. 48 GIỚI KHINH:.....	132
48 ĐIỀU GIỚI KHINH.....	134
1. GIỚI KHÔNG KÍNH THẦY BẠN.....	135
2. GIỚI UÔNG RƯỢU.....	139

3. GIỚI ẲN THỊT	145
4. GIỚI ẲN NGŨ TÂN	150
5. GIỚI KHÔNG DẠY NGƯỜI SÁM TỘI	153
6. GIỚI KHÔNG CÚNG DƯỜNG THỈNH PHÁP	157
7. GIỚI KHÔNG ĐI NGHE PHÁP	162
8. GIỚI CÓ TÂM TRÁI BỎ ĐẠI THỪA	166
9. GIỚI KHÔNG KHÁN BỆNH.....	170
10. GIỚI CHỨA KHÍ CỤ SÁT SINH	174
11. GIỚI ĐI SỨ	177
12. GIỚI BUÔN BÁN PHI PHÁP.....	180
13. GIỚI HỦY BẢNG	183
14. GIỚI PHÓNG HỎA	187
15. GIỚI DẠY GIÁO LÝ NGOÀI ĐẠI THỪA.....	189
16. GIỚI VÌ LỢI MÀ GIẢNG PHÁP LỘN LẠO	192
17. GIỚI CẬY THỂ LỰC QUYỀN TỎI.....	195
18. GIỚI KHÔNG THÔNG HIỂU MÀ LÀM THẦY TRUYỀN GIỚI.....	198
19. GIỚI LUỖNG THIỆT (lưỡi hai chiều).....	202
20. GIỚI KHÔNG PHÓNG SINH	205
21. GIỚI ĐEM SÂN BÁO SÂN, ĐEM ĐÁNH TRẢ ĐÁNH.....	209
22. GIỚI KIÊU MẠN KHÔNG THỈNH PHÁP	212
23. GIỚI KHINH NGẠO, KHÔNG TẬN TÂM DẠY.....	216
24. GIỚI KHÔNG TẬP HỌC ĐẠI THỪA	222
25. GIỚI TRI CHÚNG VỤNG VỀ	226
26. GIỚI RIÊNG THỌ LỢI DƯỠNG	230
27. GIỚI THỌ BIỆT THỈNH	235
28. GIỚI BIỆT THỈNH TĂNG	238
29. GIỚI TÀ MẠNG NUÔI SỐNG.....	243

30. GIỚI QUẢN LÝ CHO BẠCH Y.....	246
31. GIỚI KHÔNG MUA CHUỘC	250
32. GIỚI TỒN HẠI CHÚNG SANH	253
33. GIỚI TÀ NGHIỆP GIÁC QUÁN.....	256
34. GIỚI TẠM BỎ BỒ ĐỀ TÂM.....	259
35. GIỚI KHÔNG PHÁT NGUYỆN	261
36. GIỚI KHÔNG PHÁT THỆ	269
37. GIỚI VÀO CHỖ HIỂM NẠN.....	273
38. GIỚI TRÁI THỨ TỰ TÔN TI.....	279
39. GIỚI KHÔNG TU PHƯỚC HUỆ	282
40. GIỚI KHÔNG BÌNH ĐẲNG TRUYỀN GIỚI.....	286
41. GIỚI VÌ LỢI LÀM THẦY	292
42. GIỚI VÌ NGƯỜI ÁC GIẢNG GIỚI.....	300
43. GIỚI CỔ MÓNG TÂM PHẠM GIỚI	303
44. GIỚI KHÔNG CUNG DƯỜNG KINH LUẬT	307
45. GIỚI KHÔNG GIÁO HÓA CHÚNG SANH.....	309
46. GIỚI THUYẾT PHÁP KHÔNG ĐÚNG PHÁP	312
47. GIỚI CHẾ HẠN PHI PHÁP	316
48. GIỚI PHÁ DIỆT PHẬT PHÁP	322
LỜI CẢM TẠ	345
SÁCH THAM KHẢO.....	347

I. NGHI THỨC TỤNG GIỚI:

I-

Chúng thọ Bồ Tát giới lắng nghe!
Quy mạng Lô Xá Na,
Mười phương Kim Cương Phật,
Đảnh lễ Đức Di Lặc,
Sẽ hạ sanh thành Phật.
Nay tụng Ba Tụ Giới,
Bồ Tát đều cùng nghe,
Giới như đèn sáng lớn,
Soi sáng đêm tối tăm.
Giới như gương báu sáng,
Chiếu rõ tất cả pháp.
Giới như Châu Ma Ni
Rưới của giúp kẻ nghèo.
Thoát khổ mau thành Phật,
Chỉ Giới này hơn cả.
Vì thế nên Bồ tát,
Phải tinh tấn giữ gìn.

II

Chư Đại Đức!(Chư Đại chúng! Chư Phật tử)(1)**Phần mùa Xuân** (mùa Hạ mùa Đông)(2) **bốn tháng làm một mùa. Nửa tháng đã qua** (một tháng, tháng rưỡi, hai tháng, hai tháng rưỡi, ba tháng, ba tháng rưỡi, bốn tháng)(3)**thiếu một đêm thừa một đêm**(4)**còn ba tháng rưỡi** (ba tháng, hai tháng rưỡi, hai tháng, một tháng rưỡi, một tháng, nửa tháng)(5).

Già chết gần kề, Phật pháp sắp diệt, chư Đại Đức (*Đại chúng, Phật tử*), vì muốn đắc đạo nên nhất tâm cần cầu tinh tấn. Chư Phật do nhất tâm cần cầu tinh tấn nên đặng chứng quả Vô Thượng Chánh Giác, hưởng là các pháp lành khác.

Nhân lúc còn mạnh khỏe, các ngài phải gắng sức siêng tu pháp lành. Đâu nên chẳng gấp cầu đạo, lại chần chờ đợi già yếu. Còn mong mỗi thú vui gì?...

*Ngày nay đã qua,
Mạng sống giảm dần,
Như cá cạn nước,
Nào có vui chi!!*

III

Hỏi: Chúng nhóm chưa? (*Vị tụng giới hỏi*).

Đáp: Chúng đã nhóm (*Vị tri sự đáp*)

Hỏi: Hòa hiệp chăng?

Đáp: Hòa hiệp.

Hỏi: Chúng nhóm họp để làm gì?

Đáp: Thuyết giới Bồ Tát.

Hỏi: Người chưa thọ giới Bồ Tát và người không thanh tịnh ra chưa?

Đáp: Trong đây không có người chưa thọ giới Bồ Tát và người không thanh tịnh. (Nếu có thì bảo ra rồi đáp rằng: Người chưa thọ giới Bồ Tát và không thanh tịnh đã ra).

Hỏi: Có bao nhiêu vị Bồ Tát khiếm diện thuyết dục à thanh tịnh?

Đáp: Trong đây không có Bồ tát kiếm diện thuyết dục và thanh tịnh. (Nếu có thời ra thuyết dục. Nên ra chưa: Chư Đại Đức lắng nghe cho. Tôi là Bồ Tát... có lãnh giữ dục của Bồ Tát...những việc làm đúng pháp của Tăng, Bồ Tát...giữ dục và thanh tịnh).

IV

Chư Đại Đức! (Đại chúng, chư Phật tử) chấp tay chí tâm lắng nghe! Nay tôi sắp tụng lời tựa về pháp đại thừa của chư Phật. Đại chúng lắng lắng lắng nghe. Trong đây vị nào biết mình có tội phải sám hối. Sám hối thời được an vui. Không sám hối thì tội lỗi càng thêm nặng. Người không có lỗi thời yên lặng. Vì yên lặng nên biết Đại Chúng thanh tịnh

Chư Đại Đức! (Đại chúng, Phật tử) lắng nghe. Sau khi đức Phật diệt độ, trong thời mạt pháp, nên phải tôn kính Ba La Đề Mộc Xoa (6). Ba La Đề Mộc Xoa chính là giới pháp này. Trì giới này thì như đi đêm tối gặp đèn sáng, như người nghèo được của báu, như bệnh được lành, như người tù được thả, như kẻ đi xa được về nhà. Nên biết rằng giới pháp này là đức thầy sáng suốt của đại chúng, không khác đức Phật còn ở đời.

Nếu không có lòng sợ tội, thời tâm lạnh khó nảy nở. Cho nên trong kinh có lời dạy: Chớ xem thường những lỗi nhỏ mà cho là không hại, giọt nước dầu nhỏ mà lần đầy cả chum lớn. Lúc tạo tội chừng trong giây phút, mà phải cả nghìn muôn năm chịu khổ nơi địa ngục. Một phen bị đọa lạc mất thân người, thời muôn đời khó được lại.

Sắc trẻ không dừng, dường như ngựa chạy. Mạng người vô thường, mau hơn nước dộc. Ngày nay dầu còn, khó bảo đảm được ngày mai. Đại Chúng, mỗi người nên nhất tâm cần cầu tinh tấn. Chớ biếng nhác trễ lười, phóng túng ngủ nghỉ. Ban đêm phải nhiếp tâm niệm Phật tham thiền, chớ để thời gian luống qua vô ích, mà sau này phải ăn năn.

Đại chúng mỗi người nên nhất tâm cung kính y theo giới này, như pháp tu hành, cần nên học tập.

Chư Đại Đức! (*Đại chúng, Phật tử*) Nay là ngày thứ mười lăm (*mười bốn*) (7) có trăng (*không trăng*), làm phép Bồ Tát tụng Bồ Tát Giới. Đại chúng nên nhất tâm nghe kỹ.

Ai có tội thời phát lồ. Người không tội thời im lặng. Vì im lặng nên biết đại chúng thanh tịnh, có thể tụng Giới Bồ Tát.

Tôi đã tụng lời tựa của Giới Bồ Tát rồi.

Nay xin hỏi trong đại chúng đây được thanh tịnh không? (*hỏi ba lần*)

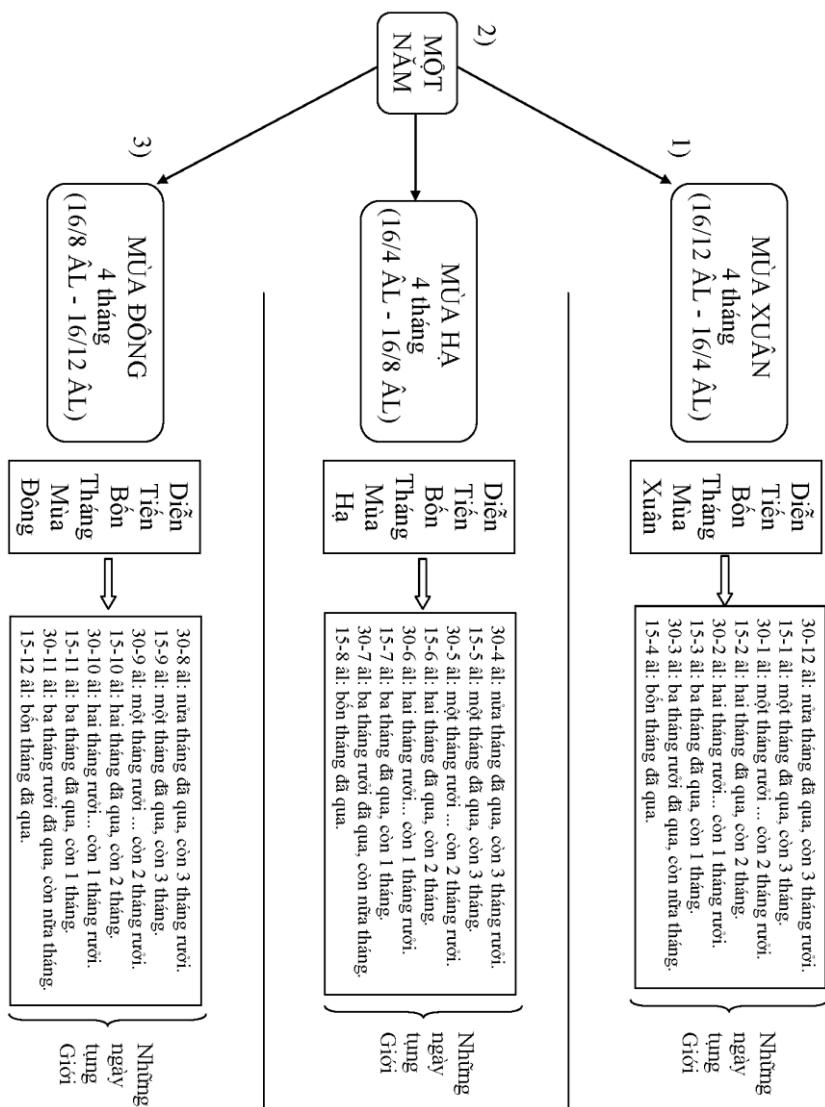
Thưa Đại chúng! Trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhận biết như vậy.

Nam mô Phạm Võng Hội Thượng Phật Bồ Tát. (3 lần)

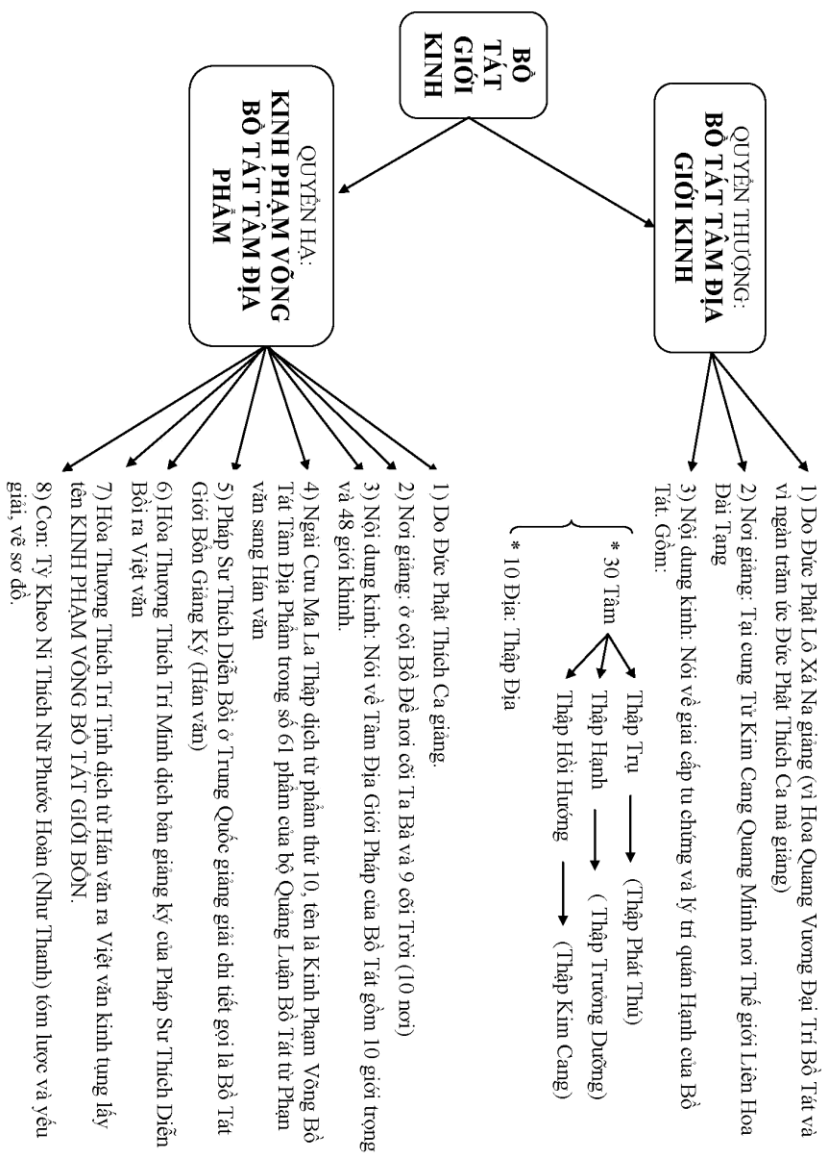
CHÚ THÍCH:

THIẾU MỘT ĐÊM: Vì sáng ngày mùng 1 mới mãn ngày 30. Nay ta tụng giới vào sáng 30. Nên còn thiếu 1 đêm mới đủ nửa tháng đã qua.

THỪA MỘT ĐÊM: Vì còn 3 tháng rưỡi còn lại của mùa Xuân. Nay ngày 30 tụng, nên dư (thừa) 1 đêm mới đến sáng mừng một.



II. XUẤT XỨ CỦA BỘ KINH PHẠM VÔNG:



III. GIẢI THÍCH ĐỀ KINH **(PHẬT THUYẾT PHẠM VÕNG KINH BỒ TÁT** **TÂM ĐỊA GIỚI PHẨM)**

1. PHẬT THUYẾT :

- * Đức Phật Lô Xá Na lấy TÂM ĐỊA GIỚI PHÁP (PHẬT TÁNH) làm pháp tắc cho thâm tâm hành giả mà nói, nên gọi là “Bồ Tát Tâm Địa Giới Phẩm” (Quyển 1).
- * Đức Phật Câu Lưu Tôn tuyên thuyết có tên là “CAM LÔ CỔ KINH”.
- * Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni tuyên thuyết gọi tên là “PHÁP CẢNH KINH”.
- * Đức Phật Ca Diếp tuyên thuyết gọi tên là “PHÂN BIỆT KHÔNG KINH”.
- * Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tuyên thuyết có tên là “PHẠM VÕNG KINH BỒ TÁT TÂM ĐỊA GIỚI PHẨM” (Quyển 2)

2. PHẠM VÕNG:

- * PHẠM: Là chỉ cho bốn nguyên tự tánh thanh tịnh (Tánh Giác)
- * VÕNG:
 - Là hạnh khai thị Huệ Mạng cho khắp chúng sanh.

- Là gạn lọc, mò bắt. Tức giáo pháp của Chư Phật cốt để gạn lọc, vớt chúng sanh trong biển sanh tử để đưa về Niết bàn.

- Cái lưới có nhiều lỗ.

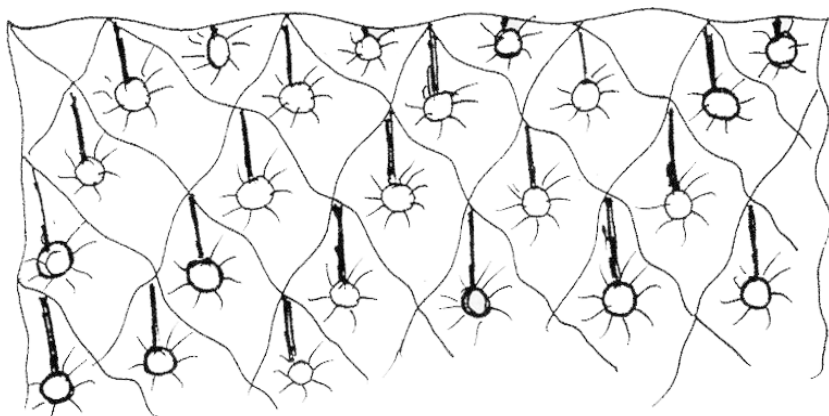
PHẠM VÕNG: Là mành lưới bửu châu trong cung điện của Đại Phạm Thiên Vương. Cũng gọi là NHÂN ĐÀ LA VÕNG. Trung Hoa dịch là Thiên Xích Châu.

Mành lưới Bửu Châu này có từng lớp từng lớp, có đến ngàn lớp bên trong. Mỗi lớp đều có mười đường hồng quang ứng xạ lẫn nhau.

Các hạt bảo châu tròn, chiếu sáng, phản chiếu lẫn nhau, lớp lớp vô tận, không chướng, không ngại, trùng trùng hình ảnh.

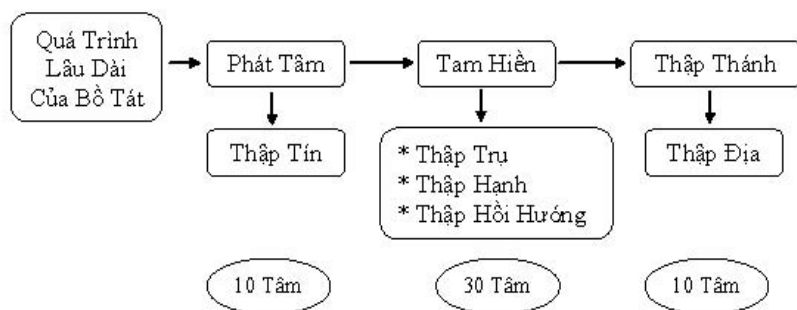
Đức Phật Thích Ca thấy trên mành lưới Bảo Tràng này, màu sắc và các tia sáng trùng trùng phản chiếu lẫn nhau. Nên Đức Phật dùng những lỗ lưới trên Bảo Tràng Mành Lưới Bảo Châu này để thí dụ cho pháp môn của Bồ tát, tùy theo tâm hạnh sai khác của chúng sanh mà Bồ Tát cũng có vô lượng pháp môn sai khác để cứu độ.

"Bủa giăng Mành lưới pháp Đại thừa
Trùm suốt tất cả biển sanh tử
Gạn vớt tất cả Người Trời Rồng
Đem về bờ Niết Bàn giải thoát"



3.- BỒ TÁT: Ấn Độ dịch là Bồ Đề Tát Đỏa. Trung Hoa dịch theo cách riêng, Bồ Tát là :

- Hữu Tình Giác
- Giác Hữu Tình
- Giác Nhi Hữu Tình
- Đại Đạo Tâm Chúng sanh
- Đại Dũng Tâm



4.- TÂM ĐỊA:

- * Là vùng đất bốn nguyên của chúng sanh (Phật Tánh).
- * Là cảnh giới chứng đắc của Chư Phật
- * Là chỗ tu hành của bậc Bồ Tát tu trong đó
- * Không thể dùng mắt để thấy được
- * Không thể dùng Tâm Thức suy nghĩ tới nó được
- * Nếu nói lớn thì Tâm Địa này lớn không gì bằng (Tâm bao Thái Hư)
- * Nếu nói nhỏ thì không gì nhỏ hơn nó. Vì vậy nó không chứa vật gì trong nó cả.
- * Bên trong Tâm Địa này luôn rỗng rang, sáng suốt, vắng lặng, thường hằng, tuyệt danh tuyệt tướng (không hình, không tên) vô cùng linh minh.

Đức Phật đến cõi Ta Bà này đã tám ngàn lần, Ngài chỉ có một mục đích duy nhất là Khai, Thị, Ngộ, Nhập Tâm Địa này cho tất cả chúng sanh.

Tất cả chúng sanh đều có sẵn Tâm Địa thanh tịnh thường hằng không nhiễm ô này (Tánh Giác).

Đức Phật khuyên chúng sanh nên trụ Tâm Địa này làm chỗ tu nhân căn bản, hướng về Phật quả tối cao, thẳng tiến mà thôi.

5.- PHẨM: Chữ Phẩm là thể loại. Tức đem các thứ liên hệ để lại một chỗ rồi giải thích cho gọn gọi là phẩm.

6.- GIỚI BỒN

A.- GIỚI HỌC LÀ TRỌNG YẾU CỦA PHẬT PHÁP:

- * Giới luật là căn bản của Phật pháp

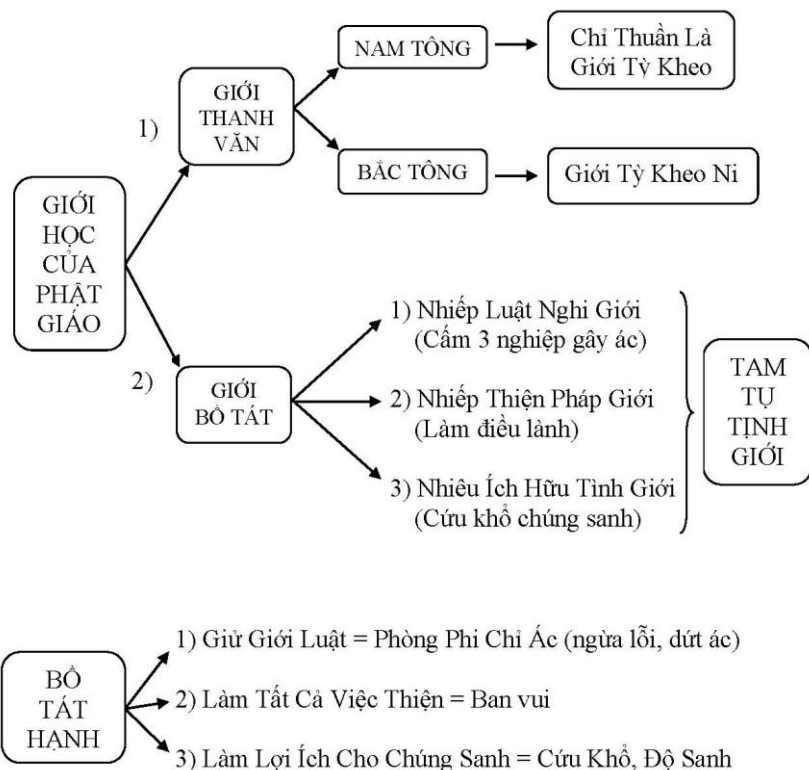
*Giới luật là nền tảng của Tỳ Kheo

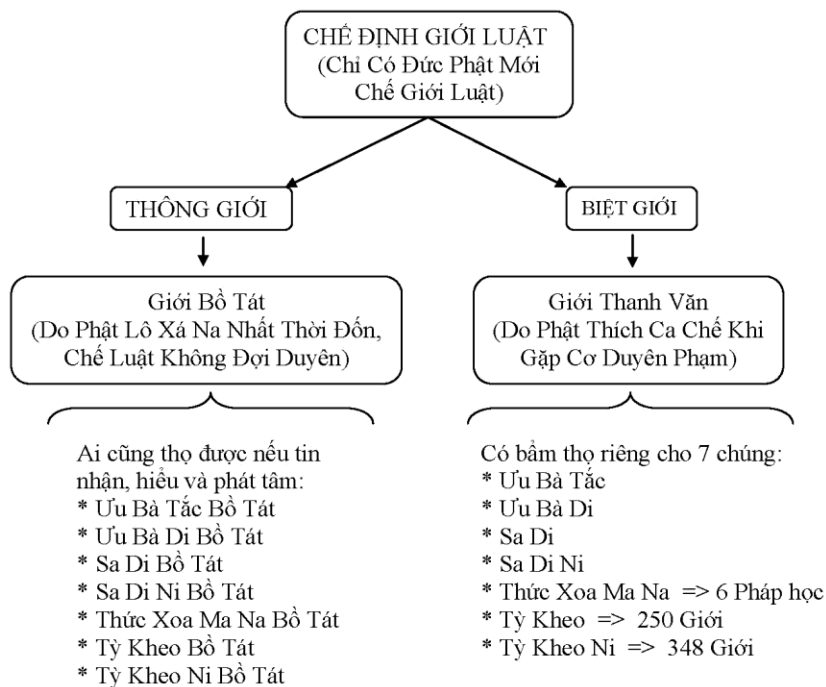
*Giới luật là cội gốc của Vô Thượng Bồ Đề Niết Bàn

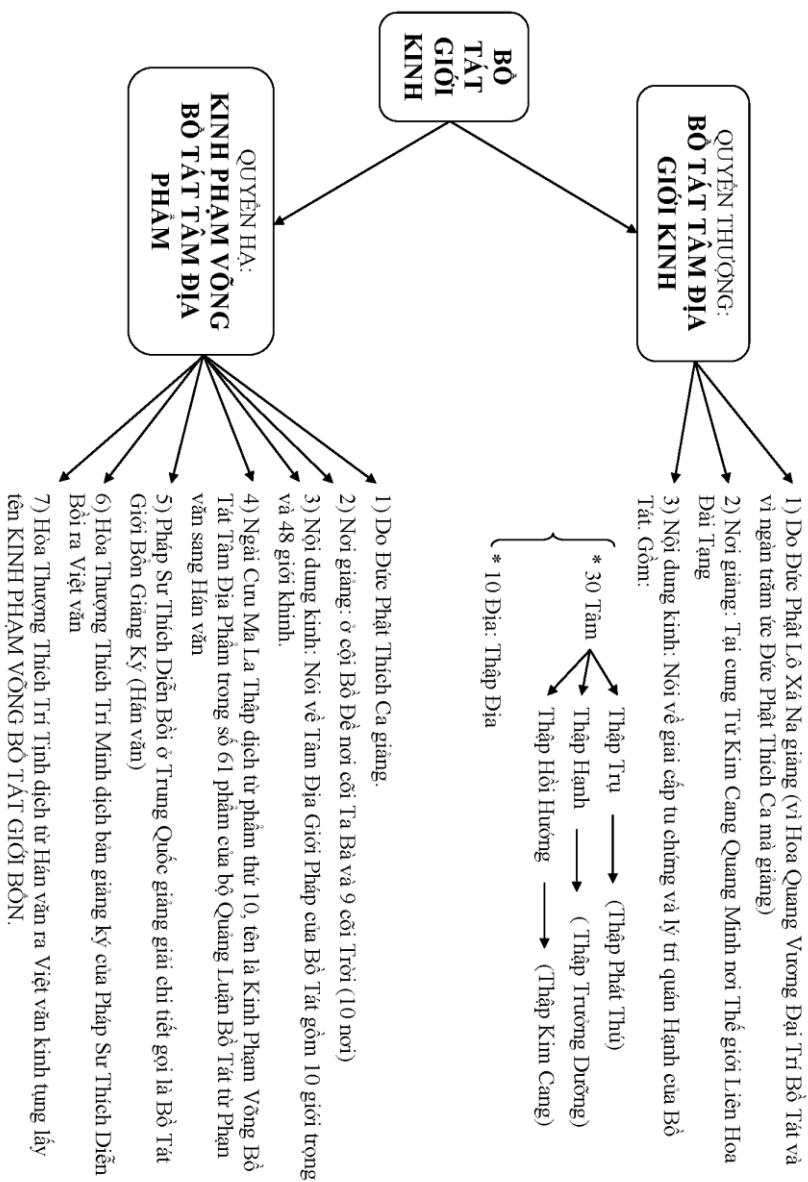
(Giới => Định => phát Huệ)

- Nên thâm tín tịnh giới
→ Nên giữ gìn tịnh giới
Nên kính trọng tịnh giới
Nên tu trì tịnh giới

B- GIỚI HỌC CỦA PHẬT GIÁO:







Đặc Biệt Của Giới Bồ Tát	*Giới Bồ Tát đã sẵn đủ trong tất cả chúng sanh (Phật Tánh, Tánh Giác...)
	*Giới Bồ tát đã đủ công năng “PHÒNG PHI CHỈ ÁC”, “TỪ BI LỢI VẬT”, “VÔ BIÊN CÔNG ĐỨC”, “THANH TỊNH”, “ĐỊNH HUỆ”...
	*Vì Phật Tánh thường trụ lấy tâm làm thể, nên khi đã thọ giới rồi thì đời đời không mất. Sau khi chết, giới thể vẫn tồn tại. Sở dĩ thọ lại nữa là để tăng thượng duyên.
	*Giới Bồ tát là giới đến tột đời vị lai, cho đến khi thành Vô Thượng Chánh Giác, giới thể vẫn tương tục, không gián đoạn. Nếu có phạm thì chỉ sám hối mà không mất giới như Giới của Thanh văn.
	* Giới Bồ Tát có pháp thọ mà không có pháp xả.Có phạm nhưng không mất giới. Vì giới thể chính là Phật Tánh Thường Trụ tột đời vị lai.
	*Tâm Địa Đại Giới này chính là: - Bốn nguyên của chư Phật - Là căn bản của người hành đạo Bồ Tát - Là căn bản của Đại Chúng Phật tử } nên gọi là Bồ Tát Tâm Địa Giới
	*Bất luận là chúng sanh ở hình thái nào, chỉ cần hiểu rõ lời pháp sư thuyết giới, liền đắc giới.
	*Người chưa thọ giới Bồ Tát cũng có thể nghe và đọc giới Bồ Tát, nhưng không được dự lễ Bồ Tát (Hòa Hợp Tăng), khác với giới Thanh Văn thì cấm nghe và đọc.
	*Khi Đức Phật Thích Ca vừa Thành Đạo, Ngài đã tụng đọc lại giới Bồ Tát dưới cội Bồ Đề.
	*Chế định giới Bồ Tát không cần đợi thời duyên phạm. Vì Bồ Tát là người có đại căn cơ, đại tín tâm sâu dày nên lãnh thọ giới rất nhạy bén.

1- LÔ XÁ NA PHẬT (10)

KINH VẤN: Bấy giờ, đức Phật Lô Xá Na vì trong đại chúng lược giảng “Tâm Địa” như chùng bằng đầu sợi lông trong số trăm nghìn hằng hà sa bất khả thuyết pháp môn.

Ngài kết “Tâm Địa đây chính là lời của tất cả Phật thời quá khứ đã giảng. Tất cả Phật thời vị lai sẽ giảng và tất cả Phật thời hiện tại đương giảng. Cũng là pháp môn mà tất cả Bồ Tát đã học, sẽ học và đương học.

Ta đã từng trăm A Tăng Kỳ kiếp (11) tu tập Tâm Địa này, do đó ta được hiệu là Lô Xá Na. Chư Phật! Các ngài đem lời giảng của ta đây hầu mở con đường Tâm Địa cho hết thảy chúng sinh”.

GIẢNG GIẢI:

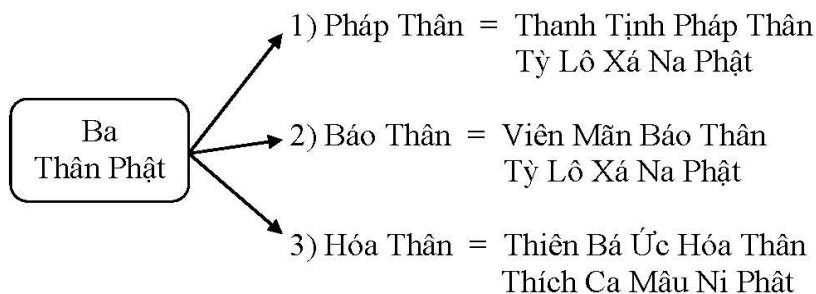
Đức Phật Lô Xá Na lược giảng chỉ một phần rất nhỏ trong số những pháp môn của ngài (bằng đầu sợi lông).

Pháp môn “Tâm Địa” này không chỉ có một mình Đức Phật Lô Xá Na giảng mà chư Phật trong ba đời, xưa nay đều đã giảng. Đây cũng là pháp môn chính yếu của chư Bồ Tát đã học, đang học và sẽ học suốt hành trình tu tập của mình cho đến khi thành Phật. Đức Phật Lô Xá Na đã chuyên tu về Tâm Địa này và ngài đã trải qua trăm A Tăng Kỳ kiếp mới viên mãn quả Phật.

Tất cả chúng sanh do không nhận ra được Tâm Địa sẵn có của mình, lầm nhận Tâm Thức cho là tâm, nên đã bị trầm luân sanh tử. Vì vậy, Đức Phật Lô Xá Na muốn

khai mở pháp môn Tâm Địa cho chúng sanh, nên ngài đã khuyến khích chư Phật Hóa Thân trong mười phương, nên đem pháp môn Tâm Địa này truyền dạy cho chúng sanh, khiến họ tỉnh giác, biết quay trở về an trụ Tâm Địa sẵn có của chính mình mà không chạy bám theo Tâm Thức. Tâm Địa là Phật Tánh, là Tánh Giác vô hình, có công năng chuyển phàm lên thánh, nên gọi là con đường, là phương hướng giải thoát, là hạt giống để thành Phật.

CHÚ THÍCH:



Lô Xá Na là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Quang Minh Biến Chiếu:

- Bên trong thì dùng trí quang chiếu soi khắp pháp giới.
- Bên ngoài thì dùng thân quang chiếu ứng các vị Đại Thừa Bồ Tát để nhiếp nhủ các ngài nên thực hành Lục Độ Vạn Hạnh để thành Phật.

KINH VẤN:

Liên đó, từ trên tòa Thiên Quang Sư Tử rực rỡ nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, đức Phật Lô Xá Na phóng ra những tia sáng. Trong tia sáng ấy có tiếng nói với chư Phật đang ngự trên nghìn cánh sen báu: “Các ngài thọ trì phẩm Tâm Địa Pháp Môn của ta đây, rồi tuần tự đem giảng lại cho nghìn trăm ức Thích Ca cùng tất cả chúng sinh. Ai nấy đều nên thọ trì đọc tụng và nhất tâm vâng làm”.

GIẢNG GIẢI:

Sau khi khuyến khích chư Phật nên phát tâm, Đức Phật ngồi nơi tòa Thiên Quang Sư Tử liền phóng quang, trong ánh hào quang rực rỡ bủa khắp rộng lớn đó, mang theo tiếng nói của mình đến một ngàn Đức Phật Thích Ca đang ngồi trên một ngàn cánh sen trong Hoa Tạng Thế Giới. Và ân cần khuyên bảo chư Phật ở đây nên thọ trì phẩm “Tâm Địa” pháp môn này, rồi tuần tự đem giảng lại cho ngàn trăm ức Đức Thích Ca (Thiên bá ức Hóa Thân) trong vũ trụ, để các ngài đem giảng lại, đem khai mở con đường Tâm Địa cho tất cả chúng sanh tu hành.

Tất cả đều nên:

*Thọ trì = Giữ gìn

*Đọc tụng = nhớ nghĩ

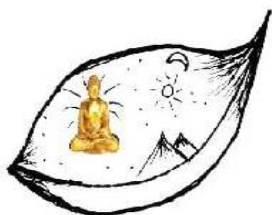
*Nhứt tâm vâng làm (thực hành, an trụ)

CHÚ THÍCH:

Tòa Thiên Quang Sư Tử: tức là tòa sen (đài sen) ngàn cánh ở Hoa Tạng Thế giới. Nơi đây có Đức Phật Lô Xá Na đang ngự.



- * Hoa Sen Ngàn Cánh: Đức Lô Xá Na ngự ở giữa phóng quang nói pháp
- * Mỗi cánh sen có Đức Phật Thích Ca ngồi nghe Bồ Tát Tâm Địa Giới Pháp



Mỗi cánh sen là 1 thế giới

- * Có 1 Đức Phật Thích Ca
- * Có trăm ức núi Tu Di
- * Có trăm ức mặt trời
- * Có trăm ức mặt trăng
- * Có cõi Diêm Phù Đề (Ta Bà)
- * Có hóa thân ngàn tỷ Đức Phật Thích Ca (Thiên Bá Ưc Hóa Thân)

KINH VẤN:

Sau khi lãnh thọ phẩm Tâm Địa Pháp Môn, chư Phật đang ngự trên nghìn cánh sen báu cùng nghìn trăm ức đức Thích Ca đồng đứng dậy rời khỏi tòa Sư tử. Toàn thân của các ngài chiếu ra vô số tia sáng. Trong mỗi tia sáng ấy đều hóa hiện vô lượng đức Phật, đồng thời tung lên vô lượng hoa đẹp xanh, vàng, đỏ, trắng để cúng dường đức Phật Lô Xá Na. Cúng dường xong, chư Phật từ tạ trở về.

Khi rời khỏi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, chư Phật vào chánh định thể tính hư không hoa quang, mỗi ngài trở lại chốn cũ, dưới cội Bồ đề nơi cõi Diêm Phù.

GIẢNG GIẢI:

Vừa lãnh thọ xong Tâm Địa Pháp Môn, một ngàn Đức Phật Thích Ca từ nơi 1000 cánh sen đồng đứng dậy và phóng quang. Hào quang đó có vô số tia sáng, mỗi tia sáng lại hóa hiện ra vô lượng đức Phật Thích Ca nữa. tất cả đồng loạt tung lên vô số hoa đẹp đủ màu sắc để cúng dường Đức Phật Lô Xá na.

Đây là diễn tả khung cảnh vô lượng Hóa Thân Thích Ca Mẫu Ni Phật cúng dường Đức Phật Báo Thân Lô Xá Na trước khi quý ngài từ tạ để trở về thế giới của mình đang giáo hóa.

Chư Phật Hóa Thân Thích Ca trở về bằng cách nhập vào Chánh Định. Dùng Định Lực mà đi. Định Lực đó có tên là “Thể Tánh Hư Không Hoa Quang Định”.

CHÚ THÍCH:

*“Thể Tánh Hư Không Hoa Quang” = Tức là bốn nguyên trong sáng thanh tịnh trùm khắp sẵn có của mình.

*Tòa Sư Tử = Tòa này không phải có hình con Sư Tử mà đây là tòa sen trong cánh sen nơi Hoa Tạng Thế Giới. Tóm lại, chỗ nào Đức Phật ngồi đều gọi là Tòa Sư Tử. Danh từ Sư Tử là tượng trưng cho hùng lực, cho tự tại, vô ngại. Giống như loài Sư Tử là chúa sơn lâm trong muôn loài vậy.

KINH VĂN:

Sau khi ra khỏi chánh định thể tính Hư Không Hoa Quang, Đức Phật mới ngự trên tòa Kim Cương Thiên Quang Vương và Diệu Quang Đường (13) mà giảng về Thập Thế Giới Hải.

GIẢNG:

Sau khi nhập vào chánh định Thể Tánh Hư Không Hoa Quang để trở về. Đức Phật Thích Ca rời khỏi Thế Giới Hoa Tạng. Ngài đến cõi Trời Tứ Thiên Vương, ngự nơi Thiên Cung Diệu Quang Đường giảng về Thập Thế Giới Hải. Sau đó Đức Phật đến cõi Ta Bà, ngự nơi tòa Kim Cương Thiên Quang Vương tại cội cây Bồ Đề và cũng giảng về Thập Thế Giới Hải.

CHÚ THÍCH:

***Tòa Kim Cương Thiên Quang Vương:**

Tòa này không phải có sẵn nơi cội cây Bồ Đề. Tòa này chỉ hiện ra khi có Đức Phật đến ngồi. Sau khi Đức Phật rời đi thì tòa này cũng lặn mất. Tòa này tượng trưng cho tuệ giác thanh tịnh vững chắc của Đức Phật.

***Diệu Quang Đường:** Là tên của cung trời Tứ Thiên Vương, là tầng trời thứ nhất trong sáu tầng trời cõi Dục (Lục Dục Thiên). Nơi đây có bốn vị Thiên Vương cai quản. Bốn vị Thiên Vương này thường ủng hộ chánh pháp của Đức Phật Thích Ca:

1. Trì Quốc Thiên Vương: ngự ở phương Đông
2. Quảng Mục Thiên Vương: ngự ở phương Tây
3. Tăng Trưởng Thiên Vương: ngự ở phương Nam
4. Đa Văn Thiên Vương: ngự ở phương Bắc

THẬP THẾ GIỚI HẢI

CHÚ THÍCH:

Là mười điều rộng lớn của Chư Phật hóa độ nhiều chúng sanh trong nhiều thế giới, vô lượng vô biên, sâu rộng như biển, không thể tính kể:

THẬP THẾ GIỚI HẢI			
1	Thế Giới Hải	=	Các cõi thế giới nhiều như nước biển
2	Chúng Sinh Hải	=	Các loại chúng sanh được độ nhiều như nước biển
3	Pháp Giới Ân Lập Hải	=	Các cõi pháp an lập rộng như biển
4	Phật Hải	=	Chư Phật số nhiều như các giọt nước trong các biển
5	Phật Ba La Mật Hải	=	Phước đức độ sanh của chư Phật rộng sâu như biển
6	Phật Giải Thoát Hải	=	Đức Giải Thoát của Đức Phật nhiều như nước biển
7	Phật Biến Hóa Hải	=	Sức thần thông biến hóa của Phật rộng lớn như biển
8	Phật Diễn Thuyết Hải	=	Các pháp môn của Phật nói ra để độ chúng sanh rộng sâu như biển.
9	Phật Danh Hiệu Hải	=	Các danh hiệu của Phật nhiều và thâm mật như giọt nước biển vô số.
10	Phật Thọ Lượng Hải	=	Đời sống của các Đức Phật dài vô lượng vô biên như giọt nước biển không thể tính kể.

CHÁNH VĂN:

Rồi đức Phật giảng pháp Thập Trụ (14) nơi cung Đế Thích, giảng pháp Thập Hạnh (15) nơi cung trời Diệm Ma, giảng pháp Thập Hồi Hướng (16) nơi cung trời Đâu Suất, giảng pháp Thập Thiên Định nơi cung trời Hóa Lạc, giảng pháp Thập Địa (17) nơi cung trời Tha Hoá, giảng pháp Thập Kim Cương nơi cõi Sơ Thiên, giảng pháp Thập Nhẫn nơi cõi Nhị Thiên, giảng pháp Thập Nguyên nơi cõi Tam Thiên và sau cùng ở Tứ Thiên nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương, đức Phật giảng Phẩm

Tâm Địa Pháp Môn mà thuở trước đức Phật Lô Xá Na đã giảng ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng.

Tất cả nghìn trăm ức đức Thích Ca ở nơi thế giới của mình đều giảng nói như thế cả. *Như trong phẩm “Hiền Kiếp” đã nói.*

CHÚ GIẢI:

		CÔI TRỜI	GIANG PHÁP	
Sáu Cõi Trời Dục	6	Trời Tha Hóa Tự Tại	Thập Địa	(Thập Thánh)
	5	Trời Hóa Lạc	Thập Thiện Định	
	4	Trời Đâu Suất	Thập Hồi Hướng (Thập Kim Cương)	Kinh Ma Thọ Hóa
	3	Trời Dạ Ma	Thập Hạnh (Thập Trường Dưỡng)	
	2	Trời Đao Lợi	Thập Trụ (Thập Phát Thú)	Nơi cung của Đế Thích
	1	Trời Tứ Thiên Vương	Thập Thế Giới Hải	Tại Diệu Quang Đường
		* Nơi Cõi Ta Bà =	Phẩm thứ 10 của Kinh Phạm Võng: * 10 giới trọng * 48 giới khinh	Tại Tòa Kim Cương Thiên Quang Vương (Cội Bồ Đề)

	20 CỖ TRỜI SẮC GIỚI	PHÁP GIẢNG
20	Trời Đại Tư Tai	Nơi cung của Đại Tư Tai Thiên Vương Đức Phật Giảng Phẩm Tâm Địa Pháp Môn (Kinh Phạm Võng)
19	Trời Sắc Cứu Cánh	
18	Trời Thiên Hiện	
17	Trời Thiên Kiến	
16	Trời Vô Nhiệt	
15	Trời Vô Phiền	
14	Trời Vô Tướng	
13	Trời Quảng Quả	Tứ Thiên
12	Trời Phước Ai	
11	Trời Phước Sanh	
10	Trời Vô Văn	
09	Trời Biến Tịnh	Tam Thiên
08	Trời Vô Lượng Tịnh	
07	Trời Thiểu Tịnh	
06	Trời Quang Âm	Nhi Thiên
05	Trời Vô Lượng Quang	
04	Trời Thiểu Quang	
03	Trời Đại Phạm	Sơ Thiên
02	Trời Phạm Phụ	
01	Trời Phạm Chúng	

KINH VẤN:

IV. THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni, từ lúc sơ khởi hiện thân nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, rồi qua Phương Đông đến tại cung của Thiên Vương, diễn nói ***kinh “Ma Thọ Hóa”**. Sau đó, ngài giảng sinh nơi cõi Nam Diêm Phù Đề tại nước Ca Tỳ La Vệ, Vua Bạch Tịnh là thân phụ, và Hoàng Hậu Ma Gia là sinh mẫu, nhũ danh của Ngài là Tất Đạt Đa.

Xuất gia bảy năm, ba mươi tuổi thành đạo, hiệu Ngài là Thích Ca Mâu Ni Phật.

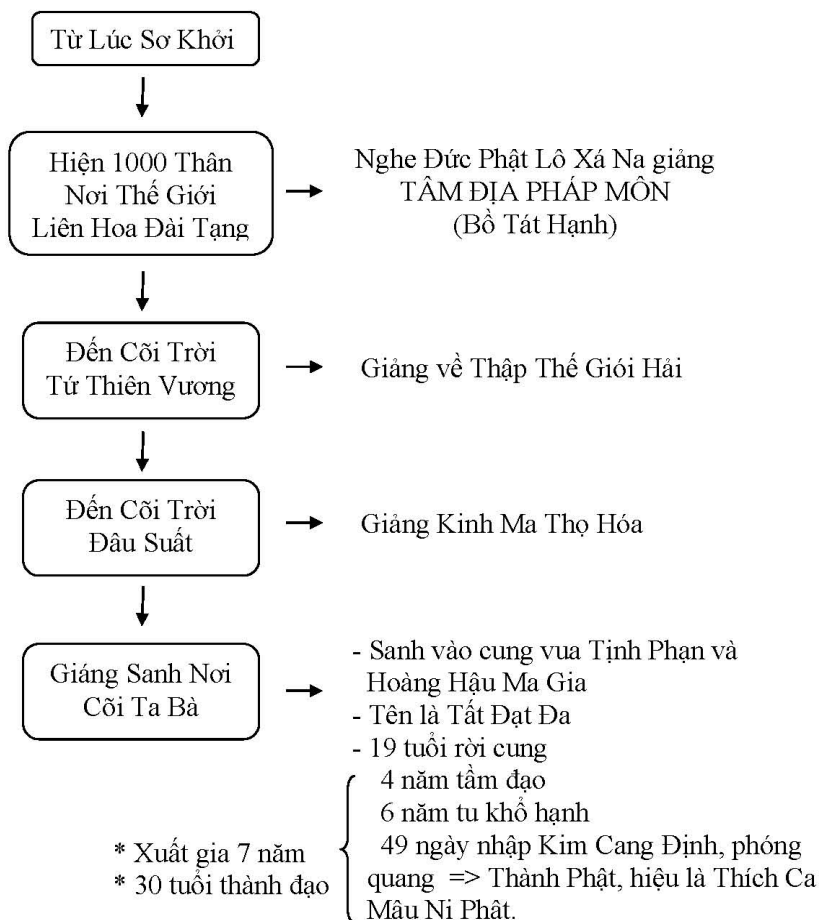
GIẢNG:

Trước khi giảng sanh đến Cõi Ta Bà, Đức Phật Thích Ca đã hóa hiện một ngàn thân (1000) ngồi trong một ngàn cánh sen nơi Thế Giới Liên Hoa Đài Tạng để nghe Đức Phật Lô Xá Na giảng về Tâm Địa Pháp Môn. Sau đó ngài nhập vào Chánh Định Thể Tánh Hư Không Hoa Quang để đi đến cõi trời Tứ Thiên Vương giảng về Thập Thế Giới Hải. Kế đến ngài lên cung trời Đâu Suất diễn nói Kinh Ma Thọ Hóa để độ cho Thiên Ma.

Từ cung Trời Đâu Suất, ngài giảng sanh đến cõi Ta Bà, gá thân vào cung vua làm Thái Tử Tất Đạt Đa, con vua Tịnh Phạn và Hoàng Hậu Ma Gia. Mười chín tuổi, ngài rời bỏ hoàng cung đi tìm Đạo năm năm nhưng không được, ngài liền tách ra một mình tu khổ hạnh sáu năm,

rồi nhập định 49 ngày đêm dưới cội cây Bồ Đề và thành Phật (suốt 7 năm ròng rã xuất gia tu hành)

CHÚ THÍCH:



***Kinh Ma Thọ Hóa** = Tức là kinh đề giáo hóa chư Thiên Ma ở cung trời Đâu Suất.

KINH VẤN:

Từ bảo *tòa Kim Cương Hoa Quang nơi Đạo Tràng Tịch Diệt **nhấn đến nơi *cung của Đại Tự Tại Thiên Vương, trong mười nơi ấy, Đức Phật tuần tự ngự đến thuyết pháp.**

GIẢNG:

Sau khi vừa thành Đạo, Đức Phật liền giảng Giới Pháp Bồ Tát ngay tại Đạo Tràng Bồ Đề (Tòa Kim Cương Hoa Quang).

Rồi Ngài lần lượt đến sáu cõi trời Dục Giới và các cõi Trời Sắc Giới giảng về Tâm Địa Pháp Môn Bồ Tát Giới. Tất cả gồm có mười chỗ:

CHÚ THÍCH:

***Mười nơi giảng Bồ Tát Tâm Địa:**

1. Nơi tòa Kim Cương Hoa Quang (Tòa Bồ Đề) tại cõi Ta Bà và cung Diệu Quang Đường ở cõi trời Tứ Thiên Vương giảng về Thập Thế Giới Hải. Hai nơi đây, Đức Phật nói rộng về pháp môn Thập Tín.
2. Đến cung trời Đạo Lợi, ngự nơi cung của Đế Thích giảng về pháp môn Thập Trụ.
3. Đến cung trời Diệm Ma, giảng về Thập Hạnh.
4. Đến cung trời Đâu Suất, giảng Thập Hồi Hương
5. Đến cung trời Hóa Lạc, giảng về Thập Thiên Định

6. Đến cung trời Tha Hóa Tự Tại, giảng về Thập Địa
7. Đến cõi Trời Sơ Thiên, giảng về Thập Kim Cương.
8. Đến cõi Trời Nhị Thiên, giảng về Thập Nhân.
9. Đến cõi Trời Tam Thiên, giảng về Thập Nguyên
10. Đến cõi Trời Tứ Thiên, ngự nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương, giảng nói Pháp Môn Tâm Địa mà xưa kia, Đức Phật Lô Xá Na đã giảng ở Thế Giới Liên Hoa Đài Tạng.

KINH VĂN:

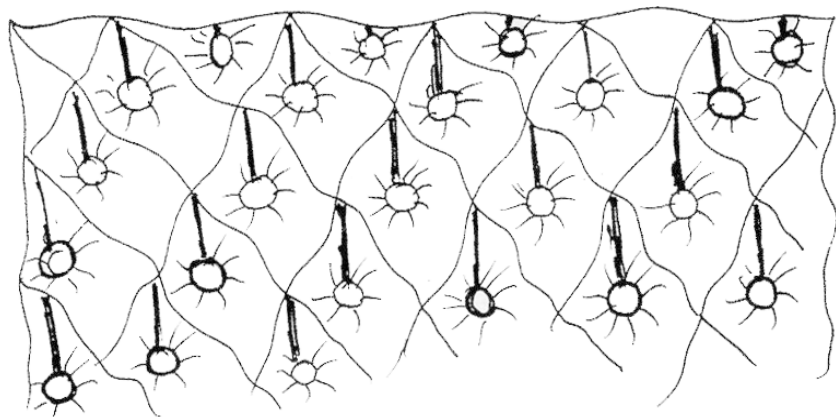
Lúc đó nhân khi xem bảo tràng màn lưới của Đại Phạm Thiên Vương, đức Phật vì đại chúng mà giảng Kinh Phạm Võng.

Ngài dạy rằng: Vô lượng thế giới dường như là lỗ lưới. Mỗi thế giới đều khác nhau cả, khác nhau đến số vô lượng. Giáo pháp của Phật cũng như vậy.

GIẢNG GIẢI:

Đức Phật Thích Ca thấy trên màn lưới Bảo Tràng này, màu sắc và các tia sáng trùng trùng phản chiếu lẫn nhau. Hình ảnh của nó giống như những pháp môn Sự và Lý, nhân và quả kết chặt lẫn nhau. Nên Đức Phật dùng những lỗ lưới trên Bảo Tràng Màn Lưới Bảo Châu này để thí dụ cho pháp môn của Bồ Tát, tùy theo tâm hạnh sai khác của chúng sanh mà Bồ Tát cũng có vô lượng pháp môn sai khác để cứu độ.

«Bủa giăng màn lưới pháp Đại Thừa
Trùm suốt tất cả biên sanh tử
Gạn vớt hết thảy Người Trời Rồng
Đem về bờ Niết Bàn giải thoát»



KINH VẤN:

Đức Phật đã tám nghìn lần đến thế giới Ta Bà này, ngự trên bảo tòa Kim Cương Hoa Quang nhần đến ngự nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương, lược giảng “Tâm Địa Pháp Môn” cho cả thầy đại chúng trong những pháp hội ấy.

GIẢNG GIẢI:

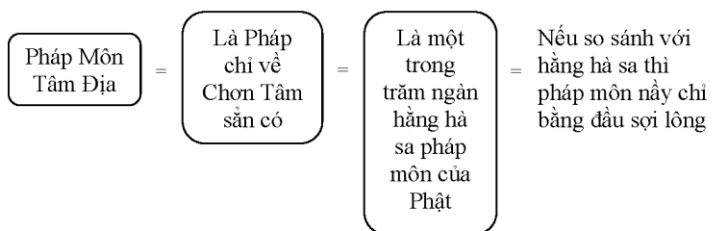
A/ Đứng về mặt lịch sử: Tất cả Trời, Người đều nghĩ rằng, Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni chỉ vừa giảng sanh đến cõi Ta Bà trong cung vua Tịnh Phạn, được hoàng hậu Ma Gia sinh ra, rồi lớn lên, rồi vượt thành xuất gia, tu hành thành Phật, giáo hóa chúng sanh và sau cùng là Nhập Niết Bàn, rời khỏi thế giới này cách đây hơn 2500 năm.

B/ Đứng về mặt Tôn giáo: thì đây không phải là lần đầu tiên Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đến cõi Ta Bà này, mà Ngài đã đến đây rất là nhiều lần, con số Ngài ví dụ là tám ngàn lần (8000) chỉ là để tượng trưng thôi, vì theo phẩm Như Lai Thọ Lượng trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì Ngài đã thành Phật cách đây rất lâu xa, thọ mạng của Phật đã vô lượng vô số kiếp không thể tính kể.

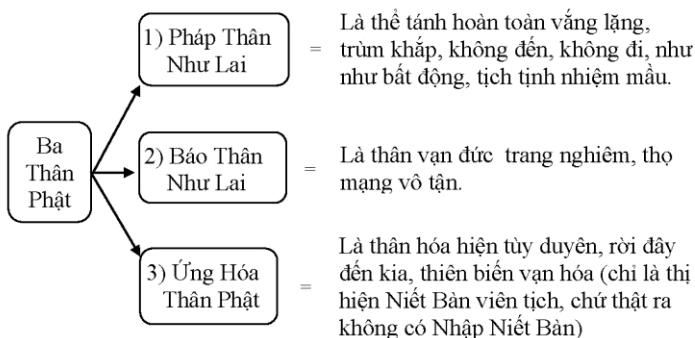
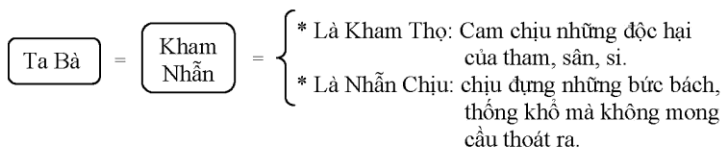
Xuất phát từ Pháp Thân, Ngài đến đây từ một Ứng Hóa Thân Như Lai, nhiều lần đến cõi Ta Bà Ngũ Trược Ác Thế này, chỉ vì một mục đích là Khi Thị Ngộ Nhập Tri Kiến Phật cho chúng sanh, chỉ cho chúng sanh cái Phật Tánh sẵn có trong họ, để họ tự giải thoát khổ nạn.

Vì muốn cho chúng sanh vui mừng, phấn khởi, mà Đức Phật thị hiện đến cõi Ta Bà này. Nhưng cũng vì muốn cho chúng sanh luyện tiếc, ngưỡng mộ, mong cầu Phật Đạo mà Ngài thị hiện nhập Niết Bàn. Thật ra, Ngài chỉ đến đây cứu độ, xong rồi từ giả để đến nơi khác làm công việc độ sanh mà thôi. Không phải thật nhập diệt

CHÚ THÍCH:



* 10 Giới trọng (nặng)
 * 48 Giới khinh (nhẹ) = Tâm Địa Giới



KINH VẤN:

Sau đó từ cung của Thiên Vương, đức Phật trở xuống ngự dưới cội Bồ Đề nơi cõi Diêm Phù, vì tất cả chúng sanh trên quả đất này, hạ người phạm phu ngu tối mà giảng một giới pháp *Kim Cương Quang Minh Bảo Giới. Giới pháp này là lời thường trì tụng của Phật Lô Xá Na, khi ngài mới phát Bồ Đề Tâm trong thời kỳ tu nhân của Ngài. Giới pháp này cũng chính là bốn nguyên của tất cả Phật, là bốn nguyên của tất cả Bồ Tát và là Chứng Tử Phật Tánh.

GIẢNG GIẢI:

Sau khi xem Bửu Tràng mảnh lưới nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương, Đức Phật liền ngự xuống cõi Nam Diêm Phù Đề (cõi Ta Bà), ngồi dưới cội cây Bồ Đề, tuyên thuyết pháp môn Tâm Địa cũng giống như Đức Phật Lô Xá Na khi xưa đã giảng nơi Thế Giới Liên Hoa Đài Tạng. Đây là giới pháp mà Đức Phật Lô Xá Na thường trì tụng miên mật trong thời gian mới phát tâm tu hành.

Đức Phật Lô Xá Na không phải tự nhiên mà thành Phật. Ngay từ lúc còn là phạm phu, ngài đã có niềm tin vững mạnh, phát tâm Bồ Đề, luôn luôn thọ trì, đọc tụng, thực hành Tâm Địa Giới Pháp này, thu nhiếp tự tâm, mãi cho đến khi rốt ráo xa rời phiền não, chứng bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tâm Địa giới pháp này chính là cái nhân thù thắng, là chủng tử của Phật Tánh sẵn có trong chúng sanh.

Ba đời chư Phật, vị nào cũng nương Tâm Địa Giới Pháp này mà từ từ chúng nhập vào cảnh giới Vô Thượng Bồ Đề. Vì vậy nó được gọi là “Quang Minh Kim Cang Bửu Giới”, nó là thể tạng của mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh của Bồ Tát Giới mà chư Phật thuở xưa truyền lại. Và nay Đức Phật Thích Ca cũng truyền thừa tiếp tục đúng như vậy.

Tuy chủng tử Phật Tánh (Tâm Địa) sẵn có, nhưng cần phải có tinh tấn trì giới, tụng đọc và thực hành miên mật thì hạt giống mới đủ yếu tố nảy mầm, phát sanh định lực, tuệ giác bừng sáng.

CHÚ THÍCH:

***Kim Cương Quang Minh Bửu Giới:**

Tức chỉ cho ba phần giới phẩm căn bản của chư Bồ Tát, có công năng phá ác, hành thiện và lợi ích chúng sanh đó là:

1/ Nhiếp luật nghi giới: Phá ác

2/ Nhiếp thiện pháp giới: Hành thiện pháp

3/ Nhiều ích hữu tình giới: Lợi ích chúng sanh

Ba phần giới này có năng lực đưa hành giả Bồ Tát thẳng đến quả Phật.

***Kim Cương**: Là vật chất sắc bén, rất cứng, có thể cắt đứt tất cả vật khác. Giới này có công năng phá tất cả xấu ác. Nếu hành giả nghiêm trì giới này thì mọi Thiện

Pháp đều thành tựu, nên gọi là “Nhiếp Thiện Pháp Giới”.

*Bửu: Chỉ cho vật quý trọng, có thể làm dứt sự nghèo khổ. Giới này có công năng cứu tế muôn loài, lợi ích chúng sanh, phát khởi vô lượng công đức, khiến cho chúng sanh vô cùng lợi lạc. Nên gọi là “Nhiều ích hữu tình giới”.

KINH VẤN:

Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Tất cả ý thức, sắc, tâm, là tình, là tâm đều vào trong phạm vi giới pháp Phật tánh. Vì chắc chắn thường có chính nhân, nên chắc chắn Pháp Thân thường trụ.

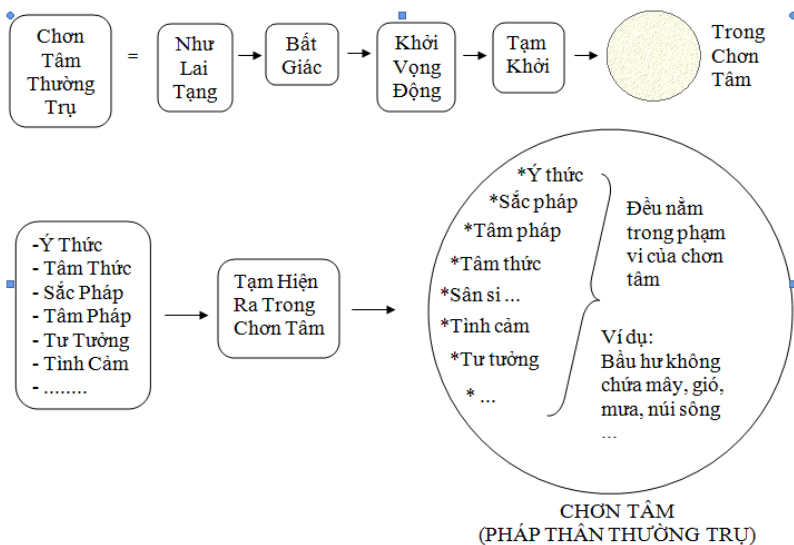
GIẢNG GIẢI:

Phật tánh ẩn tàng trong mỗi chúng sanh, nó là hạt giống sẵn có để thành Phật. Nếu biết quay về nương tựa hạt giống bên trong để tu hành thì sẽ thành Phật không khó. Cũng như, nếu chúng sanh biết nương nơi Kim Cang Bửu Giới này (giới Bồ Tát) thì vô minh che khuất Phật tánh sẽ bị tan hết, khiến cho Chơn Tánh hiển lộ và phóng quang.

Nhưng chúng sanh cứ mãi trôi lăn sanh tử, vì do căn bản vô minh lâu đời kết tập trong A Lại Da Thức trôi lên, ý căn Mạt Na và Ý Thức thứ sáu quyện vào đó khởi nghiệp làm che mờ Chơn Tâm.

Tất cả Ý Thức, Tâm Thức, Sắc Pháp, Tâm Pháp, tư tưởng, tình thức khởi dậy, bất giác hiện ra trong Chơn Tâm, làm cho Chơn Tâm bị che mờ.

Chỉ có thọ tri Tâm Giới này (Giới Bồ Tát), An trụ Chơn Tâm, An trụ Tánh Giác mới có thể phá trừ sạch hết vô minh từ vô thủy được.



KINH VẤN:

Mười Ba La Đề Mộc Xoa như thể xuất hiện trong đời. Giới pháp này, là chỗ kính trọng thọ trì của tất cả chúng sinh trong ba thuở.

Giờ đây, đức Phật sẽ vì trong đại chúng này mà giảng lại Giới Phẩm Vô Tận Tạng, là Giới phẩm của tất cả chúng sinh, bốn nguyên tự tính thanh tịnh.

GIẢNG GIẢI:

Tâm địa giới pháp tức là Chơn Tâm Phật Tánh sẵn có trong chúng sanh mà chính họ chưa hề hay biết. Khi họ đau khổ thì họ chạy ra bên ngoài tìm cầu theo tà ma. Vì tìm cầu sai lầm nên phát sanh vô số Tâm Thức, dẫn đến vô số nghiệp lực, đời đời không thể thoát ra.

Đức Như Lai vô cùng thương xót, Ngài chỉ dạy Tâm Địa Giới Pháp này tại thế gian. Nếu chúng sanh nào biết quay vào bên trong, nương nơi “Mười Ba La Đề Mộc Xoa” này tu trì thì đây đúng là hạt giống chính để đạt Phật Quả Giải thoát.

Tâm Giới pháp này:

*Là cái nhân hạnh tu hành thành Phật.

*Là chỗ để nương vào con đường thành Phật

*Là hạt giống thành Phật mà mỗi chúng sanh đều sẵn có.

Giới phẩm Tâm Địa này chỉ có một mà thôi. Nhưng vì nghiệp lực của chúng sanh, nên Đức Phật phương tiện

nói ra thành Mười Ba La Đề Mộc Xoa này (10 giới trọng của Bồ Tát) rồi từ mười tỏa ra 48 giới khinh chi tiết, và từ 48 giới khinh đó, tỏa sanh ra vô số giới pháp chi li gọi là Giới Pháp Vô Tận Tạng để thích hợp, đối trị vô số vô tận nghiệp lực của chúng sanh. Đưa chúng sanh trở về bản nguyên thanh tịnh sẵn có của chính họ để thành Phật.

Chư Phật cũng do đã hiển lộ và an trụ được Chơn Tâm Giới Pháp này nên quý Ngài đã thành tựu Phật quả. Chúng sanh vì bị mê lầm là do không nhận ra Tâm Giới Pháp này mà đọa lạc.

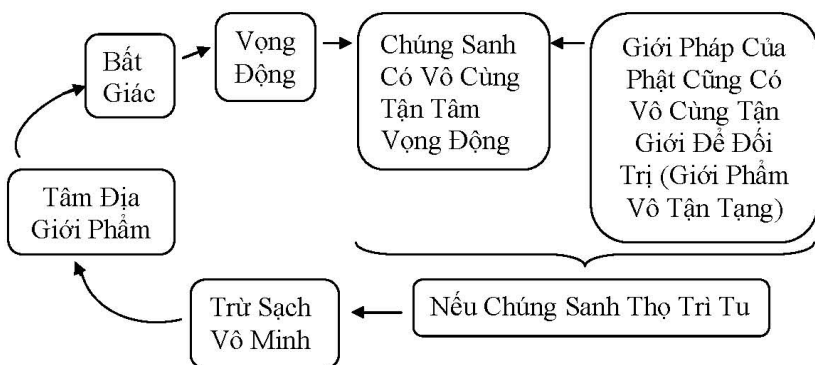
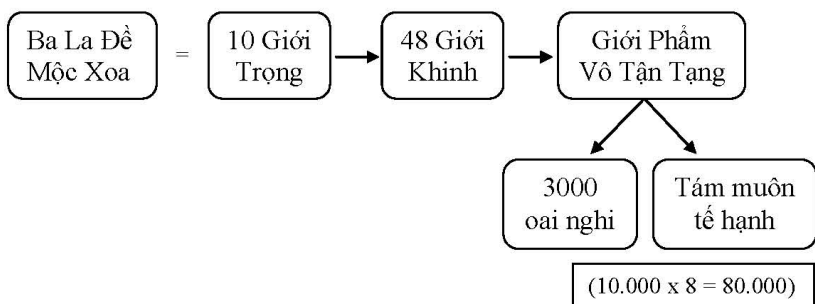
Cách thức mà chư Phật tu chứng rất là minh bạch, đơn giản. Chúng sanh phàm phu, chỉ cần xa lìa Ý Thức, Tâm Thức, quay về bên trong, an trụ Tánh Giác, vâng giữ Mười Ba La Đề Mộc Xoa Tâm Giới này thì việc thành Phật không khó.

Do nhờ Đức Phật tuyên thuyết, nên mới có Tâm Giới Pháp này xuất hiện trong đời. Chúng sanh nên phải luôn luôn tôn kính và phát tâm mong cầu lãnh thọ tu hành.

CHÚ THÍCH:

* Ba La Đề Mộc Xoa: Là tiếng Ấn Độ. Trung Hoa dịch là BIỆT BIỆT GIẢI THOÁT. Nghĩa là giữ giới nào thì giải thoát được điều ấy, việc ấy.

Ví dụ: Giữ giới sát sanh thì sẽ không giết chết sinh mạng và tránh lo sợ quả báo....



KINH VẤN:

Nay ta là Lô Xá Na
Đương ngồi trên đài Liên Hoa.
Trên nghìn cánh sen đơm vòng
Lại hiện ra nghìn Thích Ca.
Mỗi cánh sen trăm ức cõi.
Một cõi một Phật Thích Ca
Đều ngồi dưới cội Bồ Đề
Đồng thời thành Chánh Giác Đạo.
Nghìn trăm ức Phật như vậy (Thiên bá ức hóa thân)
Lô Xá Na là bốn thân.
Nghìn trăm ức Phật Thích Ca
Đều đem theo vi trần chúng
Cùng nhau đến tại chỗ ta
Để nghe tụng Phật Giới.
Ta liền giảng môn Cam Lộ

GIẢNG GIẢI:

Khi Đức Phật Lô Xá Na sắp đọc tụng Pháp Môn Tâm Địa, tức là Quang Minh Bửu Giới tại Thế Giới Hoa Tạng. Ngài ngự giữa đài sen, xung quanh có một ngàn cánh sen. Trên ngàn cánh sen có một ngàn Hóa Thân Đức Phật Thích Ca đến nghe Giới Pháp.

Mỗi một cánh sen là một thế giới, trong thế giới đó:

- *Có 1 Đức Phật Thích Ca ngồi dưới cội Bồ Đề
- *Có 1.000 ức núi Tu Di
- *Có 1.000 ức mặt trời
- *Có 1.000 ức mặt trăng

*Có Thiên Bá Ưc Hóa Thân Đức Phật Thích Ca tùy duyên hóa độ.

Từ nơi Pháp Thân Đức Phật Lô Xá Na (Bản thể) thị hiện ra ngàn trăm ức Hóa Thân Đức Phật Thích Ca (Diệu dụng) để giáo hóa chúng sanh đa dạng. Diệu dụng tuy nhiều, nhưng bản thể chỉ có một mà thôi.

Chỉ duy nhất một Tâm Địa Giới Pháp này, do Chư Phật đồng chứng đắc. Chỗ sở chứng và truyền thừa giống như nhau, không khác:

*Chư Phật thời quá khứ cũng đọc tụng như vậy

*Chư Phật thời hiện tại cũng đọc tụng như vậy

*Chư Phật thời vị lai cũng đọc tụng như vậy.

Ngày nay, Đức Phật Lô Xá Na cũng tiếp tục đọc tụng giống như vậy không khác. Đây không phải là lần đầu tiên thuyết giới, mà chỉ tiếp nối đọc tụng mà thôi. Bởi vì Giới Pháp này là Giới Pháp Phật Tánh sẵn có trong tất cả chúng sanh và tất cả Chư Phật. Chư Phật nhờ nương Tâm Giới này mà thành Phật. Còn chúng sanh tuy cũng sẵn có Tâm Giới Pháp này, nhưng không nhận ra, không an trú được trong đó, nên bị vô minh nghiệp lực che mờ, không thể sử dụng được.

CHÚ THÍCH:

LÔ XÁ NA: Lô Xá Na là tiếng Phạn. Trung Hoa dịch là Tịnh Mãn (Tịnh là dứt sạch phiền não, ác nghiệp. Mãn là viên mãn, đầy đủ tất cả công đức thiện pháp)

CAM LỘ:

Cam là ngọt ngào

Lộ là giọt sương buổi sớm, mát dịu.

Cam lộ là món linh dược trừ được đói khát, trừ được bệnh tật.

Đây là tượng trưng cho Tâm Địa Giới Pháp của tất cả chúng sanh. Một khi đã quay về bên trong thọ trì tu hành thì mọi nghiệp chướng phiền não đau khổ thấy đều dứt sạch, đem trở về bản tâm thanh tịnh cho hành giả, giống như khát mà được uống nước mát, đói mà được ăn no.

HOA
TẠNG
THẾ
GIỚI

=

Là một thể giới rộng lớn, có hình dạng giống như một đóa hoa sen ở trong biển Đại Hương Thủy.

Theo kinh Hoa Nghiêm, trong Hoa Tạng Thế Giới có nhiều lớp liên tiếp nhau. Mỗi lớp lại có 20 lớp ở trong. Cõi Ta Bà này thuộc về lớp thứ mười ba và nằm ở phía Đông của Thế Giới Hoa Tạng.

NGÀN TRĂM ỨC ĐỨC THÍCH CA =

THIÊN BÁ ỨC ĐỨC THÍCH CA

*1 THIÊN = 1,000 (Một ngàn)

*1 VẠN = 10 THIÊN = 10 x 1000 = 10.000

(Mười ngàn)

*1 ỨC = Ngàn vạn = 1.000 x 10.000 = 10.000.000

(Mười triệu)

- *100 Ức = $100 \times 10 \text{ triệu} = 100 \times 10.000.000$
 $= 1.000.000.000 (\text{Ngàn triệu})$
- *NGÀN TRĂM Ức = $1.000 \times \text{Ngàn Triệu}$
 $= 1.000 \times 1.000.000.000$
 $= 1.000.000.000.000 (\text{Ngàn tỷ})$
- *Thiên Bá Ức = Ngàn trăm ức = Một ngàn tỷ Đức Phật



- * Hoa Sen Ngàn Cánh: Đức Lô Xá Na ngự ở giữa phóng quang nói pháp
- * Mỗi cánh sen có Đức Phật Thích Ca ngồi nghe Bồ Tát Tâm Địa Giới Pháp



Mỗi cánh sen là 1 thế giới

- * Có 1 Đức Phật Thích Ca
- * Có trăm ức núi Tu Di
- * Có trăm ức mặt trời
- * Có trăm ức mặt trăng
- * Có cõi Diêm Phù Đề (Ta Bà)
- * Có hóa thân ngàn tỷ Đức Phật Thích Ca (Thiên Bá Ức Hóa Thân)

KINH VẤN:

Bây giờ nghìn trăm ức Phật.
Trở về đạo tràng của mình.
Đều ngồi nơi cội Bồ Đề
Tụng mười tụng bốn mươi tám
(10 giới trọng, 48 giới khinh)
Giới của bốn sư Xá Na,
Giới như vàng nhật nguyệt sáng.
Cũng như chuỗi báu ngọc châu
Chúng Bồ Tát như vi trần
Do giới này mà thành Phật.
Đây là Đức Xá Na tụng
Ta đây cũng tụng như vậy
Các ông tân học Bồ Tát
Phải cung kính thọ trì giới!
Khi thọ trì giới này rồi
Nên truyền lại cho chúng sinh.

GIẢNG GIẢI:

Khi vừa mới nghe xong Tâm Địa Giới Pháp của Bốn Sư Lô Xá Na Phật tụng đọc nơi Hoa Tạng Thế Giới. Tất cả ngàn trăm ức Hóa Thân Thích Ca Mâu Ni Phật liền từ tạ, trở về Đạo Tràng nơi mình thành Đạo thuở trước. Các Ngài đều ngồi nơi cội cây Bồ Đề, tụng lại Giới Pháp của Bốn Sư Lô Xá Na, tức là tụng lại mười giới trọng (10 Ba La Đề Mộc Xoa) và 48 giới khinh,

cho tất cả chúng Bồ Tát và khuyên chư Bồ Tát thọ trì, rồi đem dạy truyền cho tất cả chúng sanh. Như vậy:

Lô Xá Na Phật là Bổn sư của Phật Thích Ca
Đức Phật Thích Ca là Bổn sư của chư Bồ tát
Chư Bồ tát là Bổn sư của tất cả chúng sanh
Sư sư truyền thừa tiếp nối nhau đến vô tận.

Đức Phật Thích Ca dạy rằng:

Tâm Giới Pháp này ví như ánh sáng của mặt trời tỏa chiếu, phá tan bóng tối, ví như ánh sáng của mặt trăng mát mẻ huyền diệu, phá tan màn đêm tối tăm, nóng nhiệt, làm tươi mát muôn loài. Ví như chuỗi báu ngọc châu kết tinh từ nước bọt của con trai (ngọc trai) dưới biển sâu, vô cùng giá trị ở cõi Ta Bà.

Tâm Giới Pháp này có công năng phá trừ vô minh, mê lầm, đen tối, bức bách.

Nếu ai thọ trì Tâm Giới Pháp này, người đó sẽ cảm nhận sự mát mẻ, an lạc, tự tại. Thân tướng của họ điềm đạm. Tâm hồn của họ trong sáng, biểu hiện trên gương mặt, cho đến dáng đi, giọng nói, nụ cười... như có thứ ánh sáng trí tuệ tỏa chiếu, khiến cho mọi người ưa nhìn (Hỷ kiến).

Trái lại, những kẻ phạm trai phá giới, họ không hành trì pháp tu, cuộc sống của người ấy không có hướng đi tốt, khiến họ bị bấp bênh, ba chìm bảy nổi, lúc làm lành, khi làm ác.

Tuy rằng những tội lỗi mà họ gây ra không ai biết, nhưng chính tâm họ biết rõ. Ảnh tượng đó đã rơi vào tiềm thức A Lại Gia. Cho nên mỗi khi nhớ lại, cảnh ác

trời lên, thì họ cảm chiêu cái nóng bức ám lấy họ khiến cho họ như chiêu cảm cái nóng rát nơi địa ngục mà không thể thoát được.

Hằng hà sa số chư Bồ Tát đều nương nơi Tâm Giới Pháp này, xoay về bên trong, chuyên trì mà thành Phật.

Đức Phật khuyên tất cả chư Bồ Tát mới phát tâm, phải thâm tín và luôn thọ trì Tâm Giới này. Trước là tự thân áp dụng tu hành, sau đó phải nhớ đem ra chỉ dạy cho tất cả chúng sanh. Nối tiếp truyền thừa không dứt cái chánh nhân thành Phật này nơi chúng sanh. Khơi dậy Phật Tánh Giới Pháp sẵn có nơi chúng sanh để họ giải thoát.

Có như vậy mới thực hành hạnh Tự lợi và Lợi tha của bậc Bồ Tát Ma Ha Tát.

Sự Truyền Thừa Của Kinh Phạm Võng	TÊN ĐỨC PHẬT	Ở TẠI	NGÔI TÒA	NỘI KINH	NỘI DUNG KINH
	Đức Phật Lô Xá Na	Hoa Tạng Thế Giới	Thiền Quang Sư Từ	Bồ Tát Tâm Địa Giới Pháp	* 30 Quả vị (Tam Hiền) * 10 Địa * 10 Giới trọng * 48 Giới khinh
	↓ 1000 Đức Phật Thích Ca Thọ Lành	Hoa Tạng Thế Giới	Ngôi Trong Cánh Sen	Nghê Bồ Tát Giới	
	↓ Ngàn Trăm Ưc Đức Phật Thích Ca	Cõi Trời	Cung Điện Vua Trời Phạm Vương	Kinh Phạm Võng Bồ Tát Tâm Địa Giới Pháp	* 30 Quả vị Bồ Tát * 10 Địa * Kinh Ma Thọ Hóa
	↓ Đức Phật Thích Ca	Cõi Ta Bà	Ngôi Nơi Cây Bồ Đề	Kinh Phạm Võng Bồ Tát Tâm Địa Giới (Phần 10 trong 61 Phần)	* 10 Giới Trọng * 48 Giới Khinh
	Tất Cả Chúng Sinh Đồng Thọ Lành	→	* VÔ TẬN PHÁP GIỚI (GIỚI PHẠM VÔ TẬN TẠNG)		

KINH VẤN:

**Lắng nghe ta đang trì tụng
Pháp Ba La Đề Mộc Xoa
Là giới tạng trong Phật pháp.
Đại chúng lòng nên tin chắc:
Các người là Phật sẽ thành.
Ta đây là Phật đã thành.
Thường có lòng tin như vậy
Thời giới phẩm đã trọn vẹn
Tất cả những người có tâm
Đều nên nhiếp hộ Phật giới
Chúng sinh nào thọ Phật giới
Chính là vào hàng Chư Phật.
Đã đồng hàng bậc Đại Giác
Mới thật là con chư Phật
Đại chúng đều nên cung kính.
Chí tâm nghe lời ta tụng.**

GIẢNG GIẢI:

Mười Ba La Đề Mộc Xoa (10 giới trọng) này là giới căn bản trong tất cả giới luật của Phật chế. Là nguồn gốc sanh ra các giới:

Giới nào cũng từ 10 giới trọng đây mà phát ra, nghĩa là trong giới nào cũng có tánh cách của 10 giới trọng đây nằm trong đó làm căn bản, vì vậy nên gọi là Giới Tạng trong Phật pháp.

Giới Tạng còn gọi là Tỳ Ni Tạng. Nếu Tỳ Ni Tạng thường trụ lâu đời ở thế gian thì Chánh Pháp mới trường tồn tại thế.

Vì Giới Tạng quan hệ rất mật thiết đến sự tồn vong của Chánh Pháp Phật Đà. Vậy nên các vị Bồ Tát phải phát tâm kiên cố, định tâm lắng nghe cho kỹ để lãnh hội sâu sắc, không nghe một cách lơ là cho qua loa, phải khởi tín tâm tin tưởng bền chắc về Tâm Địa Giới Pháp đây chính là cái Chánh Nhân để thành Phật.

“Tỳ Ni Tạng Trụ
Phật pháp thế thế trường tồn
Giới luật kiên trì
Tòng Lâm thời thời hưng thịnh”.

Phật dạy:

Điều kiện cần yếu là phải phát khởi lòng tin kiên cố:

- Đức Phật Lô Xá Na nhờ nghiêm trì Tâm Giới này mà thành Phật.

*Ta đây cũng do nhờ quay vào Tâm Giới Pháp này an trụ tu hành mà thành Phật Thích Ca Mâu Ni.

*Các Phật tử sẵn có Tâm Địa Giới Pháp, quay về bên trong tu hành cũng sẽ thành Phật như định.

“Ta đây là Phật đã thành
Các người là Phật sẽ thành
Thường có lòng tin chắc như vậy
Thì giới phẩm đã trọn vẹn.”

Tin rằng: trong thân phàm phu của ta, đã sẵn có Chơn Tâm Phật tánh. Đó là cái Tâm Địa Giới Pháp, đó là cái

chánh nhân thành Phật. Đó là hạt giống Phật. Chỉ cần quay trở về bên trong, an trụ Chơn Tâm Diệu Tánh nhiệm mầu, bất sanh bất diệt, bất khả tư nghĩ diệu dụng. Một khi đã được khai mở thì thành Phật không khó.

Sở dĩ Đức Phật bảo rằng: Nếu có chúng sanh nào đã lãnh thọ, hành trì, Tâm Giới Pháp này (An trụ Tánh Giác) tức là vị đó đã đồng hành với chư Phật và đã dự vào hàng ngũ của những bậc Đại Giác Ngộ, bởi vì Tâm Giới Pháp này là do chư Phật Giác Ngộ ra và truyền trao lẫn nhau và chính các Đức Phật cũng nhờ nương nơi Tâm Địa Giới này mà thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Các chúng sanh giờ đây, cũng giống như chư Phật, tiếp tục thọ trì Tâm Giới Pháp này thì dĩ nhiên họ đã dự vào hàng ngũ của những bậc Đại Giác rồi.

Những hành giả Bồ Tát này đã lãnh thọ Đại Thừa giáo pháp. Đầy đủ tín tâm, phát lòng Bồ Đề. Bẩm thọ Bồ Tát Tâm Địa Giới Pháp của chư Phật, đó gọi là chân chánh Phật tử.

“Tùng Phật khẩu sanh

Tùng Pháp hóa sanh

Đắc Phật Pháp phần

Cổ danh Phật Tử”.

(Từ miệng Phật dạy mà hiểu Đạo

Từ chánh pháp Phật dạy mà tu Đạo

Được lãnh hội chân lý giải thoát

Đây chính là con của Đức Phật)

Trong tương lai nhất định sẽ thành Phật.

Phật dạy:

Trong khi ta đang tụng Tâm Địa Giới Pháp của Bồn Sư Lô Xá Na Phật. Đại Chúng nên phải chí tâm cung kính lắng nghe, lãnh hội, nhận chân và thâm nhập, để có đủ khả năng quay trở về với Bồn Nguyên Tự Tánh Thanh Tịnh của mình.

KINH VẤN:

III. ĐỨC PHẬT KIẾT BỒ TÁT GIỚI

Thuở ấy, đức Phật Thích Ca Mâu Ni, lúc mới thành Đạo Vô Thượng Chính Giác trong khi ngồi dưới cội Bồ Đề, ngài bắt đầu kiết “Bồ Tát Giới”. Ngài dạy:

Hiếu thuận với cha mẹ, Sư Tăng, Tam Bảo. Hiếu thuận là pháp chí đạo. Hiếu gọi là Giới, cũng là cấm ngăn.

GIẢNG GIẢI:

Khi Đức Phật Thích Ca vừa mới chứng Vô Thượng Chánh Giác, ngài liền đọc tụng Đại Giới Bồ Tát. Nêu rõ cương lĩnh của Giới và khuyến khích tất cả chúng sanh thọ trì. Bởi vì cương lĩnh của Giới Bồ Tát chính là Hiếu Đạo. Tức là lòng Hiếu Thuận với cha mẹ, Sư Tăng (Thầy của mình) và Tam Bảo (con đường phá ác, hành thiện, ra khỏi thế gian).

Giới Bồ Tát đang sẵn có trong mọi chúng sanh, ân nghĩa sâu nặng của cha mẹ, của Thầy dạy dỗ,...ai ai cũng phải đền trả.

Giờ đây, chúng ta chỉ cần thực hành chữ Hiếu một cách trọn vẹn, tức là đã giữ gìn Giới Bồ Tát trọn vẹn. Chỉ có một việc thực hành Hiếu Hạnh mới có thể giữ giới một cách chân chính, cũng như chúng ta chỉ nên đúng như pháp mà giữ giới Bồ Tát thì đã thực hành cùng tốt của Đạo Hiếu.

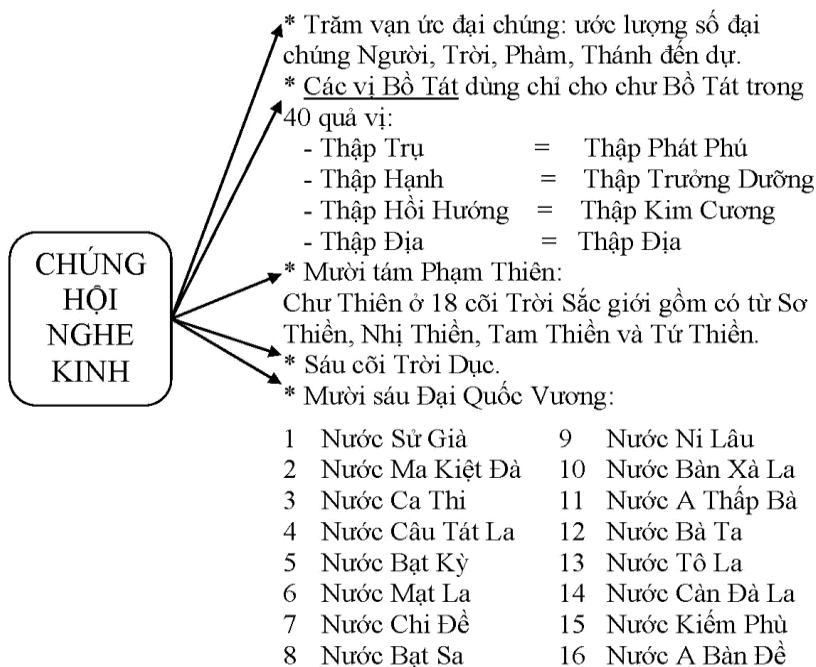
Vì vậy, Đức Phật dạy: Giới Bồ Tát rất dễ thực hành. Chỉ cần thực hành chân chánh “Hiếu Thuận với cha mẹ, Sư Tăng, Tam Bảo” là đã giữ trọn Đại Giới Bồ Tát.

Nếu bất hiếu với cha mẹ, phản bội Thầy Tổ và không kính trọng Phật Pháp (Tam Bảo) thì làm sao trọn vẹn Giới Bồ Tát được?

KINH VẤN:

Liền đó, từ nơi miệng Đức Phật phóng ra vô lượng tia sáng. Bảy giờ có đến trăm vạn ức đại chúng, các Bồ Tát, mười tám Phạm Thiên sáu cõi trời Dục, mười sáu Đại Quốc Vương đồng chấp tay chí tâm nghe Đức Phật tụng Giới Pháp Đại Thừa của tất cả chư Phật.

GIẢNG GIẢI:



KINH VẤN:

Đức Phật nói với các vị Bồ Tát:

Nay ta cứ mỗi nửa tháng tự tụng giới pháp của Chư Phật. Tất cả hàng Bồ Tát sơ phát tâm, nhần đến các

Bồ Tát Thập Phát Thú, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cương, Thập Địa cũng tụng giới ấy. Vì thế nên giới quang từ miệng ta phóng ra. Phóng quang là vì có duyên do, chớ chẳng phải vô cớ. Giới Quang ấy chẳng phải màu xanh, vàng, đỏ, trắng và đen; chẳng phải sắc pháp, cũng chẳng phải tâm pháp, chẳng phải pháp hữu, pháp vô, cũng chẳng phải pháp nhân, pháp quả. Nó chính là bốn nguyên của chư Phật, là căn bản của chúng Phật Tử. Vì thế nên chúng Phật Tử phải thọ trì, phải đọc tụng, phải học kỹ giới pháp này.

GIẢNG GIẢI:

Đây là lời trân trọng mà Đức Phật chỉ riêng gởi đến các vị Bồ Tát từ Sơ Phát Tâm (Thập Tín) cho đến Thập Địa. Vì đối tượng thọ trì giới này chính là hàng Bồ Tát. Quý Ngài đã trân trọng giới pháp và muốn cho Chánh Pháp trụ thế lâu dài nên cứ nửa tháng tụng giới một lần. Giới Pháp còn thì Chánh Pháp còn. Giới Pháp bị lãng quên thì Chánh Pháp tận diệt. Chính Đức Phật cũng tụng đọc như thế.

*** Thập Phát Thú = Thập Trụ**

Thập Phát Thú:

Mười quả vị này luôn tinh cần giữ giới, đạt định, huệ khai phát, thú hưởng về quả vị Phật, nên gọi là Thập Phát Thú.

Thập Trụ:

Mười quả vị này đã được trí, huệ, chứng được địa vị bất thối chuyển, nên gọi là Thập Trụ.

- 1- Xã tâm
- 2- Giới tâm
- 3- Nhẫn tâm
- 4- Tấn tâm
- 5- Định tâm
- 6- Huệ tâm
- 7- Nguyện tâm
- 8- Hộ tâm
- 9- Hỷ tâm
- 10- Đánh tâm

*** Thập Trưởng Dưỡng = Thập Hạnh**

Thập Trưởng Dưỡng:

Mười quả vị này luôn phát triển công hạnh tự lợi, lợi tha, tăng trưởng Phật Đạo cho tự mình, đồng thời cũng dưỡng dục cái nhân Thánh cho chúng sanh nên gọi là Thập Trưởng Dưỡng

Thập Hạnh:

Đây là mười tâm phát triển, rộng tu công hạnh lợi tha một cách tích cực, nên gọi là Thập Hạnh.

- 1- Tâm Từ
- 2- Tâm Bi
- 3- Tâm Hỷ
- 4- Tâm Xã
- 5- Tâm Trí
- 6- Tâm Hảo
- 7- Tâm Ích
- 8- Tâm Đồng
- 9- Tâm Định
- 10- Tâm Huệ

*** Thập Kim Cương = Thập Hồi Hưởng**

Thập Kim Cương :

Mười địa vị Bồ Tát này tánh như kim cương, không bị bất cứ điều gì làm hư hoại. Nên gọi là Thập Kim Cương.

Thập Hồi Hưởng:

Khi áp dụng 10 tâm kim cương này tu tập, Bồ Tát có thể thực hành 3 thứ Đại Hồi Hưởng:

- 1- Hồi Sự Hưởng Lý: Dem công đức tu để Thù Hưởng, cầu quả vị Niết Bàn.
- 2- Hồi Nhân Hưởng Quả: Dem công đức tu để Thù Hưởng cầu quả vị Bồ Đề.
- 3- Hồi Tự Hưởng Tha: Dem công đức tu tập để bố thí cho tất cả chúng sanh.

- 1- Tín tâm
- 2- Niệm tâm
- 3- Hồi Hưởng tâm
- 4- Đạt tâm
- 5- Trục tâm
- 6- Bất Thối tâm
- 7- Đại Thừa tâm
- 8- Vô Tướng tâm
- 9- Huệ tâm
- 10- Bất Hoại tâm

*** Thập Địa**

Địa: Có nghĩa là gánh vác, che chở. Trên thì gánh vác Chánh Pháp của Phật, dưới thì che chở cho chúng sanh một cách rộng lớn, không ngần ngại.

- 1- Thể Tánh Bình Đẳng Địa
- 2- Thể Tánh Thiện Huệ Địa
- 3- Thể Tánh Quang Minh Địa
- 4- Thể Tánh Nhi Diệm Địa
- 5- Thể Tánh Hộ Chiếu Địa
- 6- Thể Tánh Hoa Quang Địa
- 7- Thể Tánh Mãn Túc Địa
- 8- Thể Tánh Phật Hậu Địa
- 9- Thể Tánh Hoa Nghiêm Địa
- 10- Thể Tánh Nhập Phật Giới Địa

***Giới Quang từ Miệng Ta phóng ra:**

Câu này ý muốn nói rõ là Giới Bồ Tát này, chính từ miệng Đức Phật đọc tụng ra. Và Ngài đã trải qua nhiều đời tu hạnh Bồ Tát, Ngài luôn luôn tụng trì nên mỗi lần tụng đều phát Hào Quang chuyên chở lời kinh nên gọi là Giới Quang.

Từ trong miệng Đức Phật phóng ra Tâm Địa Giới Quang, ấy chính là Bốn Nguyên Chánh Biến Tri Hải thên thang vô tận của chư Phật chứng đắc. Vì nếu chư Phật không có Giới Quang này thì không thể chứng quả Bồ Đề.

Giới Quang này cũng là căn bản để cho chư Bồ Tát hành Đạo trong Lục Độ Vạn Hạnh.

Chúng sanh đang trong vòng sanh tử, nhờ phát triển Tâm Địa Giới Pháp sẵn có (Phật Tánh, Tánh Giác....) này, đến đời vị lai có thể thành Phật không khó.

*Tâm Địa Giới pháp không màu sắc (Phật Tánh) không phải Pháp Hữu Pháp Vô của Tà kiến có không. Không phải là pháp của Nhân Quả Trời người. Không phải là Sắc Pháp, Tâm Pháp của Tâm Thức.

Đây là câu nói mà Đức Phật muốn đả phá những kiến chấp sai lầm, tìm cầu bên ngoài, mơ mộng các quả cõi người, cõi trời mà không nhận ra được trong tự tâm của mình đã sẵn có Phật Tánh Giới Pháp, không màu sắc, không hữu vô, không nhân quả...Nó chính là hạt giống để thành Phật.

***THỂ NÀO GỌI LÀ THỌ TRÌ ĐỘC TỤNG:**

Lãnh nạp nơi tâm là THỌ.

Giữ mãi không quên là TRÌ

Nhớ văn tự trong giới kinh là ĐỘC

Nhớ thuộc lòng giới kinh là TỤNG

Cố gắng thực hành là Thiện Hạnh

KINH VĂN:

Chúng Phật Tử lắng nghe! Nếu là người thọ giới Bồ Tát này, không luận là Quốc Vương, Thái Tử, các quan chức hay Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, không luận là chư Thiên cõi Sắc, cõi Dục, không luận là hàng thứ dân, huỳnh môn, dân nam, dân nữ hay hàng nô tỳ, cũng không luận là tám bộ quỷ thần, thần Kim Cương, hay loài súc sinh, nhấn đến kẻ biến hóa, hễ ai nhận hiểu được lời truyền giới của Pháp Sư thời đều thọ được giới, và đều gọi là thanh tịnh thứ nhất.

GIẢNG GIẢI:

Vì Bốn Nguyên Tâm Địa Diệu Giới này, tất cả chúng sanh đều sẵn có. Cho nên bất luận hiền, dữ, trí, ngu, quý, tiện, trời, người, thần, vua, quan.... đều được lãnh thọ giới pháp. chỉ cần hiểu rõ lời của pháp sư truyền giới, đều được đắc giới.

***Huỳnh môn = hoạn quan ở nội cung**

***Tám bộ Quỷ Thần:**

1. Thiên Thần

2. Long Thần
3. Dạ xoa
4. Càn Thát Bà (nhạc Thần)
5. A Tu La
6. Ca Lầu La (kim sí điều)
7. Khẩn Na La (ca thần)
8. Ma Hầu La Già (thần rắn)

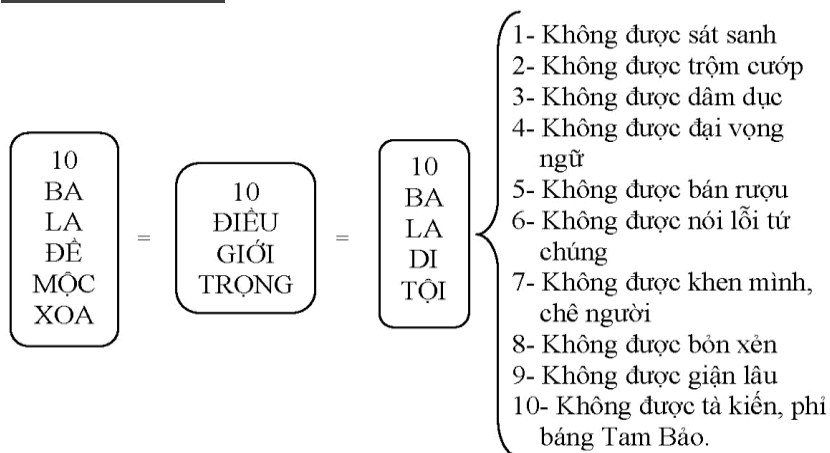
KINH VẤN:

Đức Phật bảo các Phật Tử rằng: Có mười điều giới trọng. Nếu người thọ giới Bồ Tát mà không tụng điều giới này, thời người ấy không phải Bồ Tát, không phải là Phật Tử. Chính ta cũng tụng như vậy.

Tất cả Bồ Tát đã học, sẽ học và đương học!

Đã lược giảng xong tướng trạng của giới Bồ Tát cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì.

GIẢNG GIẢI:



Mười giới trọng đây còn gọi là Mười Ba La Đề Mộc Xoa, còn gọi là Ba La Di tội. Khi đã thọ Bồ Tát giới rồi, mỗi nửa tháng phải tụng đọc một lần. Nếu không tụng đọc giới luật và học hiểu giới luật thì làm sao biết rõ đâu là khinh, trọng. Đâu là Khai, Giá, Trì, Phạm trong lãnh vực bao la của hạnh Bồ Tát tùy duyên áp dụng.

* KHAI: Là mở cho, phương tiện cho mà không phạm giới. Ví dụ như nói dối để cứu mạng.

* GIÁ: Là ngăn cấm, không thể khai mở cho được. Ví dụ như sát sanh đoạn mạng kẻ khác thì cấm hẳn.

* TRÌ  Tác Trì: Làm là trì giới (Ví dụ nói dối để cứu người)
Chi Trì: Không làm là trì giới (Ví dụ không sát sanh)

* PHẠM  Tác phạm: Làm là phạm giới
Chi phạm: Không làm là phạm giới.
Ví dụ như không nói dối để cứu mạng là phạm.

* TRỌNG: tội nặng, giới quan trọng phải giữ.

* KHINH: giới nhẹ, tội nhẹ hơn.

Có bốn điều mà Phật tử phải luôn thực hành, đó là:

1. Thọ trì giới luật
2. Học giới luật
3. Đọc tụng giới luật thường xuyên
4. Lấy giới luật làm Thầy

1/ Thọ Giới luật:

Tức dâng đàn bầm thọ Giới Bồ Tát và phát nguyện thực hành, tu trì Bồ Tát hạnh.

(Bồ Tát xuất gia hoặc Bồ Tát tại gia), vì đây là điều kiện căn bản để trở thành địa vị Bồ Tát. Vì đây là cội gốc, là thêm thang đi đến quả vị Phật.

Do đó, muốn vào Đạo tu hành, trước phải bầm thọ Giới Pháp.

2/ Học Giới luật:

Vì lãnh vực của giới luật rất rộng lớn, có:

- Giới thể
- Giới tướng
- Giới trọng
- Giới khinh

Có những trường hợp đặc biệt về giữ giới khi hành trì, cần phải hiểu rõ để áp dụng như:

- Khai : tức phương tiện mở cho
- Giá : tức ngăn cấm hẳn
- Trì : giữ gìn
- Phạm: phạm giới

*Học để hiểu những điều Phật hiểu

*Học để hành những điều Phật hành

*Học để chứng những điều Phật chứng

Tu là phải sửa cho đúng pháp. Nếu không học giới pháp, mà cứ tu rì, tu mọ, rồi chấp chắc, chẳng những

không đắc Đạo mà còn gây thêm tội và làm tổn hại đến Chánh Pháp

3/ Trì Giới Luật:

Trì Giới luật tức là thực hành Giới Luật trong đời sống, tức là áp dụng trên thân, miệng, ý, cho miên mật.

Đức Phật chế ra Giới Luật là để ngăn ác, hành thiện nhằm ý để cho Phật Tử tuân thủ, làm lối sống hướng thượng, từ bỏ tư cách phạm phu.

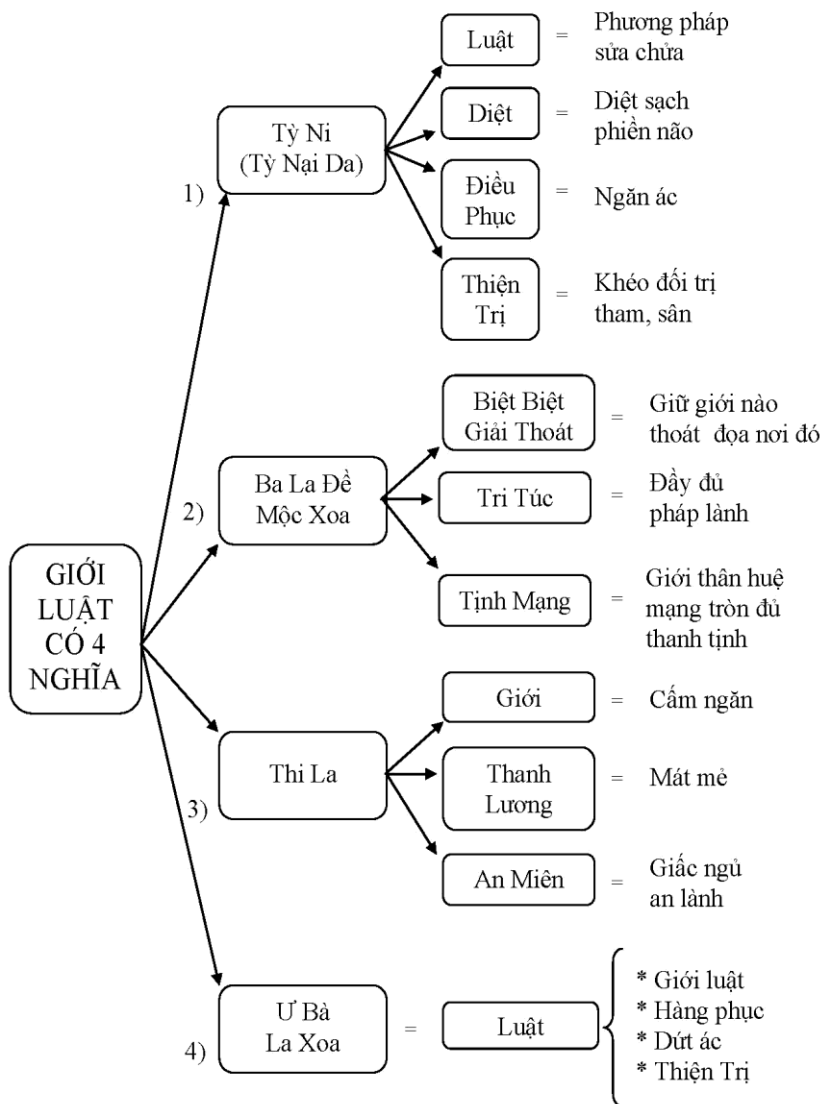
Học Giới Luật cho rõ ràng, không phải là để vào tai ra miệng, không phải tăng sự hiểu biết để bàn luận phải trái, để soi mói khen chê người khác, mà là để thực hành cho chính mình.

Nếu người đã thọ Giới, học Giới mà không trì Giới, không thực hành thì giống như người ăn bánh vẽ, không thể nào no được.

4/ Lấy Giới Luật làm Thầy:

Đức Phật chế ra Giới Luật là để ngăn ngừa sự hư xấu, để tạo ra một phương hướng giải thoát, để tạo ra con đường bỏ phạm lên thánh. Không phải ngài chế định giới luật để bó buộc.

Trong lãnh vực của giới Bồ Tát, trải qua 52 quả vị đã sẵn đủ hạnh lành phát xuất từ Tâm Địa (Chơn Tâm). Đây chính là con đường đi đến Phật Quả. Giới Luật là vị Thầy cần phải nương tựa. Đó Là Mười Ba La Đề Mộc Xoa, nên thường phải tụng đọc, ghi nhớ, hành trì.



* Giới Là Luật
* Luật Là Giới

=>

- Căn bản tạo nên Bồ Tát, Tỳ Kheo
- Căn bản tạo nên Tăng Đoàn
- Căn bản tạo nên Phật Đạo
- Căn bản của chánh pháp

V.10 ĐIỀU GIỚI TRỌNG

10 ĐIỀU GIỚI TRỌNG:

1. GIỚI SÁT SINH

I.KINH VĂN:

Đức Phật dạy:

Nếu Phật Tử, hoặc tự mình giết, bảo người giết, phương tiện giết, khen tặng sự giết, thấy giết mà tùy hỷ, nhẫn đến dùng bùa chú để giết: nhân giết, duyên giết, cách thức giết, nghiệp giết.

Phàm tất cả loài hữu tình có mạng sống đều không cố ý giết. Là Phật Tử, lẽ ra phải luôn luôn có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, lập thể cứu giúp tất cả chúng sinh, mà trái lại tự phóng tâm nổi lòng sát sinh. Phật tử này phạm “Bồ Tát Ba La Di tội.”

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Trong giới Ba La Di của Tỳ Kheo thì giới Dâm Dục đứng đầu, bởi vì mục đích của Tỳ Kheo là thoát khỏi sanh tử luân hồi cho nên phải luôn chú tâm đoạn trừ Ái nhiễm Tình Dục. Do đó, giới của Tỳ Kheo là không được Dâm Dục đứng đầu.

Còn giới của Bồ Tát thì lấy tâm hạnh làm lợi ích chúng sanh là trên hết, cho nên giới cấm sát hại chúng sanh là giới đầu của Bồ Tát Giới.

Cái khổ bậc nhất của chúng sanh là cái khổ bị mất thân mạng.

Cái vui bậc nhất của chúng sanh là cái vui được cứu mạng, cho nên bậc Bồ Tát chẳng những không giết hại chúng sanh, không ăn thịt chúng sanh.....mà còn phải có lòng từ bi cứu giúp cho chúng sanh được sống an vui.

Trong giới sát sanh, có 5 điều mà Bồ Tát không được làm:

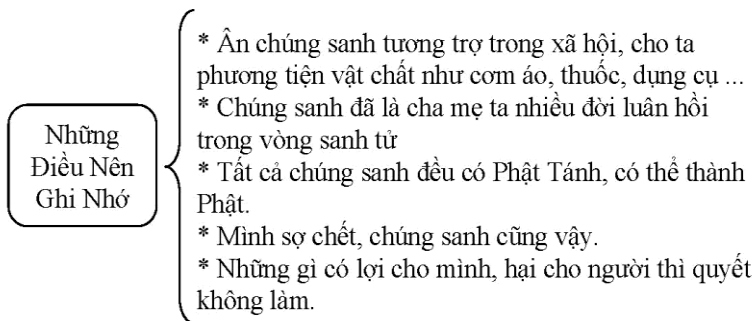
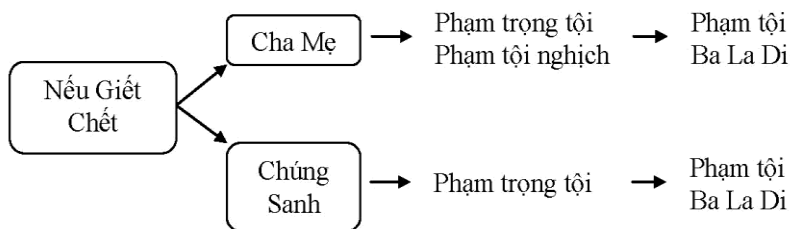
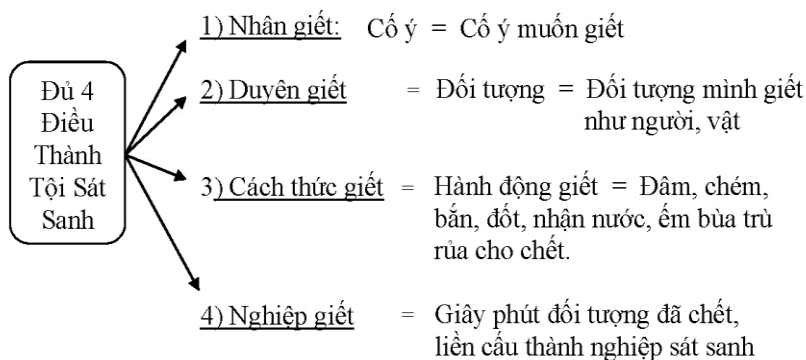
1. Tự mình giết chết mình : tự tử.
2. Dạy người, khuyến khích giết: làm họ hăng say.
3. Dùng phương tiện giết : cách thức giết chết.
4. Khen tặng sự giết: đồng lòng, khen ngợi, tán thán.
5. Thấy giết vui theo: trong tâm có sự vui thích khi thấy người giết (tùy hỷ).

III. GIẢNG GIẢI:

1/ Không được tự giết mình: tức là không được tự tử, bởi vì thân mạng mình là của cha mẹ tạo ra, không phải của riêng mình, tự tử là tội bất hiếu.

Đức Phật dạy, có được thân người là phước báo thứ nhất trong sáu đường luân hồi, bởi vì có được cái thân con người này, chúng ta mới có cơ hội để tu tập, để loại bỏ những nghiệp xấu ác từ xưa đến nay, để phát nguyện chuyển phàm thành Thánh, để được thành Phật.

- 2/ Không bảo người giết, khuyến khích giết: không nên ra lệnh cho người khác giết sinh mạng cũng không khuyến khích kẻ khác giết hại mạng sống vì đó là việc ác, trái với tâm địa từ bi của Bồ Tát.
- 3/ Không dùng phương tiện để giết: không dùng dao, gậy, cung, tên, búa, hàm hổ, đốt ... để giết chết sinh mạng chúng sanh.
- 4/ Không khen ngợi những kẻ giết hại: không a dua theo, không khen ngợi, không làm cho kẻ giết phần khởi thêm lên.
- 5/ Thấy giết, không khởi tâm vui theo: (không tùy hỷ)
Đây là ý nghiệp, là cái nhân xấu ác tạo nên nghiệp sát sanh.



Nếu đã thọ Bồ Tát Giới rồi mà cố ý đoạn mạng sống của chúng sanh, sẽ bị phạm trọng tội Bồ Tát Ba La Di (loại trừ ra khỏi Phật pháp).

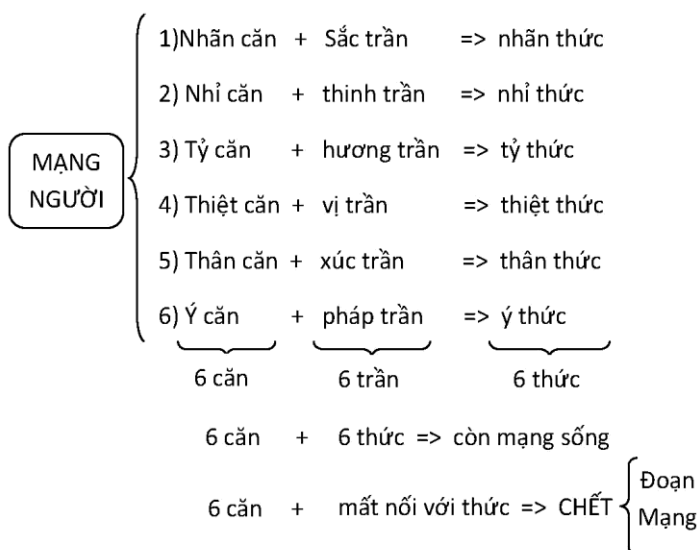
GIỚI BA LA DI

**Ý
Nghĩa
Ba
La
Di**

- 1) Cực Ác: tội nặng nhất trong các tội
- 2) Tội Khí: Quảng bỏ ra khỏi Tăng Đoàn
- 3) Đoan Đầu: như người bị chặt lia đầu, như cây dừa bị cắt mất ngọn không thể trở nên hoa lá.
- 4) Thoái Đoa: rơi xuống, rơi vào cảnh bất thiện.
- 5) Thoái Một: như hạt giống bị thúi hoặc nấu chín. Dù có khổ công chăm sóc cũng không nảy mầm.
- 6) Tha Thắng:
 - * Bị ma quân thắng
 - * Bị kẻ tà thắng mình
 - * Thua kém các Tỷ Kheo thanh tịnh
- 7) Đọa Phu Xứ: Bị đọa vào chỗ không như ý (đọa vào địa ngục)
- 8) Bất Công Tru:
 - * Không được ở chung với các Tỷ Kheo Ni thanh tịnh
 - * Không được Yết Ma, không được làm giáo thọ, không được làm y chỉ

* Khi 6 căn còn nối liền với 6 thức => còn mạng căn

* Khi 6 căn không còn nối liền với 6 thức (liã) => chết (đoạn mạng)



MẠNG CĂN

- 1) Thai nhi vừa hình thành (thân + thần thức)
- 2) Thai nhi 49 ngày trở lên (6 căn + 6 thức)

**Đủ Bốn
Duyên Thành
Ba La Di Tội**

- 1) Chính là **người thọ Bồ Tát Giới** làm.
- 2) Tự tay giết, xúi người giết ...
- 3) Kẻ bị giết là **chúng sanh**.
- 4) Khiến đã đứt đoạn mạng sống.

TÂM MUỐN GIẾT

- 1) Cầm dao
- 2) Chạm đến thân
- 3) Đã chết ==> Phạm Ba La Di

2. GIỚI TRỘM CƯỚP

I.KINH VĂN:

Nếu Phật Tử tự mình trộm cướp, bảo người trộm cướp, phương tiện trộm cướp, nhẫn đến dùng bùa chú trộm cướp: nhân trộm cướp, duyên trộm cướp, cách thức trộm cướp, nghiệp trộm cướp... Tất cả tài vật có chủ, dầu là của quỷ thần hay của kẻ giặc cướp, nhẫn đến một cây kim, một ngọn cỏ đều không được trộm cướp. Là Phật tử, lẽ ra phải luôn luôn có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, thường giúp cho mọi người được phước, được vui, mà trái lại trộm cướp tài vật của người. Phật tử này phạm “Bồ Tát Ba La Di tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Cái khổ làm nuôi thân mạng là một cái khổ về việc sống còn, mà suốt một đời ai cũng quần quật lo kiếm sống. Chỉ vì miếng cơm, manh áo mà con người phải đánh đổi bằng mồ hôi, nước mắt để tạo ra tiền của, vật chất để bảo hộ sanh mạng. Người ta thường bảo ; « đồng tiền dính liền khúc ruột », vì vậy khi bị mất tiền của, con người rất xót xa, đau khổ, quặn thắt cõi lòng. Nếu cố ý trộm cướp tài vật của kẻ khác, chẳng khác nào cướp đi mạng sống của họ. Hành động trộm cướp sẽ gây đau khổ và thiếu thốn cho người.

Tất cả tài vật có chủ, dù là vật của Quỷ Thần hay của bọn giặc cướp, cũng không được tự ý cướp đoạt đem về làm của riêng mình.

Ai cũng phải làm việc nặng nhọc để kiếm sống, mình cũng có đủ tay chân như mọi người, tại sao mình lại vô lương tâm đi cướp giết chén cơm manh áo của người. Hành động này còn tệ hơn loài súc sanh, ngu si không biết yêu thương đồng loại. Hành vi trộm cướp là một thứ xấu ác, gần giống như tội giết sanh mạng vậy. Quả báo đó đời đời sanh ra làm người đui què mù sứt, cùi hủi, đói rách, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, bệnh tật triền miên để đền trả cái tội cướp giết sự sống của kẻ khác.

Người Phật Tử học hạnh từ bi, ban vui cứu khổ, không nên tham cầu quá độ, không nên gây tạo ác nghiệp, không nên cướp đi mồ hôi, nước mắt của người, khiến người phải đau khổ.

III. GIẢNG GIẢI:

TRÔM: Là lén lấy tài vật của người khác.

CƯỚP: Là giật trước mặt, uy hiếp để lấy.

Nếu Phật tử đã thọ giới Bồ Tát rồi, nhưng vì lòng tham quá độ, muốn lấy của phi pháp đem về mình, hoặc là:

*Tự mình trộm cướp

*Dạy bảo người khác trộm cướp

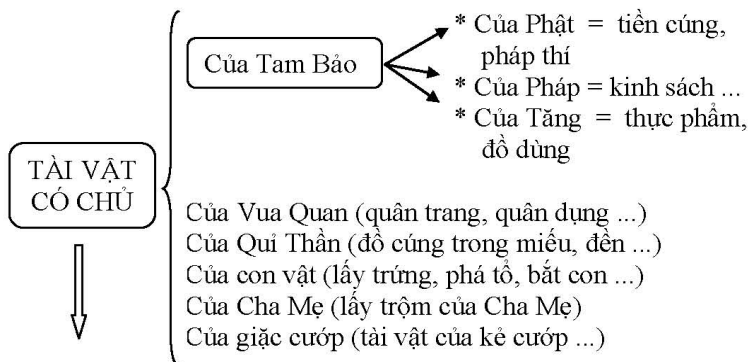
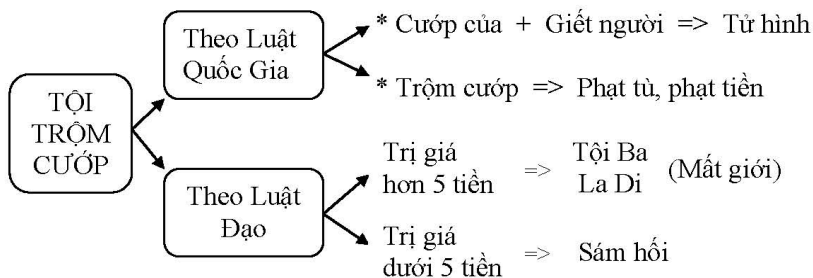
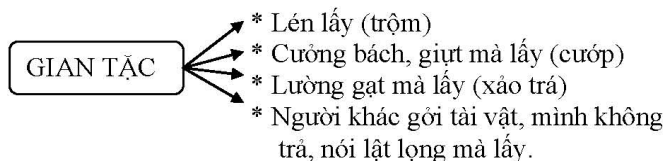
*Dùng phương tiện trộm cướp

*Khi tài vật của người khác đã dời chỗ cũ thuộc về tay mình thì tội đã phạm.

Trong tội trộm cướp có nặng, có nhẹ. Ngày xưa ấn định trị giá đồ vật trộm cướp:

Trị giá trên 5 tiền trở lên : phạm Ba La Di trọng tội.

Trị giá dưới 5 tiền trở xuống: phạm tội nhẹ, chỉ cần sám hối, không mất giới.



Cho đến nhỏ, ít như cây kim, cọng cỏ, cũng không được tự lấy.

* Y phục
 * Thực phẩm
 * Tiền của
 * Vật dụng

} = nuôi mạng chúng sanh, là nhu yếu sự sống.
 (nếu bị cướp hết, chúng sanh sẽ bị chết, đau khổ)

Vì vậy, Đức Phật dạy:

* Tội sát sanh: là tội lấy nội tạng của chúng sanh để ăn
 * Tội trộm cướp: là tội lấy mất ngoại mạng của chúng sanh, làm cho nó mất phương tiện sống, nó sẽ bị chết, bị đau khổ.

Tổ Long Thọ Bồ Tát nói:

❖ “Nhứt thiết chư chúng sanh

Y thực dĩ tự hoạt

Nhược kiếp nhược đoạt thủ

Tức vi kiếp đoạn mạng”

(Tất cả loài chúng sanh

Nương nhờ cơm áo tiền vật mà sống

Nếu trộm cướp tài vật của chúng sanh

Tức là cướp đoạt sinh mạng của họ)

❖ “Tiền của không bao giờ tồn tại đến hơn ba đời

Thường thường truyền đến đời mình là đã hết”

❖ “Một đời chỉ hận chứa không nhiều

Đến khi được nhiều thì nhắm mắt”

❖ Có tiền của, nên bố thí để trừ lòng tham dục

Đủ 4
Điều
Kiện
Thành
Tội Ba
La Di

1) Nhân trộm cướp: Tâm có ý muốn trộm cướp tài vật của người khác đem về làm của mình.

2) Duyên trộm cướp: Đối tượng tài vật của người

3) Cách thức trộm cướp: Rất nhiều như:

* Đào tường, khoét vách

* Lường gạt giựt nơ

* Xảo trá, lật lọng

* Cản non, đóng thiếu ...

4) Nghiệp trộm cướp: Khi tài vật đã lia khỏi chỗ củ mà người chủ không biết hoặc họ bị áp lực cưỡng đoạt rồi đi thì nghiệp tội đã thành.

Bồ Tát thường cứu giúp chúng sanh được vui, mà trái lại, vì lòng tham tìm cách trộm cướp tài vật của chúng sanh, chẳng khác nào giết mạng sống của chúng, thì không phải là Bồ Tát.

Truyện 1:

Đời Tùy ở Quý Châu, có bà tên là Ánh Phục, sinh nàng Trương Thị, bà trốn chồng ra đi, lén cắp hai cây lụa cho con gái, sau bà mất, cũng bị quả báo sinh làm heo ngay ở nhà chồng bà. Chuyện này có ghi rõ trong bộ Pháp Uyển Châu Lâm.

Kinh Lăng Nghiêm nói: ”Không diệt tâm trộm cắp không thể ra khỏi trần lao, dù hiện đời thông minh mà trộm cắp thì chắc chắn sa vào tà đạo”.

Trộm cướp đem khổ não cho người, phạm Nhiếp Luật Nghi Giới, không giúp cho người được phước đức an vui, phạm Nhiếp Thiện Pháp Giới, khiến chúng sanh chán xa Phật Pháp.

Truyện 2:

Đời Đường niên hiệu Long Sóc thứ nhất, có Lý Hiệu Úy một hôm đến chợ Hoài Châu, thấy một con heo to bị trói sắp đem làm thịt, con heo liền kêu Lý Hiệu Úy và nói: ông này trước là cháu gái ta, ngày xưa vì nhà nghèo mẹ người thường đến xin gạo. Song con trai ta không cho, ta thương mẹ con nhà người, nên lén lấy của con trai năm đầu lúa cho mẹ con người. Nay ta làm thân heo để trả nợ cũ, sao người không cứu ta.

Hiệu Úy nghe nói rất cảm động, đưa tiền chuộc heo và thả đi. Heo rất mừng chạy một mạch vô chùa.

Hiệu Úy về nhà thuật lại cho mẹ nghe. Mẹ Hiệu Úy đích thân đến chỗ heo trú, con heo và mẹ Hiệu Úy gặp nhau ứa lệ khóc lóc rất thương tâm.

Ta thấy câu chuyện trên: tiền bạc của con là của mình, lén lấy còn mắc báo như thế, thì tiền bạc của cha mẹ mà trộm cắp, quả báo tự xét mà hiểu

Thà nuốt hòn sắt nóng cháy đỏ, không nên tự lấy riêng thọ dụng những đồ ăn uống của Chúng Tăng. Thà dùng dao bén tự cắt lóc da thịt để ăn, xuất gia tại gia không được trộm cắp vật dụng của Chúng Tăng. Vị Tri Sự đem vật của chúng cho cư sĩ tương lai đồng với kẻ kia sinh về cảnh khổ.

Truyện 3:

Kinh Đại Tập nói: “Long Nữ mù đánh lễ Phật, bạch: Đời trước con đã lén hái trộm của chùa mười trái xoài để ăn, xả thân đọa địa ngục, do dư báo thành súc sinh đói khát mù lòa, trong vầy luôn bị mặt rửa hút máu. Nay con quy y Phật, mong cầu giải thoát khổ. Phật dạy: vật bốn phương tăng, thường trụ tăng, hay hiện tiền tăng, đều là của thí chủ thành kính cúng dường, mong cầu phước báu. Hoa trái trong vườn chùa, cơm cháo thuốc thang giường, nệm, tất cả vật dụng của Chúng Tăng, tự lén sử dụng hoặc đem cho cư sĩ tội đọa địa ngục A-Tỳ”.

Truyện 4:

Tỳ-kheo Phước Tăng thấy nơi đồng vắng có một cây thịt bị vô số trùng bu cắn. Phật dạy: Cây thịt ấy là một vị sư thời quá khứ, trùng bu cắn là những người tại gia đã được sư cho thực phẩm và vật dụng của chúng sanh. Kinh Quán Phật Tam Muội ghi: “Dùng tài vật của Chúng Tăng, tội nặng hơn giết hại tám mươi bốn ngàn cha mẹ”.

Địa ngục vô gián chịu năm khổ: *Quả báo không gián đoạn, *thọ khổ không gián đoạn, *thời gian không gián đoạn, *mạng sống không gián đoạn, *thân hình không gián đoạn.

Kinh Địa Tạng nói: “Một người cũng đầy ngục, nhiều người cũng đầy ngục”, như trong địa ngục bị lửa đốt thì ai cũng thấy mình ở khắp địa ngục.

3. GIỚI DÂM

KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, tự mình dâm dục, bảo người dâm dục, với tất cả Nam tử (Nữ nhân), các loài trống (loài mái), loài đực (loài cái), cho đến Thiên nam (Thiên nữ), Quỷ nam (Quỷ nữ), Thần nam (Thần nữ), cùng phi đạo mà hành dâm: nhân dâm dục, duyên dâm dục, cách thức dâm dục, nghiệp dâm dục. Là Phật Tử, đối với tất cả không được cố dâm dục. Lẽ ra phải có lòng hiếu thuận, cứu độ tất cả chúng sinh, đem pháp thanh tịnh khuyên dạy người, mà trái lại không có tâm từ bi, làm cho mọi người sinh việc dâm dục, không lựa súc sinh, cho đến hành dâm với mẹ, cha, con, anh, em trong lục thân, Phật Tử này phạm “Bồ Tát Ba La Di tội”.

- ❖ Giới Bồ Tát xuất gia = cấm dâm dục (không vợ chồng)
- ❖ Giới Bồ Tát tại gia = cấm tà dâm (có vợ chồng)

II. NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Trong Phật pháp, dâm dục là chánh nhân của sanh tử, là nguồn gốc của con đường luân hồi, cho nên Đức Phật gọi là BÁT TỊNH HẠNH. Vì do ái dục làm nhiễm ô nội tâm của mình. Một khi đã nhiễm ái dục, liền bị nó trôi buột rất khó thoát ra.

Dâm dục tuy không làm não hại ai, nó luôn làm vui lòng người, nhưng nó có một sức mạnh trói buộc chặt chẽ rất mạnh khó thoát ra khỏi.

Tất cả loài hữu hình đều bị sợi dây ái nhiễm trói cột vô cùng chắc chắn để đưa vào lao ngục đau khổ trong Tam giới, dù muốn thoát ra không phải dễ, cho dù một chánh nhân quân tử học cao hiểu rộng, có khí thế anh hùng hay là một bậc Cao Tăng đạo đức đến đâu đi nữa, nhưng nếu nội tâm của họ chưa xa lìa được ái nhiễm dục tính thì quân tử cũng thành tiểu nhân bại hoại. Cao Tăng Đại Đức cũng trở thành kẻ phá giới Tỳ kheo.

Nam nữ ở đời họ rất ưa thích việc ái dục, vì họ lầm cho việc dâm dục là niềm khoái lạc nhất trong đời. Nhưng đối với giáo pháp Phật dạy thì bản chất thật sự của dâm dục ái nhiễm sẽ đưa đến khổ não suốt đời, ràng buộc tốt đến con đường luân hồi sinh tử trong tương lai.

Vì vậy, bậc Bồ Tát phải ghi nhớ:

1. Không tự mình giao cấu nam nữ dâm dục
2. Không xúi bả kẻ khác giao cấu dâm dục, khiến cho họ rơi vào lưới ái ràng buộc, đưa vào con đường luân hồi trong tương lai đau khổ.

Sắc dục nam nữ, mới gặp dường như rất đẹp, như một đóa hoa có độc tố, nó có khả năng dối gạt, mê hoặc, khiến cho chúng sanh tự nguyện bám chặt vào ái dục một cách mãnh liệt, như một con thiêu thân hăm hở, sẵn sàng gieo mình vào ngọn lửa, để rồi tan thân mất mạng một cách oan uổng. Khi hối hận ăn năn thì đã muộn. Giới thân huệ mạng cũng không còn, làm cho

chúng sanh không thể đến được Cảnh Giới Niết Bàn an lạc.

“Trong khi ái dục cận kề
Bao nhiêu ác nghiệp tràn về bao vây
Đến khi quả báo đã đầy
Làm sao thoát khỏi vòng xoay khổ sầu”
(Kính Bồ Tát Tạng nói)

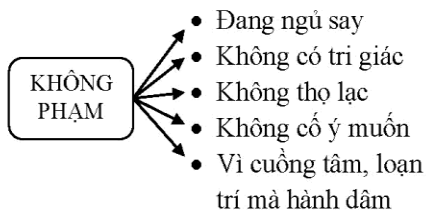
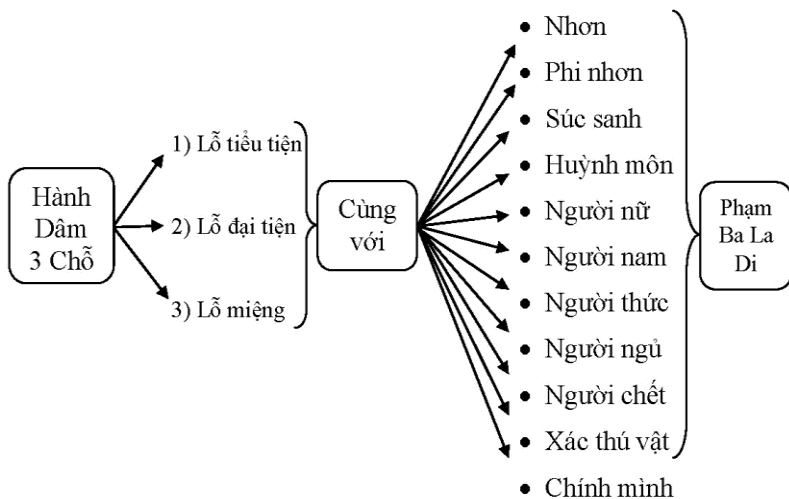
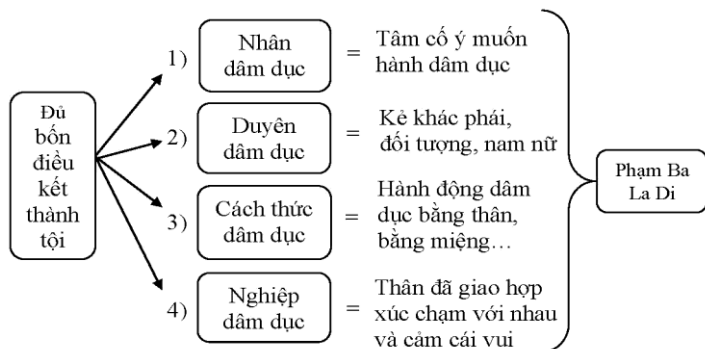
Đức Phật dạy, chiếc thân máu thịt của chúng sanh, từ đầu đến chân đều do nhiều thứ xương thịt, máu mủ hợp thành; bên ngoài chỉ là một lớp da mỏng bao bọc thịt, xương, máu mủ, đại tiện, tiểu tiện, đờm, dãi... tất cả có 36 loại dơ uế, dù cho đem tắm trong biển nước cũng không thể sạch sẽ thanh tịnh được.

Nam sắc, nữ sắc tuy nhìn sắc tướng bề ngoài cho rằng đẹp, nhưng bên trong vẫn theo thời gian cũng già xấu, cũng suy tàn, cũng tan rã.

Ta thấy, giới sát sanh nếu phạm sẽ làm cho con vật chết mất mạng sống của nó. Giới trộm cướp thì làm cho mọi người đau khổ vì mất của cải nhưng giới dâm dục đây thường làm cho con người cảm thấy vui thích, từ đó họ bị ái nhiễm, bị trói buộc khó gỡ ra. Từ nghiệp ái, họ đi vào con đường luân hồi chịu quả khổ.

III. GIẢNG GIẢI:

Dâm Dục: tức là hai thân giao hợp, khởi ý vui thích.



Làm một vị Bồ Tát, phải có đủ trí huệ, phải khác với kẻ ngu si, phải luôn xem tất cả nam tử là cha, anh, em trai của mình; phải xem tất cả nữ nhân là mẹ, chị, em gái của mình và khởi tâm cung kính, hiếu thuận.

Bậc Bồ Tát lấy việc độ sanh làm trách nhiệm và luôn luôn tìm cách cứu giúp chúng sanh hết khổ được vui từ đời hiện tại tới đời vị lai, cho nên, đang khi lo cứu độ, Bồ Tát phải đem pháp thanh tịnh dạy cho họ, khiến họ tránh xa cái nhân xấu ác.

Nếu người đã thọ giới Bồ Tát, còn hành dâm dục và dạy người dâm dục thì phạm Ba La Di tội.

4. GIỚI VỌNG

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, tự mình nói vọng ngữ, bảo người vọng ngữ, phương tiện vọng ngữ: nhân vọng nữ, duyên vọng ngữ, cách thức vọng ngữ, nghiệp vọng ngữ.

Nhấn đến không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, hoặc thân vọng ngữ, tâm vọng ngữ. Là Phật Tử, lẽ ra phải luôn chính ngữ, chính kiến, và cũng làm cho tất cả chúng sinh có chính ngữ, chính kiến, mà trái lại làm cho mọi người tà ngữ, tà kiến tà nghiệp, Phật Tử này phạm “Bồ Tát Ba La Di tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Trong sự giao tiếp ngoài xã hội, nếu ai biết mình chỉ nói láo với họ một lần thôi, kể từ đó, họ không còn tin mình nữa. Vì vậy, người đời, họ thường cẩn thận giữ gìn chữ tín, huống gì là một người tu hạnh Bồ Tát làm lợi ích cho chúng sanh, mà còn nói lời dối trá gạt người chỉ vì chút lợi dưỡng, chút danh ảo.

Miệng lưỡi lúc nào cũng thao thao, tha hồ nói theo tư tưởng mơ hồ tưởng tượng bất kể đúng sai, bất kể Tiên, Phật, Thánh Thần. Nói ngon lành như thiệt vậy, lâu ngày tạo thành khẩu nghiệp khó bỏ, thành kẻ hại người và tự hại mình. Đã mất hết hạnh Bồ Tát, còn tệ hơn

bọn xảo trá lừa đảo ngoài đời, đầu xứng với địa vị Bồ Tát, cứu độ chúng sanh.

III. GIẢNG GIẢI:

Lời nói không đúng sự thật gọi là VONG.

Âm thanh phát ra từ miệng, ai nghe cũng hiểu gọi là NGŨ.

Khi tâm mình biết những lời mình nói ra không đúng với sự thật gọi là Vọng Ngữ. Sở dĩ có vọng ngữ là vì tham danh, tham lợi, tham địa vị mà ra.

❖ Đại Vọng Ngữ:

- Muốn được danh mà nói dối
- Muốn được lợi mà nói dối
- Muốn gạt lừa kẻ khác mà nói dối
- Muốn nói mình đã chứng Thánh mà Đại Vọng Ngữ
- Nói mình biết Thiên cơ
- Nói có quỷ thần đến cúng dường mình
- Nói mình là Hậu thân của vị Cao Tăng nào đó.....

❖ Tự Minh Vọng Ngữ:

Tự mình tưởng rằng đã chứng quả Thánh và tự nói ra rằng: “Tôi đã chứng pháp cao...” (Đại Vọng Ngữ)

❖ Day Người Vọng Ngữ:

Day người khác đi rao nói rằng: “Tôi thấy ông ấy, bà ấy, vị tu sĩ ấy có thần thông, đã chứng quả....”

❖ Phương Tiện Vọng Ngữ:

Tự nói ra những điều linh ứng khi mình tu niệm thấy được như: có chư thiên đến rải hoa, cảm được điều sẽ xảy ra....

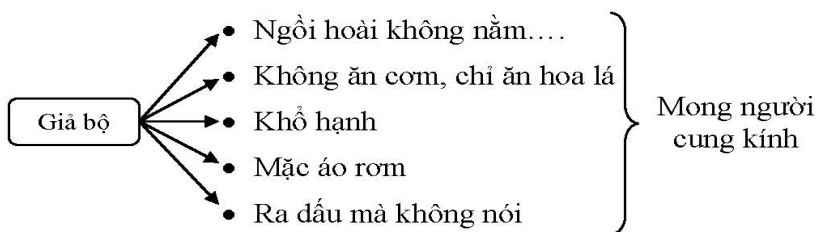
❖ Nhân Vọng Ngữ:

Là ý muốn nói dối để gạt người, để mưu cầu lợi dưỡng, để ngã mạn... Cố ý làm phát ra từ trong tâm.

❖ Duyên Vọng Ngữ:

- Là đối tượng mà mình muốn nói để cho họ nghe, họ thấy
- Thể hiện hành động linh thiêng muốn cho người kia thấy, mong họ tưởng rằng mình có thần thông, mình đã tu chứng để họ cung kính cúng dường.

❖ Cách Thức Vọng Ngữ:



❖ Nghiep Vong Ngũ:

Miệng lưỡi luôn nói dối rá, khoe khoang.Chuyện một nói mười.Chuyện không nói có.Tha hồ sượng miệng. Tâm tưởng miệng phát ra... Lâu ngày thành thói quen khó bỏ, kết thành cái nghiệp xấu ác, như có chiếc búa nằm sẵn trong miệng, hại mình, hại người, quả báo đọa vào địa ngục.

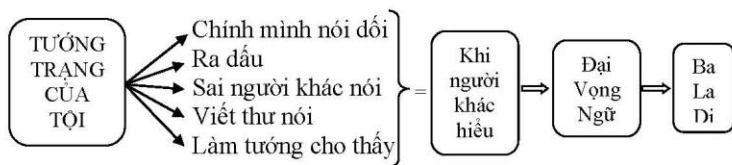
❖ Nếu Tu Bồ Tát Hạnh:

Thân tâm không vọng ngữ	→	Là Nhiếp Luật Nghi Giới	} Tam Tụ Tịnh Giới của Bồ Tát
Thường giữ Chánh Ngữ	→	Là Nhiếp Thiện Pháp Giới	
Khiến cho chúng sanh có chánh ngữ chánh kiến	→	Là nhiều ích hữu tình giới	

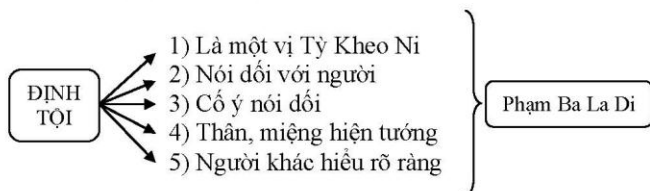
❖ Quả Báo Của Tội Vọng Ngữ:

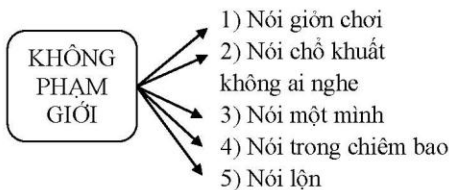
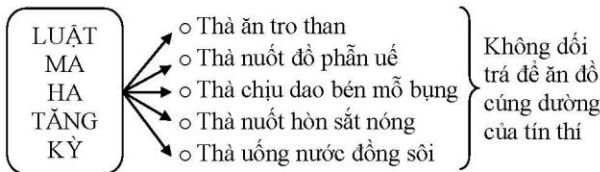
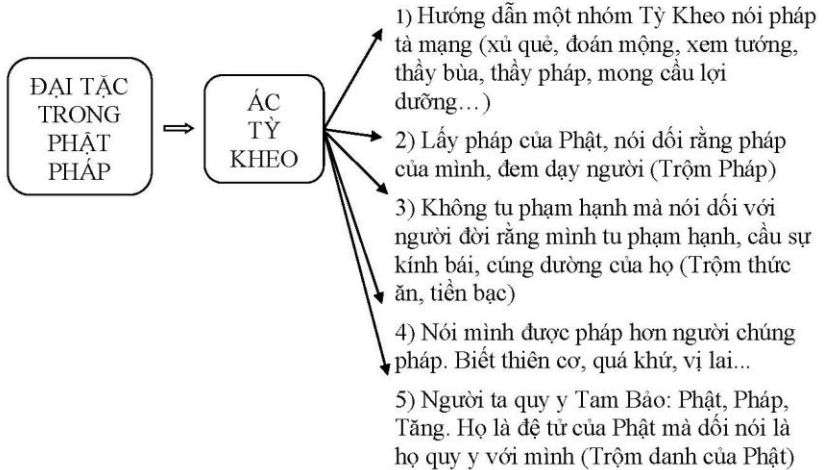
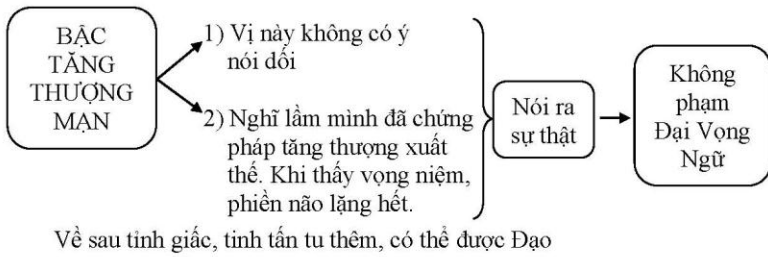
- Thường bị người bêu xấu, chê bai
- Thường bị người lừa gạt, xáo trá
- Thường bị người chống bang, khinh khi
- Lời nói ra không được ai tin
- Sau khi chết堕 vào địa ngục
- Miệng thường bị hôi thúi, lở loét

○ Chưa chứng mà nói mình đã chứng } Đại
○ Chưa ngộ mà nói mình đã ngộ } Vọng Ngữ ⇒ Ba La Di



(*Ví dụ: Ngồi hoài không nằm, ăn ngày một hột mè, giả tướng đạo mạo, bắt ấn làm phép trừ tà...*)





TRUYỆN:

Một hôm, Phật đang ngự tại tịnh xá, có cư sĩ đến tỏ ý muốn diện kiến Đức Phật, sa di La Hầu La nói dối là Phật đi vắng. Như thế nhiều lần, các Tỷ Kheo bạch Phật. Nhân lúc rửa chân, Phật hỏi La Hầu La:

- Nước rửa chân có nấu cơm được chăng?
- Thừa không, vì đã dơ bẩn.
- Đúng thế. Người nói dối là người nhơ xấu, không ai tin dùng.

La Hầu La đem chậu úp vào chỗ cũ, nước trôi tuột đi. Phật hỏi:

- Làm sao nước không đọng ở chậu?
- Vì chậu đã úp làm sao nước đọng lại được.
- Cũng thế đấy, người không hổ thẹn, thân miệng đã sống trái với pháp giáo thì Thánh Đạo làm sao thấm vào tâm?

Từ đó sa di La Hầu La không bao giờ dám nói dối.

5. GIỚI BÁN RƯỢU

I.KINH VĂN:

Nếu Phật Tử, tự mình bán rượu, bảo người bán rượu: nhân bán rượu, duyên bán rượu, cách thức bán rượu, nghiệp bán rượu – tất cả rượu không được bán - Rượu là nhân duyên sinh tội lỗi. Là Phật Tử, lẽ ra phải làm cho tất cả chúng sinh có trí huệ sáng suốt, mà trái lại đem sự mê say điên đảo cho tất cả chúng sinh, Phật Tử này phạm “Bồ Tát Ba La Di tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Người uống rượu không phải trực tiếp tự thân hại người như sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, nhưng khi một người đã uống rượu say thì đầu óc ngây dại, không có tự chủ, từ đó mọi việc ác họ có thể làm. Dù bạn là người xưa nay vốn biết tôn trọng lễ nghi cho mấy đi nữa, nhưng khi đã uống rượu say rồi thì tâm trí mờ tịt, tôn ti trật tự lễ nghĩa không còn:

- Chưởi cha, mắng mẹ
- Đánh lộn, gây sự
- Miệng nói bậy bạ
- Khóc cười như dại như điên

Lại nữa, trong rượu có chất ma túy, khiến cho người uống bị hôn mê, ngây dại, cho nên Đức Phật cấm uống

rượu, bán rượu và nấu rượu, vì đó là chất độc hại người âm thầm.

Bồ Tát lấy việc lợi sanh làm trọng, lẽ ra, phải làm sao cho chúng sanh có trí tuệ sáng suốt, biết phân biệt chánh tà, biết chọn hướng đi tốt, có ích cho mình và xã hội, đó mới chính là Đại Nguyên của Bồ Tát cần thực hành. Người tu hạnh Bồ Tát cũng không vì lợi dưỡng, muốn tiền nhiều mà buôn bán rượu, hoặc xúi người nấu rượu... vô tình gián tiếp hại người, khiến cho họ ngu ngơ ngây dại, mất hết nhân tính.

III. GIẢNG GIẢI:

❖ NHÂN BÁN RƯỢU:

Tâm muốn mở tiệm bán rượu cho người uống để kiếm tiền. Không để ý đến cái hại của người say rượu.

❖ DUYÊN BÁN RƯỢU:

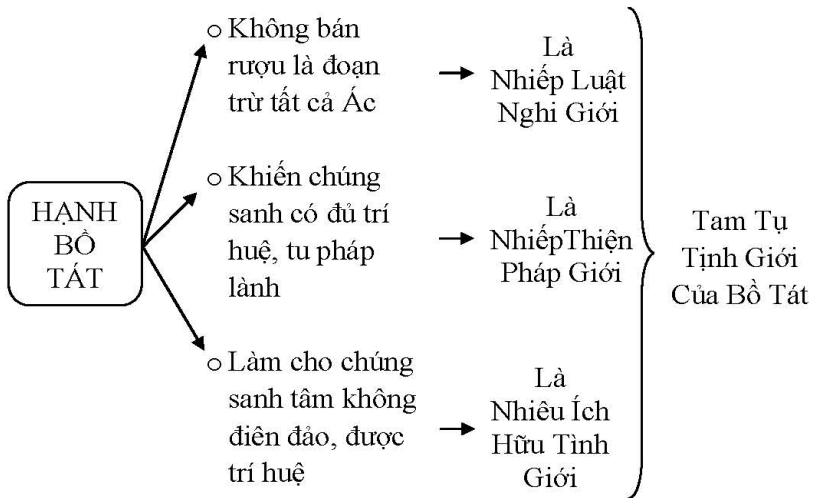
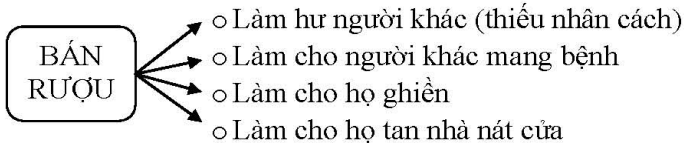
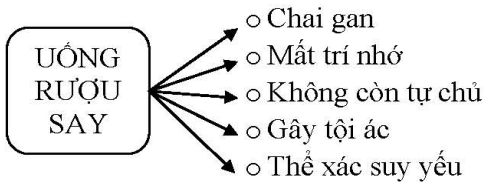
Mở tiệm bán rượu và quảng cáo cho mọi người đến mua.

❖ CÁCH THỨC BÁN RƯỢU:

Nghiên cứu làm ra nhiều sản phẩm từ rượu, mời mọc.

❖ NGHIỆP BÁN RƯỢU:

Càng bán nhiều rượu càng vui. Lòng mong chờ mọi người đến mua để mình bán nhiều.



6. GIỚI RAO LỖI CỦA TỬ CHUNG

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, tự miệng rao nói tội lỗi của Bồ Tát xuất gia, Bồ Tát tại gia, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, hoặc bảo người rao nói những tội lỗi ấy: nhân rao nói tội lỗi, duyên rao nói tội lỗi, cách thức rao nói tội lỗi, nghiệp rao nói tội lỗi. Là Phật Tử, khi nghe những kẻ ác, ngoại đạo cùng người nhị thừa nói những điều phi pháp, trái luật trong Phật Pháp, thời phải luôn luôn có lòng từ bi giáo hóa những kẻ ác ấy, cho họ sinh tín tâm lành đối với Đại Thừa, mà trái lại Phật Tử lại tự mình rao nói những tội lỗi trong Phật Pháp. Phật Tử này phạm “Bồ Tát Ba La Di tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Làm người, ai cũng phạm phải lỗi lầm, dù cho người đã phát tâm tu hành, nhưng chưa chứng được quả A La Hán. Người tu hạnh Bồ Tát phải có tâm từ bi hỷ xả, hiểu rõ chướng duyên của người. Nếu biết người kia làm lỗi, cũng nên tìm lời khuyên nhủ, khiến cho họ sửa đổi. Không nên đem chuyện rao nói với người khác. Không nên “bói lông tìm vết” làm xúc náo người khác. Ca dao có câu:

“Dao cắt vết thương lành lại dễ
Lời nói xấu ác hận khó tiêu”

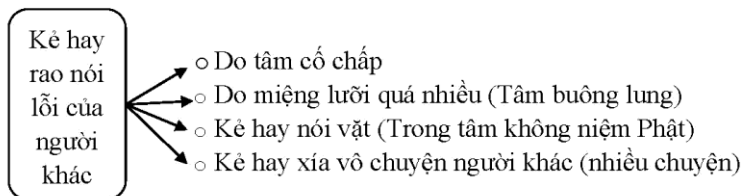
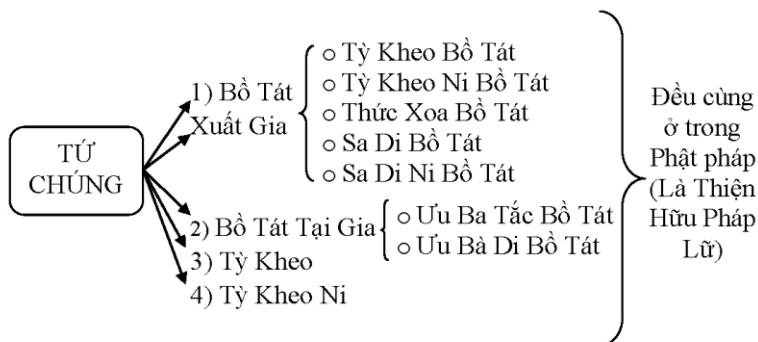
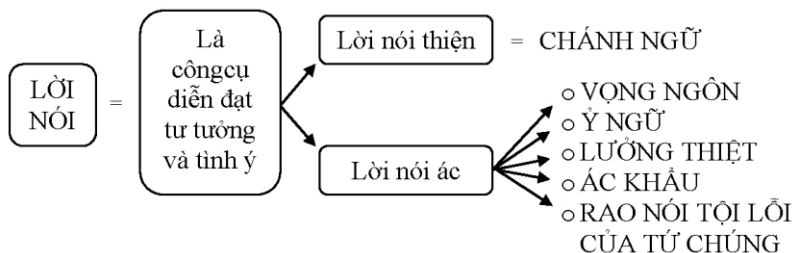
Bậc tu hạnh Bồ Tát, khi nghe ai nói lỗi của Tứ Chúng, còn đau lòng như kim đâm vào tim mình, hướng chỉ là tự mình đi rao nói lỗi của huynh đệ đồng tu, đồng thực hành pháp tu của Đức Phật. Nếu không biết tỉnh giác, kiềm chế miệng lưỡi, tha hồ để cho Tam Độc Tham Sân Si khởi ra ý tưởng xấu ác. Xía vô chuyện của người khác, miệng lẫn lưỡi mồi, làm cho hai bên bất hòa, làm cho người ta thân bại danh liệt, không còn đường để tiến thân, không còn danh dự để hành Đạo.

Luật Tát Bà Đa nói: “Nếu rao nói tội lỗi của người xuất gia tức là phá pháp thân phật, là chặn bít con đường hoằng pháp”.

Nếu người giữ giới, không nói lỗi của Tứ Chúng là biết:

- Bảo vệ sự thanh tịnh của Pháp Môn
- Là bảo vệ danh dự của Tăng Đoàn
- Là bảo vệ danh dự của Tứ Chúng

III. CHÚ THÍCH:



- ❖ NHÂN RAO NÓI TỘI LỖI: Do ba đức Tham, Sân, Si khởi ý, muốn đi nói xấu người.
- ❖ DUYÊN RAO NÓI TỘI LỖI: Tìm lỗi của người khác tài để bàn tán, bêu xấu.
- ❖ BẢO NGƯỜI RAO NÓI: Xúi người khác nói thay mình
- ❖ CÁCH THỨC RAO NÓI:
 - Dùng miệng nói ra
 - Viết lên giấy
 - Tìm đối tượng để nói ra
 - Đăng báo nói xấu....
- ❖ NGHIỆP RAO NÓI TỘI LỖI: Những gì mình muốn nói đều khiến mọi người hiểu rõ.

- QUẢ BÁO:
- Sau khi chết,堕 vào Địa Ngục bị kéo lười ra cho trâu cày lên.
 - Nếu sanh ra làm người:
 - Miệng hôi thúi
 - Lở miệng hoại
 - Răng thường gãy rụng
 - Nói ra lời chi cũng không ai tin
 - Sống trong gia đình thường gây gổ
 - Hiện ra cái tướng ít ai ưa
 - "Họa tùng khẩu xuất
 Bệnh tùng khẩu nhập"
*(Tai nạn có ra cũng từ cái miệng
 Bệnh tật sanh ra cũng do miệng ăn)*
 - "Phù sĩ xử thế
 Phủ tại khẩu trung
 Sở dĩ trăm nhơn
 Do kỳ ác ngôn"
*(Phàm người ở đời
 Búa bén nằm trong miệng
 Sở dĩ chém chết người
 Là do lời nói ác")*

- ❖ NHÂN RAO NÓI TỘI LỖI: Do ba độc Tham, Sân, Si khởi ý, muốn đi nói xấu người.
- ❖ DUYÊN RAO NÓI TỘI LỖI: Tìm lỗi của người khác làm đề tài để bàn tán, bêu xấu.
- ❖ BẢO NGƯỜI RAO NÓI: Xúi người khác nói thay mình
- ❖ CÁCH THỨC RAO NÓI:
 - Dùng miệng nói ra
 - Viết lên giấy
 - Tìm đối tượng để nói ra
 - Đăng báo nói xấu....
- ❖ NGHIỆP RAO NÓI TỘI LỖI: Những gì mình muốn nói đều khiến mọi người hiểu

QUẢ BÁO:

- Sau khi chết, đọa vào Địa Ngục bị kéo lưới ra cho trâu cày lên.
- Nếu sanh ra làm người:
 - Miệng hôi thúi
 - Lở miệng hoại
 - Răng thường gãy rụng
 - Nói ra lời chi cũng không ai tin
 - Sống trong gia đình thường gây gổ
 - Hiện ra cái tướng ít ai ưa
- "Họa tùng khẩu xuất
 Bệnh tùng khẩu nhập"
*(Tai nạn có ra cũng từ cái miệng
 Bệnh tật sanh ra cũng do miệng ăn)*
- "Phù sĩ xử thế
 Phủ tại khẩu trung
 Sở dĩ trăm nhơn
 Do kỳ ác ngôn"
*(Phàm người ở đời
 Búa bén nằm trong miệng
 Sở dĩ chém chết người
 Là do lời nói ác")*

Tu hạnh Bồ Tát giữ Tam Tụ Tịnh Giới:

- ❖ Không nói dối tứ chúng: Nhiếp Luật Nghi Giới
- ❖ Khuyên người trở nên tốt: Nhiếp Thiện Pháp Giới
- ❖ Hướng dẫn chúng sanh không nói lỗi của ai: Nhiêu Ích Hữu Tình Giới

7. GIỚI TỰ KHEN MÌNH CHÊ NGƯỜI

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, tự khen mình chê người, cũng bảo người khác khen ngợi mình chê người: nhân chê người, duyên chê người, cách thức chê người, nghiệp chê người. Là Phật Tử, lẽ ra phải thay thế chịu những sự khinh chê khổ nhục cho tất cả chúng sinh, mình nhận lấy việc xấu, nhường cho người việc tốt. Nếu Phật Tử tự phô trương tài đức của mình mà đìu che điều hay tốt của người, làm cho người bị khinh chê, Phật Tử này phạm “Bồ Tát Ba La Di tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Nếu chưa chứng quả Thánh A La Hán thì ai cũng có Bản Ngã rất cao, cái Ta là trên hết, vì vậy mà họ luôn thấy mình hơn người. Mình giỏi, mình hoàn toàn và thường ganh tỵ với những ai hơn mình. Họ có khuynh hướng tôn mình lên và có ý tưởng chê bai người khác. Ít có ai tự thấy mình kém và khen ngợi kẻ khác, do đó, người thế gian họ khó có được cái hòa khí trong xã hội. Họ rất thích người khác nịnh bợ, khen ngợi mình, nên họ thường bị lợi dụng, sau khi được nịnh la' giỏi, là tốt, là có tài... nhưng thực chất chưa hẳn là đúng như lời khen.

Hành giả tu hạnh Đại Thừa Bồ Tát không ca ngợi pháp tu của mình và chê bai những pháp môn khác, bởi vì giáo pháp của Đức Phật có đến 84,000 cách tu, đầy đủ phương tiện điều dụng thiện xảo, pháp nào tu cũng giải thoát cả. Tùy trường hợp mà thực hành, giống như thuốc trị bệnh. Có uống thuốc mới hết bệnh, cũng như có thực hành pháp tu thì mới giải thoát chứ chẳng có pháp nào cao hơn pháp nào cả.

Người tu hạnh Bồ Tát phải làm gương cho chúng sanh; nhận cho mình việc xấu, nhường cho người việc tốt.

Bậc Bồ Tát phải luôn luôn tỉnh giác, biết mình còn rất nhiều sai lầm, còn rất nhiều nghiệp lực và đầy dẫy những tập khí vô minh sâu dày chưa trừ sạch.

Dù cho mình Hạ Lạp có cao, có địa vị trưởng lão trong Đại Chúng cũng chưa hẳn là sạch nghiệp, vì địa vị càng cao thì Bản Ngã càng lớn, ở chùa lâu chứ chưa hẳn là tu lâu.

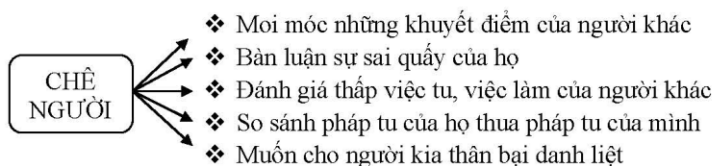
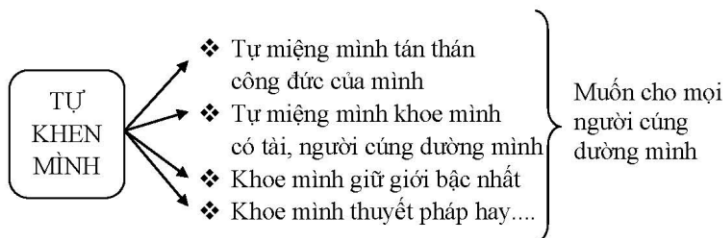
Người đời thường nói:

“Hữu xạ tự nhiên hương”

(có đốt trầm, mùi thơm tự bay ra)

Nếu mình tự có công đức, có tài, có hạnh kiểm tốt, thì Đạo Hạnh tự lan xa, không cần phải phô trương. Nếu vì danh lợi mà dối phô trương, thì thực chất không phải như vậy, chẳng khác nào kẻ xảo trá dối người, tội đọa địa ngục.

III. GIẢI THÍCH:



1. NHÂN CHÊ NGƯỜI:

Do tham danh, do ganh tỵ mà khởi ý muốn tìm cách chê bai người khác, vì chê người khác tức là gián tiếp khen mình hay hơn.

2. DUYÊN CHÊ NGƯỜI:

Tìm đủ mọi khuyết điểm của đối phương và chê trong khi đó miệng luôn khoe khoang để phô trương mình, hạ thấp người khác để cầu cung kính, để cầu lợi dưỡng.

3. CÁCH THỨC CHÊ NGƯỜI:

- Quảng cáo việc xấu của người
- Phô trương tài đức của mình cốt đim chê kẻ khác
- Nói bêu xấu, muốn cho người kia nhơ danh...

4. NGHIỆP CHÊ NGƯỜI:

Khi người khác nghe và hiểu rõ lời chê bai của mình tức thì thành nghiệp quả.

- ❖ Không nên sợ người khác chê mà mình bị xấu, vì “Bất cứ người nào cũng không thể làm cho ta

xấu đi, chỉ có chính ta mới tự làm cho ta xấu đi mà thôi”

- ❖ Khi mở miệng chê bai người khác tức là có ẩn ý khen mình hay hơn, tốt hơn vị kia. Trong lời chê đã có ý khen mình.

TRUYỆN KỂ:

Pháp Sư Biện Tích, một Cao Tăng hoàng truyền chánh giáo, số thánh chúng đông đến ngàn muôn. Vì bị một bọn liên kết hủy báng, ngài mất hẳn tín chúng, phải dọn chùa đi nơi khác. Những kẻ hủy báng sau khi chết chịu quả vô cùng bi thảm, vô lượng kiếp trong địa ngục rút lưỡi; chuyển thân dương gian, thân này thân khác cứ bị mù lòa; cho đến đức Phật Thích Ca xuất thế, dù được xuất gia tu học mà thân tâm gặp nhiều chương nạn, đến nỗi hết đời lại sanh vào địa ngục.

TRUYỆN KỂ:

Kinh Vị Tăng Hữu kể: Có năm Tỳ Kheo, hằng ngày luân phiên, bốn người ngồi thiền trong rừng, một người kia đi các nơi rao nói: “Có Thánh Tăng giảng đức tại rừng kia, ai phát tâm lễ bái cúng dường, công đức vô lượng”. Năm người nhờ vậy thọ dụng đầy đủ, mạng chung đọa địa ngục; sanh dương thế làm súc sanh để trả nợ thí chủ; đến khi làm người bị dư báo, nếu không làm nghề khiên kiệu thì cũng đồ phân thuê cho đàn-na xua. Xem thế thì biết, lợi dưỡng đúng pháp còn nên xa lánh, huống chi dùng thủ đoạn không chính đáng mà tìm cầu.

8. GIỚI BỎN SẼN THÊM MẮNG ĐUỐI

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, tự mình bỏn sẻn, bảo người bỏn sẻn: nhân bỏn sẻn, duyên bỏn sẻn, cách thức bỏn sẻn, nghiệp bỏn sẻn. Phật Tử khi thấy những người bần cùng đến cầu xin, phải cấp chỗ cần dùng của họ. Mà Phật Tử lại đem lòng giận ghét, cho đến không cho một mảy, có người đến cầu học giáo pháp, cũng chẳng nói một kệ một câu, lại còn xua đuổi quở mắng. Phật Tử này phạm “Bồ Tát Ba La Di tội”.

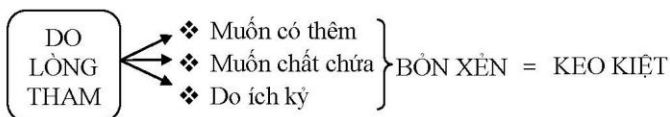
II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Tiền của, tài sản là vật ngoài thân, những thứ đó là phương tiện cần yếu cho cuộc sống thể xác. Ngoài ra, còn có phần tinh thần rất quan trọng. Nhưng con người cũng vì tham, tích trữ tiền của và tài sản thêm nhiều mà bị khổ đau, hao mòn thể chất và mang bệnh tật. Gom góp vào tay quá nhiều tiền, mà không dám ăn, không dám xài, sợ bị sút mẻ, tiền tặn từng li từng tí. Chỉ cần cho bà con thân tộc một ít tiền rất nhỏ, họ cũng cảm thấy xót tiếc trong lòng, cảm như bị ai cắt bớt thịt xương của họ. Họ trở thành một người keo kiệt, rít rắm. Tâm ích kỷ, hẹp hòi, bỏn sẻn. Với gương mặt lạnh lùng, họ đã không bao giờ nhớ đến những người nghèo khổ, mà trong lòng còn lo sợ người khác đến xin xỏ. Họ thường tỏ ra lương lệ tránh né, từ chối, rui khi

bị ai đến nài nỉ cần cầu thì họ thường giận ghét, mắng nhiếc, xua đuổi, khiến cho kẻ kia bị nhiều đau khổ tủi buồn.

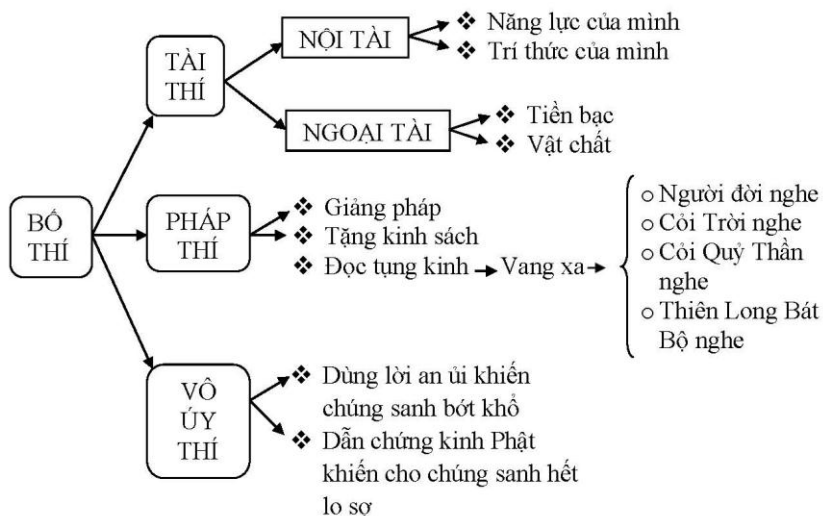
Họ đâu biết rằng cái thân Tứ Đại biến dịch vô thường già, bệnh còn không thể giữ được lâu, huống chi là của cải tài sản là thứ bấp bênh, thuộc về năm con đường tiêu hoại (năm nhà) hồi nào không biết trước được (nước trôi, lửa cháy, trộm cướp, con phá, vua tịch thu). Người tu hạnh Bồ Tát, luôn sống thiếu dục tri túc. Lấy việc nhiếp hóa lợi ích chúng sanh làm căn bản, cho nên Bạc Bồ Tát lấy hạnh Bố Thí làm đầu. Khi gặp duyên thì đem lòng từ bi bình đẳng làm lợi ích chúng sanh không bỏ sót. Bạc Bồ Tát không vì quyền lợi riêng mình mà từ chối cứu giúp, không ích kỷ từ chối, không nên từ chối khi chúng sanh cần. Không nói lời khiếm nhã khiến người khác đau khổ.

III. GIẢI THÍCH:



BỒN = Bòn mót, tích góp, gom góp về

XẸN = Keo kiệt, hà tiện



❖ TỰ MÌNH BỎN XẼN:

- Không đem tiền của mình cho ai
- Không đem năng lực của mình ra giúp ai
- Không đem sự hiểu biết của mình ra giúp ai
- Không dùng lời dụ từ ra an ủi ai
- Không đem tiền của mình ăn uống kinh sách
- Không tụng kinh cho chúng sanh nghe...

❖ DAY NGƯỜI BỎN XẼN:

- Là xúi người khác đừng Bồ thí cho ai
- Ngăn người khác cúng dường Tam Bảo
- Dùng lời lẽ chê bai, xuyên tạc khiến cho mọi người không bồ thí....

❖ NHÂN BỎN XẼN:

- Do tâm ý tiếc của, keo kiệt, ích kỷ...
- Do tâm lạnh lùng không thương kẻ nghèo
- Do tâm tham cầu thêm nhiều
- Muốn tích góp thêm, thấy chưa đủ

Keo kiệt, bỏn xẻn

❖ DUYÊN BỎN XẼN:

- Không cứu giúp ai
- Đem cất giấu của cải

- Không vui khi thấy ai đến xin giúp đỡ
- Không thương người hoạn nạn

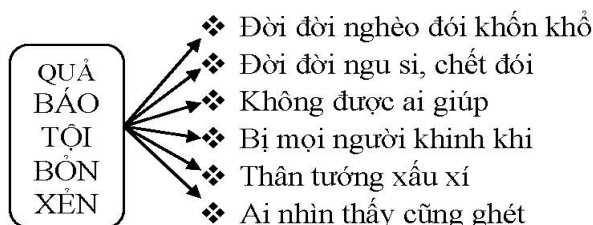
❖ CÁCH THỨC BỎN XẸN:

- Khi có người xin mình giảng pháp, mình không giảng
- Có người nhờ giúp mình từ chối
- Đã không bố thí mà còn mắng đuổi họ....

❖ NGHIỆP BỎN XẸN:

- Đã thành thói quen keo kiệt
- Quyết tâm không bố thí cho ai
- Không ưa kẻ nghèo đến xin xỏ

Tham cầu không biết đủ	}	Phạm Bồ Tát Ba La Di Tội
Chứa của cải nhiều không biết xả		
Không bố thí một đồng		
Không giảng pháp một câu		
Chửi mắng người đến xin		



9. GIỚI GIẬN HỒN KHÔNG NGƯỜI

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, tự mình giận, bảo người giận: nhân giận, duyên giận, cách thức giận, nghiệp giận. Người Phật Tử lẽ ra phải làm cho tất cả chúng sinh được những căn lành không gây gổ; thường có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Mà trái lại, đối với trong tất cả chúng sinh, cho đến loài phi chúng sinh, đem lời ác mạ nhục, còn thêm dùng tay, chân, dao, gậy để đánh đập mà vẫn chưa hả dạ cho đến nạn nhân kia lấy lời nhỏ nhẹ xin lỗi, cầu sám hối tạ tội, nhưng vẫn còn không hết giận, Phật Tử này phạm “Bồ Tát Ba La Di tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Giới này chú trọng đến việc không tha thứ cho người xin sám hối mình, vì tâm mình còn sân giận, cố chấp, nên hiện tướng hung bạo đối với người đến xin lỗi.

Người đã làm lỗi mà biết dừng lại, biết quay đầu, biết cầu xin sám hối để tu sửa lại, biết tỉnh giác, đó là người biết hướng thiện.

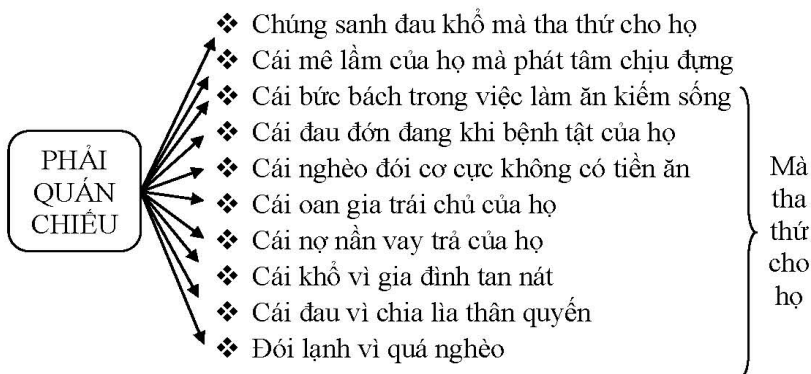
Vì còn là phàm phu sống theo tâm thức si mê, cho nên ai cũng có lỗi lầm, vì vậy Đức Phật đã dạy cho pháp sám hối chữa lỗi, để chúng sanh có cơ hội sửa mình, biết Học Đạo, biết Hành Đạo và biết tiến Đạo.

Người tu hạnh Bồ Tát phải hiểu biết, phải từ bi thương xót kẻ lỗi lầm, vì chúng sanh nhiều si mê, bám theo tâm thức xấu ác nên bị trôi lăn theo nghiệp, rất là đáng thương. Bồ Tát phải phát nguyện gần gũi chúng sanh, nhẫn nhịn, chịu đựng được cái xấu của họ, tha thứ được những mê lầm của họ để mà độ họ, để chữa bệnh cho họ. Bồ Tát nếu không nguyện vào địa ngục thì làm sao cứu độ được chúng sanh.

Nếu Bồ Tát còn nhiều sân giận, hiện tướng hung dữ trước chúng sanh, làm cho họ xa lánh mình. Chính mình không nhẫn nhịn chịu được, tức là mình chưa điều phục được chính mình, thì làm gì độ được người khác.

Đối tượng của hạnh Bồ Tát là những chúng sanh với đầy những tánh phàm phu xấu ác, cho nên Bồ Tát phải lấy hạnh nhẫn nhục làm phương châm hành Đạo. Bồ Tát không được đem giận trả giận, đem đánh trả đánh, mà phải gánh chịu sự khổ bớt cho chúng sanh, như Mẹ thương con đỏ.

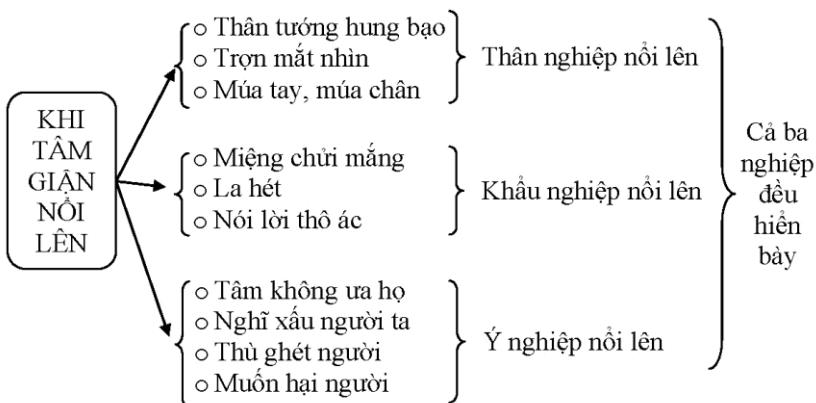
Đức Phật dạy: Bồ Tát phải quán chiếu cái khổ của chúng sanh là cái khổ của chính mình thì mới thương họ được.



Bồ Tát không được sân giận khi có ai sám hối, mà phải dùng lời nhẹ nhàng dạy bảo họ.

III. GIẢI THÍCH:

1. TƯ MÌNH GIẬN:



2. BẢO NGƯỜI GIẬN:

- Xúi người khác giận ai để cho mình vừa ý thù ghét họ

- Đâm thọc hai đầu để cho họ giận nhau, mình được cảm ơn
- Xúi giục cho hai bên đánh nhau để ly gián họ....

3. NHÂN GIẬN:

Vì không tu tâm, nên SÂN SI nổi lên, chán ghét chúng sanh. Trong tâm không còn một chút từ bi.

4. DUYÊN GIẬN:

- | | | |
|-------------------------------|---|---------------------------------|
| ○ Gặp người có lỗi, không tha | } | Con
giận
nổi
lên |
| ○ Thấy không ưa | | |
| ○ Cố chấp việc xấu của họ | | |
| ○ Không chấp nhận họ sám hối | | |
| ○ Không tha thứ lỗi của họ | | |
| ○ Chửi bới, nhục mạ | } | Làm cho
đối phương
bị hại |
| ○ Dẫm đạp | | |
| ○ Nói xấu | | |
| ○ Áu đả tàn khốc | | |
| ○ | | |

6. NGHIỆP GIẬN:

Thói quen sân giận đã luôn bộc phát, làm tổn hại chúng sanh. Một khi đối phương đã rõ biết mình đang giận họ, chửi rủa đánh đập họ.... thì nghiệp giận đã cấu thành.

Đức Phật dạy, khi ác nghiệp đã thành rồi, phải bị trầm luân đọa lạc, đời đời kết oán gây thù. Oan gia trái chủ đã kết chặt, khó có thể cởi mở ra được.

Vì vậy, chuyện xích mích với nhau trong cuộc đời là lẽ thường. Không nên dùng oán trả oán phải dùng Đức trả oán (làm điều tốt trả lại...)

7. LOÀI PHI CHÚNG SANH:

- Vô tình chúng sanh: như cây cỏ, đất đá
- Kẻ biến hóa
- Chư Phật
- Chư Thánh

Không chấp nhận cho người khác sám hối tức là chính mình có lỗi.

Mình tự làm cho mình xấu đi.

Mình tự làm cho mình đau khổ

Mình tự làm cho kẻ khác xa lánh mình

QUẢ BÁO: Sanh làm người có tướng mạo xấu xí. Ai nhìn thấy mình cũng không ưa.

10. GIỚI HỦY BÁNG TAM BẢO

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, tự mình hủy báng Tam Bảo, xúi người hủy báng Tam Bảo: nhân hủy báng, duyên hủy báng, cách thức hủy báng, nghiệp hủy báng. Phật Tử nghe lời hủy báng Tam Bảo của ngoại đạo và kẻ ác, còn đau lòng như ba trăm cây nhọn đâm vào tim mình, huống là tự miệng mình hủy báng! Không có đức tin và lòng hiếu thuận đối với Tam Bảo, lại còn giúp sức cho những kẻ ác, kẻ tà kiến hủy báng nữa, Phật Tử này phạm “Bồ Tát Bà La Di tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đức Phật Thích Ca cho biết, vào thời mạt pháp, việc truyền bá Kinh này rất là khó, vì đây là bộ Kinh Đại Thừa, chỉ thẳng Tri Kiến Phật có sẵn trong chúng sanh. Nó là Chơn Tâm, là Phật Tánh, là Tánh Giác Biết vô hình luôn hiện hữu, là hạt giống để thành Phật mà chúng sanh khó nhận ra. Đối với những hạng chúng sanh không có Căn Tánh Đại Thừa, họ luôn luôn sống với Tâm Thức phân tích, suy luận thì họ không tin Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Họ cho rằng Kinh này không phải do Đức Phật nói thời đó mà Kinh này do những người sau viết ra. Họ không tin có Đức Phật thọ mạng dài lâu (Như Lai Thọ

Lượng). Họ không tin có các Thánh Tăng Tòng Địa Dũng Xuất. Họ chỉ tin theo lịch sử, theo giáo lý Nhơn Thừa, theo Kinh Điển phương tiện... Vì vậy họ sanh ra phỉ báng Phật, Pháp, Tăng.

Vì không tin Phật thọ mạng dài lâu nên họ không thấy được Phật Tánh sẵn có của mình, từ đó họ không thấy được Phật Tánh trong tất cả chúng sanh nên họ không có được Pháp Nhãn, không biết mở tâm Đại Bi cứu độ bình đẳng. Họ chỉ tin theo pháp tu Tiểu Thừa phương tiện tự lợi, chỉ chứng quả A La Hán nhập diệt tận định mà không thể thành phật, cứu độ chúng sanh.

Người tu hạnh Bồ Tát phải có Pháp Nhãn, phải thấy được Tánh Giác thường hằng sẵn có trong chính mình và trong tất cả chúng sanh để phát tâm từ, cứu độ bình đẳng.

Hành giả tu hạnh Bồ Tát phải tin:

- ❖ Có Đức Phật thọ mạng dài lâu: phật Tánh thường hằng (Phật)
- ❖ Có Kinh Điển Đại Thừa do Phật nói về Chơn Tâm (Pháp)
- ❖ Có Chư Hiền Thánh Tăng Bồ Tát (Tăng)

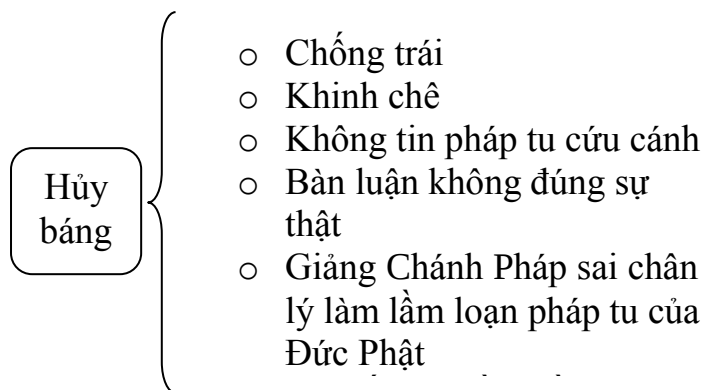
Người hủy báng Tam Bảo là người:

- ❖ Không thừa nhận Tánh Giác của mình
- ❖ Là người chấp nhận đi vào con đường tối tăm, đọa lạc theo Tâm Thức tà kiến sai lầm, cố chấp...
- ❖ Là người từ chối chỗ nương tựa vững chắc trong cuộc đời

- ❖ Là người không thấy được Xuất Thế Gian Tam Bảo cho nên họ khó có thể thành Phật.

Vì vậy, Tam Bảo không bao giờ hủy báng được. Hành giả tu hạnh Bồ Tát chân chính, mỗi khi nghe ai hủy báng Tam Bảo thì trong lòng cảm thấy như bị ba trăm cây nhọn đâm vào tim mình, huống chi là tự mình hủy báng.

III. GIẢI THÍCH:



❖ TỰ MÌNH HỦY BÁNG TAM BẢO:

Tự mình không tin mình có:	{	○ Phật Tánh ○ Chơn Tâm ○ Tánh Giác	}	PHẬT
----------------------------	---	--	---	------

Tự mình không tin giáo lý Đại Thừa do Đức Phật nói về Phật Tánh:	{		}	PHÁP
--	---	--	---	------

Tự mình không tin có:	{	○ A La Hán ○ Bồ Tát	}	THÁNH TĂNG
-----------------------	---	--	---	---------------

❖ DAY NGƯỜI HỦY BẢNG TAM BẢO:

Những kẻ tà kiến thường muốn kết bè kết đảng, cô động mọi người, bàn luận khinh chê. Vì họ có cái nhìn hạn hẹp, không có căn cơ Đại Thừa nên họ không đủ trình độ tin nhận pháp Xuất Thế Vô Thượng thành Phật. Giống như trong Kinh Pháp Hoa, thính chúng đã bỏ Đạo Tràng ra về, không nghe, không tin lời Đức Phật, hướng chi là thời mạt pháp. Bồ Tát là hành giả đang đi trên đường Đại Thừa thành phật, họ phải có lòng tin Xuất Thế Gian Tam Bảo.

- Phật Tánh, Tánh Giác, Chơn Tâm sẵn có (Tin Phật)
- Kinh điển Đại Thừa (Tin Pháp)
- Chư Hiền Thánh Tăng A La Hán, Chư Đại Bồ Tát không hiện hữu, không thấy sống trên thế gian...(Tin Hiền Thánh Tăng)

❖ NHÂN HỦY BẢNG TAM BẢO:

Nhân tố si mê tà kiến là cái mầm có sẵn trong con người (câu sanh chủng tử Tham, Sân, Si) cho nên cái năng lực tà kiến rất lớn. Hễ gặp duyên ác nào đó, họ liền tin theo một cách mù quáng và sẵn sàng hủy báng, không tin Chánh Kiến.

❖ DUYÊN HỦY BẢNG TAM BẢO:

Vì si mê, điên đảo, không có căn tánh Đại Thừa .

Nếu:

- Gặp người dụ
 - Gặp người chê bai không tin
 - Gặp người phản bác suy luận
- } liên sanh tâm hủy báng

❖ CÁCH THỨC HỦY BẢNG TAM BẢO:

- Dùng những lý luận chứng minh
- Viết văn đăng báo, đưa lên mạng xã hội
- Viết sách nói xấu, nói Đại Thừa là không có thật trước mắt, không thấy, không thực tế, vô hình..
- Tìm đủ cách làm mê hoặc mọi người, làm cho họ bỏ niềm tin Chánh Pháp

❖ NGHIỆP HỦY BẢNG TAM BẢO:

Khi những cách thức hủy báng được người khác tin theo, thì nghiệp đã tạo thành, làm cái Nhân để kết ra quả. Ác quả nghiệp lực này sẽ dẫn họ trôi lăn sanh tử:

- ❖ Đòi đòi không bao giờ gặp Phật
 - ❖ Đòi đòi không bao giờ gặp Pháp
 - ❖ Đòi đòi không bao giờ gặp Thánh Tăng
- } Xuất thế gian Tam Bảo



V.ĐỨC PHÁT KẾT RĂN:

Này các Phật Tử! Trên đây là mười giới trọng của Bồ Tát, các Phật Tử cần nên học.

Trong mười giới đó, không nên trái phạm một giới nào cả, dầu chỉ mảy nhỏ như vi trần, huống chi phạm đủ cả mười giới u! Nếu có người nào trái phạm, thời người ấy hiện đời không được phát Bồ Đề Tâm, rồi cũng mất ngôi Quốc Vương, ngôi Chuyển Luân Vương, ngôi Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni; cũng mất những quả “Thập Kim Cương”, “Thập Địa”, tất cả diệu quả Phật Tánh Thường Trú đều mất, đọa trong ba ác đạo, trong hai kiếp, ba kiếp chẳng được nghe danh tự của cha mẹ và Tam Bảo. Vì thế nên không được phạm một giới nào cả. Tất cả Bồ Tát các ngài đã học sẽ học và hiện nay học. Mười giới như thế cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì.

- | | |
|---------------------|------------------|
| ❖ Thập Phát Thù | = Thập Trụ |
| ❖ Thập Trưởng Dưỡng | = Thập Hạnh |
| ❖ Thập Kim Cương | = Thập Hồi Hướng |
| ❖ Thập Địa | = Thập Địa |

VI. 48 GIỚI KHINH:

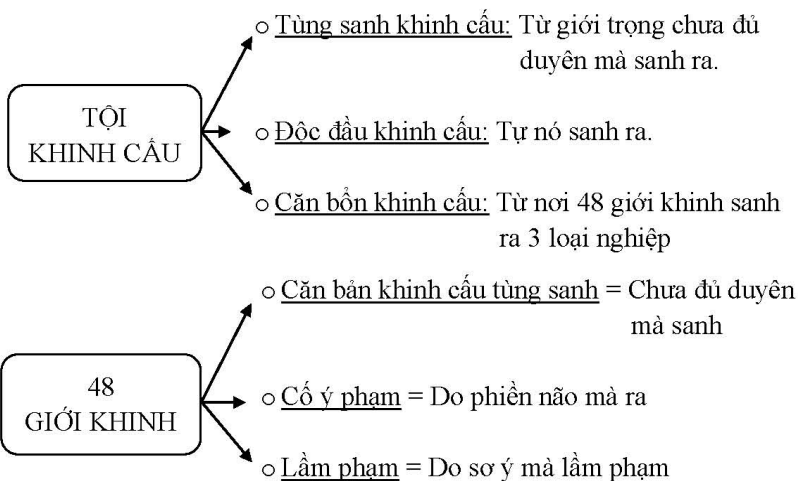
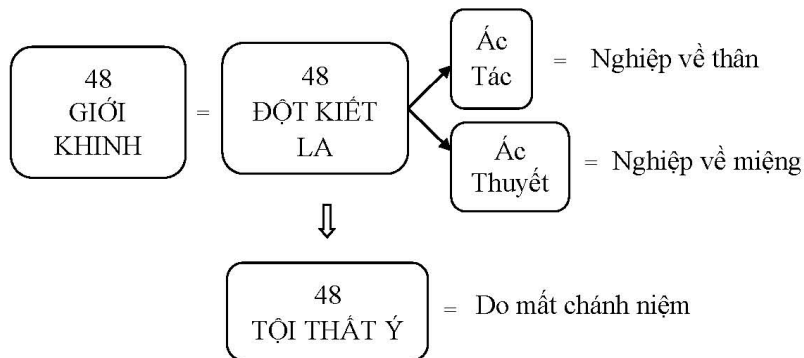
Đức Phật bảo các vị Bồ Tát rằng:

Đã giảng mười giới trọng rồi, nay tôi sẽ nói về bốn mươi tám giới khinh:

- ❖ KHINH: gọi là khinh cầu {
- Là làm nhiễm ô Chơn Tánh
 - Là làm mờ Tánh Giác, như áng mây che mờ ánh sáng mặt trời

→ Do mười giới trọng không đủ duyên thành nghiệp nên thành tội khinh cầu (giống Thâu Lan Giá của Tỷ Kheo Giới)

- ❖ KHINH: là nhẹ
- ❖ CẦU: là dơ nhiễm Tánh Giác, che mờ Chơn Tâm
- ❖ TRỌNG GIỚI: ngăn cấm triệt để (như Ba La Di)
- ❖ KHINH GIỚI: Tội nhẹ, chỉ học giới lại, không mất giới



48 Giới Kinh đây tuy không triệt để cấm ngăn, nhưng Đức Phật vẫn chế giới, vì Phật muốn đề phòng, sợ những hành giả tu Bồ Tát hạnh còn bị sơ suất khi tiếp cận với người đời. Nếu vì sơ ý làm những điều không tốt, sẽ bị người đời chê bai, phê bình, chỉ trích, làm hoen ố hạnh trong sạch của Bồ Tát.

48 ĐIỀU GIỚI KHINH

- | | |
|--|--|
| 1. Không kính Thầy bạn | 25. Làm tri chúng vụng về |
| 2. Không uống rượu | 26. Riêng thọ lợi dưỡng |
| 3. Không ăn thịt | 27. Không thọ biệt thỉnh |
| 4. Không ăn ngũ tân | 28. Biệt thỉnh Tăng |
| 5. Nên dạy người sám hối | 29. Tà Mạng nuôi sống |
| 6. Không cúng dường thỉnh pháp | 30. Làm quản lý cho cư sĩ (tay sai) |
| 7. Không đi nghe pháp | 31. Không mua chuộc Kinh, Tượng, Tu Sĩ |
| 8. Có tâm trái bỏ Đại Thừa | 32. Làm tổn hại chúng sanh |
| 9. Không thăm bệnh | 33. Tà nghiệp giác quán (xem đánh lộn) |
| 10. Chứa đựng cù sát sanh | 34. Xu hướng theo ngoại Đạo |
| 11. Giới đi sứ | 35. Không phát nguyện |
| 12. Buôn bán phi pháp | 36. Không phát thệ |
| 13. Vu khống người khác | 37. Cắm vào chỗ hiểm nạn |
| 14. Giới phóng hỏa | 38. Trái tôn ti trật tự |
| 15. Dạy giáo lý ngoài Đại Thừa | 39. Đọc tụng giảng nói Kinh Đại Thừa |
| 16. Vì lợi giảng pháp lộn xộn | 40. Không bình đẳng truyền giới |
| 17. Cây thế lực cầu lợi | 41. Vì lợi mà làm Thầy |
| 18. Không thông hiểu mà làm thầy truyền giới | 42. Giảng giới cho người ác |
| 19. Đâm thọc hai đầu gây gỗ | 43. Cố ý phạm giới luật |
| 20. Không phóng sanh | 44. Không cúng dường kinh luật |
| 21. Đem sân báo sân | 45. Không giáo hóa chúng sanh |
| 22. Kiêu mạn không nghe pháp | 46. Thuyết pháp không đúng chánh pháp |
| 23. Khinh ngạo không tận tâm dạy | 47. Cấm đoán, hạn chế phi pháp |
| 24. Không học tập kinh Đại Thừa | 48. Phá diệt Phật pháp |

1. GIỚI KHÔNG KÍNH THẦY BẠN

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, lúc sắp lãnh ngôi Quốc Vương, ngôi Chuyển Luân Vương, hay sắp lãnh chức quan, trước nên thọ giới Bồ Tát. Như thế, tất cả quỷ thần cứu hộ thân vua và thân các quan. Chư Phật đều hoan hỉ.

Đã đắc giới rồi, Phật Tử nên có lòng hiếu thuận và cung kính. Nếu thấy có bậc Thượng Tọa, Hòa Thượng, A Xà Lê, những bậc Đại Đức, đồng học, đồng kiến, đồng hạnh đến nhà, phải đứng dậy tiếp rước lạy chào, hỏi thăm. Mỗi sự đều đúng như pháp mà cúng dường, hoặc tự bán thân cho đến quốc thành con cái, cùng bảy báu trăm vật để cung cấp cho các vị ấy. Nếu Phật Tử lại sinh lòng kiêu mạn, sân hận, ngu si, không chịu tiếp rước lạy chào, cho đến không chịu y theo pháp mà cúng dường, Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Các người đứng đầu một quốc gia, các hàng quan chức hoặc thủ lãnh một đoàn thể, trực tiếp cai trị nhân dân... Nếu họ là bậc hiền minh Bồ Tát, họ sẽ yêu nước thương dân, không ích kỷ. Làm cho dân có cuộc sống an lành hạnh phúc. Làm cho nước giàu dân mạnh... Trái lại, nếu họ là người ích kỷ ác tâm thì họ sẽ

bán nước, xem dân như nô lệ, chế độ hà khắc, giặc cướp, chiến tranh... nước nghèo, dân khổ...

Những người ở địa vị cao, nắm quyền hành trong tay, họ thường sanh tâm kiêu mạn, cống cao, tự tôn, tự đại, muốn mọi người phải cung kính tôn trọng họ.

Đức Phật muốn cho những vị lãnh đạo nên cung kính tôn trọng người khác, phải làm người đạo đức, khiêm hạ, làm gương sáng cho dân. Vì vậy, Đức Phật muốn cho họ phải thọ giới Bồ Tát trước, rồi sau đó mới ra lãnh đạo dân chúng. Có như vậy thì quốc gia sẽ hưng thịnh, dân chúng an hòa, không có chiến tranh, luôn được thái bình thịnh vượng.

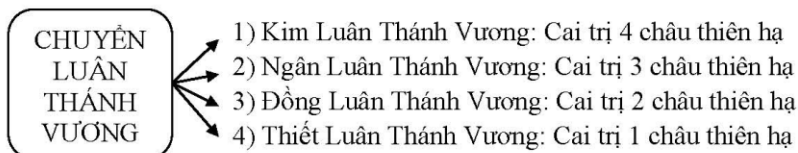
Hành giả tu hạnh Bồ Tát, việc trước tiên là phải trọng Pháp, trọng Thầy, trọng Thiện Hữu Tri Thức. Vì Thầy Bạn là nhân duyên quan trọng giúp chúng ta tiến tu và đắc Đạo, thì không có lý do gì mà chúng ta không cung kính.

Đối với bậc Thầy và Thiện Hữu Tri Thức, không được đem tâm ngã mạn, mà phải khiêm cung đối xử. Đáng lẽ ra, đứng chữ LỄ thì phải bán những gì quý giá của mình có để lấy tiền mua phẩm vật dâng cúng cho Thầy, cho Thiện Hữu Tri Thức... Mà nay chỉ cần khiêm cung, hạ mình đứng dậy tiếp rước, lạy chào, hỏi han thôi, đương nhiên là quá dễ.

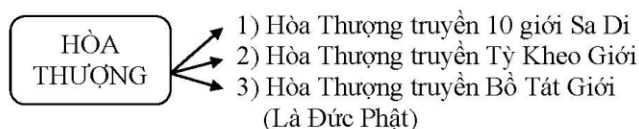
Nếu người đã thọ giới Bồ Tát mà không đủ lễ nghi với Thầy Bạn và những bậc tôn kính thì đã phạm tội, phải sám hối chừa bỏ.

III. CHÚ THÍCH:

ĐẮC GIỚI THỂ: Giới luật tuân giữ đã biến thành thói quen, hòa với đời sống của mình (con người phạm hạnh, trong sạch)



Là vị vua có Đức tu, có oai thế. Đi xe Vàng, xe Bạc, xe Đồng, xe Thiết. Phước báu tu hành thanh tịnh mà có.



Hòa Thượng: Gọi theo Ấn Độ là Ô Ba Đà Da
Gọi theo Trung Hoa là Lục Sanh



- ❖ THẦY: Vị thầy mở mang trí tuệ, sự hiểu biết trong cuộc đời
- ❖ BAN TỐT: Người đồng chung chí hướng với mình
Người chia sẻ vui buồn trong cuộc sống
- ❖ CHA ME: Bậc sanh thành, dưỡng dục thành người trong xã hội
- ❖ SU TRƯỞNG: Là bậc giúp tăng trưởng Giới, Thân, Huệ mạng.
Người hướng dẫn ta ra khỏi thế gian.
- ❖ THIÊN HỮU TRI THỨC: Người nhắc nhở làm việc tốt. Chỉ
dẫn đi đúng đường. Khuyên can
những khi ta lầm lạc. Tránh cho ta
những tội lỗi, những tai họa.

2. GIỚI UỐNG RƯỢU

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử cố uống rượu, mà rượu là thứ làm cho người uống hay sinh ra vô lượng tội lỗi. Nếu tự tay trao chén rượu cho người uống, sẽ mang ác báo: năm trăm đời không tay, huống là tự uống. Cũng chẳng được bảo người và tất cả chúng sinh uống rượu, huống là tự mình uống. Nếu mình cố uống, cùng bảo người uống, Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Dù thông minh tài đức đến đâu. Dù pháp thuật cao cường thế nào. Dù là người chí hiếu, trung quân ái quốc lòng danh thiên hạ. Dù là một người lực lưỡng, sức mạnh vô địch... nhưng một khi họ đã uống rượu bị say rồi, thì họ không còn một chút năng lực, không còn một chút lý trí, đối với một đứa con nít hai tuổi, họ cũng không bằng. Tâm trí họ hoàn toàn kiệt quệ, còn thua một kẻ ngu khờ. Phạm luôn 36 thứ lỗi lầm.

Người say rượu thì không được vào đâu cả, khiến cho ai cũng đề phòng và lánh xa, như tránh né một con chó dại, sẵn sàng chửi bới, cắn xé, lỏng lẻo như điên, như khùng, lý trí không có.

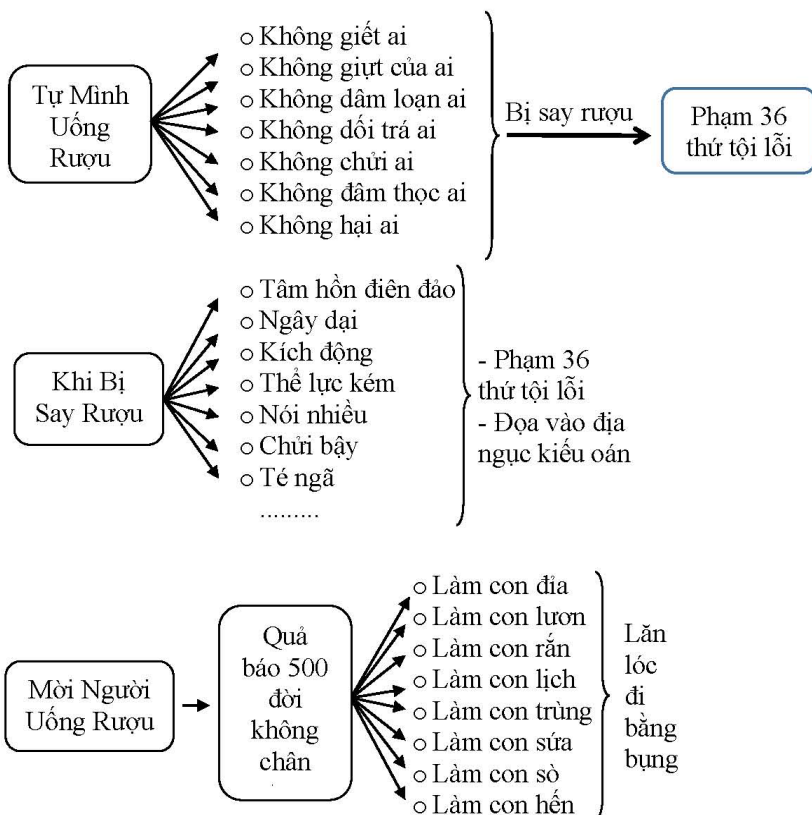
Lúc không say rượu, được mọi người trọng tôn quý, kính phục bao nhiêu, thì khi say rượu rồi, họ cũng bị khinh khi bấy nhiêu. Ngày xưa, được người ta tin

dùng bao nhiêu thì khi say rượu, không ai dám giao cho “thằng say rượu”, “gã say rượu” một công việc tin tưởng nào cả. Từ địa vị cao quý, bỗng rơi xuống địa vị thấp nhất trong xã hội, làm một “thằng điên”.

Trong năm giới cấm, uống rượu là tự mình làm cho chính mình, dù trước mắt không có hại đến ai, nhưng hậu quả của nó làm say mê con người. Làm cho điên dại, không tỉnh táo, không phân biệt chánh tà....

Người tu hạnh Bồ Tát lấy việc lợi ích chúng sanh làm trọng, thì không nên uống rượu, vì hậu quả của nó là hại người, hại vật, mất hết nhân phẩm, không còn phẩm vị của bậc Bồ Tát, làm gương sáng cho chúng sanh. Cho nên Đức Phật cấm không cho uống rượu, cho dù một giọt nhỏ cũng không được thấm vào môi.

III. GIẢI THÍCH:



Địa ngục Kiểu Oán:

- Có 16 ngục liên tiếp hành tội
- Dùng kẽm sắt vạch miệng, chế nước đồng sôi vào họng. Tim, gan, phổi, ruột đều cháy tiêu. Tội nhọn kêu la, đau đớn cùng cực, chết đi, sống lại. Kế đó bị 2 núi lửa ép lại, tan xương, nát thịt.

Những gì là 36 thứ tội lỗi

1. Người uống rượu say rồi thì làm con đối với cha mẹ không biết kính thờ; làm tôi đối với vua không biết tôn trọng. Do đó mà cha con, vua tôi không có trên dưới.
2. Nói năng lộn lạo và hay sanh lỗi lầm.
3. Phạm tội lưỡng thiệt và ưa nói nhiều.
4. Nếu có việc gì cần giấu kín, nhưng khi đã say rồi thì đem ra nói tất cả.
5. Mắng chửi Trời Đất không hề sợ tội.
6. Nằm giữa đường sá không thể về nhà, mọi thứ đồ đạc mang theo đều bỏ mất hết.
7. Không thể tự sửa mình cho chính đáng.
8. Đi đứng ngã qua ngã lại, lúc thì ngã mặt lên trời, lúc lại gằm đầu xuống đất, có khi bị sa hầm sa hố, thân thể bị tổn thương.
9. Không thể đi đứng vững vàng, nên phải bò lết như người què, đến khi đứng dậy được, thì thân thể mặt mày đều bị xây xát trầy trụa.
10. Lúc bán buôn hay bị lầm lộn và thường vọng động, xúc phạm mọi người.
11. Phế bỏ công việc không lo làm ăn.
12. Tài vật bị tổn hao.
13. Vợ con đói khát mặc kệ, không nghĩ đến.

- 14.Kêu la chửi mắng không biết nể sợ luật pháp quốc gia
- 15.Thoát bỏ hết y phục, để thân thể lỏa lồ, đi nghêu ngoai ngoài đường sá.
- 16.Chui bậy vào nhà người, gắp đàn ba con gái thì lôi kéo, nói năng xằng bậy, xúc phạm đến họ, tạo vô lượng tội lỗi.
- 17.Thấy bất cứ ai đến gần đều muốn gây gổ với họ.
- 18.Dộng đất kêu la, làm kinh động xóm làng.
- 19.Giết bừa súc vật không biết tội phước.
- 20.Đồ đạc trong nhà đập bể tan nát.
- 21.Xem vợ con như kẻ tù tội, say sưa nói bậy bạ không ra gì.
- 22.Thân cận với bè đảng ác.
- 23.Xa lánh không chịu gần gũi với bậc Hiền Thiện.
- 24.Ngủ như chết, đến khi tỉnh dậy thân thể đau nhức như người bị bệnh.
- 25.Những thức uống ăn đều nôn mửa ra trông thật ghê tởm, khiến vợ con đều phải chán ghét.
- 26.Khi đi đâu, nếu gặp voi, ngựa, chó sói, vì tâm ý tán loạn nên không biết sợ sệt xa tránh.
- 27.Không kính Kinh Pháp, không trọng bậc Hiền Thiện, không cung kính Sa Môn.
- 28.Hoang dâm vô độ không biết e sợ.
- 29.Hình thể như kẻ điên cuồng, khiến ai nấy đều tránh

xa.

30. Giống như người chết, không biết gì cả.
31. Mang bệnh nghiện rượu, thân thể màu vàng vàng, úa úa giống như trái cây chín, lại có khi mặt mày sanh ghẻ lác.
32. Thiên Long Thiện Thần đều tránh xa, vì các Ngài rất ghét uống rượu.
33. Thiện hữu tri thức ngày một lánh xa.
34. Khi say thì ngồi chồm hổm, gặp các quan cao cấp thì cứ lấy mắt dòm ngó, không biết sợ sệt, nếu bị đánh đập thì nhắm nghiền mắt lại.
35. Sau khi xả thân, bị đọa vào địa ngục Thái Sơn, thường bị ngục tốt dùng nước đồng sôi rót vào miệng, lục phủ ngũ tạng đều bị cháy nát, cầu sống không được, cầu chết cũng khó. Thọ khổ như vậy trải qua ngàn muôn năm.
36. Khi thọ tội ở địa ngục đã mãn, sanh lên nhân gian làm người tâm trí ám độn không biết gì.

3. GIỚI ẲN THỊT

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử cố ăn thịt. Tất cả thịt của mọi loài chúng sinh đều không được ăn. Luận về người ăn thịt thời mất lòng đại từ bi, dứt giống Phật Tánh; tất cả chúng sinh thấy đều tránh xa người này. Người ăn thịt mắc vô lượng tội lỗi. Vì thế nên tất cả Phật Tử không được ăn tất cả thứ thịt của mọi loài chúng sinh. Nếu cố ăn thịt, Phật Tử này phạm “khinh cầu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Đâu có sự đau khổ quần quai nào bằng sự đau khổ, hãi hùng khi bị giết chết, bị ăn thịt.

Khi con vật yếu thế bị nắm chặt trong tay con người và nó nhìn thấy con dao, cây búa của kẻ ác sắp đâm nó thì nó kêu la, vùng vẫy, run rẩy thất thanh, chín lỗ trong thân đều chảy máu, đau đớn cùng tột, máu me lai láng, thoi thóp mà chết. Để cho kẻ ác phân thân, xẻ thịt, ăn nuốt.

Những kẻ thềm ăn thịt, uống máu, gặm xương, cướp đi sinh mạng của kẻ khác chính là loài quỷ thú. Do vậy, trong Kinh thường gọi, con người cũng là một loài thú trong năm loài ở cõi Ta Bà, ăn nuốt nhau để sống, mạnh được, yếu thua (Ngũ Thú tạp cư địa).

Thử nhìn xem, con người khi bị ai đâm chém bức tử, họ cũng đau khổ như con thú và thù hận sâu như biển khi bị ai tước đoạt sinh mạng thì con thú nó cũng đau khổ như vậy.

Trên đời có nhiều thứ sợ, nhưng mất đi mạng sống là cái sợ bậc nhất.

Người thêm ăn thịt chúng sanh thường tỏa ra sát khí:

- ❖ Thân thể của họ tỏa ra mồ hôi nồng nặc hôi hám
- ❖ Hơi miệng của họ bốc mùi thúi
- ❖ Ánh mắt của họ đỏ ngầu sát khí
- ❖ Cái nhìn của họ lúc nào cũng tỏ ra thêm thường, muốn ăn tươi nuốt sống con vật.

Từ đầu đến chân đều hiện ra hình dáng một con quỷ độc ác. Cho nên, các con thú khi nhìn thấy kẻ đó, chúng đều lánh xa.

Nhìn bữa ăn của người thể tục, từ tô canh thịt cá cho đến đĩa thịt cá... đều hiển bày cảnh máu chảy thịt rơi, thân thể tan nát, nấu hầm, nhai nuốt bao phủ cảnh thù hận cao tột.

Hậu quả của nghiệp ăn thịt, sát sanh là cả một xã hội loài người chiến tranh tàn khốc khắp quả địa cầu. Cảnh thiên tai dòn dập do Thánh Thần ghét bỏ. Cảnh bệnh tật tràn lan ngày càng nhiều mà không có thuốc trị, nhất là bệnh ung thư mà khoa học không thể điều trị được.

Ăn thịt chúng sanh biến thành máu thịt của mình, chứa đầy những hận thù trong đó. Một khi đủ điều kiện, nó biến thành vi trùng ung thư, ăn hết tim gan phèo phổi,

hành hạ, đau đớn, gặm nhấm, chết dần, chết mòn... để trả cái quả độc ác do cái miệng thềm ăn thịt kẻ khác, do cái tâm xấu xa không biết thương xót con vật, chỉ biết có mình.

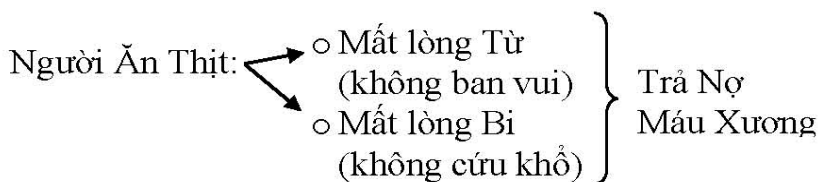
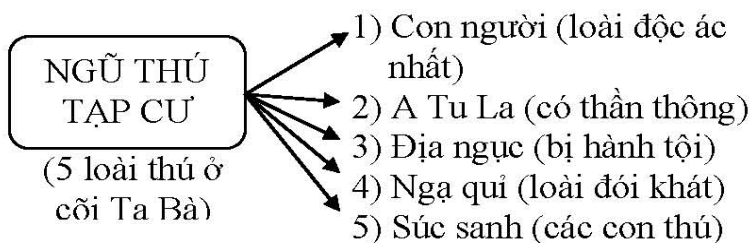
Người tu hạnh Bồ Tát thương người, mến vật, bênh vực, giúp đỡ kẻ thế cô.

❖ Buổi sáng giúp chúng sanh được vui

❖ Buổi chiều giúp chúng sanh bớt khổ

thì đâu nữ nào ăn thịt chúng sanh. Do vậy, nếu thực sự mình muốn tu hạnh Bồ Tát để thành Phật thì tuyệt đối không nên ăn thịt chúng sanh.

III. CHÚ GIẢI:

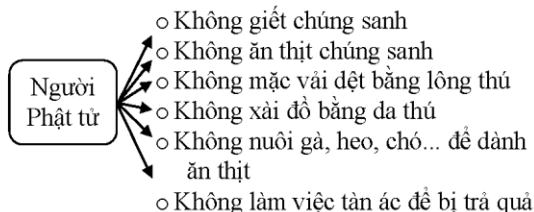
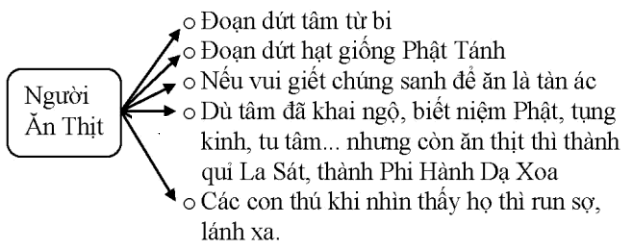
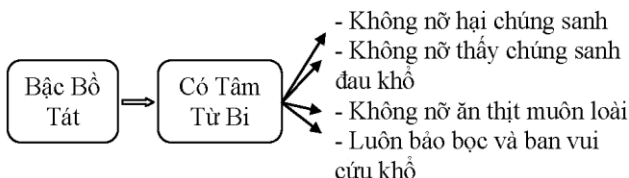
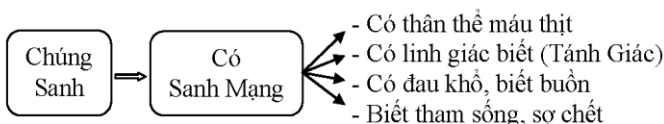
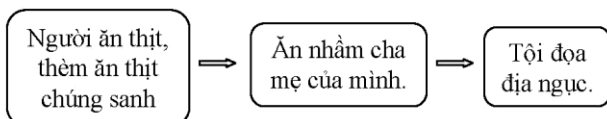
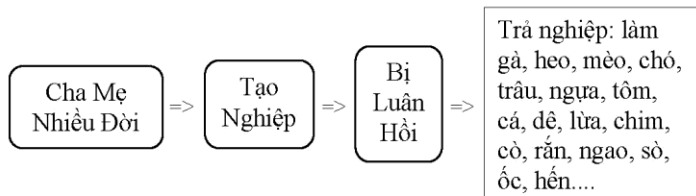


Người Thèm
Ăn Thịt

- Sát khí tỏa ra
- Ác tánh hiện rõ
- Hơi thở hôi thúi
- Thân thể hôi hám
- Hiện tướng quỷ thú
- Ăn nhấm thịt
cha mẹ luân hồi

- Bị hận thù
- Bị trả thù
- Chết yếu
- Mang bệnh ung thư
- Đền mạng, trả mạng
- Ở trong thế giới chém
giết, chiến tranh, giặc
giã, đau binh
- Đui, què, câm, ngọng

.....



4-GIỚI ĂN NGŨ TÂN

I.KINH VẤN:

Là Phật Tử, chẳng được ăn loại “ngũ tân” (loại hành, họ, tỏi, nén và hưng cừ). Loại ngũ tân này gia vào trong tất cả thứ thực phẩm đều không được ăn. Nếu cố ăn, Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Ngũ tân là năm loại thực vật thuộc cây, củ, hoa, quả, không phải là sinh mạng, máu thịt. Người ăn ngũ tân không phải là giết chết, ăn thịt, làm đau khổ ai, không phải là hành động tàn ác. Nhưng ngũ tân là cây, củ có vị cay nồng nặng mùi và có chứa nhiều chất kích thích thần kinh, khiến cho người ăn bị si mê, sân giận, nhất là khởi động tâm thích việc dâm dục.

Lại nữa, mùi hôi của Ngũ Tân làm cho chư Phật, chư Bồ Tát lánh xa. Các vị Thiên Long Bát Bộ Hộ Pháp Thiện Thần không lui tới. Trong khi đó, Ngũ vị Tân là món mà các loài Ma Quỷ rất ưa thích cho nên chúng thường lân la gần gũi để ngửi mùi hoặc chờ để liếm miệng những người ăn hành, họ, tỏi, kiệu, nén trộn trong gia vị thức ăn của họ.

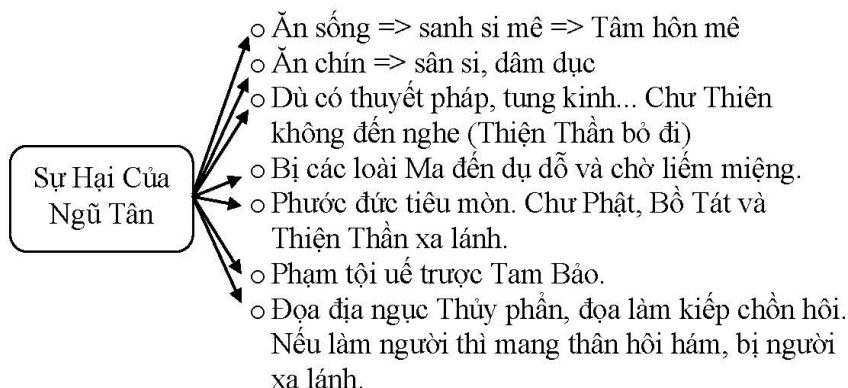
Người tu hành cốt yếu là giữ thân tâm thanh tịnh, trừ sạch tham, sân, si, dứt nghiệp Dâm Dục, Ái nhiễm, đoạn tuyệt con đường luân hồi sanh tử. Trên cầu được chư Phật, Bồ Tát hộ trì, giữ tròn Giới Thân Huệ Mạng.

Cầu được Chư Long Thần Hộ Pháp thường đến ủng hộ. Dưới phát tâm từ bi cứu độ chúng sanh thì đâu nên vì một chút hương thơm ngon của cái miệng mà ăn Ngũ Tân hôi tanh đó. Cái thân mục nát của mình dù có cho nó ăn món gì đi nữa, rồi nó cũng chết, đem chôn dưới đất.

Người tu hành chỉ cần ăn cơm, rau quả nuôi thân qua ngày. Chỉ cần cái chỗ ngã lưng, chỉ cần cái bàn thờ để tụng kinh bái sám, nhất là cần cái tâm tinh tảo để trở về an trụ Phật tánh, để cứu độ chúng sanh và thành Phật mà thôi. Không có Ngũ Tân trong gia vị cũng sống được. Cần chi phải ăn để thêm chướng ngại.

Tân: bản chất là cay, nồng.

Ngũ Tân: năm loại thực vật gồm lá, cây, củ. Có tính cay, nồng như hành, hẹ, tỏi, kiệu, hưng cừ (củ nén)



TRUYỆN:

Kinh Tỳ Ni Mẫu ghi: Ngài Xá Lợi Phất bệnh nặng, y sĩ bảo phải ăn tối. Tôn giả bạch Phật, Phật đáp: Vì bệnh cho phép ăn nhưng phải ở riêng nơi vắng vẻ, không được vào phòng PHẬT, nhà Tăng, không được sử dụng nhà tắm, nhà vệ sinh công cộng, không được nằm trên đơn nệm, chiếu của Chúng Tăng. Lành bệnh rồi, bảy ngày sau khi không dùng tối nữa. Tắm gội giặt giũ, y áo sạch sẽ, thân không còn mùi hôi mới trở về trong Đại Chúng.

Giới này cả Tiểu Thừa, Đại Thừa, xuất gia, tại gia đều thọ trì.

5-GIỚI KHÔNG DẠY NGƯỜI SÁM TỘI

I.KINH VĂN:

Nếu Phật Tử khi thấy người phạm ngũ giới, bát giới, thập giới, phá giới, hay phạm thất nghịch, bát nạn tất cả tội phạm giới .v.v. phải khuyên bảo người ấy sám hối. Nếu Phật Tử chẳng khuyên bảo người phạm tội sám hối, lại cùng ở chung, đồng sống chung, đồng chung Bồ Tát, đồng thuyết giới, mà không cử tội người ấy, không nhắc người ấy sám hối. Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Khi chưa phải là bậc Thánh A La Hán, sống ở trên đời, ai cũng vấp phải lỗi lầm. Nhưng người có lỗi mà biết ăn năn, sám hối chữa bỏ thì đó là kẻ tỉnh giác, đó là người tốt.

Nếu thấy người khác đang có lỗi mà mình làm lơ, còn a tòng với họ, sống chung, sinh hoạt chung, che giấu lỗi cho họ mà không nói thẳng cho họ thấy lỗi, không khuyên can họ sám hối, tức là hại họ, làm cho kẻ đó ngày càng xấu đi, ngày càng gây nhân ác, bị quả báo thì mình cũng có lỗi một phần trong đó.

Giới thứ sáu của mười giới trọng thì cấm không cho nói lỗi tứ chúng. Còn giới này thì Đức Phật muốn hành giả tu hạnh Bồ Tát phải nói ra, phải bày ra lỗi lầm của bạn đồng tu để họ thấy rõ, để họ chỉnh sửa, để họ sám

hồi chùa bỏ và thực hành đúng theo Chánh Pháp, để cho Tăng Đoàn được thanh tịnh, để cho Chánh Pháp được trường tồn.

Nếu thấy người phạm giới, phạm luật..mà bỏ qua, mà lơ là, không nói lỗi của họ, không khuyên họ sám hối thì mình chính là giặc phá hoại trong Phật Pháp. Tuyệt đối không được thuận ý theo họ, để mặc người đó buông lung.

Hành giả Bồ Tát nên dùng lời nhỏ nhẹ, nhu hòa, chân thật, thương xót, kín đáo mà bày tội cho họ tự thấy. Không nên khởi tâm kinh mạn, chê bai họ và đem chuyện xấu phơi bày ra giữa Đại Chúng, mà nên hướng dẫn người đó đến trước một vị Tỳ Kheo đức độ, để phơi bày sám hối cũng đủ.

PHẢI CHÂN THẬT VÌ LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI KIA MÀ CHỈ LỖI:

- 1- Phải chỉ bày lỗi của người kia vào lúc thích hợp một cách kín đáo, khéo léo (không nói khi họ bệnh)
- 2- Người kia phải thật sự có tội
- 3- Phải vì lợi ích của họ mà mình nói tội ra
- 4- Thái độ của người chỉ lỗi phải tôn trọng, nhu hòa, từ bi
- 5- Hoàn toàn xuất phát vì lòng từ bi, thương xót họ mà nói lỗi của họ ra

Trường hợp gặp kẻ hung bạo, nương thế, cậy quyền, xét thấy việc cử tội sẽ có hại đến người tu phạm hạnh thì không nên cử tội họ. Cứ để mặc cho họ, tùy quả báo

xét xử công bằng. Vì đối với người dữ, chưa chắc gì họ chịu nghe lỗi của mình.

III. GIẢI THÍCH:



6-GIỚI KHÔNG CÚNG DƯỜNG THỈNH PHÁP

I.KINH VĂN:

Nếu Phật Tử, thấy có vị Pháp Sư Đại Thừa, hay những bậc đồng học, đồng kiến, đồng hạnh đại thừa, từ trăm dặm, nghìn dặm đến nơi tăng phòng, nhà cửa, thành ấp, thời liền đứng dậy rước vào, đưa đi, lễ bái, cúng dường. Mỗi ngày ba thời cúng dường, trăm thức uống ăn, giường ghế, thuốc men, tất cả đồ cần dùng giá đáng ba lượng vàng đều phải cấp hộ cho Pháp Sư. Mỗi ngày: sáng, trưa và chiều, thường thỉnh Pháp Sư thuyết pháp và đánh lễ. Không hề có lòng sân hận và buồn rầu. Luôn thỉnh pháp không mỗi nhàm, chỉ trọng pháp chớ không kể thân. Nếu Phật Tử không như thế thời phạm “khinh cầu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Ở giới thứ nhất, dạy phải cung kính, tôn trọng thầy bạn, trước khi lãnh nhận chức vị làm việc. Nhưng giới thứ sáu này, Đức Phật dạy phải cung thỉnh Pháp Sư Đại Thừa thuyết pháp để cho lợi lạc chúng sanh sau khi đã cúng dường chào hỏi, cung cấp tiện nghi cho Pháp sư.

Vì Pháp Sư Đại Thừa, thường giảng Chánh Pháp Đại Thừa không lười mỏi. Một vị Thầy có Pháp Bảo là vị Thầy rất đáng kính và lợi ích chúng sanh. Nếu chỉ cung

kính cúng dường, tôn trọng, tán thán mà không cung thỉnh vị Thầy giảng pháp thì mình đã mất đi một cơ hội nghe Chánh Pháp, mất đi nguồn hỷ lạc vô biên.

Trong Kinh có câu:

- “Thiền duyệt vi thực → Cái vui trong thiền định, không cần ăn cũng no
Pháp Hỷ sung mãn → Cái vui khi nghe Chánh Pháp thì Hỷ Lạc tràn ngập

Đức Phật dạy:

Pháp Bảo là Thầy của chư Phật, cho nên:

Chư Phật thường cung kính Pháp Bảo

Chư Phật thường tôn trọng Pháp Bảo

Chư Phật thường tán thán Pháp Bảo

Chư Phật thường cúng dường Pháp Bảo

Pháp Bảo quý hơn vàng bạc tiền của. Nếu cung thỉnh pháp sư thuyết Chánh Pháp Đại Thừa cho Đại chúng nghe tức là cúng dường Pháp. Cúng dường Pháp quý hơn đem tiền của cúng dường. Vì khi chúng sanh nghe Pháp sẽ giác ngộ và thành Phật trong tương lai.

Nếu người biết trọng pháp thì họ mới trọng Thầy giảng pháp. Trái lại, họ chỉ trọng tiền của, không trọng Pháp nên họ không trọng Thầy.

Người thế tục, họ cúng dường Pháp Sư là để cầu phước nhưng người tu hạnh Bồ Tát cúng dường Pháp Sư là để cầu được giác ngộ, để thoát khỏi trầm luân đau khổ.

Những vị Thầy giảng pháp Đại Thừa thường rày đây mai đó khắp nơi, để rộng truyền Chánh Pháp, cho nên, việc lo tìm lối mưu sinh thì không tiện, cho nên Đức Phật dạy các Phật Tử phải nên cúng dường, tạo điều

kiện cho Pháp Sư có đủ phương tiện an tâm thừa hành phật sự. Vì vậy hành giả tu Bồ Tát Đạo nếu thấy có vị Pháp Sư Đại Thừa, có bậc Đồng học, bậc đồng Chánh Kiến Đại Thừa, bậc Đồng Hạnh Đại Thừa, dù ở xa đến hay ở gần, đến chỗ của mình thì mình phải hết lòng cung kính, tôn trọng, cúng dường, và kính thỉnh pháp sư Đại Thừa thuyết pháp, dù tốn hao bao nhiêu cũng không tiếc rẻ. Bởi vì của tiền ở trên đời không quý bằng Chánh Pháp. Của tiền chỉ nuôi thân mạng tạm bợ, còn Chánh Pháp thì nuôi giới thân huệ mạng, chỉ rõ Tánh Giác có sẵn trong chúng sanh, chỉ rõ hạt giống thành Phật, ra khỏi thế gian.

Lại nữa, người tu hạnh Bồ Tát, để khỏi bị thôi chuyển, nên rất cần gần gũi bậc Thiện Hữu Tri Thức có tư tưởng Đại Thừa, có pháp tu vững chắc, có khuynh hướng rõ ràng, có thực hành sống theo Đại Thừa để nhờ quý ngài khích lệ cho mình thêm vững bước.

III. GIẢI THÍCH:

- ❖ PHÁP TÁNH: Là Tánh Giác trong tất cả vạn vật tức là Phật Tánh trong tất cả chúng sanh hữu tình vô tình
- ❖ PHÁP SƯ ĐẠI THỪA:
 - Là vị Thầy thông thạo giáo pháp Đại Thừa
 - Vị Thầy đã thấy Phật Tánh trong tất cả chúng sanh
 - Vị Thầy đã có Pháp nhãn
 - Vị Thầy có khả năng hướng dẫn chúng sanh tu chứng Phật quả, nhập Phật địa.
- ❖ TRĂM DẠM NGHÌN DẠM: Là ý nói các hành giả Đại Thừa:
 - Những vị từ xa đến
 - Những vị từ gần đến
 - Những vị ở cận kề đến ...
- ❖ TÓN 3 LƯỢNG VÀNG: Không phải đem 3 lượng vàng ra mua sắm đồ cúng dường mà ý nói về cái tâm trọng Chánh Pháp Đại Thừa hơn trọng của cải.
- ❖ PHÁP SƯ TIỂU THỪA: Là vị Thầy chuyên tu giải thoát cho riêng mình, không thích giảng kinh thuyết pháp. Dù có giảng, cũng thích giảng các bộ kinh phương tiện của Nhị Thừa tu trì (Thanh văn, Duyên giác).
- ❖ PHÁP SƯ ĐẠI THỪA: Là vị Thầy thông đạt kinh luật Đại Thừa chỉ rõ Phật Tánh sẵn có để chúng sanh hướng đến Phật quả. Vị Thầy phát tâm phụng sự chúng sanh, đem Chánh Pháp Đại Thừa rộng truyền bá khắp nơi mà không hề nhàm mỏi.
- ❖ BẠN ĐỒNG HỌC ĐẠI THỪA
 - Cùng học một Thầy với mình
 - Cùng thực hành theo Đại Thừa
 - Cùng thấy được Phật Tánh
 - Cùng có Pháp nhãn
- ❖ BẠN ĐỒNG KIẾN ĐẠI THỪA:
 - Chỗ thấy nghe đồng với tư tưởng Đại Thừa
 - Chỗ quan niệm đồng với tư tưởng Đại Thừa
 - Người tin tưởng Phật Tánh vững chắc.

- ❖ BẠN ĐỒNG HÀNH ĐẠI THỪA:
- Người tu theo pháp Đại Thừa
 - Đồng thọ Bồ Tát Tâm Địa Giới
 - Đồng thực hành theo pháp tu Đại Thừa
 - Người có Pháp nhãn (Thấy Tánh Giác trong chúng sanh, phát tâm độ chúng sanh. Tôn trọng chúng sanh ...)

7. GIỚI KHÔNG ĐI NGHE PHÁP

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, hàng tân học Bồ Tát, phàm nơi nào chốn nào có giảng kinh, luật, phải mang kinh, luật đến chỗ Pháp Sư để nghe giảng và thưa hỏi. Hoặc nơi núi rừng, trong vườn cây, chùa, nhà... v..v.. tất cả chỗ thuyết pháp đều đến nghe học. Nếu Phật Tử không đến nơi ấy để nghe pháp cùng thưa hỏi, thời phạm “khinh cầu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Ở giới thứ sáu trước, nói về trường hợp các Pháp Sư Đại Thừa ghé đến chỗ mình ở, thì mình phải tiếp đón, cúng dường, sau đó thì cung thỉnh Pháp Sư giảng Pháp để lợi lạc hữu tình.

Còn giới thứ bảy này là nói ở nơi nào đó, đang có Pháp Sư thuyết pháp Đại Thừa mà mình không chịu đi đến đó để nghe học.

Đức Phật dạy, hành giả tu Bồ Tát hạnh phải tìm những pháp Hội Giảng Kinh Luật Đại Thừa để đích thân đem Kinh Luật đến đó nghe pháp và luôn phải sanh lòng khao khát ngưỡng mộ. Kinh Luật nói ở đây tức là Pháp Hội Giảng Kinh Phạm Võng Bồ Tát Tâm Địa Giới pháp.Vì Tâm Địa Giới Pháp tức là Phật Tánh sẵn có của chúng sanh. Chư Phật, Bồ Tát đã an trụ nhưng chúng sanh vẫn mê muội không nhận ra, không thâm

hội được nó, cho nên không an trụ được nó để được giải thoát sanh tử. Do đó, Đức Phật đã tám ngàn lần đến cõi Ta Bà này với mục đích là Khai, Thị, Ngộ, Nhập Tri Kiến Phật (Tâm Địa Giới Pháp) cho chúng sanh. Ngài đã nhắc nhở, chỉ bày, khiến cho chúng sanh nhận ra, rồi an trụ vào cái Tâm Địa Giới Pháp này, làm chỗ hướng về Phật Quả vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, vì muốn tránh sự sai lầm của tư tưởng và ngăn ngừa hành vi sai trái của mình. Vì muốn không bị thối chuyển trên đường tu cũng như cần giải quyết những nghi ngờ về Chánh Pháp, nên hành giả Bồ Tát cần phải đi tìm học Kinh Luật khắp nơi.

Phật Pháp như biển cả mênh mông, càng lội vào, càng thấy sâu thẳm. Nếu cứ ngồi một chỗ tu mù thì làm sao biết rõ hành tướng của nghiệp thể nào để tu sửa.

Hạnh tu của Bồ Tát là lấy trí tuệ làm gốc để mong cầu quả vô Thượng Bồ Đề. Muốn có trí tuệ thì phải nghe học Chánh Pháp:

“Trí tuệ đối với các thiện hạnh
Cũng như mái chèo giữ chiếc thuyền
Trăm ngàn người mù dù lạc đường
Một người sáng mắt dẫn lối ra”

Xưa kia có Thiện Tài Đồng Tử trong Kinh Hoa Nghiêm học hạnh Bồ Tát với ngài Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Thiện Tài vâng lời dạy của Bồ Tát đi tham học, trải qua một trăm mười thành phố của các quốc gia và gặp gỡ học hỏi với năm mươi ba vị Thiện Hữu Tri Thức về hạnh Đại Thừa. Ngài gian nan, lận lội lên non, xuống biển, vào các tụ lạc, vào chốn chợ búa... ở đâu nghe có một vị nào đó hành hạnh Bồ Tát thì ngài

quyết tâm tìm đến, học hỏi gần gũi Thiện Tri Thức, hầu hạ, cung phụng, khiêm cung cầu pháp Đại Thừa không mệt mỏi.

TRUYỀN:

TIỀN THÂN NGÀI A NAN

Trong thời quá khứ, ngài A Nan là một Đồng Tử đi bán hương đạo. Trên đường đi, Đồng Tử gặp một chú Sa Di quảy một bao gạo nhỏ, vừa đi vừa đọc tụng kinh chú. Thấy lạ, Đồng Tử hỏi: tại sao chú vừa đi vừa đọc kinh như vậy? Chú Sa Di trả lời rằng, mỗi ngày chú vào xóm nhận gạo cúng dường chùa một lần từ các nhà hảo tâm, đem về chùa trên núi. Cứ mỗi lần đi như vậy, chú Sa Di phải đọc thuộc một bài kinh.

Đồng tử hỏi: Nếu chú không đi lấy gạo, thì ở chùa, mỗi ngày chú thuộc mấy bài kinh?

Chú Sa Di nói: Ở chùa học thuộc mười bài kinh một ngày.

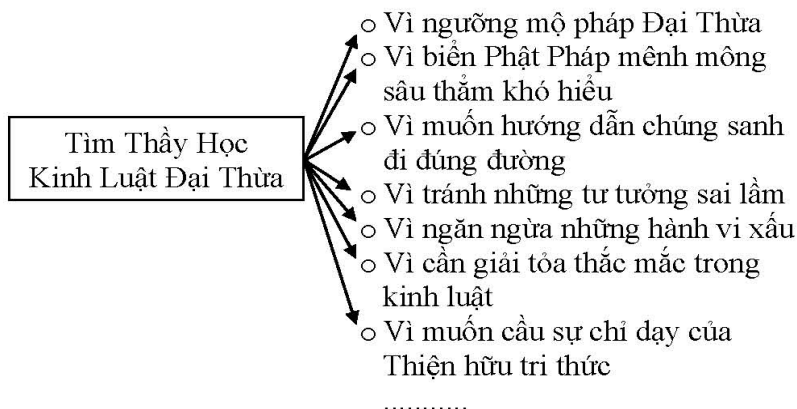
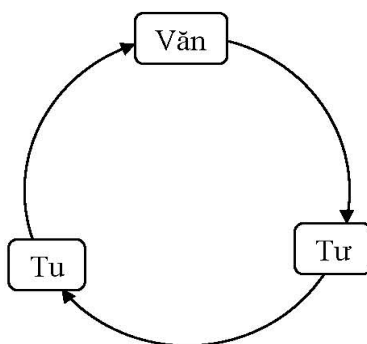
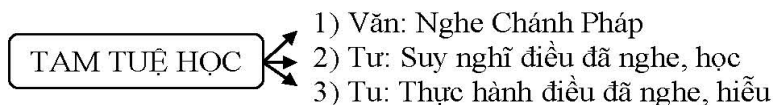
Vị Đồng Tử nói: từ đây về sau, mỗi ngày tôi sẽ mang gạo đến tận chùa cúng dường đủ ăn. Chú không cần phải đi thu gạo nữa. Cứ ở chùa học kinh được không? Chú Sa Di rất vui mừng. Và khi Đồng Tử mang gạo lên chùa được mười ngày thì kiểm tra lại, chú Sa Di cũng thuộc một trăm bài kinh đúng như lời nói.

Do công đức tôn trọng việc học Chánh pháp và nghe Chánh pháp. Tôn giả A Nan sau này theo hầu Đức Phật và học rộng, nghe nhiều kinh pháp.

Chỉ có thay thế chú Sa Di mang gạo cúng chùa để chú được học pháp mà có phước đức nhiều như thế hướng

chi tự mình ngưỡng mộ Chánh pháp, đi nghe học Chánh Pháp và cúng dường pháp sư Đại Thừa. Những người có khả năng tuyên thuyết Chánh pháp Đại Thừa thì phước báu vô lượng.

III-CHÚ THÍCH:



8. GIỚI CÓ TÂM TRÁI BỎ ĐẠI THỪA

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, có quan niệm trái bỏ Kinh Luật Đại Thừa Thường Trụ, cho rằng không phải của Phật nói mà đi thọ trì kinh luật tà kiến và tất cả cấm giới của Thanh Văn nhị thừa cùng ngoại đạo ác kiến, Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Vì sợ hành giả tu Bồ Tát Hạnh thoái tâm, không còn muốn tu hạnh Đại Thừa khó khổ, hy sinh thân mình làm lợi ích cho chúng sanh nữa, cho nên họ thích đi vào con đường tiểu thừa, nhập diệt tận định, an trụ Niết Bàn của A La Hán và Duyên Giác, để riêng mình ra khỏi con đường luân hồi, mà không phát tâm cứu độ chúng sanh, hành Bồ Tát Đạo để thành Phật, vì họ cảm thấy lâu xa... Do đó nên Đức Phật nói ra giới này.

Pháp tu của Bồ Tát là con đường Đại Thừa, là cái Chánh Nhân (Phật Tánh) Tâm Địa Diệu Giới của Bồ Tát để thành Phật, cho nên hành giả tu hạnh Bồ Tát phải chí hướng cầu quả Vô Thượng Bồ Đề. Không nên xu hướng theo ngoại Đạo, Tà Kiến, chấp mau, chấp chậm, chấp sự, mà không hiểu về Lý Tánh Thường Trụ. Cho rằng Kinh Đại Thừa không phải do Phật chính miệng nói ra. Kinh Đại Thừa nói về Chơn Tâm vô hình khó thấy, khó nhận ra. Đức Phật thường

đem những ẩn dụ, mượn những cái hữu hình để ẩn dụ cho cái vô hình (Chơn Tâm, Tánh Giác Biết, Phật Tánh...) nhưng họ không tin, không thấy thực tế, cho nên họ muốn xu hướng theo Tiểu Thừa, theo Ngoại Đạo...

Kinh điển Đại Thừa là hệ thống Chơn Thường Duy Tâm, chỉ rõ Chơn Tánh Thường Trụ bất sanh bất diệt gọi là Như Lai Tàng, Như Lai Tánh, là Phật Tánh, là Viên Giác, là Bản Giác, là Tánh Giác... Là công đức thanh tịnh sẵn có. Vì vậy, muốn hành Bồ Tát Đạo, muốn thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì nhất định phải tu theo con đường Đại Thừa, phải tìm cầu học hỏi và thực hành theo Kinh Luật Đại Thừa một cách chí thành, không lung lay tâm ý.

Tuy nhiên, đối với bậc xuất gia tu hạnh Bồ Tát cũng phải giữ giới luật Thanh Văn Tỳ Kheo Giới và Tỳ Kheo Ni giới một cách thanh tịnh để trang nghiêm thân tâm cho chính mình và để giữ niềm tin, hạnh kiểm, cho chúng sanh tín ngưỡng Tam Bảo.

Giới hạnh thanh tịnh của người xuất gia rất quan trọng trong ngôi Tam Bảo Thường Trụ của Giáo pháp cứu khổ độ sanh.

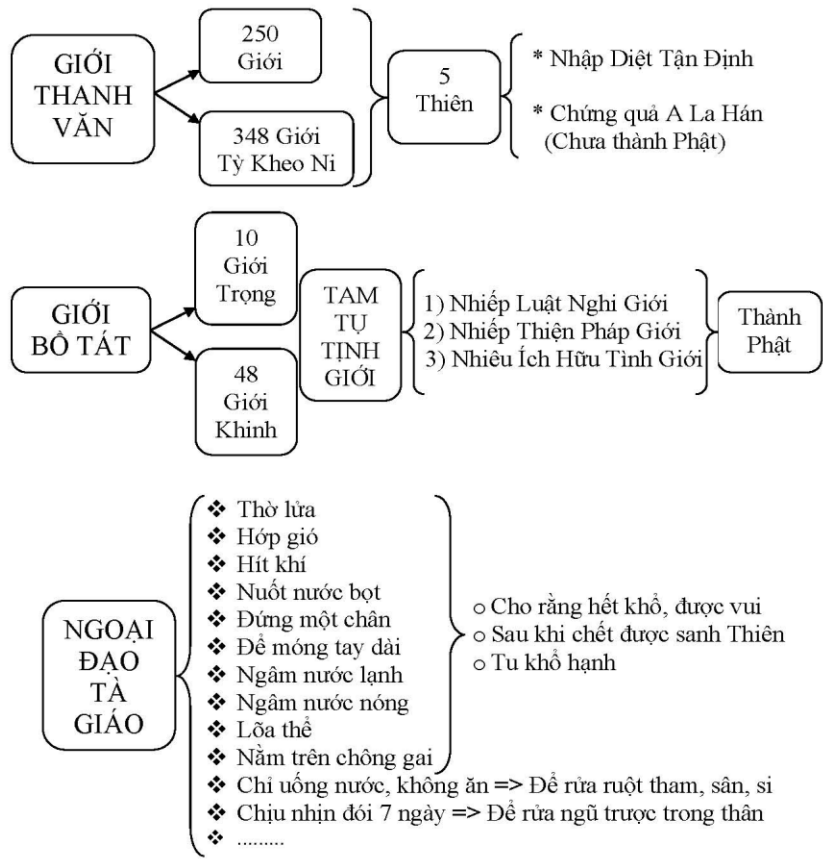
Đức Phật dạy, tuy Tỳ Kheo Thanh Văn nhưng phải cầu quả Phật, Tâm thường hướng tới Đại Thừa để hoàn chỉnh con đường thành Phật.

Giới này chỉ ngăn cấm chứ không có khai mở, bởi vì đối với Bồ Tát tu hạnh Đại Thừa thì tuyệt đối không thực hành theo pháp tu của Ngoại Đạo, Tà Kiến. Tỳ Kheo xuất gia phải giữ giới Thanh Văn, năm Thiên, bảy Tụ để Trang Nghiêm Tăng Bảo Thường Trụ Thế

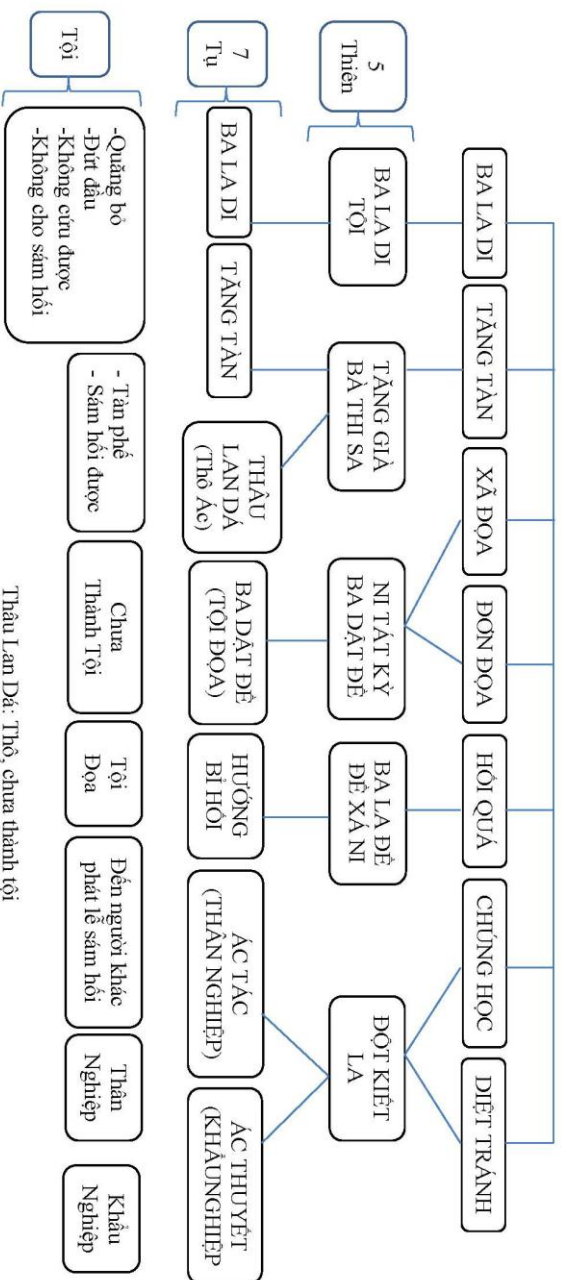
Gian, để duy trì Chánh Pháp Thường Trụ, nhưng tuyệt đối không thực hành theo hạnh ích kỷ tự lợi mà phải phát tâm Bồ Đề, rộng độ chúng sanh.

Giới Thanh Văn là thêm thang đi đến giới Bồ Tát trong hàng ngũ xuất gia. Và từ Bồ Tát thăng đến quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

III.CHÚ THÍCH:



GIỚI TỶ KHEO (GIỚI THANH VÂN)



Thầu Lan Dá: Thổ, chưa thành tội

Đột Kết La: Học giới lại

5 Thiên: 5 thứ tội danh

7 Tụ: 7 thứ tội danh

9. GIỚI KHÔNG KHÁN BỆNH

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, thấy tất cả người tật bệnh phải tận tâm cúng dường như cúng dường Phật. Trong tám phước điền, khán bệnh là “phước điền thứ nhất”. Nếu như cha mẹ, Sư Tăng cùng đệ tử có bệnh, có tật, trăm thứ bệnh đau khổ, đều nên săn sóc cho được lành mạnh. Phật Tử lại vì lòng hờn giận không chăm nuôi, nhẫn đến thấy trong Tăng phường, thành ấp, nơi núi rừng đồng nội, đường sá có người tật bệnh mà không lo cứu tế, Phật Tử này phạm “khinh cầu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Bệnh tật là một thứ đau khổ bức bách lớn nhất của chúng sanh.Khi thân tứ đại bị bệnh, xương cốt máu thịt rung chuyển, nổi đau đốn găm nhắm hành hạ liên tục, từng giờ, từng ngày. Lục phủ ngũ tạng rung động tan hoại, rã rời, đau không thể diễn tả được, ăn không ngon, ngủ không yên, tâm hồn chao động, nhất là những người già suy thì phải chịu cái cảnh tứ đại tan rã từ từ, đau đốn, tê cứng, mỗi một ...Cho nên, tật bệnh là một trong bốn định luật đau khổ: sanh, già, bệnh, chết đối với những chúng sanh có mang thân mạng. Vì vậy, Đức Phật dạy: cúng dường, chăm sóc, chữa trị cho người bệnh là một trong tám loại phước điền (Tám loại

ruộng phước, gieo một nhân tốt, sanh ra cả ngàn quả tốt, ví như gieo một hạt lúa vào ruộng, sẽ sanh ra cây lúa mang nhiều hạt lúa).

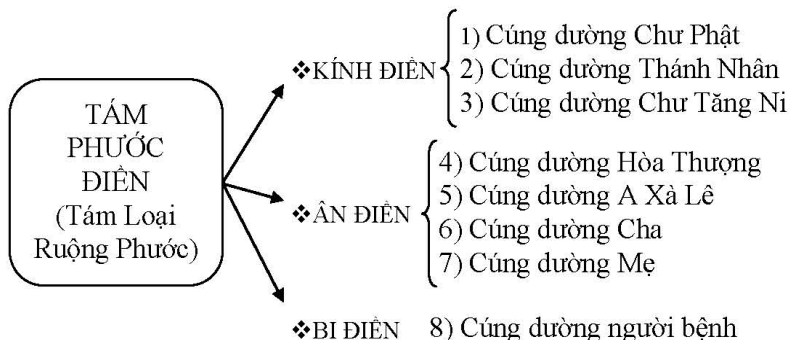
Vì Bồ Tát lấy Đại Bi làm tự thể (Tâm) và lấy cứu khổ làm diệu dụng. Vì vậy, Đức Phật dạy các hành giả tu hạnh Bồ Tát, khi thấy người và vật bị bệnh đau khổ thì liền phải gần gũi, cúng dường thực phẩm, chăm sóc, chữa trị hết lòng, giống như cúng dường Đức Phật vậy. Vì Đức Như Lai lấy thân chúng sanh làm thân của mình, lấy bệnh khổ của chúng sanh làm bệnh khổ của mình.

Bồ Tát chỉ thấy bệnh khổ mà không nên thấy có ty hiềm ghét bỏ, làm ngơ, do vì kẻ đó đã xấu ác với mình. Nên nghĩ rằng, làm người ai cũng có lúc lầm lỗi sơ suất. Hành giả nếu đã phát tâm tu Đại Bi thì nên hỷ xả. Trong Tăng Đoàn, những người xuất gia đã xa lìa gia đình, họ hàng, thân tộc, vào sống trong Đại Gia Đình Phật Giáo. Có Thầy Tổ, Sư Huynh, Sư Đệ, có bạn đồng tu, đồng chung chí hướng, đồng có một hoài bảo hướng thượng. Rồi khi bệnh hoạn, tất cả đều phải nương tựa cậy nhờ sự chăm sóc, giúp đỡ trong huynh đệ thầy tổ. Cho nên, nếu trong Đại Chúng có vị nào bị bệnh, mọi người phải chú ý gần gũi chăm sóc, hỏi han, an ủi, chia sẻ... Không nên vì một chút ty hiềm mà tỏ ra lơ là không tận tình... thì chẳng khác nào kẻ phàm phu ăn miếng trả miếng, không xứng đáng làm Thánh Chúng của Đức Phật.

Nếu các vị đệ tử bị Thầy la rầy, trị phạt, mà đem lòng oán hờn, đến khi Thầy già bệnh, không khởi tâm chăm sóc, lơ là. Hoặc những vị Thầy tổ bị đệ tử mình ngỗ

ngịch, hỗn láo khó dạy... thì những vị ấy không xứng đáng là người xuất gia, không phải tư cách của một Bồ Tát có tâm từ bi, thân ở cửa chùa mà tâm chứa đầy thù hận, chẳng khác gì những kẻ thể tục xấu ác.

III. CHÚ THÍCH:



TRUYỀN:

1. Xưa, Đức Phật đã chăm sóc cho 1 vị Tỳ Kheo già bệnh, hôi hám, khiến cho sư được mát mẻ, thơ thới và vì an vui phấn khởi, Tỳ Kheo ấy bớt đau khổ vì bệnh tật.
2. Ngài Xá Lợi Phất nhiều bệnh nhất trong hàng đệ tử Phật, do nhiều kiếp quá khứ ông thường có tâm khinh mạn sư trưởng và cha mẹ.

3. Thiền sư Tứ Nham ở Nam Kinh đời Đường, lập một bệnh xá, ngoài giờ chăm sóc tắm rửa, giặt giũ quét phòng cho bệnh nhân, ngài còn giảng pháp an ủi, khuyên họ niệm Phật cầu sinh Tây Phương. Gặp những người bị ung nhọt đau nhức rên la, ngài dùng miệng hút máu, dùng lưỡi liếm mủ cho bệnh nhân bớt đau. Đến niên hiệu Vĩnh Huy, thiền sư viên tịch tại bệnh xá, thi hài để hơn mười ngày mà dung mạo vẫn tươi đẹp, không chút thay đổi, hương thơm ngào ngạt tỏa ra khiến ai cũng tán thán.

Có bài thơ:

*Bệnh nhiều trăm nỗi khổ đau
Khác chi hươu nọ bị bao người tâm
Chúng sinh thống khổ thương tâm
Nên quán bệnh, lão hại xâm thân hình
Nguyên cầu Phật cứu sinh linh
Chỉ mau phương thuốc bệnh tình dứt an
Cuối đông sương tuyết ngập tràn
Mưa to, gió lớn muôn ngàn hiểm nguy
Lâm sơn, thảo mộc tàn suy
Còn đâu bao vẻ quang huy rõ rang
Chúng sinh bệnh khổ khóc than
Xuân xanh dũng lực tiêu tan chẳng còn
Bạc tiền, của cải cạn mòn
Kho tàng, lúa thóc đâu còn mẫn sung
Bệnh hành sinh chúng chẳng dung
Sân ái tổn não, nấu nung tâm hồn
Khác chi nắng hạ đổ dồn
Đốt thiêu khắp chốn, khổ đau muôn phần
(Liên Hoa dịch)*

10. GIỚI CHỨA KHÍ CỤ SÁT SINH

I.KINH VĂN:

Nếu Phật Tử, không được cất chứa những binh khí, như dao, gậy, cung, tên, búa, giáo... cùng những đồ sát sinh như chài, lưới, rập, bẫy... Là Phật Tử, dầu cho cha mẹ bị người giết còn không báo thù, huống lại đi giết tất cả chúng sinh ! Không được cất chứa những khí cụ sát sinh ! Nếu cố cất chứa, Phật Tử này phạm tội “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Giới không khán bệnh ở phần trước là nói về cái lỗi không cứu giúp sinh mạng chúng sanh của người tu hạnh Bồ Tát. Còn giới này nói về cái lỗi chứa khí cụ dùng để giết sinh mạng.

Năm loài chúng sanh sống trong cõi Ta Bà này, Đức Phật gọi là “Ngũ Thú Tạp Cư Địa” tức là năm loài thú ăn nuốt lẫn nhau để sống, trong đó có con người. Vì loài người thông minh hơn bốn loài thú kia, nên họ chế ra đủ loại hung khí để chém, giết các loài yếu thế để ăn thịt mà không hề thương xót. Tàn sát lẫn nhau, bắt trói, bằm chặt, nhai nuốt máu xương, vay nợ, trả nợ... khiến cho máu đổ thân phơi. Thân xác bò heo tôm cua bán đầy giữa chợ. Bữa ăn của con người thì toàn là thân chết của chúng sanh, chiên, xào, hầm, nướng. Chứa đầy những khổ đau của muôn loài.

Bậc Bồ Tát không giết hại chúng sanh, không ăn thịt chúng sanh mà còn tìm phương cách cứu giúp chúng sanh bảo tồn tánh mạng.

Vì muốn trưởng dưỡng tâm từ của hành giả tu Bồ Tát Hạnh, không muốn để cho họ khởi lên ý niệm sát sanh khi họ nhìn thấy những khí cụ chém giết cất chứa trong nhà. Sợ rằng cứ mỗi ngày nhìn thấy cung, tên, giáo, mác, súng đạn, lưới, bẫy.. họ sẽ huân tập tư tưởng bắt giết.

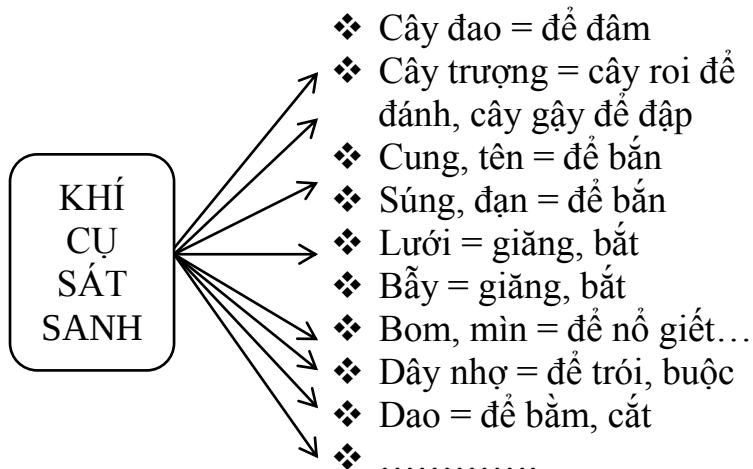
Vì tâm sân hận vẫn luôn hiện hữu, rủi khi tâm sân tức nổi lên mà sẵn có khí cụ, họ sẽ dễ dàng gây tội ác. Cũng như những người đi đường mang dao, súng giấu trong mình, thường bắn giết người khi họ giận lên.

Do đó Đức Phật cấm, tuyệt đối không cho chứa khí cụ sát sanh.

Nếu rủi cha mẹ hay người thân bị giết chết, cũng không được báo thù, người tu hạnh Bồ Tát phải hiểu rõ luật nhân quả mà cha mẹ bà con phải bị là do nhiều đời đã gây ra, mà phát tâm tha thứ cho họ và khuyên họ nên bỏ dụng cụ sát sanh, không gây nợ máu.

Chỉ có bậc vua quan, binh sĩ, quân đội. Vì lo giữ gìn an ninh quốc gia, nên họ chứa súng đạn, bom, mìn... Bồ Tát cũng không nên lui tới nơi chiến trường để xem coi những binh khí giết giặc đó.

III. CHÚ THÍCH:



11. GIỚI ĐI SỨ

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, chẳng được vì quyền lợi và ác tâm mà đi thông sứ mạng cho hai nước hiệp hội quân trận, đem binh đánh nhau làm cho vô lượng chúng sinh bị giết hại. Là Phật Tử còn không được qua lại trong quân trận, huống lại cố làm môi giới chiến tranh. Nếu cố làm, Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Hành giả tu Bồ Tát Đạo còn không cất chứa khí cụ sát sanh, tiêu diệt mầm mống chém giết huống chi lại đi làm môi giới cho hai bên chiến tranh. Chỉ vì một chút quyền lợi nào đó mà nhận làm sứ mạng cho kẻ địch thừa cơ đem quân xâm lấn quốc gia, khiến cho chiến tranh xảy ra, muôn dân đau khổ, tổn hại, chết chóc, tổn thương quá nhiều sinh mạng. Máu đổ, thân phơi, điều tàn cảnh vật.

Bồ Tát tại gia nếu có làm Đại Sứ cho quốc gia của mình thì phải khéo léo tìm đủ mọi cách duy trì hòa bình, không để cho chiến tranh xảy ra, để cứu dân vô tội. Tuyệt đối không vì quyền lợi riêng tư mà chỉ cách giao chiến, bởi vì trong một cuộc chiến tranh xảy ra thì tổn thất rất lớn, quốc gia nào cũng đau khổ, dân tộc hai bên đều lâm than nghèo thiếu.

Hành giả tu hạnh Bồ Tát còn không nên tới lui qua lại trong quân trận hướng chỉ lại cố ý khởi động cho hai bên đánh giết lẫn nhau. Trường hợp muốn dung hòa chiến tranh, cần phải vào chốn chiến trường hoặc đi sứ khuyên can, hòa giải chấm dứt thì được vào nhưng không được ở lâu.

Bồ Tát xuất gia, nếu có duyên phật sự được thỉnh vào trong quân đội thuyết pháp, độ cho binh sĩ quy y Tam Bảo, học hỏi giáo lý, hoặc là an ủi thương phế binh. Hoặc là tác lễ kỳ siêu cho các chiến sĩ trận vong... thì được khai mở cho một thời gian nào đó, vào trong quân trận chứ không được vào đó thường xuyên.

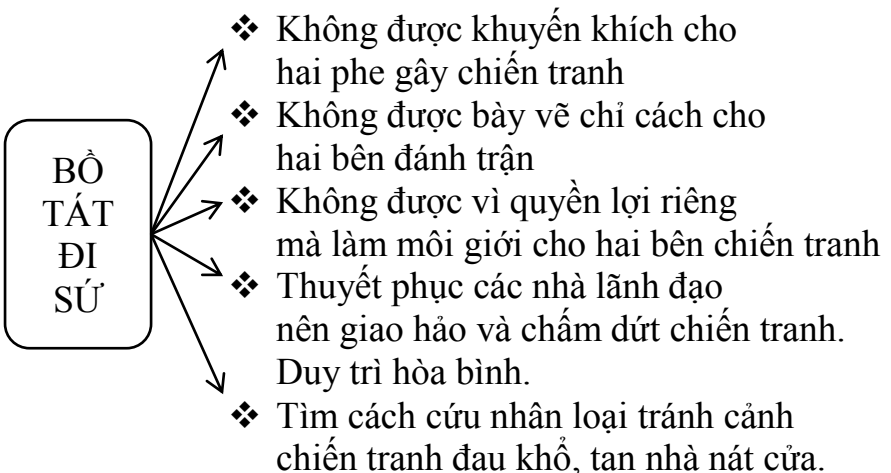
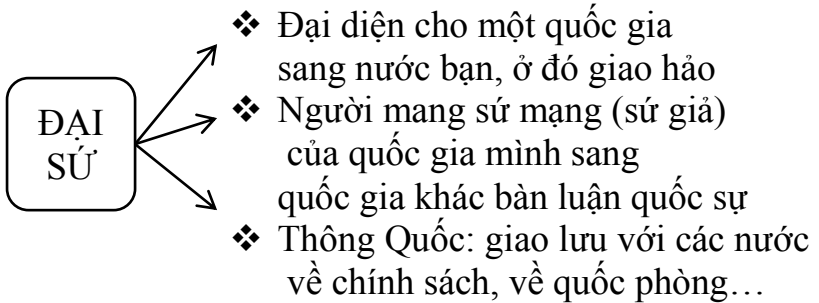
TRUYỀN:

Xưa có Thiên Sư Ân Phong, một hôm, ngài du hóa, đi ngang qua tỉnh Hoài Tây để đến Ngũ Đài Sơn. Trên đường đi thì gặp binh sĩ của tướng Ngô Nguyên Tế đang kháng cự quân giặc tràn vào. Hai bên đang đánh trận ác liệt, binh sĩ hai phe chết rất nhiều mà chiến sự vẫn còn căng thẳng, chưa phân thắng bại.

Thấy cảnh chết chóc quá nhiều, xóm làng tan nát, dân chúng chạy giặc đói khổ kiệt sức... Thiên sư liền dùng cây Tích Trượng của ngài phóng lên hư không, và Thiên sư liền phi thân bay lên đứng trên Tích Trượng, bay ngang qua chỗ hai bên đang giao chiến. Binh tướng cả hai phe trông thấy, nghĩ là Thần Thánh nơi đây hiện ra quở phạt. Cho nên cả hai bên đều ngưng chiến, rút quân, họ quỳ xuống khởi tâm hối lỗi cầu xin ơn trên tha thứ.

Do đó, ngài đã cứu được rất nhiều sinh mạng.

III. CHÚ THÍCH:



12. GIỚI BUÔN BÁN PHI PHÁP

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử cố bán người lành, tội trai tứ gái, lục súc, buôn bán quan tài, ván cây, đồ đựng thầy chết, còn không được tự mình buôn bán các thứ ấy, huống lại bảo người. Nếu cố tự buôn bán, hay bảo người buôn bán các thứ ấy, Phật Tử này phạm “khinh cầu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Hễ nói đến buôn bán tức mang hình thức bỏ vốn ra mua và bán ra lấy lời. Bán càng nhiều thì lời càng nhiều, cho nên người bán bao giờ họ cũng mong có người cần món đồ, đến mua. Nhưng buôn bán cũng có thứ không tốt và mang hành động ác, mang tâm tưởng ác, như bán con người, gạt găm người để bán làm nô lệ nơi xứ lạ, trợn kiếp đau khổ, mua trẻ em bị bắt cóc để bán ra nước ngoài khiến các bé xa lìa cha mẹ, bị giết để lấy nội tạng bán cho kẻ khác ghép. Họ còn buôn bán thú vật để cho kẻ khác giết chết ăn thịt mà không thể nào chạy thoát. Họ bán quan tài, bán hủ tro cốt đựng thầy chết và tâm luôn mong mỗi có nhiều người chết, họ hàng đến mua...

Do đó, Đức Phật dạy người Phật Tử chân chánh phải thực hành Chánh Mạng (tức làm nghề nuôi sống chân chánh để nuôi mạng, không làm nghề ác), không

được buôn bán phi pháp. Nhưng đối với bậc tu hạnh Bồ Tát thì tuyệť đối không được buôn bán các thứ.

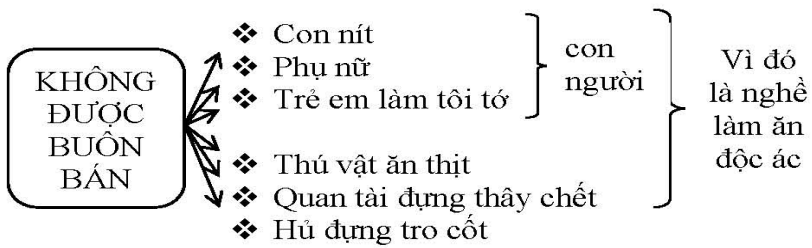
Xét trong năm loài Thú sống trên quả địa cầu này thì CON THÚ NGƯỜI là loài vô cùng độc ác. Vì có tư tưởng, có tâm thức, không được học Đạo lý nên họ hại người rất là chuyên nghiệp. Ngoài sự giết ăn, họ còn bắt để dành phơi khô, bắt đem bán lấy tiền, tính toán lường gạt, lừa đảo miễn họ có lợi, chúng sanh quanh họ chết chóc đau khổ cũng mặc kệ, tối ngày họ làm nghề cướp giựt trên mồ hôi của kẻ khác để sống.

Con thú cũng sống trong cõi Ta Bà này, như khi nào nó đói thì nó bắt con khác ăn, no rồi thì thôi, đâu có ác độc như con người, là một loài THÚ rất là ghê tởm.

Xã hội hiện tại còn có những kẻ chuyên bắt cóc con nít để bán. Dụ dỗ gái quê, dụ dỗ phụ nữ dẫn đi làm thuê nước ngoài, nhưng sự thật là họ đem bán đứt trọn kiếp của họ để làm nô lệ tình dục, nô lệ lao động, bị hành hạ, bị đánh đập, bị lấy nội tạng để họ bán cho kẻ giàu bị bệnh, cần ghép tạng ... bao nhiêu cay đắng đau thương khi họ bị mất tự do, xa lìa cha mẹ...

Nếu Phật Tử hay ai đó buôn bán phi pháp để sinh sống thì đó là một hành vi ghê tởm và độc ác, vì họ không thấy được nhân phẩm, không thấy được Phật Tánh trong tất cả chúng sanh. Không thấy được Phật Tánh trong loài thú, nó cũng biết buồn vui lo sợ và đau khổ run rẩy...

III. CHÚ THÍCH:



13. GIỚI HỦY BÁNG

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, vì ác tâm, noi người tốt, người lành, Pháp Sư, Sư Tăng, hoặc Quốc Vương và hàng quý nhân, vốn vô sự mà hủy báng là phạm bảy tội nghịch, mười giới trọng. Với cha, mẹ, anh, em, lục thân phải có lòng từ bi, lòng hiếu hạnh, mà trở lại vu không cho là phạm tội nghịch, dọa nơi ác đạo, Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Phá hoại Đức Hạnh và Danh Dự của người khác gọi là HỦY, vô cớ chê bai, rao nói lỗi của người khác gọi là BÁNG.

Đối với những bậc mô phạm, được người đời tôn kính, ngưỡng mộ như:

- ❖ Minh Sư Thiện Hữu (Sư trưởng)
- ❖ Pháp Sư
- ❖ Sư Tăng
- ❖ Quốc Vương, Đại thần ái quốc, Lương thiện.

.....

Người tu giới Bồ Tát đáng lẽ ra phải nên tôn trọng gần gũi học hỏi cái hạnh tốt từ các bậc ấy. Không nên vì một chút phật ý bản ngã, giận hờn, ganh tỵ, cố chấp mà khởi tâm xấu ác rồi vô cớ vu không, gán tội lỗi cho các

bạc ấy để mong phá hoại đức hạnh và danh dự của người hiền đức.

Cổ non có câu:

“Ngậm máu phun người dơ miệng mình”.

Hiện tại, dù người kia có bị hủy hoại danh dự hay không nhưng chính mình chắc chắn sẽ bị chiêu cảm những quả báo xấu ác.

Một khi đã ô nhiễm tâm niệm muốn hủy báng người khác thì chính kẻ đó không bao giờ có tâm tốt. Vì vậy, khi họ mở miệng chê bai bêu xấu, gán tội cho ai, ta thấy tất cả phát xuất từ cửa miệng (khẩu nghiệp) nhưng thật ra, tất cả cũng từ nơi Tâm niệm xấu ác mà khởi (ý nghiệp). Ác tâm chính yếu cũng do tham lam, danh lợi và cố chấp (Tham, Sân, Si Tam độc).

Họa phúc của con người đều từ cửa miệng, cho nên cổ nhân đã ví miệng lưỡi giống như là một chiếc búa bén, như một cây cung, nếu không cẩn thận, nó sẽ sẵn sàng giết người nhanh như chớp.

“Môi như cây cung

Tâm ý như sợi dây

Âm thanh phát ra như mũi tên

Cẩn thận không mở lời bậy bạ “

Người tu hạnh Bồ Tát đối với kẻ có lỗi còn không rao nói tội của họ huống chi là vô cớ, suy luận ra tội lỗi rồi mở miệng hủy báng người. Bồ Tát không nên tùy thuận theo Tâm Thức, dùng pháp không căn cứ hủy báng người.

Chúng ta đã biết, cái miệng có bốn nghiệp ác và rất dễ dàng tạo ác:

1. Vọng ngôn = nói láo

2. Ý ngữ = nói thêm bớt
3. Lưỡng thiệt = nói xúi giục đâm thọc hai đầu
4. Ác khẩu = chửi rủa

Giới vô có hủy báng này rất là dễ phạm đối với những kẻ nhiều chuyện, bàn tán suy luận, chê bai kẻ khác. Vì vậy Đức Phật dạy niệm phật, tham thiền, an trụ Tánh Giác, sống với thực tại, làm gì biết nấy... để trừ Tâm Thức vọng khởi.

III. CHÚ THÍCH:

❖ Vô Có Hủy Báng:

Nếu không căn cứ vào ba điều thấy, nghe, nghĩ mà do ý nghiệp vọng tâm bất thiện suy tưởng ra lỗi và gán cho người khác. Đó là tội hủy báng không căn cứ. (Khinh giới).

Nếu cộng thêm tội khen mình nữa thì phạm Giới Trọng Ba La Di (tự khen mình + chê người).

❖ Người lành: (Người hiền, Quý nhơn)

- Thánh vương (Vua hiền)
- Đại thần (Hiền thần)
- Bậc Thiện Hữu Tri Thức

Là những người yêu nước, hộ trì Tam Bảo, an bang xã hội...

❖ Pháp Sư:

Là vị thầy giảng Chánh Pháp của Đức Phật, hướng dẫn chúng sanh giác ngộ. Là người thay mặt Đức Phật cứu độ chúng sinh.

❖ Sư Tăng:

Chỉ cho vị Hòa Thượng, A Xà Lê của mình. Là vị chỉ cần chỉ dạy cho mình một câu kinh giảng dạy cho mình một bài kệ.

Chỉ cần ta y chỉ với vị ấy cho dù một ngày cũng là Thầy của mình.

❖ Sư Trưởng:

Là Thầy Bồn Sư dẫn dắt chúng ta trên đường tu. Bạn lành trong thiên hạ không ai hơn bậc Sư Trưởng. Bậc Thiện Trí Thức trong đời không ai hơn được bậc Sư Trưởng.

Nếu chúng ta biết tuân theo lời dạy bảo của bậc Sư Trưởng một cách chân thành và chú tâm thực hành thì cuộc đời tu của chúng ta được an lạc giải thoát.

Đôi khi, vì muốn cho đệ tử mình nên người mà Sư Trưởng có biện pháp giáo hóa nghiêm khắc. Chúng ta không nên tỏ ý bất mãn, không kính phục. Lại còn ở sau lưng nói xấu Sư Trưởng của mình mà đáng lẽ ra mình phải cung kính báo đáp ơn Thầy.

Những kẻ hay chống báng, nói xấu Sư Trưởng như vậy chẳng khác nào kẻ đạo tặc Đại Ma trong đạo pháp.

14. GIỚI PHÓNG HỎA

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, vì tâm ác, phóng hỏa đốt núi, rừng, đồng nội. Từ tháng tư đến tháng chín phóng hỏa. Hoặc cháy lan đến nhà cửa, thành ấp, tăng phường, ruộng cây của người và cung điện tài vật của quỷ thần. Tất cả chỗ có sinh vật không được cố thiêu đốt. Nếu cố thiêu đốt, Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Tại các quốc gia nhiệt đới thường có khí hậu ẩm áp nhiều hơn như Ấn độ, Lào, Campuchia, Việt Nam... Mỗi năm, từ tháng tư đến tháng chín âm lịch là mùa mà các côn trùng sanh sôi nảy nở rất nhiều. Cây cỏ cũng đến mùa đâm chồi nảy lộc. Nhất là nơi núi rừng, đồng nội, bờ ao, gốc cây, dưới những đám cỏ tươi... có rất nhiều côn trùng ẩn náu như sâu bọ, kiến, giun, dế.... Nếu chúng ta phóng hỏa, thiêu đốt núi, rừng, đồng nội...sẽ làm chết vô số sinh mạng. Làm hư hoại chỗ sinh sống của muôn loài chim bay, thú chạy.

Lại nữa, trên những cội cây cao, thường là nơi cư ngụ của loài Quỷ Thần, cũng như cỏ non trên mặt đất đang đâm chồi non là thức ăn nuôi sống các loài cầm thú. Nếu bị phóng hỏa thiêu đốt sẽ biến thành cảnh tang thương chết chóc.

Các vị Tỳ Kheo đi khát thực trên đường còn không được giẫm đạp cây cỏ tươi non hưởng chi người tu hạnh Bồ Tát mà còn tự ý phóng hỏa thiêu đốt núi rừng đồng nội.

Tóm lại không được thiêu đốt dù một đóm lửa nhỏ, bởi vì chỉ một đóm lửa nhỏ cũng đủ cháy lan ra thành đám lửa lớn.

Không những không thiêu đốt từ tháng tư đến tháng chín mà quanh năm suốt tháng, ngày đêm, chúng ta cũng không nên phóng hỏa thiêu đốt gì cả.

Hành động sát sanh trong giới sát còn có hạng lượng số sinh mạng bị giết hại, còn phóng hỏa thiêu đốt thì hậu quả tổn hại sinh mạng và phá hoại môi trường sống của chúng sanh vô số kể.

Từ một đóm lửa nhỏ nếu không cẩn thận, sẽ là nguyên nhân bùng phát thành biển lửa hung tàn, chớp nhóang trùm phủ muôn loài khó có thể chạy thoát.

Hãy nhìn cảnh con người bị tai nạn nước trôi, lửa cháy, họ chịu đau khổ thế nào thì những côn trùng muôn thú bị mất chỗ nương ở, bị cháy, bị chết, đói khát, bơ vơ... đau khổ biết dường nào.

Người thiêu đốt núi rừng đồng nội bị quả báo làm kẻ điên cuồng, tàn tật, nhà cửa tan nát, lưu lạc bơ vơ, bệnh tật, đói khát, chết yểu, đui, điếc, câm ngọng, ghẻ lở. Khi bỏ xác thân này, họ chắc chắn sẽ bị chết cháy. Trải qua hằng hà sa số kiếp đèn mạng trả nợ.

15. GIỚI DẠY GIÁO LÝ NGOÀI ĐẠI THỪA

I.KINH VĂN:

Nếu Phật Tử, từ Phật đệ tử, lục thân, tất cả Thiện Tri Thức, đến ngoại đạo ác nhân, đều phải khuyên bảo thọ trì Kinh Luật Đại Thừa. Nên giảng cho họ hiểu nghĩa lý khiến phát Bồ Đề Tâm, Thập Phát Thú tâm, Thập Trưởng Dưỡng tâm, Thập Kim Cương tâm. Trong ba mươi tâm ấy, giảng cho họ hiểu pháp dụng tuần thứ của mỗi món. Mà Phật Tử lại ác tâm, sân tâm, đem kinh luật của Thanh Văn Nhị Thừa cùng các bộ luận của Ngoại Đạo Tà Kiến để dạy ngang cho người. Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Giới này nói về:

- ❖ Pháp nên đem giảng dạy mà không chịu dạy
- ❖ Pháp không nên đem giảng dạy lại đem giảng dạy

Giới này cấm hành giả Bồ Tát đem tâm xấu ác, không muốn cho kẻ kia đi trên đường Đại Thừa thành Phật bằng mình, muốn họ chứng quả vị thấp hơn mình, nên đem pháp môn nhị thừa dạy họ tu để chứng quả Thanh Văn, Duyên Giác thôi, mà không chịu đem pháp môn

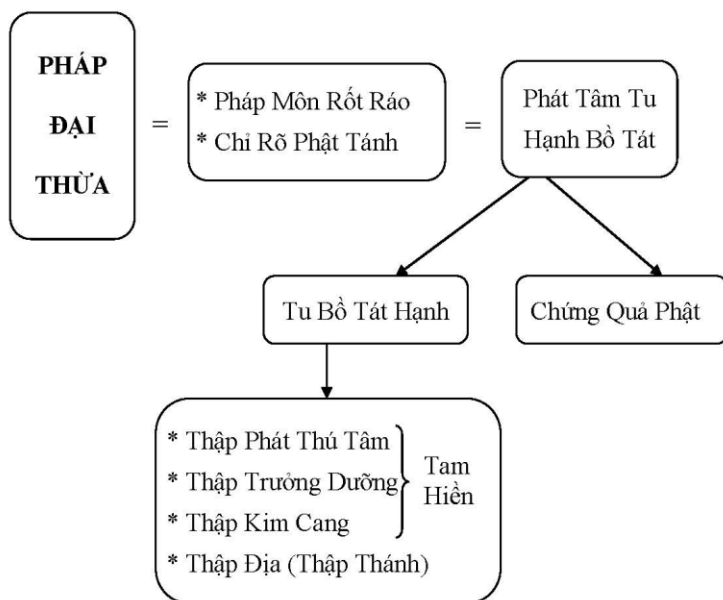
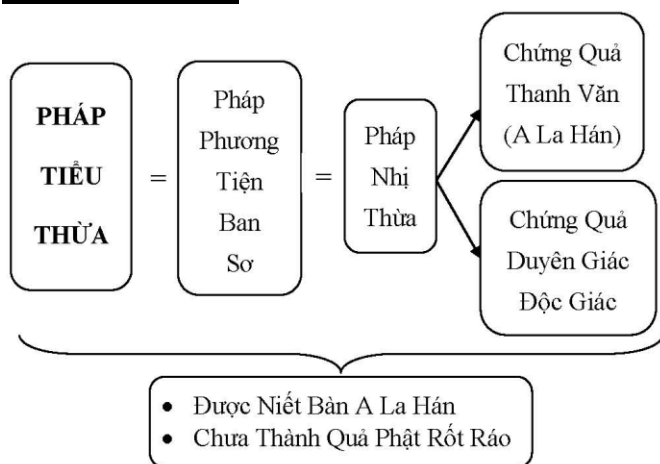
Đại thừa giảng dạy để họ nhận ra Phật Tánh rồi phát tâm Bồ Đề cầu thành phật.

Tuy nhiên, nếu do căn cơ thích hợp cho kẻ kia mà hành giả đem Pháp Tiểu Thừa giảng cho họ thì khi giảng dạy phải nói rõ cho họ biết rằng đây chỉ là Pháp Môn Phương Tiện ban đầu thôi, không nên nghĩ rằng đây là pháp tu rốt ráo chân thật, vì vậy khuyên họ nên tiến thêm, cầu học và tu theo Pháp Môn Đại Thừa để đạt được đến quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đức Phật dạy rằng: tất cả chúng sanh vốn đã thuần thiện (“Nhơn chi sơ tánh bản thiện”), sở dĩ họ bị đi vào con đường Tà Kiến là do sự hướng dẫn sai lầm của vị thầy, của xã hội, làm cho họ bị sa đọa vào ba đường ác. Người tu hạnh Bồ Tát là người học theo hạnh Đại Thừa. Hành giả Đại Thừa dĩ nhiên phải đem giáo pháp Đại Thừa giảng dạy cho chúng sanh, khiến cho họ phát tâm Bồ Đề để họ được lợi ích rốt ráo, có như vậy, mới xứng đáng với danh nghĩa Bồ Tát. Nếu vì duyên cơ nào đó mà đem Pháp Tiểu Thừa Phương Tiện dạy cho họ thì phạm lỗi xan tham keo sêng.

Vã lại, hành giả Bồ Tát dùng Pháp Nhãn thấy rõ Phật Tánh Thường Hằng sẵn có trong tất cả chúng sanh, nên phát tâm giảng pháp Đại Thừa, chỉ thẳng Phật Tánh (Tánh Giác Biết) để chúng sanh nhận ra Phật Tánh sẵn có của mình, lìa bỏ Tâm Thức và An Trụ vào Phật Tánh, vững tiến trên con đường thành Phật.

III. CHÚ THÍCH:



Thập Phát Thù Tâm, Thập Trưởng Dưỡng Tâm, Thập Kim Cương Tâm, Thập Địa xin xem lại trang 55, 56.

16. GIỚI VÌ LỢI MÀ GIẢNG PHÁP LỘN LẠO

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, phải tận tâm học Kinh Luật oai nghi Đại Thừa, thông hiểu nghĩa lý, khi thấy có hàng tân học Bồ Tát từ xa trăm dặm nghìn dặm đến cầu học Kinh Luật Đại Thừa, nên đứng như Pháp giảng giải, tất cả khổ hạnh, hoặc đốt thân, hoặc đốt cánh tay, hoặc đốt ngón tay. Nếu không đốt thân hay cánh tay, ngón tay cúng dường Chư Phật thời không phải là hàng Bồ Tát xuất gia. Nhấn đến xả thịt nơi thân mình cùng tay chân mà bố thí cho tất cả những cọp, sói, sư tử đói, cùng tất cả loài quỷ đói. Rồi sau mới tuân tữ theo căn cơ của mỗi người mà giảng Chánh Pháp cho hàng tân học ấy được mở thông tâm ý. Nếu Phật Tử vì quyền lợi, đáng dạy mà không dạy, lại giảng Kinh Luật một cách điên đảo, vẫn tự lộn xộn không có thứ lớp trước sau, thuyết pháp có tính cách hủy báng Tam Bảo. Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Đức Phật cấm các Tỷ Kheo đi thuyết giảng Chánh Pháp vì để mong cầu lợi dưỡng.

Người tu hạnh Bồ Tát lấy hạnh lợi người làm căn bản và luôn mong cho chúng sanh được nhiều lợi ích. Cho nên, họ thường đem Chánh Pháp giảng dạy không mệt mỏi. Nhưng Đức Phật luôn nhắc nhở chư Bồ Tát phải

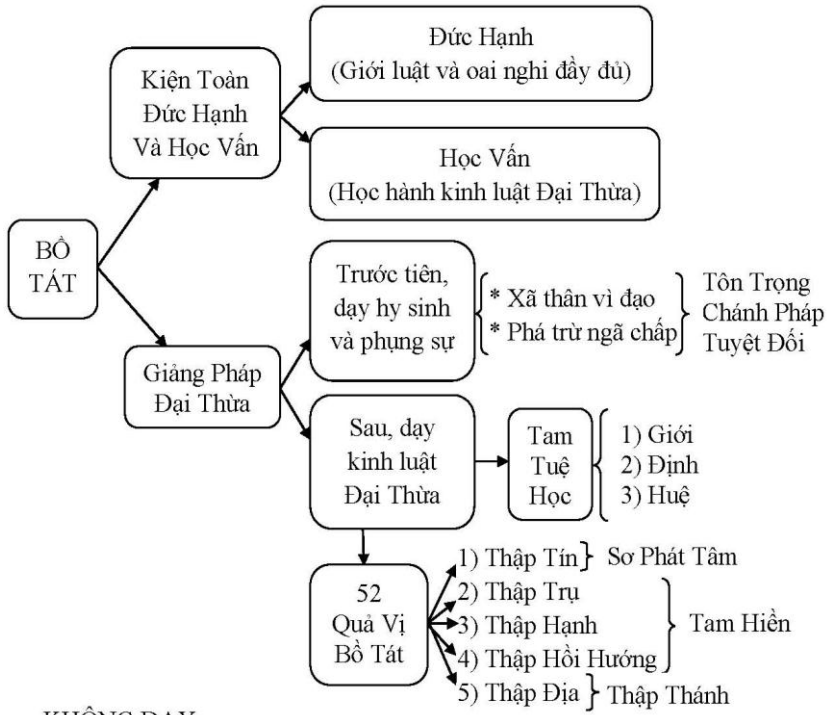
giảng Pháp theo thứ tự từ thấp đến cao để người học Đạo dễ dàng lãnh hội. Trước nhất là biết hy sinh:

Vì căn cơ nghiệp lực và cố chấp thân mạng, tài sản thường còn thành thói quen khó buông xả, cho nên khi giảng pháp cho hàng mới phát tâm vào đạo, phải hướng dẫn cho họ, trước nhất phải xem nhẹ thân mạng, phải hy sinh. Trên cầu Phật Đạo, dưới cứu độ chúng sanh.

Hành động đốt thân, xả thân cho thú đói ăn là dụ cho tâm kiên trì, xem thân tứ đại là giả tạm, là phá trừ ngã chấp... phát nguyện dẫn thân phụng sự... Bước thứ hai là giảng dạy Chánh Pháp, dạy theo thứ tự từ dễ đến khó, từ thấp đến cao, không được dạy lộn xộn.

Vị Bồ Tát giảng sư trước nhất phải kiện toàn Đức Hạnh và Học Vấn, phải Giới Luật trang nghiêm. Chỉ một lòng mong cầu cho chúng sanh mau thành Phật Đạo. Không vì cảm tình, không vì được lợi dưỡng mà cố ý tham cầu rồi giảng pháp lộn xộn, làm cho chúng sanh học Đạo mà không đạt được hiệu quả. Không thông hiểu tường tận, làm cho họ thôi chuyển, không thể phát tâm Bồ Đề.

III. CHÚ THÍCH:



KHÔNG DẠY:

- * Người cống cao, ngã mạn
- * Người chắt vắn, hỏi thừ
- * Khi Bồ Tát bị bệnh

17. GIỚI CẬY THỂ LỰC QUYỀN TÔI

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, tự mình vì việc ăn uống tiền của, lợi dưỡng, danh dự mà thân cận quốc vương, hoàng tử cùng các quan, nương quyền cậy thế bức người để lấy tiền của, lại bảo người khác cũng cầu lợi như vậy. Tất cả sự cầu lợi ấy gọi là ác cầu, đa cầu, đều không có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Giới thứ 16 ở trước là nói về trường hợp có những người chí thành mới vào cửa Đạo, họ cần cầu học Chánh Pháp. Nhưng giảng sư lại đem Chánh Pháp dạy cho họ lộn xộn, không theo thứ lớp từ thấp đến cao... khiến cho họ bị chướng ngại sự hiểu biết và khó có thể thành tựu phật quả. Làm đoạn tuyệt Chánh Pháp.

Còn giới thứ 17 này là nói về người tu hạnh Bồ Tát làm sai pháp tu. Miệng thì nói tu hạnh Bồ Tát mà hành vi thì chẳng khác nào bọn cướp giựt, chuyên tâm âm mưu lấy tiền của người khác để làm lợi cho mình.

Ý mình đầu tròn áo vuông, thay mặt Đức Phật giáo hóa chúng sanh, được hàng vua, quan, chánh quyền kính nể, gân gủi. Thay vì nhờ đó mà xin họ phát tâm giúp đỡ chúng sanh đói thiếu, trái lại còn nương quyền cậy thế hăm dọa, chèn ép mọi người, khiến người ta sợ mà dâng tiền của cho mình, gây nên sự căm phẫn âm thầm

và xa lánh chốn thiền môn, bỏ luôn học Đạo tu hành khiến cho Ngôi Tam Bảo không còn trụ thế lâu dài. Đây là tội phá hoại Chánh Pháp, cho nên Đức Phật chế giới cấm này. Vị Bồ Tát lẽ ra phải hy sinh cả thân mạng và vật dụng của mình để đem cứu giúp chúng sanh mới phải, đâu nên vì lòng tham cầu lợi dưỡng quá độ, sẵn sàng dùng thủ đoạn hại người, lại còn xúi giục người khác làm điều xấu ác.

Đức Phật dạy rằng:

“Răng đèn răng
Mắt đèn mắt
Tài vật đèn tài vật
Quả báo nhãn tiền
Không xót mảy may....”

Là Phật Tử, đừng nên để tâm tham cầu che lấp trí tuệ, phải luôn thấy đời là vô thường biến dịch. Tâm Thức mong cầu luôn luôn tạo nghiệp ác và của tiền vật chất thế gian là phù du ảo mộng.

Như Kinh Kim Cang, Đức Phật dạy:

“Nhứt thiết hữu vi pháp
Như mộng huyễn bào ảnh
Như lộ diệt như điện
Ung tác như thị quán”

Dịch là: Tất cả các pháp do duyên hợp tạo thành (Hữu vi) giống như mộng寐, như ảo thuật, như bọt nước, như bóng hình, như sương mai, như điện chớp. Nên quan sát rõ như vậy.

Mỗi khi muốn làm việc gì, nên tự hỏi mình rằng:

- Làm vì mình?
- Làm vì Đại chúng?

- Làm vì Phật pháp?

III. CHÚ THÍCH:

ÁC CẦU = Là mong phát triển những hành vi tà Đạo

ĐA CẦU = Tham danh dự
Tham lợi dưỡng
Tham tiền của
Tham giàu sang

....

18. GIỚI KHÔNG THÔNG HIỂU MÀ LÀM THẦY TRUYỀN GIỚI

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử phải học mười hai phần kinh, thường tụng giới. Mỗi ngày sáu thời, nghiêm trì Bồ Tát giới, hiểu rõ nghĩa lý tính Phật Tính của giới. Nếu Phật Tử không hiểu một kệ một câu cùng nhân duyên của Giới Luật, mà dối rằng thông hiểu, đó chính là dối gạt mình và cũng là dối gạt người khác. Không hiểu một Pháp, không biết một Luật mà lại đi làm thầy truyền giới cho người. Phật Tử này phạm “khinh cầu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Chủ đích của giới này là ngăn cấm việc nói dối, tự cho là mình hiểu biết rộng để mong làm thầy dạy Đạo và truyền giới pháp cho người trong khi thực chất mình chưa thông hiểu Kinh Luật rõ ràng.

Điều kiện đủ để trở thành một vị Pháp Sư giảng nói Chánh Pháp và thay mặt Đức Phật truyền trao giới phẩm cho người là không phải dễ. Điều này đòi hỏi vị ấy phải thông hiểu Giới Luật cũng như lãnh hội rõ ràng Giáo Điển Kinh Luật Luận Tiêu Thừa, Đại Thừa.

Về phần Giới Luật, phải hiểu rõ về khía cạnh áp dụng như KHAI, GIÁ TRỊ, PHẠM và thế nào là trọng giới và khinh giới. Như vậy mới đủ tư cách làm vì thầy

hướng dẫn cho người một cách rành rẽ và mạch lạc. Bởi vậy, người dạy Đạo cũng như vị lương y tùy bệnh mà kê toa bốc thuốc. Có nghĩa là phải tùy theo căn cơ trình độ, sở thích của chúng sanh tuần tự dạy Kinh Luật theo thứ lớp để cho người học Đạo dễ dàng lãnh hội và áp dụng tu hành hợp với khả năng của họ.

Vị Pháp sư Đại Thừa bắt buộc phải là một vị Tỳ Kheo Bồ Tát thông hiểu giáo pháp Đại Thừa và Tam Tạng Kinh Điển. Ngoài ra, còn phải có đủ năm đức hạnh của một vị pháp sư chân chính.

1. Phải có Giới Hạnh thanh tịnh trang nghiêm
2. Phải đủ 10 hạ lạp sắp lên
3. Phải thông hiểu Luật Tạng
4. Phải thông hiểu về Tánh Tướng của các pháp
5. Phải có công phu tu tập (sáng Đạo)

Những vị Bồ Tát tại gia cũng có thể giảng Kinh Luật của Bồ Tát Tại Gia nếu thông hiểu Giáo Pháp Đại Thừa, nhưng tuyệt đối không được truyền trao giới pháp.

Thời Mạt pháp, lòng người chao đảo mãnh khỏe, thân khoác áo cà sa nhưng tâm luôn bám theo danh lợi. Vì tham danh, tham lợi, tham đệ tử đông, tham chùa to phật lớn để vang danh trong thiên hạ, chỉ thấy cái bề ngoài y, áo, bình bát, đường đường Tăng Tướng nhưng trong bụng trống rỗng mà không chịu tham cứu học Đạo. Chỉ giỏi che đậy, dối trá cho mình là người thông hiểu cao rộng, thích làm thầy thiên hạ. Bỏ tiền ra lập Đạo Tràng rồi thăng toà giảng Chánh Pháp lộn xộn,

thao thao muốn nói gì thì nói chẳng kể gì đến Chánh Giáo của Như Lai.

Giới Bồ Tát tối kỵ nhất là lòng dối trá. Vì vậy, nếu tự thấy mình còn yếu kém thì cố gắng học hỏi thêm hoặc có thể lo mở Đạo Tràng chu đáo rồi cung thỉnh các Pháp Sư chân chánh về giảng pháp. Mục đích chính của Bồ Tát là làm cho Chánh Pháp trường tồn, chúng sanh nhận ra Tâm Địa Giới Phẩm, thông hiểu pháp tu và áp dụng đúng mới có thể trở về An trụ Tâm Địa Giới. Từ đó, tiến đến quả vị Vô Thượng Chánh Giác.

III. CHÚ THÍCH:

“Không hiểu một câu” = Ý nói vị này không hiểu rõ ý chỉ Kinh Tạng, một bài kệ mang nghĩa lý sâu xa.

Nếu lãnh hội được ý chỉ trong đó có thể xem như bao gồm Phật Pháp. Ví dụ:

“Chư hành vô thường
Thị sanh diệt pháp
Sanh diệt diệt dĩ
Tịch diệt vi lạc”

(Các duyên hợp là vô thường.
Đó là Pháp sanh diệt (Hợp tan)
Khi đã hết sự hợp tan (ra khỏi)
sẽ được tịch tịnh an lạc)

“Đạo lớn chẳng gì khó
Cốt đừng lựa chọn thôi
Quý hồ không phân biệt
Thì tự nhiên sáng ngời
Sai lạc đi một li

Đất trời liền xa cách
Chẳng tính chuyện ngược xuôi
Thì Đạo liền trước mặt “
(Tổ Huệ Khả)

Thấy được lỗi lầm nên hoan hỷ
Trên đời không sân thật hạnh phúc
Đừng làm tổn hại các chúng sanh
Sáu trần thế gian đừng ham muốn
Thoát ly ái dục và ngã mạn
Mới có thể được tâm an lạc
Vào cảnh tịch tịnh là vui nhất
(Bài kệ Đức Phật dạy cho ngài Bàn Đặc và ngài Bàn
Đặc đem đến dạy cho các Tỷ Kheo Ni. Nghe xong Chư
Ni đều chứng quả A La Hán).

19. GIỚI LƯƠNG THIẾT (lưới hai chiều)

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, vì ác tâm, thấy thầy Tỳ Kheo trì giới tay bưng lư hương, tu hạnh Bồ Tát, tự đi đâm thọc hai đầu, cho sinh sự bất hòa khinh khi người hiền, tạo nhiều tội ác. Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Ở giới thứ 18 trước, Đức Phật dạy rằng: các Tỳ Kheo không có thực tu thực học, không sáng Đạo mà giả dối, mách khoe, tham cầu làm thầy dạy Đạo, làm Luật Sư trao truyền Giới Pháp cho người khác, khiến cho người học không lãnh hội nên áp dụng tu hành sai Chánh Pháp.

Còn giới thứ 19 này nói về người có tư cách xấu ác đối với bậc Đức Hạnh. Đức Phật ngăn cấm các hành giả Bồ Tát không được sanh ác tâm khinh khi, ly gián. Đối với bạn đồng tu với mình, đã không giữ pháp Lục Hòa Kính mà còn đố kỵ, ganh ghét rồi âm mưu phá hoại, nói xấu, đâm thọc hai đầu, làm ly gián, nghi kỵ với nhau, khiến cho tình trạng bất hòa xảy ra trong Đại Chúng, dẫn đến khuấy động tâm thanh tịnh tu hành của hành giả, làm cho họ khó có thể đạt được định lực để chứng quả.

Cổ nhân có câu:

“Ninh động thiên giang thủy
Bất động Đạo tâm nhơn”

(Thà khuấy động nước cả ngàn con sông chứ không nên làm động niệm tâm người tu hành)

Người tu hạnh Bồ Tát được xuất gia ở trong Tăng Đoàn hòa hợp, lẽ ra phải hỗ trợ, khuyến khích, dạy bảo, sám hối lẫn nhau để sách tấn tu hành. Các vị Tỳ Kheo Đạo Hạnh, giới luật tinh nghiêm ở trong chúng là tấm gương sáng mà huynh đệ trong chúng phải bắt chước theo, khi thấy vị ấy được người đời cung kính, lẽ ra ta nên gần gũi học hỏi, đâu nên đố kỵ ganh ghét. Thấy người ta có phước hơn mình thì mình phải biết nhìn lại chính mình, cố gắng tu tâm dưỡng tánh, bỏ lòng tham cầu danh lợi, phải thấy rõ các pháp là không thật.

Nương ở chốn thiên môn là cửa không mà bản chất phàm phu vẫn còn, thấy cái gì cũng thật có. Sống trong Tăng Đoàn, Lục Hòa Kính mà tâm địa hơn thua, tranh giành chiến đấu vẫn còn.

Tòng Lâm là nơi đào tạo Thánh Hiền, là nơi huấn luyện để bỏ phàm thành Thánh, đâu phải là chỗ dung chứa bọn côn đồ, xảo trá, mưu xi, đâu phải là chỗ đấu trường để tranh giành quyền lợi.

May có phúc duyên nương vào cửa Phật, được hưởng phước phần của Đức Như Lai, tiền nhà, tiền ăn, tiền điện, tiền nước thầy đều không tốn, lại thêm nhận của cúng dường của Phật Tử Đàn Na... Hằng ngày nhớ sớ lên đầu để biết mình là người tu hành, nếu không nhớ tu thì e rằng tương lai sẽ mang lông đội sừng trả nợ.

III.CHÚ THÍCH:

Tay bung lư hương = Là muốn nêu lên một hạnh tu hành thiết tha trọng Đạo của bậc Đại Sĩ, của những vị Đức Hạnh.

Lưỡng Thiệt = Nói hai đầu.

Qua bên này học chuyện bên kia. Qua bên kia học lại chuyện bên nọ để mong chia rẽ, ly gián họ ra.

Muru mô, đâm thọc, phá hại người hiền.

Muốn ly gián hai bên để mình đứng giữa, được họ cảm ơn mình.

20. GIỚI KHÔNG PHÓNG SINH

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, vì tâm từ bi mà làm việc phóng sinh. Tất cả nam tử là cha ta, tất cả nữ nhân là mẹ ta. Từ nhiều đời ta đều thác sinh nơi đó. Vì lẽ ấy nên chúng sinh trong lục đạo đều là cha mẹ ta. Nếu giết chúng để ăn thịt, thời chính là giết cha mẹ ta, mà cũng là giết thân cũ của ta. Tất cả chất tứ đại đều là bốn thân bốn thể của ta, cho nên phải thường làm việc phóng sinh và khuyên bảo người làm. Nếu lúc thấy người đời sát sinh, nên tìm cách cứu hộ cho chúng được thoát khỏi nạn khổ ! Thường đem giới Bồ Tát giảng dạy để cứu độ chúng sinh.

Nếu ngày cha mẹ hay anh em chết, nên thỉnh Pháp Sư giảng kinh luật Bồ Tát Giới. Người chết nhờ phước đức ấy, hoặc được vãng sinh Tịnh Độ ra mắt chư Phật, hay thác sinh trong cõi trời cõi người. Nếu không làm các điều trên đây, phật tử này phạm “khinh cấu tội”.

Mười giới như thế cần nên học tập, hết lòng kính trọng, phụng trì. Như trong phẩm “Diệt tội” giảng rõ mỗi giới.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

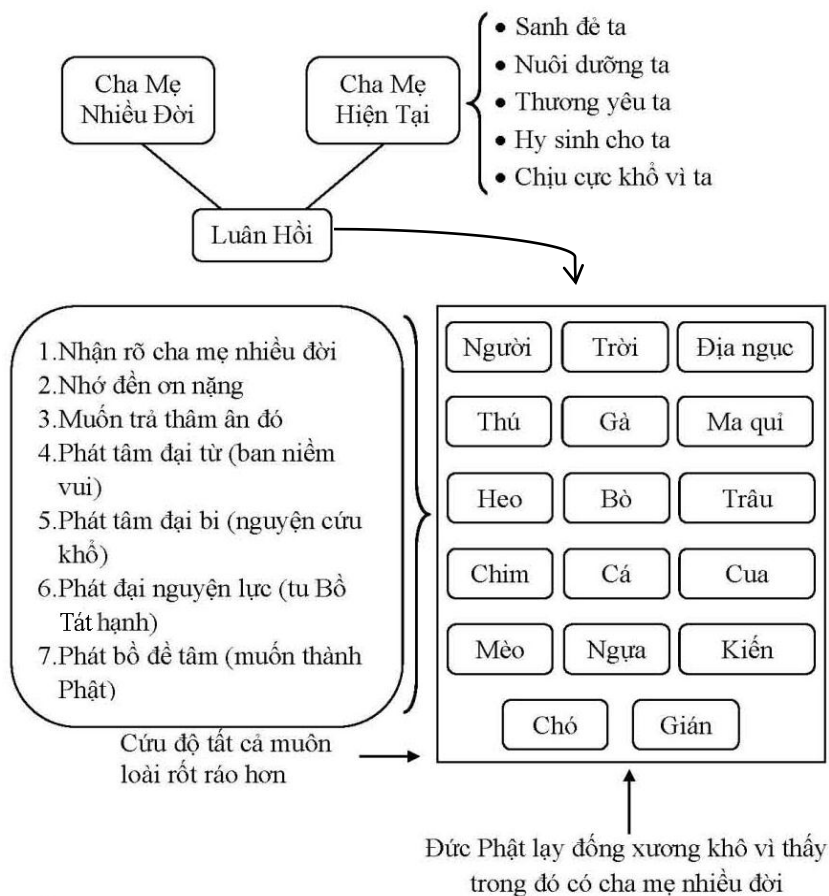
Mục đích chính của người tu hạnh Bồ Tát là ban vui cứu khổ. Không có cái khổ nào lớn hơn cái khổ bị mất thân mạng. Khi con thú bị bắt nhốt, bị xiềng xích để

giết, nó vô cùng sợ hãi, run rẩy và tìm đủ mọi cách để thoát thân. Khi con cá bị mắc lưỡi câu, nó cũng vùng vẫy tuyệt vọng, đau khổ biết đường nào. Thử hỏi con người như chúng ta hay con cháu ta bị hải tặc bắt, bị bọn buôn cơ thể bắt lấy nội tạng bán, chúng ta sẽ sợ hãi đau khổ biết đường nào. Nếu được ai giải cứu thì mừng vui nào hơn được.

Thấy chết mà không cứu thì đâu phải là bậc Bồ Tát, đâu có thể đền Bốn ơn nặng.

Đức Phật dạy, người không giết sanh mạng mà thường phóng sanh cứu giúp muôn loài là người hiếu Đạo. Bởi vì Hiếu Thuận trong kinh Đại Thừa Kim Cang Kinh Luận là hiếu thuận đối với cha mẹ hiện đời cũng như hiếu thuận với cha mẹ quá khứ nhiều đời. Cha mẹ nhiều đời khi chết có thể bị luân hồi, hoặc khi làm người, khi làm trời, khi làm thú....

Trải qua bao đời ta từng là con của các loài và chúng đã từng làm cha mẹ sanh đẻ nuôi nấng thương yêu bảo bọc chúng ta, cho nên, chúng ta phải biết báo ân và đền ân.

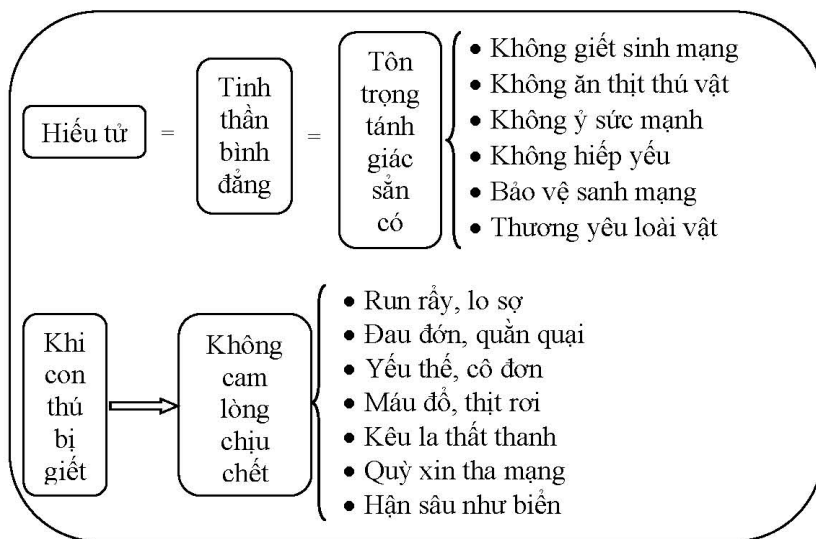
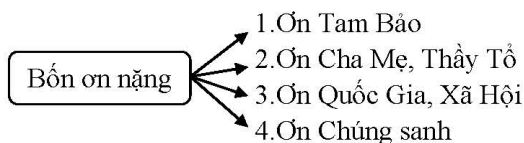


Hiếu thuận còn là lòng từ, cho nên gọi là Hiếu Từ. Hiếu Từ chính là tinh thần từ bi bình đẳng, bảo vệ sinh mạng muôn loài, quý trọng sinh mạng muôn loài giống như mình quý trọng bảo vệ sinh mạng chính mình vậy. Đức Phật dạy, con vi trùng rất nhỏ ở trong nước, các Tỳ Kheo cũng phải lược ra nếu không lược vi trùng ra và đem nó đến nơi an toàn thì thà chết khát chứ không

nên uống, vì uống nước có trùng thì mang tội sát sanh. Hễ sát sanh sẽ phải đền mạng.

Tất cả chúng sanh đều có Phật Tính, có quyền sống như nhau. Vì vậy, không ăn thịt chúng sanh mà phải luôn luôn phóng sanh khi thấy chúng bị bắt, bị giết.

III. CHÚ THÍCH:



21. GIỚI ĐEM SÂN BÁO SÂN, ĐEM ĐÁNH TRẢ ĐÁNH

I.KINH VẤN:

Người Phật Tử, không được đem giận trả giận, đem đánh trả đánh. Nếu cha mẹ hay lục thân bị người giết cũng chẳng được báo thù, hoặc quốc chủ bị người thí chết cũng chẳng được báo thù. Giết sinh mạng để báo thù sinh mạng, đó là việc không thuận với hiếu đạo. Hãy còn không được chứa nuôi tội tở, rồi đánh đập mắng nhiếc chúng, mỗi ngày tam nghiệp tạo vô lượng tội, nhất là khẩu nghiệp. Huống hồ cố đi làm tội thất nghịch. Nếu xuất gia Bồ Tát không có lòng từ bi cố báo thù, nhần đến cố báo thù cho hàng lục thân. Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Ở giới khinh thứ 20 trước, là nói về cái lỗi của người hành giả tu hạnh Bồ Tát khi thấy chúng sanh bị bắt giết, bị đau khổ, bị giam cầm mà không tìm cách giải cứu.

Còn giới khinh thứ 21 này nói về hành giả Bồ Tát có tâm thù oán không bỏ, còn tìm cách trả thù. Đây là điều mà Bồ Tát dứt khoát không thù, không báo thù dù cho chính mình bị hại hoặc cha mẹ thân tộc mình bị hại. Nếu Bồ Tát căm thù và báo thù thì mất cái hạnh Ban Vui, Cứu Khổ, cái hạnh làm lợi ích chúng sanh.

Tôn chỉ của hành giả Bồ Tát là Tam Tụ Tịnh Giới

Tam Tụ Tịnh Giới	1.Nhiếp Luật Nghi Giới	= Không trả thù
	2.Nhiếp Thiện Pháp Giới	= Nhẫn nhục không sân hận
	3.Nhiêu Ích Hữu Tình Giới	= Gần gũi, giúp đỡ, tha thứ, Giải cứu, làm lợi ích chúng sinh

Hành giả tu Bồ Tát Đạo có được Pháp Nhãn, thấy Phật Tánh (Tánh Giác) sẵn có trong tất cả chúng sanh, thấy chúng sanh đều có Tâm Phật rồi, sở dĩ họ có hành vi xấu ác là do họ bị Tâm Thức phiền não xung động sai khiến nhất thời. Bồ Tát phải nên tha thứ cho họ mà không được giận tức và mưu tính trả thù.

Những thất bại đổ vỡ, tan nhà nát cửa, đánh mất gia đình đầm ấm.... đều do hậu quả của tâm sân hận và bần ngã. Bởi vì kẻ phạm phu họ không có học Đạo, họ không có phương cách đối trị sân si nên dễ dể cho bộc phát Hận thù, báo thù, trả thù... Nhưng đối với hành giả Bồ Tát thì tuyệt đối không được báo thù. Khi tâm từ bi hỷ xả, tâm vị tha, đức tánh vui vẻ hòa đồng không còn thì có thể làm cho mọi người xa lánh mình, thì làm sao độ chúng sanh được.

Đối với hành giả Bồ Tát tại gia cũng không được nuôi chứa tôi tớ nếu không thể kèm chế sân hận, chửi mắng và đánh đập họ. Nếu chứa nuôi mà sân hận thì tuyệt đối không được nuôi. Khiến cho ba nghiệp (Thân, Tâm, Ý) lầy lùnh, trở thành thói quen xấu ác thì đâu khác gì bọn quan quyền ý mạnh hiếp yếu, gây nhiều oan gia trái chủ về sau, nhất là phá hư hạnh Bồ Tát.

Bồ Tát xuất gia thì cấm hẳn, không được nuôi tồ tớ sai khiến, mới xứng đáng là vị Bồ Tát xuất gia.

22. GIỚI KIÊU MẠN KHÔNG THỈNH PHÁP

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, mới xuất gia chưa thông hiểu kinh luật, mà tự ý mình là trí thức thông minh, hoặc ý mình là cao quý, lớn tuổi, hoặc ý mình là dòng sang, con nhà quyền quý, hoặc ý mình học rộng phước to, giàu lớn..v..v.. rồi sinh lòng kiêu mạn mà không chịu học hỏi kinh luật với các vị Pháp sư học đạo trước mình. Vị Pháp Sư ấy hoặc dòng nghèo hèn, con nhà hạ tiện, tuổi trẻ nghèo nàn, hèn hạ, hay có tật nguyên, nhưng lại thiết có đức hạnh cùng thông hiểu nhiều kinh luật. Hàng tân học Bồ Tát không được nhìn vào dòng giống vị Pháp Sư mà không chịu đến học đạo lý đại thừa với vị ấy. Phật Tử nếu như vậy thời phạm “khinh cầu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Người mới phát tâm xuất gia, tu hạnh Bồ Tát, hiểu biết còn nông cạn, kinh luật chưa thông, giới hạnh không sáng tỏ, rất dễ đi vào con đường sai lầm. Bỏ nhiều công tu mà không đạt được Thánh Quả.

Vì vậy, hành giả tu Bồ Tát Đạo, nếu không thông hiểu Chánh Pháp của Đức Phật thì lấy gì để nương tựa theo tu hành, lấy gì làm kinh nghiệm để độ chúng sanh. Cho nên, Chánh Pháp nhất định phải tìm học. Học thì phải đúng Thầy, đúng Pháp. Muốn vậy phải tìm Thầy, phải gần gũi bậc Thiện Tri Thức. Nương tựa với một vị

Pháp Sư có Đức Độ, có thông đạt Giáo Pháp, có kinh nghiệm tiếp dẫn hậu lai, biết đường đi nước bước trong hành trình học Đạo và áp dụng tu hành.

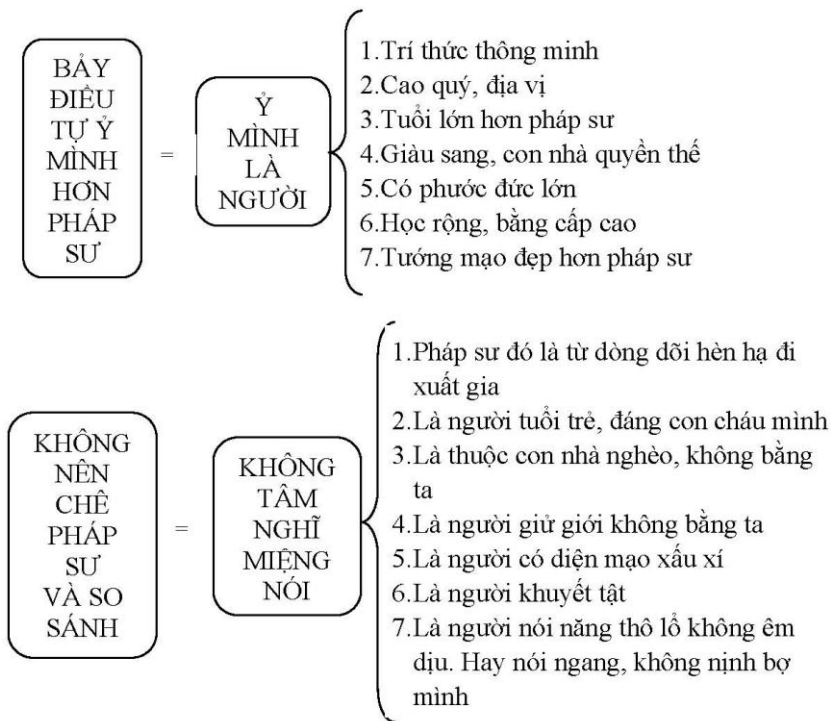
Đối với vị Pháp Sư Thiện Tri Thức, phải nhứt tâm cầu thỉnh tôn trọng, cung kính hết lòng tin tưởng, không ý mình là người thông minh, học cao hiểu rộng, có bằng cấp, con nhà giàu sang... đi tu, rồi cống cao ngã mạn.

Vì từ phạm phu mới vào cửa Đạo, chưa thâm nhập Phật Pháp, chưa lãnh hội được ý chỉ sâu xa, chưa có cái nhìn về thật tướng các pháp, chưa thấy được sự hợp tan biến dịch của nhân sinh và vũ trụ, kể cả con người của mình, đâu có thứ gì thật còn, đâu có cái gì thật sự quý giá lâu bền... Vì còn mê muội nên thường kiêu mạn, suy luận, so đo, đúng sai, phải quấy, cao thấp, sang hèn.... Xem mình là người cao, xem pháp sư là kẻ thấp hèn, con nhà bình dân nghèo khổ, tướng mạo xấu xí. Hoặc Pháp Sư là người nhỏ tuổi hơn mình, đáng tuổi con cháu mình, nhưng vị đó đã sáng Đạo, đã thấy được Phật Tánh, đã nhận ra được Tâm Thường Hằng, đã kiến giải con đường Đại Thừa, có đức hạnh... Còn ta tuy học rộng nhưng chỉ là Thế Trí Biện Thông, hay giỏi về xã hội nhưng Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, căn bản phiền não vẫn còn, vẫn chạy theo Tâm Thức điên đảo, mê lầm theo cái nhìn cạn cợt, mù mờ về con đường Đại Thừa, thì làm sao thực hành Bồ Tát Đạo, cứu độ chúng sanh. Vì thế nên vấn đề cầu Pháp nhứt định phải thành tâm, nhứt định phải trân trọng.

Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài Đồng Tử đi cầu học Đạo, gặp năm mươi hai vị Thiện Hữu Tri Thức, có lúc phải vâng lời, nhảy vào hầm lửa, xả thân mà ngài

vẫn một lòng tính thọ, vui vẻ vâng làm. Có lúc Thiện Tài phải cung kính cần cầu học Đạo với cả trẻ con, với cả Dâm Nữ, với kẻ bán hàng, với các vị vua hung bạo tàn ác... Còn ta nay chỉ cần chí thành học Đạo, không phân biệt, so sánh, chê bai Thiện Tri Thức. So với việc làm của người xưa, thật sự quá dễ dàng.

III. CHÚ THÍCH:



BẠC
THIỆN
HỮU
TRI
THỨC
PHÁP
SƯ

1. Là người biết rõ tâm thức của chúng sanh
2. Là người biết rõ thân xác giả hợp
3. Là người biết rõ cảnh giới duyên hợp duyên tan
4. Là người rõ thông Tam Tạng Kinh Luật Luận
5. Là người nhận ra thật tướng vạn pháp là không, là biến dịch, là giả tướng hiện hữu
6. Là người đã kiến giải con đường Đại Thừa
7. Là người đã tự tại trước Trần Cảnh

.....

23. GIỚI KHINH NGẠO, KHÔNG TẬN TÂM DẠY

I.KINH VĂN:

Nếu Phật Tử, sau khi Phật nhập diệt, lúc có tâm tốt muốn thọ giới Bồ Tát, thời đối trước tượng Phật, cùng tượng Bồ Tát mà tự nguyện thọ giới. Nên ở trước tượng Phật và tượng Bồ Tát sám hối trong bảy ngày, hễ được thấy hảo tướng là đắc giới. Như chưa thấy hảo tướng thời phải sám hối mười bốn ngày, hai mươi một ngày, hay đến cả năm, cầu thấy được hảo tướng. Khi được thấy hảo tướng rồi, thời được đối trước tượng Phật Bồ Tát mà thọ giới. Như chưa thấy hảo tướng thời dầu có đối trước tượng Phật thọ giới, vẫn không gọi là đắc giới. Nhưng nếu đối trước vị Pháp Sư đã thọ giới Bồ Tát mà thọ giới, thời không cần thấy hảo tướng. Tại sao vậy? Vì vị Pháp Sư ấy là chư sư truyền giới cho nhau, nên không cần hảo tướng. Hễ đối trước vị Pháp Sư ấy mà thọ giới liền đắc giới, do vì hết lòng kính trọng nên đắc giới. Nếu ở trong vòng nghìn dặm, mà tìm không được vị Pháp Sư truyền giới, thời Phật Tử được phép đối trước tượng Phật và Bồ Tát mà tự nguyện thọ giới Bồ Tát, nhưng cần phải thấy hảo tướng.

Nếu các vị Pháp Sư ỷ mình thông Kinh Luật cùng Giới Pháp Đại Thừa, kết giao với các nhà quyền quý, khi có hàng tân học Bồ Tát đến cầu học nghĩa

Kinh, Luật, lại giận ghét, hay khinh ngạo, không chịu tận tâm chỉ bảo, vì này phạm “khinh cấu tội”.

II. NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Trong sứ mạng truyền thừa để cho Chánh Pháp trụ thế lâu dài thì việc truyền trao Giới Pháp và giảng dạy Giới Luật cho người mới nhập Đạo là việc chánh yếu phải thực hiện, cho nên vị Pháp Sư thông hiểu Tam Tạng phải tận tâm tận lực, thiết tha trong sứ mạng tre tàn măng mọc để đào tạo nên những bậc minh sư, pháp khí trong tương lai phổ biến Chánh Pháp.

Giảng Sư, Pháp Sư, Giới Sư phải tìm đủ mọi cách giảng dạy để học trò lãnh hội rõ ràng giáo pháp cũng như ý chỉ trong giới luật để áp dụng thực hành đúng. Bài giảng phải trong sáng mạch lạc không được bỏ sót, không được lộn xộn, phải theo thứ tự từ thấp đến cao, từ phương tiện đến cứu cánh.

Kinh dạy, một vị Pháp Sư Bồ Tát phải luôn ghi nhớ bốn điều:

1. Đối với hàng tân học Bồ Tát, không nên xem thường
2. Đối với những hành giả thông hiểu Chánh Pháp, phải luôn kính trọng họ mà không đồ kỵ
3. Phải tinh tấn cầu học Chánh Pháp, thực hành và giữ giới luật tinh nghiêm
4. Nếu tự thấy mình thông hiểu Chánh Pháp, nên phát tâm tận tụy, giảng nói Kinh Luật Đại Thừa cho người khai mở tuệ giác sẵn có (Phật Tánh).

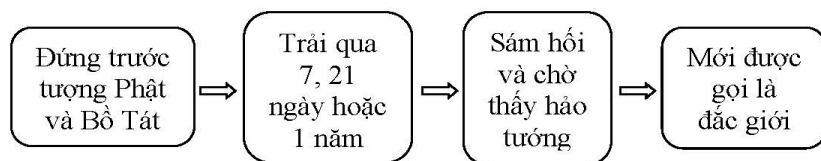
Không nên khinh mạn, tự cao, tự đại, nương quyền cậy thế, cầu lợi cầu danh theo đường thế tục mà lơ là việc giảng dạy, làm trái với tâm cứu độ chúng sanh của một vị Bồ Tát.

Đức Phật dạy:

Người mới phát tâm tu hạnh Bồ Tát, trước phải tìm Thầy bầm thọ Giới Luật. Nếu trải qua trăm dặm nghìn dặm (xa tìm khắp nơi) mà vẫn không gặp Giới Sư thì Đức Phật chế cho vị ấy đối trước tượng Phật và Bồ Tát mà cầu cầu, phát nguyện tự thọ giới một mình.

A – TỰ THỆ NGUYỄN THO GIỚI:

1.



2. Dùng Tâm Đại Bồ Đề mà tự thọ; tức là phải nguyện:

- ❖ Trên cầu được Phật Quả
- ❖ Dưới nguyện cứu độ chúng sanh

3. Đọc Tam Tự Tịnh Giới:

- | | | |
|----------------------------|---|---------------------------------|
| a) Nhiếp Luật Nghi Giới | → | Nguyện Đoạn Nhứt Thiết Ác |
| b) NhiếpThiền Pháp Giới | → | Nguyện Tu Nhứt Thiết Thiện |
| c) Nhiêu Ích Hữu Tình Giới | → | Nguyện Độ Nhứt Thiết Chúng Sanh |

4. Tự nói rằng:

“Kính bạch Chư Phật, chư Bồ Tát.

Con hôm nay phát tâm thọ Bồ Tát Giới, chân thành, tha thiết, hướng về con đường tu hành, không chút vọng niệm, giả dối, quyết cầu Phật Quả, nguyện cứu độ chúng sanh. Cúi xin Tam Bảo chứng minh, truyền trao giới pháp cho con”.

Tỳ Kheo Thanh Văn (250 giới) không được tự thọ Bồ Tát Giới vì phải có đủ Tam Sư Thất Chứng. Chỉ có hành giả tu hạnh Bồ Tát Đại Thừa mới có thể tự thọ Giới Bồ Tát.

Chỉ trừ trường hợp xa tìm Giới Sư mà vẫn không gặp mới tự thọ giới. Trường hợp tự thọ Giới Bồ Tát này cũng ví như thọ giới từ xa với Đức Phật, cho nên phải sám hối thành tâm, cho đến khi nào thấy Hảo Tướng mới gọi là được giới (Đắc Giới), mới chắc rằng từ xa được Đức Phật chứng minh và truyền từ xa.

Vả lại thấy Hảo Tướng chưa hẳn là đúng, vì thường bị ma chướng hiện ra. Nếu hành giả không đủ năng lực phân biệt thiệt giả thì dễ bị bám theo Tà Đạo.

Tốt hơn hết là Đăng Đàn Thọ Giới với Giới Sư trực tiếp. Nhờ cần cầu, cung kính Giới Sư như cung kính Đức Phật mà được đắc giới mà không cần thấy hảo tướng.

B - THỌ GIỚI BỒ TÁT TRỰC TIẾP VỚI GIỚI SƯ:

Không phải như người ở xa mà xin thọ giới hoặc là nhờ người thọ giới giùm cho mình.

Vị giới sư truyền trao giới cho mình chính là sư sư truyền giới cho nhau từ thời quá khứ đến nay. Gọi là có nguồn có gốc, cho nên không cần thấy Hảo Tướng.

Sư sư truyền giới cho nhau, ý nói:

- ❖ Đức Phật Lô Xá Na truyền cho Đức Phật Thích Ca
- ❖ Đức Phật Thích Ca truyền đến cho Đức Phật Di Lặc (vị lai)
- ❖ Đức Phật Thích Ca truyền đến cho các vị Bồ Tát nơi cõi Ta Bà...
- ❖ Các vị Bồ Tát ở Ta Bà truyền đến Giới Tử....

Tuần tự truyền trao và bảm thọ, cùng nhau tuần tự nối truyền từ người này sang người khác kế theo không gián đoạn. Giống như ngọn đèn trước mỗi ánh sáng cho ngọn đèn sau, tiếp tục không dứt.

C – THỜI MAT PHÁP, GIỚI LUẬT LÒNG LÈO:

Có một số người sau khi thọ giới Bồ Tát hoặc giới Tỳ Kheo xong rồi thì xa lìa Thầy Tổ, ra ở riêng, mượn nhà ở, không chú ý cầu học giới luật, rồi tùy tiện đi rong khắp nơi. Mỗi ba tháng an cư, họ xin về chùa làm lễ Tòng Hạ, rồi cũng ra đi, lo làm ăn buôn bán để trả tiền nhà, tiền ăn, tiền điện nước... Họ không cần học hỏi giới luật, họ chỉ cần tính tuổi hạ để khoe khoang địa vị với người, để tiện việc làm lớn cái thân xác, để xưng Đại Đức, Thượng Tọa, Sư Bà, Ni Sư, Sư Cô với người, để đi cầu lợi dưỡng với cư sĩ ... Mong được sự kính trọng giả ảo.

Giới Luật và Giáo Lý của Đức Phật vô cùng thâm thúy, có thể, có dụng, có phương tiện, có cứu cánh, có tiệm có đốn, có hình tướng, có thể Tánh, có cụ thể, có trừu tượng, có Khai, Giá, Trì, Phạm, có hiển có mật... Nếu không học Đạo và áp dụng đúng thì con đường tu khó có thể đi lên. Chỉ thấy xác thân hư hoại mà khó nhận ra Pháp Thân sẵn có, để thành tựu Phật Quả giải thoát.

24. GIỚI KHÔNG TẬP HỌC ĐẠI THỪA

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, có Kinh Luật Đại Thừa pháp, chính kiến, chính tính, chấp pháp thân của Phật, mà không chịu siêng học siêng tu, lại bỏ bầy của báu, trở học những sách luận tà kiến của nhị thừa, ngoại đạo, thế tục, đó là làm mất giống Phật, là nhân duyên chướng đạo, chẳng phải thật hành đạo Bồ Tát. Nếu có làm như vậy, Phật Tử này phạm “khinh cầu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Giới thứ 23 trước nói về vị pháp sư ý mình tài giỏi sanh tâm ngạo mạn, không hết lòng dạy Đạo cho hàng tân học Bồ Tát.

Giới khinh thứ 24 này nói về Hành giả tu Bồ Tát Đạo mà pháp căn bản của mình, không chuyên chú học giới kinh phạm vông, không cố gắng học Kinh Luật Đại Thừa mà cứ đi tìm hiểu học hạnh Tiểu Thừa phương tiện, ích kỷ, không đúng ý nguyện của một vị Bồ Tát.

Mục đích của Đức Phật giảng sanh nơi cõi Ta Bà này là muốn đem hoài bảo cứu độ chúng sanh đạt được Quả Phật, muốn chỉ dạy chúng sanh nhận ra Phật tánh sẵn có để có thể an trụ mà không chạy theo Tâm Thức vọng động.

Đức Phật muốn Khai, Thi, Ngộ, Nhập Tri Kiến Phật là Phật Tánh, là Tánh Giác vô phân biệt.

Giáo pháp nào nói về Phật Tánh, gọi là pháp Đại Thừa. Như vậy, giáo pháp của Đức Phật lấy Đại Thừa làm tông chỉ để tiến tu đến Phật Quả. Lấy Đại Thừa Phật Tánh làm căn bản cứu cánh Thành Phật.

Tất cả Giáo Pháp không nói về Phật Tánh gọi là Pháp Tiểu Thừa. Giáo pháp Tiểu Thừa là pháp phương tiện tạm thời, ban đầu áp dụng tạm khi mà chúng sanh chưa đủ khả năng lãnh hội Chơn Tâm vô hình thường trụ sẵn có trong chính mình. Pháp Tiểu Thừa Đức Phật dạy tu để chứng hai quả vị Thanh Văn và Duyên Giác, dù ra khỏi vòng luân hồi nhưng chưa cứu cánh Thành Phật rốt ráo, chưa cứu độ chúng sanh, nên gọi là Nhị Thừa Niết Bàn. Quả vị Phật mới gọi là Vô Thượng Bồ Đề Niết Bàn.

Thanh Văn A La Hán và Duyên Giác, Độc Giác phải cần tiến tu hạnh Bồ Tát Lục Độ, lãnh thọ Tâm Địa Giới Pháp Bồ Tát Kinh Phạm Võng, thực hành hạnh Đại Thừa, học tập các Kinh Đại Thừa và tu theo con đường Phật Tánh Đại Thừa cho đến khi đạt thành Phật Quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Vì vậy, hàng Tân Học Bồ Tát sau khi học kinh pháp phương tiện Tiểu Thừa, phải liền tìm học Kinh Luật Đại Thừa, nhận ra Phật Tánh sẵn có, phát tâm hành Bồ Tát Đạo cứu độ chúng sanh.

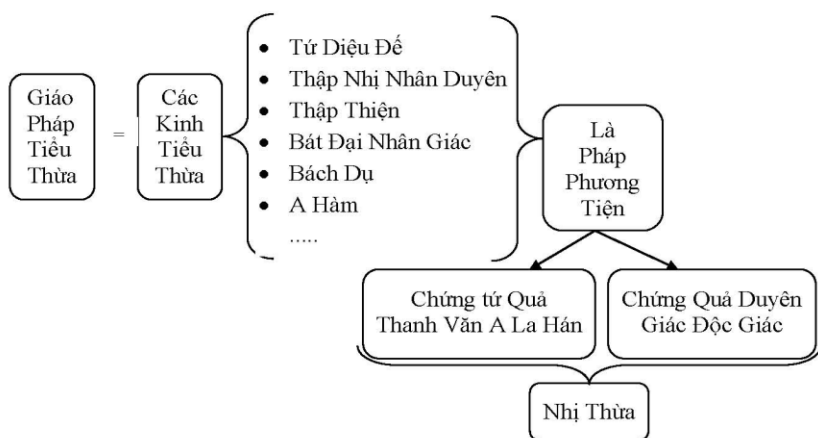
Nếu hàng Tân Học Bồ Tát không tìm học Kinh Luật Đại Thừa mà cứ lo tìm học Kinh pháp phương tiện cũng như theo tìm hiểu nghiên cứu những pháp ngoại đạo... trong khi mình chưa đủ kiến giải để tránh lạc lối

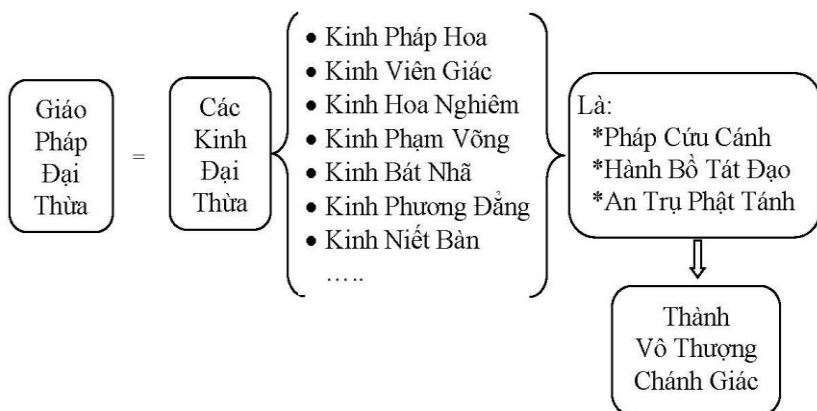
làm đường khiến cho hạnh Bồ Tát của mình đã lãnh thọ mà không thành tựu thì lấy gì làm hành trang vững chắc để tiến đến Phật Quả.

Giới này chỉ ngăn cấm hàng Tân Học Bồ Tát mới xuất gia mới thọ giới Bồ Tát, còn sơ cơ và cấm những người có trí huệ kém mà thôi. Đối với những bậc thượng căn đủ trí huệ, đã sáng Đạo, các ngài có thể học hết tất cả Đại Thừa, Tiểu Thừa, Tà Kiến, Ngoại Đạo... để dễ dàng có đủ phương tiện thiện xảo, phân biệt chánh tà để hiển dương Chánh Pháp

- Đề luận nghị với Ngoại Đạo
- Đề phá trừ Tà Kiến
- Đề biết rõ chỗ hư vọng
- Đề sáng tỏ thể sự, tìm cách cứu độ chúng sanh
-

III. CHÚ THÍCH:





Có 7 thứ học thuyết không hợp với Đại Thừa Bồ Tát:

1. Tà Kiến: Những quan niệm sai lầm
2. Nhị Thừa: Thanh Văn và Duyên Giác (tự lợi, Nhập Diệt Tân Định)
3. Ngoại Đạo: là những tư tưởng, học thuyết ở ngoài Phật Pháp
4. Sách vở thế tục: chỉ nói về việc phàm tục như văn thư, ca nhạc... không phù hợp với hạnh Bồ Tát
5. A Tỳ Đàm Luận: là những bộ luận của các học phái Tiểu Thừa viết ra
6. Tạp luận: các bộ luận thuyết của Bà La Môn Giáo
7. Những sách vở biên chép: Sách nói về các hiện tượng nhật nguyệt, xin xăm, bói quẻ, mê tín dị đoan, phong thủy, phương hướng....

25. GIỚI TRI CHÚNG VỤNG VỀ

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử sau khi Phật nhập diệt làm Pháp Sư, Giảng Sư, Luật Sư, Thiền Sư, Thủ Tọa, Tri Sự, Tri Khách, phải có lòng từ bi khéo hòa giải trong chúng, khéo giữ gìn tài vật Tam Bảo, chớ dùng vô độ như của riêng mình, mà trở lại khuấy chúng gây gỗ, kinh chống, lung lộng xài của Tam Bảo. Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Ở giới thứ 24 trước nói về bốn phạm chính của Bồ Tát là học rõ giới Bồ Tát, Kinh Phạm Võng của mình còn chưa xong mà lại để tâm buông lung tìm học giới Tiểu Thừa, giới của Ngoại Đạo và những luật lệ thế học. Điều này trái với hạnh học của Tân Học Bồ Tát sơ cơ. Giới này nói về việc cấm người Lãnh đạo điều hành trong Đại Chúng không khéo xử sự, vụng về cách giải quyết vấn đề trong chúng, làm cho xáo trộn. Và Đức Phật cấm người lãnh đạo xâm phạm tài vật của Tam Bảo, chi dùng lộn xộn, làm cho không hòa hợp trong Tăng Đoàn. Bởi vì trong một Đại Chúng cùng nhau an trụ một Tông Lâm, mọi người đều là người dung nước lã quy tụ về sống chung, cho nên mỗi người một ý, không phải là bà con dòng họ cùng một gia đình thân tộc. Việc bất hòa là tất nhiên dễ xảy ra. Chỉ vì một chữ

Tu Sửa, một chí hướng thượng, bỏ phàm thành Thánh mà quy tụ về.

Người lãnh đạo Đại Chúng trong Tăng Đoàn không phải là dễ, mà phải làm cách nào cho Đại Chúng hòa hợp, không tranh cãi. Đó gọi là khéo điều hành, đó gọi là Thống Lý Đại Chúng. Khiến cho huynh đệ hòa hợp như nước hòa với sữa, gọi là NHỨT THIẾT VÔ NGẠI.

Phải triệt để áp dụng pháp LỤC HÒA KÍNH để giữ gìn Thân, Miệng, Ý hòa hợp. Cùng một giáo pháp, cùng chí hướng, cùng Bốn Sư Thích Ca, cùng hoàn cảnh, cùng tư tưởng và cùng đi trên con đường xuất thế.

Các vị lãnh đạo như Tri Sự, Tri Chúng, Trụ Trì, Luật Sư.... tuyệt đối ngăn chặn, khuyên giải đôi bên phải nhường nhịn, vì lợi ích cho sự tu hành, giữ tâm thanh tịnh... không để cho xảy ra bất hòa.

Người lãnh trách nhiệm điều hành một tập thể sống chung trong một trụ xứ vô cùng khó khăn, bởi vì chúng sanh ở cõi Ta Bà này rất khó điều phục. Nếu vị Bồ Tát lãnh đạo không khéo léo hướng dẫn thì không thể nào vẹn toàn bốn phận và bốn nguyện một cách vô ngại và từ bi.

Tổ chức nào cũng có nhiều vai trò trách nhiệm đối với nhiều phương tiện khác nhau, cho nên, trong Tăng Đoàn nào cũng đều cung thỉnh quý vị lớn hạ lớn tâm Đại Bi... hy sinh, ra lãnh trọng trách như Pháp Sư, Thiền Sư, Tri Sự, Tri Khách, Trụ Trì, Tri Chúng, Luật Sư... để duy trì một nề nếp sinh hoạt cho được nhịp nhàng trôi chảy.

Đối với một vị đứng ra dàn xếp tranh chấp phải đủ mười điều kiện tốt mới được lòng tin của Đại chúng và được họ tuân thủ theo lời khuyên của mình.

1. Phải là người giữ Giới và Oai Nghi thanh tịnh
2. Phải thông hiểu Phật Pháp, hiểu mình hiểu người
3. Phải học rõ hai bộ luật Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni
4. Phải rõ ràng cách áp dụng của Đại Luật trong những trường hợp đặc biệt như KHAI, GIÁ, TRÌ, PHẠM, ĐẠI THỪA, TIỂU THỪA giới pháp. Thế nào là phương tiện và cứu cánh. Thế nào là Lý và Sự....
5. Có khả năng ăn nói lưu loát phân minh rõ ràng khiến cho hai bên thông hiểu
6. Tìm cách giải quyết vấn đề nhanh chóng. Dàn xếp ngay, không để sự chống báng ngấm ngấm một cách dứt khoát. Áp dụng Bảy Pháp Diệt Trách do Đức Phật chế ra.
7. Không có tâm thiên vị đặc biệt cho bên nào cả
8. Dù gặp sự cố cũng giữ tâm bình thản không giận
9. Không sợ bất cứ người nào thuộc hai phe
10. Minh bạch rõ ràng, áp dụng luật rõ ràng, căn cứ trên pháp Lục Hòa hoặc Bảy Pháp Diệt Trách, và Giới Luật áp dụng theo đường hướng từ bi thương hiểu.

Vai trò của vị Tri Sự về vấn đề ăn, ở, sinh hoạt cuộc sống trong Tăng Đoàn:

1. Phải giữ gìn tài vật của Tam Bảo như giữ tròn con mắt của mình.
2. Chi tiêu phải khéo léo không phung phí. Không lấy của công làm của riêng tư. Những chi tiêu lớn, phải thông qua Đại Chúng.
3. Mỗi mỗi phải chi xài riêng biệt, không được lộn xộn.

Ví dụ: Những gì của Phật, không dùng cho Tăng.

Những gì của chúng Tăng không nên đem xây cất.

III. CHÚ THÍCH:

SÁU
VAI
TRÒ
CHỦ
YẾU
ĐIỀU
HÀNH
TRONG
ĐẠI
CHỨNG

1. Pháp Sư: Biết chỗ thông tắc trong 3 tạng Kinh Luật Luận
2. Luật Sư: Thông đạt Giới Luật Tăng Đoàn. Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni
3. Thiền Sư: Truyền dạy phương pháp hạ thủ tu tập Chỉ Quán. Giữ tâm an định và phát huệ
4. Trụ Trì: Vị lãnh đạo quan trọng đối nội đối ngoại, phân bố công tác. Vai trò như vị Thiện Tri Thức, được lòng Đại Chúng. Giới hạnh, Minh bạch, Hòa mình...
5. Tri Sư: Biết rõ hết mọi việc và phân công tác, lo việc ăn uống ngủ nghỉ. Cất giữ tài vật Tam Bảo một cách đúng pháp.
6. Tri Khách: Tiếp xúc với Khách Tăng và giao tiếp với Phật tử về chùa... Đây là văn phòng tiếp xúc và vị Tri Khách phải biết rõ đối tượng vào chùa để đối xử tử tế.

26. GIỚI RIÊNG THỌ LỢI DƯỠNG

I.KINH VẤN:

Nếu Chư Tăng ở trước trong Tăng phường, lúc sau thấy có khách Bồ Tát Tỳ Kheo đến, hoặc nơi thành ấp nhà cửa của Tăng hay của vua, nhần đến chỗ kiết hạ an cư cùng trong đại hội... Chư Tăng ở trước phải rước đến đưa đi, cung cấp cho những đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men, nhà, phòng, giường, ghế...v.v.. Nếu tự mình không có, thì phải bán thân, bán con cái, lóc thịt thân mình mà bán, để sắm đồ cung cấp cho những khách Tăng ấy. Nếu có thí chủ đến thỉnh chúng Tăng thọ trai, khách Tăng có dự phần, vị Tri Sự phải theo thứ tự phái khách Tăng đi thọ trai. Nếu Chư Tăng ở trước riêng đi thọ trai mà không phái khách Tăng đi, thời vị Tri Sự mắc vô lượng tội, không đáng là hàng Sa Môn, không phải dòng Thích Tử, nào khác gì loài súc sinh. Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Ở giới thứ 25 trước nói về những vị lãnh đạo, điều hành trong Đại Chúng phải khéo léo xử sự, hòa giải cho êm đẹp làm an tâm cho các hành giả tu tập và nhất là giữ gìn của Tam Bảo.

Còn giới thứ 26 này là nói về tư cách và tâm niệm đối xử với khách Tăng của người lãnh đạo trong một trụ xứ ở trước nơi đó.

Phật dạy, vị Tỳ Kheo Bồ Tát làm chủ điều hành trong Đại Chúng phải có đức, phải có lòng Đại Lượng, rộng rãi, tuyệt đối phải áp dụng pháp Lục Hòa Kính, khiến cho Đại Chúng hòa hợp, hoan hỷ.

1. Mỗi khi Khách Tăng đến Trụ Xứ, chư Tăng đang ở trước đó không được từ chối cho vị ấy được tạm thời cư ngụ, mà phải tận tình mời vào, tiếp đãi, cung cấp đầy đủ nhu cầu cần yếu.

Phải xem lợi dưỡng trong Đại Chúng đều được đồng hưởng của mười phương Tăng. Không nên có tâm ích kỷ, eo hẹp, hà tiện, để dành xài cho riêng chúng của mình hoặc cho riêng mình... vì sợ thiếu, sợ nghèo,... mà từ chối, sợ tốn kém mà từ chối...

Nếu chùa nghèo, không đủ khả năng, phải xem chùa có gì đem bán hoặc tìm mọi cách nhờ Phật tử lo phụ... Nhất định phải làm sao cho có để lo tiếp Khách Tăng thật lòng, không được lơ là.

2. Nếu có thí chủ đến thỉnh cúng dường Trai Tăng ở nhà họ, thì phải sắp xếp Khách Tăng đi dự, tùy theo hạ lạp mà xếp theo thứ tự.

Lợi dưỡng cúng dường Trai Tăng này là luật chung cho cả mười phương Tăng đều có dự phần. Nếu để Khách Tăng vắng mặt tham dự, tất cả những người dự phần đều phạm tội nặng.

Một vị Trụ Trì điều hành Đại Chúng, chỉ biết lo về ăn mặc, ngủ nghỉ, mà không biết sắp xếp theo thứ tự, xếp Đại chúng đi thọ cúng dường cho đúng pháp thì rất là thiếu trí tuệ. Cho nên, kinh

nói, vị này “Không khác gì loài súc sanh”. Vị này không thực hành đúng Chánh Pháp, cho nên kinh nói, vị này “Không xứng đáng là hàng Sa Môn, không phải là Sa Môn Thích Tử”.

3. Luật này đều áp dụng cho Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thanh Văn, Duyên Giác, huống chi là một vị Tỳ Kheo Bồ Tát, luôn lấy hạnh lợi tha làm chủ yếu tu hành mà còn sơ suất, lơ là, ích kỷ thì thật không xứng đáng là một vị Bồ Tát.

4. Đức Phật dạy rằng:

“Nhứt phần La Hán nhứt phần trai”

Nghĩa là, nếu Trụ xứ đó có thêm một vị Khách Tăng đến tạm nghỉ, sẽ được Chư Thiên gia hộ, khiến cho có thêm phần ăn đầy đủ, đừng lo sợ thiếu nghèo, chỉ sợ thiếu tấm lòng Đại lượng. Bởi vì, Tâm lượng càng rộng rãi bao la, Thiền Môn càng thêm hưng thịnh.

TRUYỆN:

Xưa, Đức Phật còn tại thế, một hôm có một con quỷ đến bạch với Tôn giả Mục-Liên: “Thưa ngài, bình sinh tôi thường bị đói khát khổ sở, muốn đến nhà xí kiếm ăn thì bị một đại lực quỷ lấy gậy đập trên đầu, làm tôi đau khổ vô cùng, không biết vì tội gì mà tôi bị khổ như vậy. Tôn giả Mục-Liên đáp: “Tiền thân ngươi làm vị chủ chùa thường ngày sên tiệc, nhất là đối với Khách Tăng, không từng cúng dường ăn uống hoặc có vật gì của đàn việt cúng thì đợi khách tăng đi vắng mới chia

cho cưu trụ Tăng cùng dùng, vì tội sên tiếc ấy nên bị quả báo như vậy. Song đây mới là hoa báo, quả báo còn đọa địa ngục, chịu nhiều hình phạt nữa”.

Thời Phật Ca-Diếp, có ngôi chùa đông Tăng Chúng, một hôm có đàn việt đến cúng dường Hiện Tiền Tăng các món ăn ngon và sữa. Lúc ấy có Khách Tăng đến, đáng lý là nên thỉnh Khách Tăng cùng thọ dụng, nhưng chủ chùa sanh tâm sên tiếc đem cất giấu, đợi Khách Tăng đi rồi mới đem ra chia cho Cưu Trụ Tăng, không ngờ thực phẩm bị hư thối phải bỏ đi. Do nhân duyên ấy, vị chủ chùa mạng chung bị đọa vào địa ngục phân uế. Tới nay, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất thế vẫn chưa hết quả báo khô.

III. CHÚ THÍCH:

TRỤ
TRÌ
ĐIỀU
HÀNH
MỘT
TRỤ
XỨ

- Phải kính trọng tiếp đãi Khách Tăng, Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Bồ Tát
- Phải cung cấp đầy đủ thực phẩm và chỗ ngủ nghỉ
- Phải lo thuốc men cần cho bệnh tật và sức khỏe khi hành cước mệt nhọc
- Phải sắp xếp Khách Tăng đi thọ trai nếu có ai thỉnh cúng Trai Tăng
- Không nên dành cất cho Đại Chúng của mình thọ dụng
- Nếu thiếu tài chánh, phải tìm đủ mọi cách lo cho đủ, không được lơ là
- Phải có Đức và tâm lượng rộng rãi

KHÁCH TĂNG : Là những vị Khách không định trước mà đến. Nói chung là vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni hay Tỳ Kheo Bồ Tát. Các vị hành cước Tăng, còn gọi là **VÂN THỦY TĂNG**.

VÂN THỦY TĂNG : Là các vị Hành Cước Tăng, các vị này thường rảo bước đi khắp bốn phương, hoặc đi tìm Minh Sư, tìm Thiện Tri Thức để học hỏi. Họ giống như mây trôi, nước chảy, nên gọi là **Vân Thủy Tăng** (Mây, nước Tăng)

PHẢI RƯỚC ĐẾN VÀ ĐƯA ĐI: Là các vị Khách Tăng ở nơi khác đến, lạ chỗ lạ đường, cho nên phải rước và đưa giúp nếu cần.

NHÀ CỦA VUA: Là nơi chánh quyền xây dựng để lo cho các vị Khách Tăng dừng nghỉ tạm

DANH TỪ BÁN THÂN, BÁN... : Là ý nói về sự việc quan trọng, nhất định phải thực hành không được từ chối, không được xem thường. Điều này áp dụng cho tất cả, không riêng gì Bồ Tát lãnh đạo.

27. GIỚI THỌ BIỆT THỈNH

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, tất cả chẳng được nhận của cúng dường dành riêng về mình. Của cúng dường này thuộc về Thập Phương Tăng, nếu nhận riêng tức là lấy của Thập Phương Tăng đem về phần mình. Và của vật trong tám phước điền: Chư Phật, Thánh Nhân, các Sư Tăng, cha, mẹ và người bệnh, tự mình riêng nhận dùng. Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Ở giới thứ 26 trước, nói về Tâm Khinh mạn đối với Khách Tăng. Còn giới Khinh thứ 27 này là nói về việc đi lãnh thọ lợi dưỡng riêng cho mình mà không chú ý đến người khác, trong khi đó, theo luật, thì sự thọ lợi dưỡng là phần chung cho Mười Phương Tăng, và khiến cho người cúng được đầy đủ 8 Phước Điền rộng lớn.

Sống trong Tăng Đoàn, việc áp dụng pháp Lục Hòa Kính luôn phải tuân thủ triệt để, nhất là mục “Lợi Hòa Đồng Quân” để cùng chung hưởng tài vật một cách đồng đều, đó là sự bình đẳng về đời sống, đem đến lòng vui hòa trong Đại Chúng.

Pháp cúng dường của Phật tử tín đồ đối với hàng Tu Sĩ đã là một truyền thống lâu đời có từ thời các Đức Phật. Pháp cúng dường đó áp dụng cho Mười Phương Tăng đồng chung hưởng phần lợi dưỡng để giải quyết cuộc

sống người tu hành, để lợi ích cho Thân Tâm trong khi còn mang xác thân tu hành. Phần lợi dưỡng này không dành riêng cho một cá nhân, nếu một vị tu sĩ vì tham cầu ích kỷ, chỉ để dành một mình mình đi thọ cúng thì chẳng khác nào cố ý chiếm đoạt tài vật chung của Tăng trong mười phương. Cũng là chiếm đoạt tài vật thuộc Tám Phước Điền cao quý để đem về riêng cho phần mình.

Nếu hành giả Bồ Tát vì lòng ích kỷ tham lam, rồi tự riêng mình đi thọ cúng dường thì vị này không xứng đáng là vị Bồ Tát Xuất Gia. Không xứng đáng là vị Sa Môn Thích Tử. Dù có tu hành bao nhiêu, cũng bị mất Thánh Quả.

Trường hợp đặc biệt được thọ thỉnh riêng, phải đem tài vật lợi dưỡng về trụ xứ chia cho Đại chúng cùng hưởng. Nếu không làm như vậy mà âm thầm cất giấu để hưởng lợi một mình thì phạm tội khinh cầu, phạm tội chiếm đoạt của Tám Phước Điền, cùng làm cho tín chủ mất phần lợi lạc được cúng dường Tám Phước Điền mà chỉ cúng có một vị Tu sĩ.

Trường hợp có vị thí chủ muốn đặc biệt cúng dường cho riêng mình thì phải biết hướng dẫn họ phát tâm cúng thêm một vị nữa, bởi vì chính mình không có phép thọ thỉnh riêng. Khi đó phải mời Đại Chúng đi thọ cúng với mình.

Trường hợp thí chủ nghèo không đủ tài vật dâng cúng nhiều vị, thì nên theo thứ lớp từ lớn tới nhỏ, mời thêm một vị cùng đi thọ thỉnh với mình nhất định không được chỉ một mình đi thọ cúng dường.

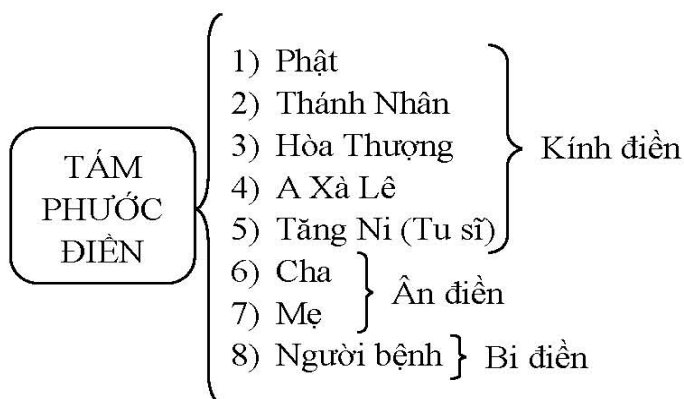
Nếu được nhận nhiều lợi dưỡng, nên đem bớt để cúng dường Tam Bảo, cúng dường Thầy Tổ, cúng dường chư Tôn Đức Thiện Tri Thức hoặc đem bố thí cho bệnh nhân và các loài đói khổ.

III. CHÚ THÍCH:

LỢI DƯỠNG = là những tài vật do thí chủ cúng dường để giải quyết nhu cầu sinh sống cho thân tâm như:

Như:

- Y = Y Phục
- Thục = Thức ăn
- Ngoa cụ = Đồ nằm, mền...
- Y Dược = Thuốc men
- Tiền bạc = Để đi xe, mua gì cần dùng...



28. GIỚI BIỆT THỈNH TĂNG

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, có những hàng Bồ Tát Xuất Gia, Bồ Tát Tại Gia và tất cả Đàn Việt lúc muốn thỉnh Tăng để cúng dường cầu nguyện, nên vào Tăng phường thưa với vị Tri Sự. Vị Tri Sự bảo rằng: theo thứ tự mà thỉnh thời được thập phương Hiền Thánh Tăng. Mà người đòi thỉnh riêng năm trăm vị A La Hán Bồ Tát Tăng vẫn không bằng theo thứ tự thỉnh một Phạm Phu Tăng. Trong giáo pháp của bảy Đức Phật đều không có pháp thỉnh Tăng riêng. Nếu thỉnh Tăng riêng đó là pháp của ngoại đạo, là không thuận với giáo đạo. Nếu Phật Tử cố ý thỉnh riêng thời phạm “Khinh cầu tội”.

II. NGUYỄN NHÂN GIỮ GIỚI:

Giới này cấm những người muốn thỉnh chư Tăng Ni cúng dường mà chỉ định, thỉnh những vị Tu sĩ thân thích với mình hoặc thỉnh những Tu sĩ có tiếng, có danh. Thỉnh cúng theo vọng tình phân biệt, phạm tục, có sự lựa chọn. Bồ thí cúng dường mà còn có sự phân biệt lựa chọn thân sơ thì không phù hợp với Chánh Pháp, mất đi sự bình đẳng, phước đức không có bao nhiêu.

Theo quan niệm của người đời thì những vị Tỳ Kheo Bồ Tát, những A La Hán thường có phước lớn. Nếu

thỉnh được quý ngài về Trai Đường cúng dường thì có phước vô lượng, cho nên họ chọn lựa khi dâng cúng.

Phật dạy, đó là ý nghĩ sai lầm. Vì tâm phân biệt, lựa chọn để cúng thỉnh như vậy, phước đức không bằng theo thứ tự, theo tự nhiên, bình thường, tùy duyên, cúng thỉnh vị nào cũng được. Bởi vì trong Tăng Đoàn, trong Đại Chúng là những vị Tăng thuộc mười phương, có Thánh Tăng, Phàm Tăng lẫn lộn. Cúng dường bình thường vẫn là phước đức vô lượng.

Phật dạy, khi Phật tử muốn thiết lập Trai Đàn cúng dường Tăng Ni. Trước hết, phải đến chùa gặp vị Trụ Trì hoặc Tri Sự thưa bạch: “Kính bạch Sư, hôm nay con muốn cúng thỉnh Chư Tăng (Chư Ni) đến Trai Đàn để cúng dường và cầu nguyện... Xin Sư cho lời chỉ dạy, con phải làm cách nào mới đúng Chánh Pháp”.

Vị sư Trụ Trì hoặc Tri Sự, y theo giới luật Phật dạy mà hướng dẫn Phật Tử nên theo thứ tự sắp xếp của chùa mà cúng thỉnh. Dù chỉ cúng thỉnh một vị cũng y theo pháp thứ tự mà thỉnh. Chỉ thỉnh một vị theo thứ tự trong Đại Chúng cũng giống như cúng dường Tăng Mười Phương. Bởi vì trong Đại Chúng, không biết ai phàm ai Thánh, con mắt phàm tục của chúng ta không thể nào nhận ra được. Cho nên Đức Phật dạy, nên thỉnh theo thứ tự mà vị Trụ Trì sắp xếp cử đi thọ thỉnh, dù cho cúng thỉnh một vị phàm Tăng phàm Ni đi nữa, cũng giống như cúng thỉnh Hiền Thánh Tăng vậy.

Dù cho lựa chọn thỉnh năm trăm vị A La Hán, năm trăm Tỳ Kheo Bồ Tát mà chọn lựa cũng không có phước bằng chỉ thỉnh theo thứ tự sắp xếp một vị Phàm

Phu Tăng, Đại diện cho Mười Phương Tăng có phàm có Thánh.

Luật này, mười phương Chư Phật đều áp dụng.

TRUYỀN:

Ngày xưa bên Trung Hoa có vị sư già đạo đức tôn nghiêm, Tăng chúng tụ về tu học hàng trăm vị. Vị nào cũng thông minh trí tuệ, giới luật nghiêm minh, chỉ có chú Hộ là học dốt, thân hình lùn xầu, chỉ tính nét hiền lành, hết lòng với Tam Bảo. Chú thường gánh vác việc nặng nhọc cho Tăng Chúng nên được mọi người thương mến. Sư cụ dạy cho chú pháp môn niệm Phật, chú rất tinh tấn tu trì. Chú Hộ có tật là hai mũi lúc nào cũng chảy thò lò. Nhất là khi ăn đồ nóng thì mũi càng chảy nhiều, các huynh đệ nhắc: Chú Hộ lau mũi đi. Chú cười hề hề, em không rảnh để lau mũi các sư huynh ơi ! Thế là huynh đệ cười lăn, rồi lên bạch sư cụ. Sư cụ cười và từ đó đặt tên cho chú Hộ là “Lại Tăng”. Mấy điệu đem cái tên xuống cho chú Hộ, chú Hộ mừng lắm. Chú nghĩ trong chùa vị nào cũng có cái tên thật hay, riêng chú có cái tên cụt lùn tên Hộ buồn quá. Nay sư cụ cho cái tên Lại Tăng nghe cũng hay, nên chú thích lắm. Một hôm trong cung vua mời cả chùa đi vào cung vua để dự lễ trai tăng. Chú Hộ nhờ sư huynh lên bạch sư cụ cho chú đi theo. Đây là lễ cầu nguyện chúc thọ cho Hoàng Thái Hậu. Các huynh đệ cho đây là cuộc lễ quan trọng chắc sư cụ không cho đi. Thật không ngờ sư cụ rất hoan hỷ cho Lại Tăng (Ông Tăng lười nhác lau mũi) tháp tùng. Tin ấy được loan báo trong

chớp nhóang. Chú Hộ được các sư huynh tắm gội, đưa khăn chùi mũi.

Ngày mai đúng giờ hành lễ vua cho đoàn người xe ngựa đón Chư Tăng, lúc đến ngõ môn xuống xe theo người hướng dẫn đường thứ tự đi vào, sư phụ đi sau hết để tiện việc kiểm soát, Chư Tăng oai nghi tuần tự đi vào. Vua và Hoàng hậu đứng hai bên cung nghinh, gần cuối hàng là chú tiểu, tiếp sau Lại Tăng rồi sư phụ, nhưng khi chú tiểu của sư phụ lại sắp bước qua ngạch cửa thì Lại Tăng níu áo chú tiểu lại và la hoảng “Chết! chết!, xin đừng bước qua, dưới ngạch cửa có Phật và Bồ Tát”. Ngay lúc ấy Vua và Hoàng hậu sụp xuống lạy liền, khi ngẩng lên, Vua thưa, “Thế thì Đại Đức có cách gì bước qua, khỏi giẫm chân lên tượng Phật và Bồ Tát không?”. Lại Tăng không đáp, chú vén áo rồi cúi đầu xuống ngạch cửa lộn nhào mà qua. Lúc đến nhà Quá Đường, Chư Tăng an tọa vào vị trí. Lại Tăng không có chỗ vì không có danh sách được mời, cuối cùng sư phụ nhường chỗ. Thế là chú vén áo cầm khăn chùi mũi leo lên ngôi liền. Thọ trai xong là đến phần thuyết pháp của vị chủ tọa. Nay chú Lại Tăng đang ngồi ghế của sư cụ (ghế của chủ tọa) thì phải thay sư cụ mà thuyết pháp. Thế là chú thuyết thao thao bất tuyệt. Chú khuyến khích niệm Phật, giữ gìn trai giới, làm các việc lành, tránh mọi điều dữ... Nói tuy đơn giản mà cả pháp hội đều lãnh hội. Buổi thuyết pháp xong, Vua thỉnh Chư Tăng ra xem thượng uyển, trong vườn có thờ Xá-Lợi. Lại Tăng thấy bảo tháp, chú vui vẻ nói: “Xin Vua cho em cái tháp này”. Vua cũng vui

về: “Vâng, tôi xin cúng dường Đại Đức”, Lại Tăng vén áo chui vào và nhập Niết Bàn tại chỗ.

Nguyên là ngày Vua và Hoàng Hậu thỉnh Tăng cầu nguyện, thì đêm ấy hai người cùng chiêm bao thấy có người bảo ngày mai trong số Chư Tăng, có một vị Thánh Tăng, nhà Vua nên ra đón và lễ lạy cho thêm phước. Tỉnh dậy Vua và Hoàng Hậu bảo nhau: Bây giờ hàng trăm vị làm sao phân biệt ai phàm ai thánh, bèn nghĩ kế đem chôn bộ Kinh Bát Nhã, ngoài bìa có hình Phật ở ngoài cửa ngõ môn. Và chính Lại Tăng nhờ niệm Phật, chứng thiên nhãn thông và tự tại được việc sinh tử.

Nếu y vào lời Phật dạy, theo thứ tự thỉnh một vị thì vị này đại diện cả Mười Phương Thánh Phàm. Nên thí chủ tuy chỉ cúng một vị mà được cả Mười Phương Thánh Phàm Tăng làm phước điền. Lại Tăng tâm niệm không lựa chọn, một lòng cúng dường Mười Phương Tăng thì phước đức như hư không. Nếu tâm niệm chú ý vào một người thì chỉ được cúng một người ấy.

Luật thỉnh Chúng Tăng theo thứ tự, không phải riêng Đức Bổn Sư chế lập mà là giáo pháp của bảy Đức Như Lai, (Tỳ-bà-thi, Thi-khí, Tỳ-khí-la, Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm Mâu Ni, Ca-diếp, Thích-ca).

29. GIỚI TÀ MẠNG NUÔI SỐNG

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử dùng ác tâm vì lợi dưỡng buôn bán nam sắc, nữ sắc, tự tay làm đồ ăn, tự xay, tự giã, xem tướng, bần mộng, đoán sẽ sinh trai hay gái, bùa chú, pháp thuật, nghề nghiệp, phương pháp nuôi ó và chó săn, hòa hiệp trăm thứ thuốc độc, nghìn thứ thuốc độc, độc rắn, độc sinh kim, sinh ngân, độc sâu cỏ, đều không có lòng từ bi hiếu thuận. Nếu cố làm các điều như thế, Phật Tử này phạm “khinh cầu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Giới này Đức Phật cấm các Tu sĩ, các hành giả Bồ Tát hành nghề tà ác, có hại cho chúng sanh vì để mưu cầu sinh sống cho mình mà quên đi cái hại cho kẻ khác. Từ hành vi xấu ác đó, khiến cho người tu sĩ bị Phật Tử coi thường. Chẳng những không cứu độ được ai mà còn làm mất niềm tin của người đời đối với Tam Bảo.

Người Phật tử tại gia đã Quy Y Tam Bảo, họ còn phải mưu cầu cuộc sống bằng các nghề chánh đáng, bỏ những nghề xấu ác như cắt cổ làm thịt, bán rượu, xem bói, buôn người,... Vì họ đều rõ luật nhân quả của hành động tổn hại kẻ khác, sẽ bị quả báo vô cùng bi thảm.

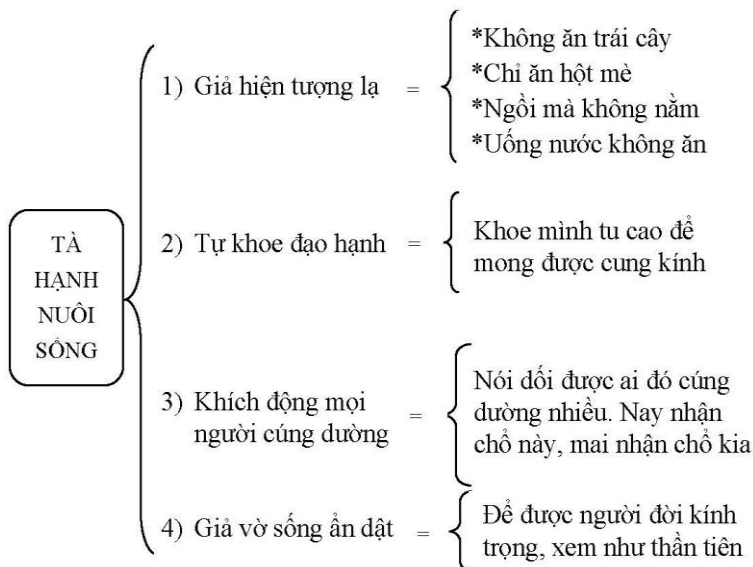
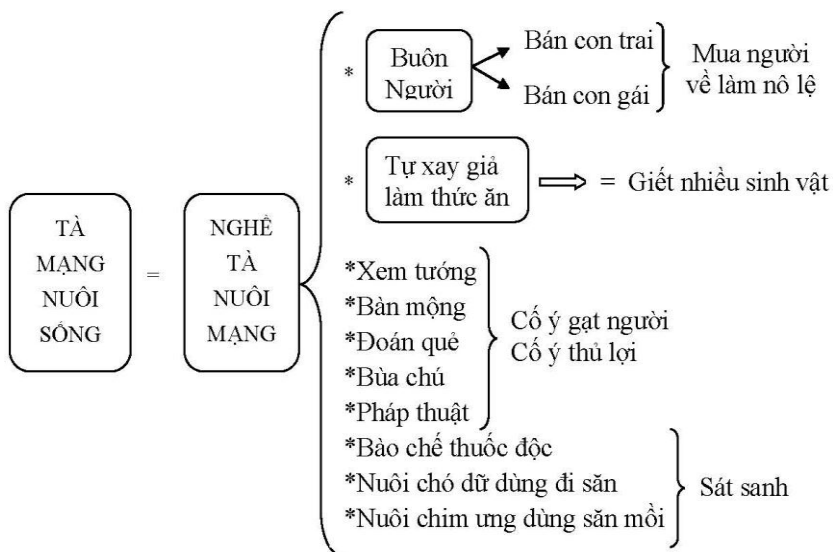
Nếu là vị Bồ Tát xuất gia chơn chánh, thì phải từng giờ từng phút đem lòng đoái thương hoàn cảnh của tất cả

chúng sanh và tìm cách cứu giúp, giống như người mẹ luôn bảo bọc con đỡ của mình vậy.

Người xuất gia tu hành, vì mưu cầu sự sống, vì xây dựng chùa chiền... mà làm những nghề tà ác, không đúng Chánh Pháp để thu lợi, dù họ có chùa chiền to lớn đến đâu họ cũng đánh mất tư cách của một trang Thích Tử dưới cái nhìn của các Phật Tử chơn chánh.

Những việc nào người đời họ làm được thì người tu bỏ bớt để lo chuyên cần tu hành, mục đích chính của Tu sĩ là Hoằng Dương Chánh Pháp, vai trò này Phật Tử họ không làm được, cho nên Tu sĩ phải làm. Còn việc xem tướng, bần mộng, bùa chú, pháp thuật, bào chế thuốc... người đời họ làm, đó là việc của phàm phu, không phải là việc của Tu sĩ. Nếu mình tu hành chơn chánh, sẽ tự sung mãn, đâu cần phải tính chuyện kiếm tiền để sống. Nếu vì để mưu cầu lợi dưỡng mà dối trá lừa đảo, kích động cúng dường, như giả bộ lập dị tỏ vẻ như mình là chứng quả, biết quá khứ vị lai, ngồi hoài không nằm, không ăn cơm, chỉ ăn trái cây... Tự khoe khoang chỗ tu nhiều của mình với Phật Tử... để mong họ cúng dường nhiều... Dù cho có mưu sĩ làm đủ trò lừa đảo để lợi dưỡng.. Rốt cuộc rồi, uổng kiếp tu hành, một đời không thành Thánh thành Phật mà thành Tà Ma Quỷ mị.

III. CHÚ THÍCH:



30. GIỚI QUẢN LÝ CHO BẠCH Y

I.KINH VĂN:

Nếu Phật Tử nào vì ác tâm, tự mình hủy báng Tam Bảo, giả tuồng kính mến, miệng thì nói không, mà hành vi lại ở trong có, làm quản lý cho hàng bạch y, vì hàng bạch y làm mai làm mối cho nam cho nữ giao hội dâm sắc, gây thành ác nghiệp kiết phước; những ngày lục trai trong mỗi tháng, ba tháng trường trai trong mỗi năm, làm việc sát sinh, trộm cướp, phá trai, phạm giới. Phật Tử này phạm “khinh cầu tội”.

Mười giới như thế, cần nên học hết lòng kính trọng phụng trì. Trong phẩm “Chế giới” có giảng rõ.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Giới này Đức Phật cấm hành giả Bồ Tát ngang nhiên hủy phá cấm giới của mình. Lân la theo người thế tục, lo chuyện của họ, kết thân với họ, làm ăn buôn bán với họ, làm mai làm mối, làm tay sai cho họ... quên bổn phận của người tu sĩ, làm mất danh dự của Tam Bảo.

Trong giới Bồ Tát, có một vài giới cấm của Tỳ Kheo Thanh Văn không được làm nhưng Bồ Tát được làm như nhỗ cỏ, tự ăn không đợi người trao cho... Tuy phạm vi thực hành của hạnh Bồ Tát bao la, nhiếp độ chúng sanh rộng rãi, dùng nhiều phương tiện thiện xảo

để cứu độ chúng sanh, gần gũi chúng sanh, nhưng không phải muốn làm gì thì làm.

Giới cấm của Đức Phật chế ra là áp dụng cho tất cả người tu, cần phải áp dụng, cần phải tuân thủ nghiêm tịnh, không để sai sót, như người qua sông giữ gìn chiếc phao, không cho bị lũng dù là một lỗ nhỏ xíu. Vì vậy, hành giả Bồ Tát không nên tự nghĩ mình là Bồ Tát, rồi tự tùy phương tiện khai cho, muốn làm gì thì làm, rồi kết làm bà con thân tộc, bạn bè với người thế tục, lui tới nhà họ ăn ngủ nấu nướng, nấu đóm nấu tiệc, đi chợ đi búa cho họ. Cùng họ bàn tán việc đời, làm mai làm mối, kết vợ kết chồng cho con cháu họ...

Ban đầu họ xem như một vị Thầy, nhưng từ từ, họ xem như là con cháu trong nhà. Chuyện gia đình của họ thì người tu sĩ đều tham gia, lo lắng, tính toán, giải quyết cùng họ, làm quản lý cho họ, làm tay sai cho họ... lâu ngày, mình biến thành “cư sĩ trợ” lúc nào không biết.

Ban đầu, ly gia cắt ái xuất gia, ra khỏi con đường thế tục. Nay lại kết bà con thân tộc với người đời trở lại, thật là oan uổng.. mang tội với cha mẹ mình, mang nợ với Đàn Na Tín Cúng. Chỉ nhìn thấy cái tướng đầu tròn áo vuông, nhưng bên trong đã mất đi bản chất Tỳ Kheo, không còn thể thống gì hết.

Đây là việc làm trái ngược mà Đức Phật muốn nhắc nhở về bốn phận của Tu Sĩ, là chỉ lo Hoằng Dương Chánh Pháp, dạy Đạo cho chúng sanh tu hành mà thôi. Tỳ Kheo Bồ Tát phải tùy căn cơ của chúng sanh mà hướng dẫn họ theo con đường giải thoát. Giảng cho họ biết bốn phận Hộ Trì Tam Bảo, phát nguyện ăn chay:

❖ Mỗi tháng 2 ngày: Rằm và mùng 1

- ❖ Mỗi tháng 4 ngày: 14, 15 và 30, mùng 1
- ❖ Mỗi tháng 6 ngày: 8, 14, 15, 23, 29, 30
- ❖ Mỗi tháng 8 ngày: 8, 14, 15, 23, 28, 29, 30, 1
- ❖ Mỗi tháng 10 ngày: 8, 13, 14, 15, 23, 27, 28, 29, 30, 1
- ❖ Ăn chay 3 tháng trong một năm:
 - Tháng Giêng
 - Tháng Bảy
 - Tháng Mười

Ngoài ra, còn phải dạy cho người niệm Phật, để họ cắt bớt Tâm Thức vọng động, kết duyên với cõi Phật, tránh đi vào con đường luân hồi đau khổ.

Nên nhớ, người Tu Sĩ không bà con với ai hết, nếu muốn cắt đứt lòng luyến ái nghiệp lực đẩy người vào luân hồi sau khi bỏ thân này.

Miệng thì luôn nói tu giải thoát mà việc làm thì dính mắc lung tung. Muốn giải thoát thì phải THỰC HÀNH TU SỬA. Đòi người trôi qua rất nhanh, gần chết rồi mà mọi việc vẫn còn bẽ bộn chưa dứt khoát.

- ❖ Tâm Thức vẫn còn chạy lung tung
- ❖ Đụng đâu liền dính mắc đó
- ❖ Chuyện giận hờn thương ghét, phê bình, chỉ trích vẫn còn tràn ngập trong tâm
- ❖ Tánh Giác vẫn chưa hiển lộ
- ❖ Phật Tánh (Đạo) chưa nhận ra (chưa thấy Đạo)
- ❖ Con đường đi lên còn mập mờ
- ❖ Con đường phạm phu hiện rõ khó bỏ

- ❖ Bỏ thân mạng nhưng Dòng Tâm Niệm Luyện Lưu mong cầu vẫn còn. Tạo thành nghiệp lực đẩy vào luân hồi. Nếu không có Đạo lực thì sẽ bị buông xuôi theo Nghiệp.

31. GIỚI KHÔNG MUA CHUỘC

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, sau khi Phật diệt độ, ở trong đời ác, thấy hàng ngoại đạo, bọn giặc cướp cùng tất cả người ác đem bán hình tượng Phật, Bồ Tát, cha mẹ, đem bán Kinh Luật, đem bán Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cùng người hành đạo Bồ Tát, kẻ phát tâm Bồ Đề, để làm tay sai cho các quan hay làm tội tở cho mọi người. Phật Tử thấy những sự như thế, nên có lòng từ bi tìm cách cứu vớt. Nếu không đủ sức, Phật Tử phải đi quyên tiền các nơi để chuộc hình tượng Phật, Bồ Tát và tất cả Kinh Luật, chuộc Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, người tu hạnh Bồ Tát, kẻ phát tâm Bồ Đề. Nếu không chuộc, Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

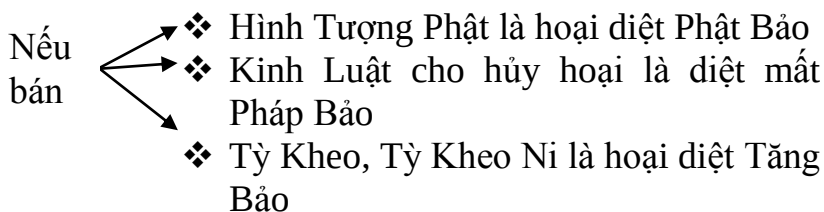
II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Mục đích của giới này nói về cái lỗi của hành giả tu hạnh Bồ Tát mà không thực hiện việc cứu chuộc các bậc tôn quý khi những vị ấy bị lâm nạn.

Bản hoài của Bồ Tát hạnh là cứu khổ ban vui vô điều kiện và bình đẳng, cho nên khi thấy chúng sanh bị ách nạn đau khổ, liền phải hết lòng tìm phương cách giải cứu.

Đức Thế Tôn đã biết, đến thời Mạt pháp, lòng người điên đảo xấu ác, bọn Tà Ma Ngoại Đạo, bọn giặc cướp, sẵn sàng ép ngặt, bắt bớ người hiền, kẻ cả ngôi Tam

Bảo, hình tượng Phật, kinh sách và các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni cũng bị đem bán làm nô lệ, bị đầy đọa, đánh đập, khiến cho người tu hành phải chịu đau khổ. Phật dạy, sau khi Phật diệt độ, hàng Bồ Tát du phương hành Đạo, nên phải chú ý quan sát, nếu gặp kẻ ác đem bán Hình Tượng Phật, bán kinh sách, bán hình tượng Bồ Tát cho những kẻ hủy hoại. Bán Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni cho người đem về làm nô tỳ, khiến cho các vị ấy bị đầy đọa đánh đập... thì hàng Bồ Tát liền phải cứu giúp. Hoặc tự mình mua chuộc ra, hoặc nhờ người tiếp tay cứu ra mà không được bỏ lơ. Bởi vì, nếu để Hình Tượng Phật, Bồ Tát bị hủy hoại thì thế gian này không còn biểu tượng Tam Bảo cho người đời cung kính tu hành, bỏ ác theo thiện, làm lành lánh dữ. Nếu để cho kinh sách Phật bị hủy hoại thì thế gian này không còn biết phương pháp tu hành từ lời dạy của Đức Phật. Nếu để cho Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni bị hủy hoại thì không còn ai có thể thay Phật giáo hóa chúng sanh, không còn ai để hoằng truyền chánh pháp. Vả lại, Tỳ Kheo là hàng sứ giả của Như Lai, giới Đức tinh nghiêm, làm gương sáng tu hành xuất thế.



Người tu hạnh Bồ Tát không ngừng cứu khổ ban vui cho muôn loài, còn phải luôn hộ trì Tam Bảo, cứu độ

cha mẹ, công hạnh tròn đủ, xứng danh Bồ Tát Đại Từ
Đại Bi.

32. GIỚI TÔN HẠI CHÚNG SANH

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, không được buôn bán dao, gậy, cung, tên, những khí giới sát sanh. Không được chứa cân non giả thiếu. Không được nương thế lực quan quyền mà lấy tài vật của người. Không được ác tâm trối buộc người. Không được nuôi mèo, chồn, heo, chó. Nếu cố làm các điều trên, Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Giới trước nói về tội lơ là không lo cứu chuộc khi thấy Ngôi Tam Bảo bị tai ách. Còn giới này thì cấm hành giả thực hành hạnh Bồ Tát mà còn cất chứa dụng cụ sát sanh và nuôi dưỡng các con thú để giết hại các con vật khác, như mèo, chồn, heo, chó săn. Dù không cất chứa dụng cụ sát sanh để tự mình giết nhưng cũng không mua bán dụng cụ sát sanh như dao, gậy, cung, tên để cung cấp cho người khác giết hại.

- ❖ Bán dao, gậy, cung, tên... và những khí cụ sát sanh là để tiếp tay cho người khác giết hại chúng sanh.
- ❖ Chứa cân non, giả thiếu là biểu hiện lòng gian lận, làm tổn hại tài sản của người khác.
- ❖ Nương cậy quyền thế lấn ép người là chủ đích y mạnh hiếp yếu cốt để thu lợi.

- ❖ Làm điều trói buộc người là muốn cho người khác khổ đốn, bức ngặt, cam chịu, như bị gông cùm xiềng xích mà không dám mở miệng.
- ❖ Phá hoại sự thành công của người là bộc lộ tâm ganh tỵ, là tánh xấu xa đê tiện, không muốn cho ai an vui.
- ❖ Nuôi mèo dùng để bắt giết chuột.
- ❖ Nuôi heo cố ý dùng để bán cho bị giết ăn thịt.
- ❖ Nuôi chó săn cốt ý để đi săn bắn.

Muôn Thú đều có Tánh Giác, chúng biết tham sống sợ chết, biết kêu khóc đau khổ. Chúng cũng có quyền sống trên địa cầu, chúng sống không phải để cho loài người ăn thịt. Không nên y mạnh hiệp yếu rồi tự ý bắt giết ăn thịt.

Nếu Bồ Tát thực hành những điều trên, chẳng khác nào loài tà ma yêu mị, loài phi hành dạ xoa, không xứng đáng là một hành giả Bồ Tát.

Như vậy, người đã phát nguyện tu hạnh Bồ Tát, phải tuyệt đối không làm bảy điều:

1. Không buôn bán đao, gậy, cung, tên và những dụng cụ bắt, giết sinh mạng.
2. Không được nuôi mèo, chồn, heo, chó săn để bắt chuột, chim, gà...
3. Không được chứa cân non giả thiếu để lường gạt tài sản của người.
4. Không được mua bán thú vật để giết thịt.

5. Không được mưu chước gây trói buộc ép ngặt, dùng thủ đoạn ép ngặt người.
6. Không phá hại sự thành công của người.
7. Không dựa vào quyền thế để cướp đoạt tài sản của người.

Đây là giới chung cho tất cả đệ tử của Đức Phật gồm Đại Thừa, Tiểu Thừa, Xuất Gia, Tại Gia ... Chúng đệ tử bắt buộc phải thực hành để xứng đáng là người Phật Tử và tránh gây nghiệp quả.

33. GIỚI TÀ NGHIỆP GIÁC QUÁN

I.KINH VẤN:

Nếu là Phật Tử, không được vì ác tâm đi xem tất cả nam nữ ..v.v... đánh nhau, hay quân trận binh tướng giặc cướp.. v.v... đấu chiến nhau. Cũng chẳng được đi xem hát, nghe nhạc, chơi cờ, đánh bạc, đá cầu, đá bóng..v.v... cho đến bói xù. Chẳng được làm tay sai cho kẻ trộm cướp. Nếu cố làm các điều trên, Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Giới trước nói về sự cất chứa, buôn bán những khí cụ dùng giết hại sinh mạng của con người và thú vật, đó không phải là việc làm chánh đáng của hành giả tu hạnh Bồ Tát.

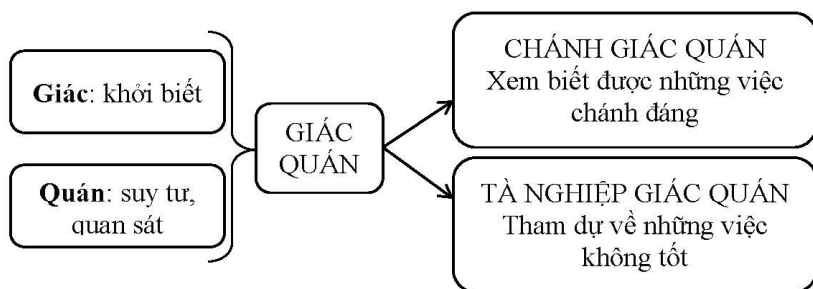
Còn giới này cũng nêu ra những việc tham gia, giải trí vui chơi không hợp với việc làm của Bồ Tát cần nên bỏ.

Thân người khó được, ngày tháng qua mau, chúng sanh đau khổ, mê lầm quá nhiều. Không đủ thời gian cho hành giả Bồ Tát đi cứu độ, đâu nên buông lung lo vui thích những việc làm bất thiện, chiếm hết thời giờ mà chẳng được phước lành nào cả.

Việc tranh đấu, hơn thua, sát phạt là việc của người thế tục. Họ vui thích xem những trận chiến đẫm máu đầy sân si của con người. Họ còn tổ chức lễ chọi trâu, đá bò, đá gà để xem và reo hò trên hình ảnh đầy máu me

của con vật đánh nhau. Đó là cảnh vui đau khổ, là cảnh vui vô cùng độc ác của kẻ thế tục. Đó không phải là việc của người Phật tử tham gia. Đó không phải là trò chơi giải trí của hành giả Bồ Tát.

Việc làm của Bồ Tát là giáo hóa chúng sanh, khiến cho họ tiêu trừ nghiệp chướng. Hành giả Bồ Tát khi muốn nghỉ ngơi khuây khỏa thì nên tìm nơi thanh tịnh, an trụ Tánh Giác, dụng tâm công phu để Chơn Tâm hiển lộ.



Người tu hạnh Bồ Tát không làm năm điều:

1. Đi xem đánh lộn sẽ dễ khởi tâm ác, vì đấu tranh thường gây ra tổn thương, nuôi dưỡng tâm sân hận, hơn thua, báo thù, bè đảng.
2. Đi xem ca nhạc, cải lương... sẽ bị quyến rũ, mê mờ tâm hồn, buông lung, tăng trưởng ý niệm dục lạc.
3. Đi xem bói toán, xú quả sẽ sanh tâm mê tín dị đoan. Đây thuộc về những tà thuật dối gạt, mê hoặc lòng người, làm rối loạn xã hội.

4. Tham dự những trò chơi nhảm nhí như đánh cờ, đánh bài, đá cầu, đá bóng sẽ sanh tâm tán loạn.
5. Làm tay sai cho giặc cướp, tuân thủ theo mệnh lệnh của kẻ ác, sẽ phát sanh lòng gian tà, giết người cướp của... làm mất hết bản tánh từ bi của hành giả Bồ Tát.

Nếu là hành giả tu Bồ Tát Đạo phải xa lìa những việc làm không tốt. Luôn tìm cách cứu độ chúng sanh đang đau khổ mê mờ cần sự cứu giúp của Bồ Tát.

34. GIỚI TẠM BỎ BỒ ĐỀ TÂM

I.KINH VĂN:

Nếu Phật Tử, ngày đêm sáu thời đọc tụng giới Bồ Tát này. Nên giữ gìn giới luật trong tất cả khi đi đứng nằm ngồi, vững chắc như kim cương, như đeo trái nỏ để qua biển lớn, như các Tỳ Kheo bị cột bằng dây cỏ. Thường có tín tâm lành đối với Đại Thừa. Tự biết rằng mình là Phật chưa thành, rồi phát Bồ Đề Tâm và giữ vững không thôi chuyển. Nếu có một tâm niệm xu hướng theo Nhị Thừa hay ngoại đạo, Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Giới trước là cấm giao du, vui chơi, gần gũi những nơi tạo ác nghiệp. Thích chơi những trò giải trí không bổ ích, mất thời giờ, làm móng khởi sân hận. Giới này Phật dạy chủ yếu là phải tin chắc mình có sẵn Phật tánh, mình là ông Phật chưa thành, còn Đức Phật là vị đã thành. Và quyết chí tu tập, thực hành giới luật. Học tập Kinh luật Đại Thừa, bám chắc không lơ là. Luôn an trụ Tánh Giác sẵn có cho đến thành Phật, không nên buông lung, chán nản. Cho rằng giới Nhị Thừa Thanh Văn dễ tu, dễ chứng A La Hán, mà muốn tạm bỏ Tâm Bồ Đề để tu theo con đường Thanh Văn A La Hán. Vì A La Hán tuy ra khỏi luân hồi sanh tử nhưng chưa thể thành Phật, chỉ có con đường Đại Thừa, An Trụ Chơn

Tâm Tánh Giác mới đưa đến Quả Vô Thượng Bồ Đề (Quả Phật).

Bồ Đề Tâm (Tâm muốn thành Phật) là chánh nhân để thành Phật, cho nên phải kiên trì giữ gìn lòng tin cầu. Tâm Bồ Đề rất quan trọng, giống như hơi thở của mình, liên tục không lúc nào tạm ngừng dù là một phút, bởi vì hơi thở làm cho nối tiếp mạng sống, còn tâm Bồ Đề là Giới Thân Huệ Mạng để tiến đến quả Phật.

Muốn được giữ Tâm kiên cố thì phải áp dụng vào bốn oai nghi: Đi, Đứng, Nằm, Ngồi. Tánh Giác phải hiển lộ để “rõ ràng Thường Biết”, những hành động trong bốn oai nghi, cũng như rõ ràng Thường Biết về những ý nghĩ để không bị chạy theo Tâm Thức.

Chỉ sống theo Tánh Giác Biết không phân biệt để đạt được Định Lực, từ đó, phát sanh tuệ giác. Ngoài ra không còn con đường thứ hai, nếu muốn thành tựu quả Vô Thượng Bồ Đề.

35. GIỚI KHÔNG PHÁT NGUYỆN

I. KINH VĂN:

Nếu Phật Tử, nên phát những điều nguyện lớn: nguyện ở hiếu thuận với cha mẹ, Sư Tăng – Nguyện đặng gặp được Thầy tốt – bạn Thiện Tri Thức – thường dạy bảo cho tôi các Kinh Luật Đại Thừa: “Thập Phát Thù”, “Thập Trưởng Dưỡng”, “Thập Kim Cương”, “Thập Địa”, cho tôi hiểu rõ tu hành đúng Chánh Pháp. Nguyện giữ vững giới luật của Phật: thà chết chứ không chịu phai lòng. Nếu tất cả Phật Tử không phát những điều nguyện trên đây thời phạm “khinh cấu tội”.

II. NGUYỆN NHÂN GIỮ GIỚI:

Giới trước, cấm tuyệt đối không được bỏ Bồ Đề Tâm và phải kiên trì tu theo Pháp Đại Thừa cho đến khi thành Phật dù là khó. Cấm không cho hành giả có ý nghĩ xu hướng tu theo Tiểu Thừa (Nhị Thừa Thanh Văn Duyên Giác) cho dễ hơn.

Giới này khuyến khích hành giả phải phát những nguyện lớn và nương nhờ những nguyện lực đó (Hướng tới) mới có thể hoàn thành con đường giải thoát, đắc quả Bồ Đề.

Những nguyện cầu đó gồm có 10 điều:

1. Nguyện hiếu thuận với cha mẹ nhiều đời. Hiếu thuận với Sư Tăng.

2. Nguyên được gặp Thầy tốt (Minh Sư).
3. Nguyên được gặp bạn đồng học Thiện Tri Thức tốt.
4. Nguyên được Thầy dạy cho các Kinh Luật Đại Thừa.
5. Nguyên tu theo hạnh Bồ Tát Thập Phát Thù tức Thập Trụ (Tam Hiền).
6. Nguyên tu theo hạnh Bồ Tát Thập Trưởng Dưỡng tức Thập Hạnh (Tam Hiền).
7. Nguyên tu theo hạnh Bồ Tát Thập Kim Cương tức Thập Hồi Hướng (Tam Hiền).
8. Nguyên tu theo hạnh Bồ Tát Thập Địa tức mười Thánh Quả cao của Hạnh Bồ Tát đã vào Thánh Vị để tiến lên Đăng Giác, Diệu Giác (Phật Quả).
9. Nguyên tu hành đúng Chánh Pháp.
10. Nguyên giữ gìn Giới Luật trong sạch.

III. NGUYÊN NHÂN PHÁT 10 NGUYÊN LỚN:

1. Nguyên Hiếu Thuận với cha mẹ và Sư Tăng:
Cha mẹ của Bồ Tát là cha mẹ nhiều đời đã qua khi còn ở trong vòng luân hồi. Là cái thân ân sanh thành dưỡng dục, thương yêu đùm bọc, che chở, dạy dỗ cho nên người... Đó là cái ơn mà hành giả phải nhớ, để phát nguyện cứu độ, tất cả chúng sanh muôn loài đều là cha mẹ của ta, người và vật đưa ta vào đời.

Đối với Sư Tăng, là những bậc Thầy đưa ta vào Đạo, hướng dẫn ta phương pháp ra khỏi luân hồi. Cái ơn cao cả này là cái ơn Xuất Thế.

Hành giả Bồ Tát phải phát nguyện giữ tâm Hiếu Thuận, tức là nguyện cứu độ chúng sanh đến bờ giác ngộ giải thoát.

2. Nguyên gặp được Thầy tốt:

Gặp được Thầy tốt tức là gặp được môi trường tốt. Thầy tốt tức là bậc minh sư khai thị pháp tu và hướng dẫn cách hành trì rõ ràng, đưa ta đến an lạc giải thoát thật sự.

Nếu đi xuất gia mà không gặp môi trường tốt, không cảm thấy sáng ra, không thanh thoi, tự tại, an lạc trước trần cảnh mà càng ngày càng thấy phiền não bủa vây; buồn chuyện này, giận chuyện khác, đó là trạng thái tu sai đường.

Khi đã phát tâm tu hành, xuất gia học Đạo, phải nên cẩn thận chọn cho đúng môi trường. Dù phát tâm mãnh liệt cho mấy mà không gặp được môi trường tốt thì càng tu càng phiền não và bần ngã. Phiền não và bần ngã chính là hai thứ độc hại, che lấp Tuệ giác, không thể nhận ra Tánh Giác để thành Phật.

3. Nguyên gặp được bạn đồng tu Thiện Tri Thức:

Dù đã gặp được Thầy tốt khai thị, hướng dẫn thực hành pháp tu. Nhưng việc học hỏi, thực hành, người gần gũi bên cạnh chính là bạn đồng tu. Người bạn lành đồng tu Thiện Tri Thức là người trực tiếp nhắc nhở, khuyên lơn, sách tấn,

ân cần sửa sai, nói thẳng ra những sai lầm của ta mà không sợ bị giận. Hoàn cảnh sống chung trong Đạo Tràng tuy là chỗ tu học, nhưng cũng có nhiều phức tạp, khiến ta thối chí ngã lòng. Những lúc đó, nhờ có bạn đồng tu Thiện Tri Thức nhìn ra và khuyên lơn, ngăn cản cho ta những tư tưởng không lành mạnh, có hại cho hành trình tu tập, tiến tu Đạo Hạnh giải thoát.

4. Nguyên được Thầy dạy cho các kinh điển Đại Thừa:

Dù đã gặp được bậc Thầy tốt.

Dù đã gặp được bạn đồng tu Thiện Tri Thức.

Nhưng Giáo Pháp để tu phải là các Kinh Điển Đại Thừa. Vì Pháp Đại Thừa chỉ thẳng Phật Tánh sẵn có, thường hằng vĩnh viễn. Diệu dụng của Phật Tánh là Tánh Giác Biết, luôn hiện hữu. Là hạt giống để thành Phật. Có như vậy mới không bị lạc vào Nhị Thừa Thanh Văn, không bị lạc vào Tà đạo.

5. Nguyên thực hành tu theo Thập Phát Thụ: (tức Thập Trụ của Quả vị Tam Hiền Bồ Tát)

Đề hướng Tâm An Trụ vào Diệu Đạo Đại Thừa. Phát Đại Bồ Đề tâm, thẳng đến Phật Quả.

6. Nguyên thực hành tu 10 pháp Trường Dưỡng: (tức Thập Hạnh của Quả vị Tam Hiền Bồ Tát)

Để vun bồi, tăng trưởng công đức, làm lớn mạnh Tâm Bồ Đề.

7. Nguyên thực hành tu 10 pháp Thập Kim Cương:
(tức Thập Hồi Hương của Quả vị Tam Hiền Bồ Tát)

Để cho tâm Bồ Đề thêm kiên cố, bất động.

8. Nguyên thực hành tu 10 pháp Thập Địa của Thánh Quả:

Đạt được tâm Từ Bi và Trí Tuệ đầy đủ để sẵn sàng tiến lên quả vị Đẳng Giác, Diệu Giác là Phật Quả.

9. Nguyên được rõ thông chánh pháp:

Thực hành đúng Chánh Pháp. Kiện toàn vai trò Lục Độ Vạn Hạnh viên mãn, để chứng nhập Phật Quả.

10. Nguyên giữ gìn giới luật trong sạch:

Nguyên giữ vững giới luật đã thọ để có Định Lực, từ đó Trí Huệ phát sanh. Vì giới giữ vai trò trọng yếu để có Định Lực. Từ Đại Định Lực mới phát sanh vô lậu Định Huệ, đắc Vô Lượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Hành giả tu Bồ Tát Đạo, nếu không phát nguyện thực hành những nguyện trên để kiện toàn con

đường tu Đạo, thì không đáng là vị Bồ Tát muốn tu hạnh rốt ráo để thành Phật.

IV. CHÚ THÍCH:

A. THẬP PHÁT THÚ: (THẬP TRỤ)

* Thập Phát Thú = Thập Trụ

Thập Phát Thú:

Mười quả vị này luôn tinh cần giữ giới, đạt định, huệ khai phát, thú hưởng về quả vị Phật, nên gọi là Thập Phát Thú.

Thập Trụ:

Mười quả vị này đã được trí, huệ, chứng được địa vị bất thối chuyển, nên gọi là Thập Trụ.

1- Xã tâm

2- Giới tâm

3- Nhẫn tâm

4- Tấn tâm

5- Định tâm

6- Huệ tâm

7- Nguyện tâm

8- Hộ tâm

9- Hỷ tâm

10- Đảnh tâm

B. THẬP TRƯỞNG DƯƠNG: (THẬP HẠNH)

* Thập Trường Dương = Thập Hạnh

Thập Trường Dương: Mười quả vị này luôn phát triển công hạnh tự lợi, lợi tha, tăng trưởng Phật Đạo cho tự mình, đồng thời cũng dưỡng dục cái nhân Thánh cho chúng sanh nên gọi là Thập Trường Dương	1- Tâm Từ 2- Tâm Bi 3- Tâm Hỷ 4- Tâm Xả 5- Tâm Trí 6- Tâm Hào 7- Tâm Ích 8- Tâm Đồng 9- Tâm Định 10- Tâm Huệ
Thập Hạnh: Đây là mười tâm phát triển, rộng tu công hạnh lợi tha một cách tích cực, nên gọi là Thập Hạnh.	

C. THẬP KIM CƯƠNG: (THẬP HỒI HƯỚNG BỒ TÁT)

* Thập Kim Cương = Thập Hồi Hướng

Thập Kim Cương : Mười địa vị Bồ Tát này tánh như kim cương, không bị bất cứ điều gì làm hư hoại. Nên gọi là Thập Kim Cương. Thập Hồi Hướng: Khi áp dụng 10 tâm kim cương này tu tập, Bồ Tát có thể thực hành 3 thứ Đại Hồi Hướng: 1- Hồi Sự Hướng Lý: Dem công đức tu để Thù Hưởng, cầu quả vị Niết Bàn. 2- Hồi Nhân Hướng Quả: Dem công đức tu để Thù Hưởng cầu quả vị Bồ Đề. 3- Hồi Tự Hướng Tha: Dem công đức tu tập để bố thí cho tất cả chúng sanh.	1- Tín tâm 2- Niệm tâm 3- Hồi Hướng tâm 4- Đạt tâm 5- Trục tâm 6- Bất Thối tâm 7- Đại Thừa tâm 8- Vô Tướng tâm 9- Huệ tâm 10- Bất Hoại tâm
--	---

D. THẬP ĐỊA: (MƯỜI THÁNH QUẢ CỦA BỒ TÁT)

* Thập Địa

Địa: Có nghĩa là gánh vác, che chở. Trên thì gánh vác chánh pháp của Phật, dưới thì che chở cho chúng sanh một cách rộng lớn, không ngần ngại.

- 1- Thể Tánh Bình Đẳng Địa
- 2- Thể Tánh Thiện Huệ Địa
- 3- Thể Tánh Quang Minh Địa
- 4- Thể Tánh Nhi Diễm Địa
- 5- Thể Tánh Hộ Chiếu Địa
- 6- Thể Tánh Hoa Quang Địa
- 7- Thể Tánh Mãn Túc Địa
- 8- Thể Tánh Phật Hậu Địa
- 9- Thể Tánh Hoa Nghiêm Địa
- 10- Thể Tánh Nhập Phật Giới Địa

36. GIỚI KHÔNG PHÁT THỆ

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, khi đã phát mười điều nguyện lớn trên đây rồi, phải giữ gìn giới cấm của Phật. Tự thề rằng: Thà nhảy vào đồng lửa, hố sâu, núi đao, quyết không cùng với tất cả Người Nữ, Người Nam làm điều bất tịnh để phạm điều cấm trong Kinh Luật của Tam Thế Chư Phật.

Lại thề rằng:

- ❖ Thà lấy lưới sắt nóng quấn thân mình cả nghìn lớp, quyết không để thân này phá giới mà thọ những đồ y phục của tín tâm Đàn Việt.
- ❖ Thà chịu nuốt hòn sắt cháy đỏ và uống nước đồng sôi mãi đến trăm nghìn kiếp, quyết không để miệng này phá giới mà ăn các thứ thực phẩm của tín tâm Đàn Việt.
- ❖ Thà nằm trên đồng lửa lớn, trên tấm sắt nóng, quyết không để thân này phá giới mà nhận lấy các thứ giường ghế của tín tâm Đàn Việt.
- ❖ Thà trong một hai kiếp chịu cho cả trăm gươm giáo đâm vào mình, quyết không để thân này phá giới mà thọ các thứ thuốc men của tín tâm Đàn Việt.

- ❖ Thà nhảy vào vạc dầu sôi trong trăm nghìn kiếp, quyết không để thân này phá giới mà lãnh những phòng nhà, ruộng vườn, đất đai của tín tâm Đàn Việt.

Lại phát thệ rằng: Thà dùng chày sắt đập thân này từ đầu tới chân nát như tro bụi, quyết không để thân này phá giới mà thọ sự cung kính lễ bái của tín tâm Đàn Việt.

Lại phát thệ rằng:

- ❖ Thà lấy trăm nghìn lưỡi gươm giáo khóet đôi mắt mình, quyết không đem tâm phá giới này mà nhìn xem sắc đẹp của người.
- ❖ Thà lấy trăm nghìn dùi sắt, đâm thủng lỗ tai mình trải trong một hai kiếp, quyết không đem tâm phá giới này mà nghe tiếng tốt giọng hay.
- ❖ Thà lấy trăm nghìn lưỡi dao cắt bỏ lỗ mũi mình, quyết không đem tâm phá giới này mà ngửi các mùi thơm.
- ❖ Thà lấy trăm nghìn lưỡi dao cắt đứt lưỡi mình, quyết không đem tâm phá giới này mà ăn các thức tịnh thực của người.
- ❖ Thà lấy búa bén chặt chém thân thể mình, quyết không đem tâm phá giới này mà tham mặc đồ tốt.

**Lại phát nguyện: Nguyện cho tất cả chúng sanh đều được thành Phật.
Nếu Phật Tử không phát những điều thệ này, thời phạm “khinh cấu tội”.**

II. NGUYỄN NHÂN GIỮ GIỚI:

Giới trước nói về các Đại Nguyện mà hành giả Bồ Tát phải phát ra để làm phương hướng hành Đạo trong chu trình tu lục độ vạn hạnh, để tiến đến quả vị Phật. Nhưng nguyện chỉ mới là những điều mà Bồ Tát muốn thực hành. Nhưng còn thành tựu hay không cần phải thêm một yếu tố nữa để không bị chướng ngại, đó là tâm cương quyết, đó là lòng kiên trì, đó là ý chí. Đó là Thệ nguyện, đó là Đại Thệ, đó là Thệ quyết làm cho bằng được điều mình muốn.

Tu hành mong thành Phật thì ai cũng mong cầu. Nhưng làm một chúng sanh đang trong vòng luân hồi thì còn bị quá nhiều oan gia tức trái nhiều đời nhiều kiếp vây quanh, lôi kéo, cản trở. Giống như một người lội ngược dòng nước, cần phải có một lực phía sau đẩy tới mới có thể chống chọi với lực mạnh của nước, để vượt đến bờ kia.

Đại nguyện ở giới thứ 35 trước ví như cái mục tiêu cao cả cần phải hướng tới.

Đại Thệ ở giới thứ 36 này là những năng lực đồng mãnh, bền bỉ, kiên cường đẩy tới, để dễ hoàn thành những Đại Nguyện Độ Sanh của hành giả tu Bồ Tát Hạnh.

Có 5 điều Đại Thệ của Bồ Tát:

1. Thề quyết xa lìa Ái dục dù bị nát thân mạng.
2. Thề quyết giữ tròn đức hạnh tự lợi, lợi tha chân chính, đem lại phúc lợi cho chúng sanh.
3. Thề quyết giữ tròn giới luật đã thọ không để cho khiếm khuyết.
4. Thề quyết giữ gìn 6 căn thanh tịnh không cho bám theo 6 trần sanh ra Tâm Thức vọng động.
5. Thề quyết cứu độ chúng sanh không hề mệt mỏi.

Nói tóm lại, muốn thực hiện Đại Thệ, phải kiên trì giữ gìn Giới Luật. Chỉ có giới luật được áp dụng thì 6 căn không bám theo trần cảnh. Khi không bám víu trần cảnh thì Tâm Thức không phát sanh. Hành giả Bồ Tát mới có thể tiến tu 52 quả vị từ Tam Hiền, Thập Thánh, Đăng Giác, Diệu Giác, và thành Phật.

37. GIỚI VÀO CHỖ HIỂM NẠN

I.KINH VĂN:

Nếu Phật Tử, mỗi năm phải hai kỳ hành Đầu Đà, mùa Đông mùa Hạ thời ngồi thiền kiết hạ an cư. Thường dùng nhánh dương, nước tro, ba y, bình bát, tọa cụ, tích trượng, hộp lư hương, dây lược nước, khăn tay, con dao, đá lửa, cái nhíp, giường dây, Kinh, Luật, tượng Phật, tượng Bồ Tát. Khi Phật tử hành Đầu Đà cùng lúc du phương đi lại trăm dặm nghìn dặm, mười tám món này mang luôn bên mình. Đây là hai kỳ hành Đầu Đà trong mỗi năm: Từ Rằm tháng Giêng đến Rằm tháng ba và từ Rằm tháng Tám tới Rằm tháng Mười. Trong hai kỳ hành Đầu Đà, luôn mang theo mình mười tám món ấy như chim hai cánh.

Nếu đến ngày Bồ Tát, hàng tân học Bồ Tát, mỗi nửa tháng luôn Bồ Tát, tụng mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh.

Lúc tụng giới, nên ở trước tượng Phật và Bồ Tát mà tụng. Chỉ có một người Bồ Tát thời một người tụng. Nếu hai người, ba người nhần đến trăm nghìn người cũng một người tụng, còn bao nhiêu người thời lắng nghe. Người tụng ngồi cao, người nghe ngồi thấp. Mỗi người đều đáp y hoại sắc chín điều, bảy điều và năm điều. Trong lúc kiết hạ an cư cũng phải mỗi việc đúng theo phép tắc.

Lúc hành Đầu Đà, chớ đi đến chỗ có tai nạn, cõi hiểm ác, nhà vua hung bạo, đất đai gập ghềnh, cỏ

cây rậm rạp, chỗ có giống sư tử, cọp, sói, cùng lụt, bão, nạn cháy, giặc cướp, đường sá có rắn rít... Tất cả nơi hiểm nạn ấy đều không được đến. Chẳng những lúc hành Đầu Đà, mà lúc kiết hạ an cư cũng không được vào chỗ hiểm nạn ấy. Nếu cố vào những nơi ấy, Phật Tử này phạm “khinh cầu tội”.

II. NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Giới trước nói về lòng kiên trì, về tâm cương quyết tức là phải phát ra cái ý chí thực hiện cho bằng được những ước muốn thành tựu Bồ Tát Hạnh. Còn giới này Đức Phật cấm không cho hành giả Bồ Tát đem thân đến những nơi hiểm nạn dù cho nơi đó là chỗ cần đến để cứu độ. Bởi vì, khi chưa thành Phật, hành giả phải cần những trợ duyên tu hành, nhất là giữ gìn thân mạng, an toàn, mạnh khỏe để làm trợ duyên tiến tu. Nhờ có thân mạng, có sáu căn làm môi trường cho Tánh Giác gá vào và hiển lộ ra. Phật dạy, thân mạng giống như chiếc thuyền để nương nhờ qua biển. Nếu khi còn đang ở trên biển lớn mà hủy hoại chiếc thuyền thì không thể đến bờ kia. Do đó, bất cứ nơi nào có hiểm nạn thì không nên lui tới, dù cho đang thực hành hạnh Đầu Đà.

Những chỗ hiểm nạn như:

1. Cõi nước hiểm ác: hạn hán, mất mùa, đói khát
2. Có vua hung bạo: không kính Tam Bảo, tàn ác
3. Chỗ đất đai gập ghềnh (núi cao, khe sâu..)
4. Chỗ có thú dữ

5. Chỗ nước lụt
6. Vùng có gió bão
7. Vùng có hỏa hoạn
8. Chỗ có giặc cướp
9. Đường đi có rắn rít...

Những hành giả tu Bồ Tát Hạnh thường phát nguyện trừ sạch vọng động phiền não, oan gia tức trái từ vô thủy đến nay, cũng như muốn tăng trưởng thiện căn, vun bồi công đức, nên các vị ấy hành Hạnh Đầu Đà, mỗi năm hai kỳ.

- ❖ Vào mùa Đông: từ Rằm tháng Giêng đến Rằm tháng Ba
- ❖ Vào mùa Hạ: từ Rằm tháng Tám đến Rằm tháng Mười

Đây là hạnh tu khổ hạnh, dẫn thân chu du khắp nơi, không cư ngụ trong chùa. Hạnh Đầu Đà không bắt buộc, tùy nguyện thực hành.

Riêng mùa An Cư Kiết Hạ 90 ngày thì bắt buộc các tu sĩ phải an trú trong trụ xứ chuyên tu.

- ❖ Giữ thân tâm cho được thanh tịnh gọi là AN.
- ❖ Ở yên một chỗ tu hành gọi là CU.

Đức Phật chế định thời gian An Cư Kiết Hạ là 90 ngày. Khi xưa bên Ấn Độ vào mùa Đông rất lạnh lẽo, vào mùa hạ khí hậu rất nóng bức. Côn trùng sanh sôi nảy nở dưới đất rất nhiều. Nếu các tu sĩ đi du hành khát thực thì dẫm đạp làm chết chúng sanh, cho nên Phật

dạy phải ở yên một chỗ, không dong ruổi theo trần cảnh. Nhờ an cư tu hành nên dễ sanh Định Lực và mau phát Huệ nhãn.

An Cư gồm có hai loại:

1. Tiền An Cư: từ 16 tháng 4 (âm lịch) đến Rằm tháng Bảy.
2. Hậu An Cư: từ 16 tháng 5 (âm lịch) đến Rằm tháng Tám (âm lịch).

Tu hạnh Đầu Đà là muốn rèn luyện cho mình cái hạnh kiên nhẫn, kham khổ. Sống rày đây mai đó, vừa rèn luyện cho mình đức tính dẻo dai, bền bỉ trong việc hộ trì tịnh giới, bồi đắp, thiện căn, trừ sạch phiền não nhiều đời, vừa có duyên gần gũi tiếp cận chúng sanh khắp mọi tầng lớp để cứu độ. Hồi hướng công đức về quả vô Thượng Bồ Đề.

Khi hành hạnh Đầu Đà, Đức Phật dạy phải mang theo bên mình đủ 18 món cần yếu, giống như chim có đủ hai cánh không bị chướng ngại:

1. Nhành dương để nhai chà răng (tắm rửa răng)
2. Nước tro (xà phòng rửa tay, tắm)
3. 3 y Tỳ Kheo (y 5, y 7 và y 9)
4. Bình bát (ứng lượng khí)
5. Tọa cụ, ngọa cụ (tấm ngồi thiền, tấm trải nằm)
6. Tích trượng (cây gậy dò nước, chống đỡ...)
7. Hộp lư hương
8. Đầy lọc nước (lướt côn trùng trước khi dùng)
9. Khăn tay (lau mặt)
10. Con dao (cạo tóc)

- 11.Đá lửa (quẹt lửa)
- 12.Cái nhíp (nhỏ gai, cắt móng tay)
- 13.Giường dây (cái võng)
- 14.Kinh (các kinh tụng)
- 15.Luật (giới luật)
- 16.Tượng Phật
- 17.Tượng Bồ Tát
- 18.Bình mức nước uống

Đối với người tu hạnh Đầu Đà cần phải giữ ba điều không cho đầy đủ. Đó là y phục, uống ăn và ngủ nghỉ (Tam Thường Bất Túc) để trừ tâm tham đắm. Chỉ một mực đồng mãnh tiến tu, hướng đến Phật quả mà thôi.

Hạnh Đầu Đà có 12 việc phải thực hành:

1. Ở nơi thanh vắng (Trụ A Lan Nhã)
2. Khất thực nuôi mạng
3. Mặc y phần tảo (nạp y, y bá nạp, chằm vá)
4. Ăn Ngọ (ngày chỉ ăn một lần)
5. Không uống nước phi thời (chiều không uống nước)
6. Không ăn đến no (ăn vừa đủ, hơi thiếu một chút)
7. Ngủ nghỉ ngoài gò mả
8. Ngồi dưới gốc cây (Thọ hạ tọa)
9. Ở nơi không có mái che (Lộ địa tọa)
- 10.Thường ngồi không nằm (Thường tọa bất ngọa)
- 11.Đi khất thực theo thứ tự không lựa chọn nơi
- 12.Không chứa y dư

Hạnh Đầu Đà, các Tỳ Kheo thường chọn những ngày tạnh ráo thoáng mát, ít nóng ít mưa, thuận lợi cho việc du hành.

- ❖ Từ Rằm tháng Giêng đến Rằm tháng Ba = mùa Xuân
- ❖ Từ Rằm tháng Tám đến Rằm tháng Mười = mùa Thu

38. GIỚI TRÁI THỨ TỰ TÔN TI

I.KINH VẤN:

Nếu là Phật Tử, phải theo thứ tự đúng pháp mà ngồi: người thọ giới trước thời ngồi trước, người thọ giới sau thời ngồi sau. Không luận già, trẻ, Tỳ-Kheo, Tỳ Kheo Ni. Người sang như Quốc Vương, Hoàng Tử, nhần đến kẻ hèn như Huỳnh Môn, tôi tớ .v.v. tất cả đều nên theo thứ tự mà ngồi: người thọ giới trước thời ngồi trước, người thọ giới sau thời ngồi sau. Không được như hàng ngoại đạo, si mê, hoặc già, hoặc trẻ, ngồi trước sau lộn xộn không có thứ tự, không khác cách ngồi của bọn binh nô. Trong Phật Pháp của Ta, hễ người thọ giới trước thời ngồi trước, người thọ giới sau thời ngồi sau. Nếu Phật Tử không theo thứ tự đúng pháp mà ngồi, thời phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Đối với người thế gian thì họ cho rằng “kính lão đắc thọ”. Họ luôn tôn trọng người tuổi cao. Họ luôn luôn căn cứ theo tuổi tác lớn nhỏ để làm tiêu chuẩn cho Tôn Ti Trật Tự Xã Hội. Nhưng theo Phật Giáo thì căn cứ vào Giới Lạp để phân định lớn nhỏ cao thấp. Tức là tính theo số năm bắt đầu thọ Giới đến nay để phân định vị nào Thượng Tòa, vị nào hạ Tòa....

Dù cho vị Tỳ Kheo đó đã có tuổi đời cao, nhưng thọ giới sau vị tuổi nhỏ đã thọ giới trước thì khi ngồi vào

tụng giới, vị Tỳ kheo già kia cũng phải ngồi sau vị nhỏ tuổi thọ giới trước mình.

Mục đích Đức Phật chế giới cấm này là để phá trừ ngã mạn. Khiến cho các tu sĩ lo giữ gìn giới luật, cố gắng xây dựng cho mình thành một người gương mẫu, một người xứng đáng được tôn kính.

Đức Phật dạy, người thọ giới trước thì ngồi ở địa vị trước, người thọ giới sau thì ngồi ở địa vị sau, không nên sống theo kiểu của Ngoại Đạo, ngồi đứng lộn xộn, không có tôn ti trật tự.

Vì vậy, theo tinh thần Phật Giáo, dù xuất gia Bồ Tát hay người xuất gia hạnh Thanh Văn đều được tôn trọng. Sự tôn trọng ấy chính là tôn trọng Giới Luật mà vị đó đã lãnh thọ chứ không phải tôn trọng bản thân vị đó.

Với ý nghĩa này, bốn phận của người xuất gia như định phải học giới và trì giới. Thực hành giới luật tinh nghiêm, còn phải giữ gìn oai nghi tế hạnh cho hoàn bị. Có như thế, mới xứng đáng lãnh thọ lòng tôn kính của mọi người, mới xứng đáng làm ruộng phước cho người đời gieo trồng công đức.

Trường hợp không phạm giới này là:

1. Khi nhóm hợp để Tụng giới, Bồ Tát...

Đại chúng đã vân tập theo thứ tự ngồi vào chỗ rồi bạn mới vào sau. Tuy bạn là người có hạ lạc cao, nhưng bạn phải ngồi kế tiếp phía sau. Các vị trước dù nhỏ nhưng không phạm.

2. Khi vị giảng sư lên pháp tòa giảng kinh, phải ngồi cao vẫn không phạm.

3. Nếu không biết hạ lạp của các vị kia, bạn ngồi tiếp vào sau hoặc ngồi trước họ vẫn không phạm.

39. GIỚI KHÔNG TU PHƯỚC HUỆ

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, phải khuyến hóa tất cả mọi người kiến tạo Tăng Phườn^g nơi núi rừng vườn ruộng, xây dựng Phật Tháp, chỗ an cư, tọa thiền trong mùa Đông mùa Hạ, tất cả những cơ sở hành đạo đều nên kiến tạo.

Người Phật Tử, phải giảng thuyết Kinh Luật Đại Thừa cho tất cả chúng sanh. Lúc tật bệnh, nước có nạn có giặc, ngày cha, mẹ, anh, em Hòa thượng, A Xà Lê khuất tịch, và mỗi tuần thất, nhĩn đến bảy tuần thất, cũng nên giảng thuyết Kinh Luật Đại Thừa. Tất cả những trai hội cầu nguyện, những lúc đi làm ăn, những khi có tai nạn lụt, bão, hỏa hoạn, ghe thuyền trôi giạt nơi sông to biển lớn, gặp quỷ La sát..v..v... đều cũng đọc tụng Kinh Luật Đại Thừa. Nhĩn đến tất cả tội báo, tam ác, bát nạn, thất nghịch, gông cùm xiềng xích trói buộc tay chân, hoặc người nhiều dâm, nhiều sân, nhiều ngu si, nhiều tật bệnh, đều nên giảng Kinh Luật Đại Thừa này.

Nếu hàng tân học Bồ Tát không thực hành như trên đây, thời phạm “khinh cầu tội”.

Chính giới như thế cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì. Trong phẩm “Phạm Đàn” có giải rộng.

II. NGUYỄN NHÂN GIỮ GIỚI:

Ở giới trước, Phật dạy các hành giả dù tu Tiểu Thừa hay Đại Thừa cũng phải chuyên trì giới luật để đạt Định Huệ, tiến đến Phật Quả, hoàn mãn hạnh tự lợi.

Giới thứ 39 này, nói về hạnh Lợi Tha, tức là xây dựng các cơ sở chuyên tu cho mọi người trong lãnh vực tu phước. Song song với việc kiến tạo đó, phải tổ chức Đạo Tràng giảng kinh Đại Thừa, mở bày Huệ Nhãn cho chúng sanh trong lãnh vực tu Huệ.

Đức Phật chủ trương Phước Huệ song tu khiến cho hành giả được thuận lợi trong quá trình độ sanh không bị chướng duyên. Bởi vì:

- ❖ Tu phước: khiến cho hành giả có đủ phước báo không bị chướng ngại khi hành Đạo.
- ❖ Tu Huệ: khiến cho hành giả mau đắc Định Huệ dễ dàng chứng quả Bồ Đề.

Phước Huệ song tu như chim có đủ hai cánh.

- ❖ Tu Huệ không tu Phước, giống như vị A La Hán Tỳ Kheo vẫn ít được người cúng dường thực phẩm.
- ❖ Tu Phước không tu Huệ, như con voi đẹp sống trong hoàng cung, đeo ngọc quý đầy mình nhưng vẫn là súc sanh.

Đề tu Phước và Huệ, hành giả phải áp dụng pháp Tài Thí và Pháp Thí.

❖ Tài thí: Làm tăng trưởng phước đức như bố thí (gồm có nội tài và ngoại tài)

❖ Pháp thí: Làm tăng trưởng trí huệ.

Như giảng Kinh Luật Đại Thừa, chỉ thẳng Phật Tánh cho chúng sanh để họ nhận ra cái Tánh Giác sẵn có trong họ, để An Trụ, bỏ Tâm Thức vọng động, đạt Định Lực, phát sanh trí huệ.

Việc tu hành, cần phải có môi trường thích hợp, phải có nơi an toàn, có chỗ thanh tịnh để dễ tịnh hóa tâm linh. Cho nên, hành giả Bồ Tát nên khuyến hóa mọi người chung lo xây dựng những cơ sở tu hành thích hợp như:

1. Kiến lập Tăng Phường:

Xây dựng cơ sở rộng, đủ tiện nghi có thể hội tụ đông người.

2. Kiến tạo núi rừng:

Tạo Đạo Tràng thiên nhiên nơi núi rừng xanh mát cho mọi người về tu học.

3. Kiến tạo vườn, ruộng:

Trồng thực phẩm xanh, tươi cung cấp cho Đạo Tràng.

4. Xây dựng tháp Phật:

Để có nơi cho Đại chúng hành lễ và chiêm ngưỡng.

5. Xây dựng chỗ An Cư, Tọa Thiền thích hợp cho các mùa:

Để phòng tránh bệnh tật vì nóng quá hoặc lạnh quá làm dãi dãi tu hành.

6. Kiến tạo nhiều cơ sở tu hành khắp nơi:

Để tiện cho hành giả Bồ Tát chu du hóa độ có thể dừng chân tu tập.

Những nơi cần tránh xa khi kiến tạo cơ sở tu hành:

1. Chỗ gần Đình Miếu thờ cúng quý thần
2. Gần xóm làng dân ở
3. Chỗ gần Động Mãi Dâm
4. Chỗ gần quán bán rượu
5. Chỗ gần lò giết thịt (đồ tể)
6. Chỗ có bọn cướp thường sinh hoạt
7. Chỗ đất đai có nhiều trùng, kiến, ong, muỗi
8. Chỗ gần giếng nước công cộng
9. Gần sườn núi cheo leo, hố sâu
10. Gần nơi cơ sở quan quyền
11. Gần bên chùa lớn có nhiều người về sinh hoạt

40. GIỚI KHÔNG BÌNH ĐẲNG TRUYỀN GIỚI

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, lúc cho người thọ giới không được lựa chọn. Tất cả hàng Quốc Vương, Hoàng Tử, các quan, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, tín nam, tín nữ, dân nam, dân nữ, Phạm thiên trong mười tám cõi Sắc, Thiên Tử trong sáu cõi Dục, người thiếu căn, hai căn, Huỳnh Môn, tội tứ và tất cả quỷ thần đều được thọ giới. Tất cả y phục ngoại cụ nên bảo phải hòa màu: xanh, đỏ, đen, tím nhuộm thành hoại sắc cho hiệp với Đạo.

Trong tất cả quốc độ, theo y phục của người trong nước mặc, y phục của thầy Tỳ Kheo đều phải khác với y phục của người thế tục.

Khi ai muốn thọ Bồ Tát Giới, vị Sư phải hỏi rằng: Trong đời này người có phạm tội thất nghịch chăng? Bồ Tát Pháp Sư không được cho người phạm tội thất nghịch thọ giới trong đời này.

Đây là tội thất nghịch: Ác tâm làm thân Phật chảy máu; hại bậc Thánh Nhân; giết cha; giết mẹ; giết Hòa Thượng; giết A Xà Lê, phá Yết Ma Tăng, chuyển Pháp Luân Tăng.

Nếu phạm tội thất nghịch, thời hiện đời không được đắc giới. Ngoài ra, tất cả người đều được thọ giới.

Theo pháp của người xuất gia, không lạy: Quốc Vương, cha mẹ, lục thân và quỷ thần.

Phàm hễ ai nhận hiểu lời nói của Pháp Sư đều được thọ giới. Mà có người từ trăm dặm đến cầu pháp. Nếu Bồ Tát Pháp Sư vì ác tâm, sân tâm, mà không mau mắn truyền giới Bồ Tát cho người ấy, thời phạm “khinh cầu tội”.

II. NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Ở giới trước nói về hạnh tu phước và tu huệ của một hành giả Bồ Tát cần phải có như chim có đủ hai cánh, như người có đủ phước Đức và Trí huệ làm phương tiện tự lợi lợi tha. Tu phước của Bồ Tát không phải đi cứu trợ nạn lụt, cung cấp cần yếu, cứu khổ nhất thời, tu phước của Bồ Tát chánh yếu là Thiết Lập Tăng Phường, kiến tạo Đạo Tràng cho chúng sanh có chỗ tu tập. Tu huệ của Bồ Tát là giảng Kinh Luật Đại Thừa. Hai phương diện này nhằm mở bày Phật Tánh sẵn có cho chúng sanh thấy được cái thật, cái thường còn vĩnh viễn mà mình sẵn có, để họ an trụ, sống với nó, và lìa xa Tâm Thức tạo nghiệp mà họ đang xem là chính mình (cái giả) và cam chịu luân hồi đau khổ vì Tâm Thức mà họ không biết.

Ở giới này nói về việc làm kế tiếp, nhằm để đưa thẳng chúng sanh vào Đạo. Tổ chức kết nạp thêm đoàn thể hành giả Bồ tát. Bằng cách truyền trao giới pháp Bồ Tát, đưa chúng sanh tiến lên con đường tu hành thiết thực, tự lợi, lợi tha, cho đến khi đạt thành vô Thượng Bồ Đề.

Vì thấy rõ tất cả chúng sanh đã sẵn có Tâm Địa Giới Pháp của Bồ Tát rồi, cho nên trên đường hành Đạo, hễ

gặp chúng sanh bất cứ loài nào đến cầu xin thọ giới Bồ Tát thì hành giả Bồ Tát phải liền bình đẳng truyền giới cho họ mà không được vì lý do gì mà từ chối. Không nên khen chê, lựa chọn mà cho thọ hoặc không cho thọ. Nếu không cho thọ thì Hành Giả Bồ Tát này sẽ phạm giới rất lớn. Chỉ trừ khi kẻ kia phạm tội THẤT NGHỊCH thì tuyệt đối không được cho thọ giới.

Giới Bồ Tát gọi là:

- ❖ Kim Cang Quang Minh Bảo Giới
- ❖ Là giới thuộc về Tâm Địa Giới Pháp
- ❖ Là giới thuộc về Tâm Địa Pháp Môn
- ❖ Là giới thuộc về Chơn Tâm Phật Tánh sẵn có trong chúng sanh

Tất cả chúng sanh đều sẵn có Tâm Địa Giới Pháp rồi, cho nên ai cũng có quyền lãnh thọ Tâm Địa Giới này. Họ có nhưng họ quên, họ đang chạy theo Tâm Thức và đau khổ. Nay họ đủ duyên quay về căn cội lãnh thọ để họ An Trụ Bản Tánh chân thật không nhiễm ô của mình, họ muốn quay về nguồn cội giải thoát. Vì vậy hành giả Bồ Tát nên lập tức truyền giới cho họ khi gặp. Đức Phật dạy, tất cả chúng sanh từ Cõi Trời, cõi Thánh, cõi Thần, cõi Người, cõi Ma Quỷ, tất cả hạng người trong thế gian... tất cả đều được thọ giới Bồ Tát.

Vì vậy chúng sanh đại khái như:

- ❖ Chư Thiên Cõi Trời Sắc Giới 22 tầng trời
- ❖ Chư Thiên Cõi Trời Dục Giới 6 cõi trời
- ❖ Chư vị Thánh
- ❖ Các vị Thần, A Tu La...

- ❖ Các loài quý....
- ❖ Huỳnh Môn (Thái giám bị thiên)
- ❖ Dâm nam (Làm điểm)
- ❖ Dâm nữ (Bán dâm)
- ❖ Người thiếu căn (Không đủ 6 căn)
- ❖ Người 2 căn (có căn nam, có căn nữ)
- ❖ Tội tở, nô tỳ...
- ❖ Làm thuê....
- ❖ Quốc Vương (Vua), Hoàng Hậu (vợ Vua)
- ❖ Thê nữ
- ❖ Hoàng Tử, Công Chúa
- ❖ Các quan, quân lính...
- ❖

Các vị Bồ Tát xuất gia, sau khi thọ giới rồi, phải mặc y phục màu hoại sắc (màu khác với 5 màu sắc chính của thế tục mặc).

Nếu là vị Bồ Tát xuất gia, không lạy cha mẹ giòng họ, vua chúa... bởi vì Tỳ Kheo là một trong ngôi Tam Bảo (Tăng Bảo). Vị Tỳ Kheo là vị Thầy ba cõi (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới), được trời người tôn kính. Thiên Ma Ba Tàng còn phải kính phục, nể vì. Cho nên Tỳ Kheo không thể lễ lạy người đời, thần thánh.

Do đó, trước khi làm lễ xuất gia, vị Tỳ Kheo đã được giới sư cho lạy tổ tiên bốn lạy lần cuối.

Những người cần cầu thọ giới pháp, từ trăm dặm nghìn dặm xa xôi đến, chứng tỏ rằng họ rất ân cần cầu pháp. Hành giả Bồ Tát phải mau mắn, vui vẻ, truyền giới cho họ.

Tất cả chúng sanh khi thọ giới, chỉ cần họ Hiểu Rõ lời nói của Pháp Sư đều được thọ giới, bất kỳ hạng người nào.

Thệ nguyện của hành giả Bồ Tát là hoằng truyền Chánh Pháp. Vừa giảng dạy, vừa dẫn dắt hậu lai trong sứ mạng “tre tàn măng mọc”, cho nên, khi có duyên gặp thì liền trao truyền, không vì lựa chọn, không vì khen chê, sân hận mà bỏ qua. Nếu hành giả Bồ Tát lơ là thì vô tình mình đã làm cho Hạt giống Phật của họ bị cản trở, khó phát triển và hiển lộ ra; đó là cái tội chặn đứng con đường thành Đạo của họ.

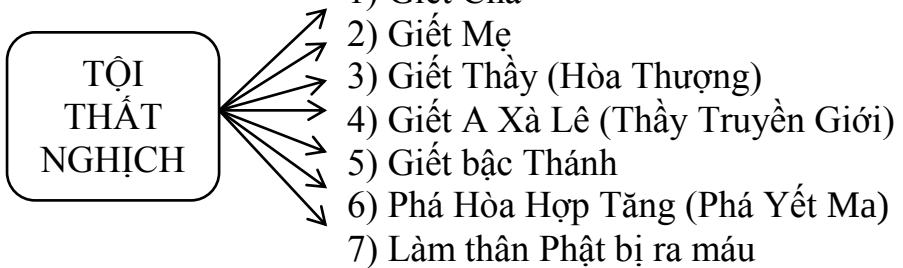
Vì chí nguyện độ sanh, khi Hành Giả Bồ Tát đi đến nơi nào, thì thường chú ý đến việc đưa người vào Đạo, bằng cách truyền trao giới Bồ Tát cho họ, bởi vì Giới Pháp là đường hướng dẫn đến Phật Đạo. Giới là ranh giới an toàn để chúng sanh nương đó mà tiến đến tòa nhà Chánh Pháp. Và nương đó mà bỏ phàm lên Thánh, nương đó mà đạt Định Huệ chứng quả Bồ Đề.

III. CHÚ THÍCH:

1. Các vị vua đã xin thọ giới Bồ Tát:

- ❖ Vua Lương Võ Đế thời Nam Bắc Triều bên Trung Hoa
- ❖ Vua Cao Tông đời nhà Đường bên Trung Hoa
- ❖ Vua Nhân Tông đời nhà Tống bên Trung Hoa
- ❖ Ngoài ra còn có các vị vua Việt Nam

- ❖ Các Hoàng Hậu
- ❖ Các Hoàng Tử
- ❖ Các Công Chúa
- ❖ Các cung phi
- ❖ Các Quan đại thần
- ❖ Các binh sĩ
- ❖
- ❖



2. Huỳnh Môn = Đàn ông bị thiến
(hoạn quan, thái giám)

3. Màu Hoại Sắc = Là hòa hợp của 5 màu chính

= **Xanh + Vàng + Đỏ + Trắng + Đen** $\Rightarrow$ Màu
hoại
sắc

41. GIỚI VÌ LỢI LÀM THẦY

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, giáo hóa người sanh lòng tin tưởng pháp Đại Thừa, Bồ Tát làm Pháp Sư giáo giới cho người. Lúc thấy có người muốn thọ giới Bồ Tát, nên bảo người ấy thỉnh hai Đại Sư: Hòa thượng và A Xà Lê.

Phải hỏi người ấy có phạm tội thất nghịch không? Nếu người ấy hiện đời có phạm tội thất nghịch, thời Pháp Sư không được cho người ấy thọ giới. Như không phạm tội thất nghịch thời cho thọ giới. Nếu có phạm trong mười giới trọng, phải bảo người ấy sám hối đối trước tượng Phật và Bồ Tát. Ngày đêm sáu thời tụng giới Bồ Tát tha thiết đánh lễ Tam Thế Chư Phật, cho được thấy hảo tướng. Sám hối như thế trong bảy ngày, mười bốn ngày, hăm một ngày, nhẫn đến trọn năm, mãi đến chừng nào thấy được hảo tướng. Đây là hảo tướng: Thấy Phật đến xoa đầu mình, thấy hào quang, thấy hoa báu v..v... các thứ cảnh tượng lạ. Thấy được những hảo tướng ấy là triệu chứng tội đã tiêu diệt. Nếu không được thấy hảo tướng, dầu có sám hối vẫn vô ích. Người này hiện đời cũng không đắc giới, nhưng được tăng ích thọ giới.

Nếu là người phạm trong bốn mươi tám điều giới khinh, đối thú sám hối, thời tội được tiêu diệt, không phải như tội thất nghịch.

Vị Pháp Sư giáo giới ở trong pháp này phải hiểu rõ. Nếu không hiểu Kinh Luật Đại Thừa, những giới khinh, giới trọng, hành tướng phải, chẳng phải không hiểu Đệ Nhứt Nghĩa Đế, Thập Chung Tánh, Trưởng Dưỡng Tánh, Đạo Chung Tánh, Chánh Pháp Tánh. Những quán hạnh đa, thiểu, xuất, nhập của trong các pháp đó, cùng mười chi thiền, tất cả pháp hạnh, mỗi mỗi đều không thông hiểu.

Phật tử vì tài lợi, vì danh tiếng, cầu quấy, cầu nhiều, tham đệ tử đông nên giả tuồng là mình hiểu biết tất cả Kinh Luật, để được cúng dường, đó là tự dối mình mà cũng khinh dối người khác. Nếu có làm Giới Sư truyền giới cho người, Phật Tử này phạm “khinh cầu tội”.

II. NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

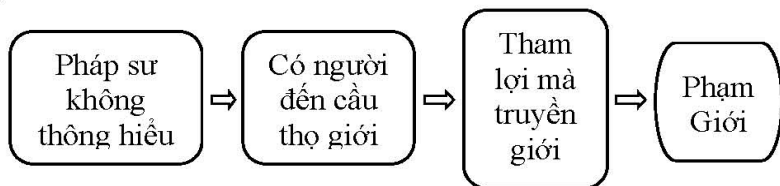
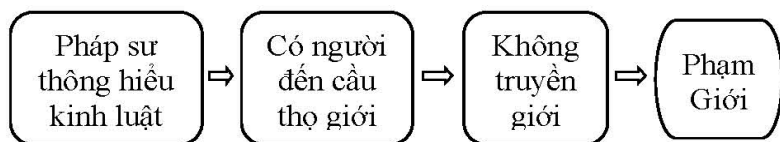
Giới trước nói về vị Pháp Sư đã thông hiểu Chánh Pháp, thông hiểu Giới Luật. Đại Thừa Tiểu Thừa đều rõ biết hết. Khi gặp người đến cầu xin thọ giới Bồ Tát thì không truyền cho họ. Đó là người ích kỷ, chấp chặt, không hợp với chí nguyện của một hành giả tu hạnh Bồ Tát, vị này đã phạm giới cấm.

Còn giới này thì nói về vị Pháp Sư rất muốn làm thầy truyền giới cho người mà thực chất vị này không xứng đáng là vị Pháp Sư; Chánh Pháp không thông, Giới Luật không rõ, mà tự dối mình dối người, tự ý giả cho mình là người tài đức, gặp ai cầu xin thọ giới cũng truyền. Dạy người một cách sai trái, đã khiến cho giới tử thực hành sai, tu không đúng pháp, việc thực hành

Giới Luật sai lầm sẽ phá hoại Chánh Pháp, lại khiến cho người thọ giới không thể phát sanh trí huệ.

Hành giả Bồ Tát nếu thấy mình chưa thông hiểu Chánh Pháp, không thông Giới Luật, thì nên chuyên cần học tập, không nên vì tham danh lợi, tham đệ tử đông, tham làm thầy người... mà dối truyền kinh luật và không đủ khả năng hướng dẫn người, hậu quả là hại mình, hại người hại Chánh Pháp.

Tóm lại



Tất cả chúng sanh dù đã sẵn có Phật tánh, có chủng tử thành Phật, sẵn có Tâm Địa Giới Pháp Bồ Tát (Chơn Tâm) nhưng cần phải gặp người khai ngộ cho, gặp Thiện Tri Thức hướng dẫn cho, mới có thể nhận ra, mới có thể an trụ và phát Tín Tâm (lòng tin mình có Phật tánh).

Vì vậy, muốn truyền giới Bồ Tát cho người, phải có đủ những điều kiện; có đủ phép tắc.

CÁCH TRUYỀN BỒ TÁT GIỚI:

1. Phải cung thỉnh hai vị Đại Sư: Phật và Bồ Tát chứng minh ngồi trên, tức là:
 - a. Vị Đại Sư Hòa Thượng = Đức Phật Thích Ca = Hiện tại
 - b. Vị Đại Sư A Xà Lê = Đức Bồ Tát Di Lặc = Đương Lai
2. Hòa Thượng Pháp Sư truyền giới: ngồi bên cạnh phía dưới Phật và Bồ Tát
3.
 - Các giới tử ở trước Phật và Bồ Tát mà thọ giới
 - Các giới tử là người không phạm tội Thất Nghịch mới được thọ giới



Đại Sư Thứ I
Đức Phật Thích Ca



Đại Sư Thứ II
Bồ Tát Di Lặc



Hòa Thượng
Truyền Giới Sư

Điều kiện thọ giới:

- ❖ Phạm tội Thất Nghịch, không được thọ giới
- ❖ Ngoài ra, ai cũng được thọ giới cả
- ❖ Giới Bồ Tát gồm có:
 - 10 giới trọng
 - 48 giới khinh

TRƯỜNG HỢP PHẠM GIỚI: PHẢI SÁM HỐI

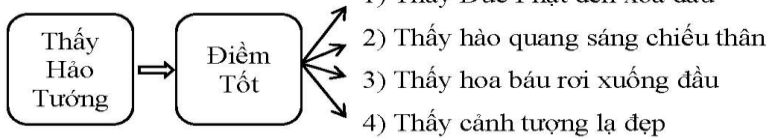
1. PHẠM GIỚI TRONG:

Nếu phạm một trong 10 giới trọng, phải đối trước Phật và Bồ Tát (Tam Bảo) thành tâm sám hối, ngày đêm sáu thời thành tâm suốt 7 ngày, 14 ngày, 21 ngày, cho đến khi thấy được hảo tướng mới thôi.

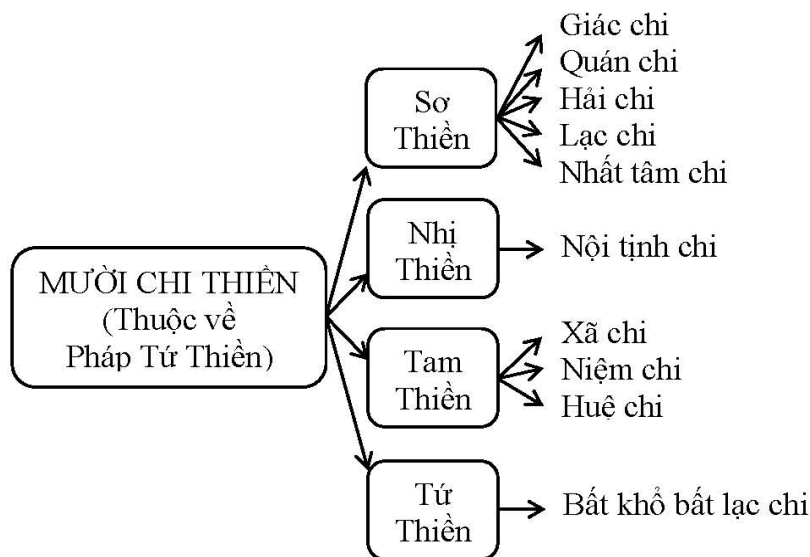
2. PHẠM GIỚI KHINH:

Nếu phạm giới Khinh, nên đối trước một vị Tỳ Kheo Bồ Tát, tác bạch sám hối là được.

III. CHÚ THÍCH:



Không Được Truyền Giới Cho Người Khác



Xuất Nhập: tức là Nhập định và Xuất định



Thập Chung Tánh: chỉ cho địa vị Bồ Tát Thập Trụ (Thập Phát Thú)



Trưởng Dưỡng Tánh: chỉ cho địa vị Bồ Tát Thập Hạnh (Thập Trưởng Dưỡng)



Bất Khả Hoại Tánh: chỉ cho địa vị Bồ Tát Thập Hồi Hướng (Thập Kim Cương)



Chánh Pháp Tánh: chỉ cho Bồ Tát Thập Địa (gọi là Chánh Giác Tánh) đến Đẳng Giác, Diệu Giác.



Đệ Nhất Nghĩa Đế: chỉ cho Pháp môn không hai.
Vượt ra ngoài mọi đối đãi đúng, sai, phải trái, khinh trọng... Bản thể của nó vắng lặng, bất khả tư nghì (Nói không tới, nghĩ không đến chỗ chân thật đó)

42. GIỚI VÌ NGƯỜI ÁC GIẢNG GIỚI

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, không được vì tài lợi mà đem Đại Giới của Chư Phật đây nói với người chưa thọ giới Bồ Tát, hoặc với hàng ngoại đạo, những người tà kiến... Trừ Quốc Vương, ngoài ra không được nói với các hạng người ấy. Những hạng người ấy chẳng thọ giới của Phật, gọi là súc sanh, đời đời sanh ra không được gặp Tam Bảo, như cây đá, không có tâm thức; gọi là ngoại đạo, bọn tà kiến, nào khác cây cối. Với những hạng người tà ác ấy, nếu Phật Tử giảng nói Giới Pháp của Chư Phật, thời phạm “khinh cầu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Giới trước, nói về cái lỗi của người đã biết rõ mình không phải là người tài đức, mình không phải là người học thông Kinh Luật Đại Thừa, nhưng vì lòng tham cầu lợi dưỡng, tham làm thầy thiên hạ mà giả bộ ra vẻ ta đây là người lâu thông Tam Tạng, rồi nhận đệ tử, rồi truyền trao Giới Pháp mà chính họ còn không biết gì về nội dung cũng như cách hành trì Giới Luật, khiến cho kẻ kia không được hướng dẫn đúng, bị tu hành sai lầm.

Còn giới thứ 42 này nói về phạm vi phổ biến, giảng giải Giới Luật Đại Thừa. Đối tượng nào nên giảng dạy và đối tượng nào không nên giảng dạy.

Khi đức Phật còn tại thế, ngài đã không ban sẵn Giới Luật, chỉ khi nào có ai phạm lỗi trong Tăng Đoàn thì ngài liền chế ra Giới Luật. Do đó, nội dung của giới luật nhằm áp dụng vào môi trường sinh hoạt nội bộ, cho nên, đối với những người ở ngoài Đoàn thể thì hành giả Bồ Tát không nên đem Giới Luật của Phật giảng dạy cho họ, bởi vì họ không thông hiểu Phật Pháp, họ không Quy y Tam Bảo, họ không có lòng tin Chánh Pháp, nên họ rất dễ hủy báng chê bai khi biết được những giới cấm. Họ không thông hiểu về các phương tiện Khai, Giá, Trì, Phạm, giới trọng, giới khinh trong việc hành trì Giới Luật. Cho nên khi họ nhìn thấy các hành giả Bồ Tát có gì sơ hở thì họ liền chê bai, bêu xấu... Điều này nếu xảy ra sẽ gây ảnh hưởng xấu cho Phật giáo.

Ngoại Đạo, Tà Kiến, Người ác, dù họ đã sẵn có Phật Tánh, nhưng họ không phát Bồ Đề Tâm (muốn tu thành Phật), họ không học Đạo, nên họ khó có thể áp dụng tu hành thành công. Vì vậy, các hành giả Bồ Tát không nên giảng giới Bồ Tát cho Ngoại Đạo, chỉ trừ nhà Vua (Quốc Vương). Tuy vua không thọ giới, không học Đạo, nhưng Vua có quyền ban chỉ thị cho dân thực hành nếu Vua thấy lời Phật dạy là tốt.

Tóm lại:

Không Giảng Giới
Bồ Tát Cho Người
Chưa Thọ Giới Bồ
Tát, Bao Gồm:

- Người chưa thọ Bồ Tát Giới
- Kẻ Tà Kiến
- Kẻ Ngoại Đạo
- Người Ác
- Thức Xoa Ma Na
- Sa Di
- Sa Di Ni

43. GIỚI CỔ MÓNG TÂM PHẠM GIỚI

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, do đức tin mà xuất gia, thọ Chánh Giới của Phật, lại móng tâm hủy phạm Giới Pháp, thời không được lãnh đồ cúng của tất cả Đàn Việt, cũng không được đi trên đất của quốc dân, không được uống nước của quốc dân. Năm nghìn đại quỷ luôn đứng án trước mặt người đó mà gọi là “Gã bọm giặc”. Nếu khi đi vào trong phòng nhà thành ấp, các quỷ thường theo chà quét dấu chân của người ấy. Tất cả đều mắng người ấy là kẻ giặc trong Phật Pháp. Hết thấy chúng sanh đều không muốn nhìn ngó người ấy. Người phạm giới, khác nào loài súc sanh, cây cỏ. Nếu cố phá hủy Giới Pháp của Phật, Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Giới trước, nói về đối tượng giảng pháp. Đối tượng nào nên giảng giới luật cho họ và đối tượng nào không nên đem giới luật của Phật giảng dạy cho họ. Khi gặp đối tượng không nên giảng giới, nhưng vì lý do lợi ích riêng tư nào đó với họ mà cố tình giảng, là không đúng.

Còn giới này nói về tâm cố ý phạm giới khi còn đang mặc áo giới trên mình, mà vẫn ngang nhiên lợi dụng chiếc áo nhà tu để thọ hưởng tài lợi và nhận sự cung

kính của người, mà không biết hổ thẹn, không sợ tội lỗi.

Vẫn biết giới cấm không cho phạm vẫn phạm để được lợi cho mình, là người có âm mưu lừa đảo, dối trá.

Biết mình là người không tu đúng, không xứng đáng nhận sự cúng dường và cung kính mà vẫn cứ an nhiên thọ nhận là người ăn trộm.

Biết Tỳ Kheo là Thầy của ba cõi, là ruộng phước cho người Trời gieo trồng, mà không tu, không có ruộng phước ban lại cho người khi nhận tài lợi cúng dường, mà chỉ một chiều nhận vào, đó là người nhận nợ, người mắc nợ của Đàn Na Tín cúng. Khiến cho quỷ thần coi thường và khinh bỉ, không hộ trì. Chúng đi theo chà quét dấu chân của người đó, khi người đó đạp chân trên đất Già Lam.

Người tu hành chơn chánh thì được Chư Thiên Long Bát Bộ hộ trì. Được người đời cung kính cúng dường; không cày mà có gạo ăn. Không dệt mà có đủ y phục để mặc. Tứ sự cúng dường.... Tất cả đều nhờ nơi Đàn Na Tín cúng:

“ Bất canh nhị thực → Không cày mà có cơm ăn

Bất thức nhị y → Không dệt mà có áo mặc

Huyết nhục hình xu → Máu thịt hình tướng

Toàn môn tín thí “ → Toàn nhờ nơi tín thí mà có

Nên nhớ rằng, phẩm vị Tỳ Kheo của mình là do thọ giới Tỳ Kheo và hành trì giới luật mà được. Nếu cố ý hủy phạm giới luật thì không còn là Tỳ Kheo nữa. Không xứng đáng để thọ nhận Tứ sự cúng dường nữa. Nếu dối trá, cạo tóc, mang y để người cúng dường,

cung kính, chẳng khác nào kẻ trộm, sẽ bị quỷ thần khinh khi xua đuổi.

Đức Phật dạy rằng: Giới Pháp là ranh giới, là đường hướng, là khuôn khổ un đúc nên Phật vị. Là con đường đúng đi ra khỏi thế gian mà mình đã phát nguyện là nơi khổ nạn để đến chốn an vui thì mình phải cố gắng thực hành. Bởi vì mình đang là một phàm phu mang đầy những nghiệp lực, đang buông lung tự do, mà nay nguyện quay đầu, khép mình vào khuôn khổ, thì việc áp dụng Giới Luật dĩ nhiên là cảm thấy khó chịu. Vì vậy, hành giả phải lập nguyện và lập thế, cương quyết áp dụng thì dần dần rồi sẽ quen, rồi sẽ thành thực.

Hạnh tu của hành giả Bồ Tát là hạnh khó khổ, nhẫn nại. Vừa độ mình vừa độ người, dừng tiến, không nên thối chí ngã lòng, rồi nảy sanh ý muốn hủy phạm giới cấm.

Tóm lại:

NGƯỜI
PHÁ
GIỚI

- ❖ Không được nhận Tài vật cúng dường
- ❖ Không được đi trên đất của vua
- ❖ Không được uống nước của vua
- ❖ Không được đặt chân vào chỗ cư ngụ của Đại Chúng
- ❖ Hiện tướng mờ xấu khiến cho mọi người không ưa
- ❖ Oai nghi của họ không trang nghiêm thanh tịnh
- ❖ Tâm hồn của họ luôn tính toán bất an
- ❖ Tâm của họ luôn bị phiền não
- ❖ Vì biết mình đang dối trá nên tâm họ thường lo sợ quả báo địa ngục
- ❖ Họ luôn bị quỷ thần chửi mắng là kẻ Đại Tặc. Các quỷ thần thường theo chà sạch dấu chân vì cho là dấu chân ô uế.

Bồ Tát
Xuất Gia
Giữ Tròn
Tịnh Giới



- ❖ Mỗi giới Bồ Tát có 10 Thiện Thần ủng hộ
- ❖ $58 \text{ Giới} \times 10 = 5,800$ vị thần ủng hộ

44. GIỚI KHÔNG CÚNG DƯỜNG KINH LUẬT

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, phải thường nhứt tâm thọ trì đọc tụng Kinh Luật Đại Thừa, dùng giấy, vải, hàng, lụa, thẻ tre, vỏ cây, cho đến lột da làm giấy, trích máu làm mực, lấy tủy làm nước, chẻ xương làm viết, để biên chép Kinh Luật, dùng vàng bạc cùng hương hoa vô giá và tất cả châu báu làm hộp, rương, đựng những quyển Kinh Luật.

Nếu không y theo pháp mà cúng dường Kinh Luật, Phật Tử này phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Giới trước nói về người tu hành, Quy Y Tam Bảo, làm đệ tử của Đức Phật mà cố ý hủy phạm giới luật thì hoàn toàn sai trái, không thể chấp nhận được. Không thể tu hành thành công được, còn khiến cho Chánh Pháp bị mai một.

Còn giới thứ 44 này nói về người Phật Tử đang tu theo Pháp của Phật mà không biết quý trọng Kinh Điển, không phát tâm cúng dường in Kinh phổ biến sâu rộng để lợi ích chúng sanh. Bởi vì Pháp Bảo là một trong ba Ngôi Quý Báu nhất trong đời. Là đường lối tu hành đúng hướng. Pháp Bảo giống như vị Thầy của Chư Phật và Bồ Tát. Nếu để Pháp Bảo bị hoại diệt thì thế

gian này sẽ đen tối, sẽ không còn pháp tu thì chúng sanh không thể thành Phật được.

Vì vậy hàng Phật tử nhất là hành giả tu Bồ Tát hạnh phải luôn chuyên cần:

- ❖ Thọ trì Kinh Pháp
- ❖ Đọc tụng Kinh Pháp
- ❖ Giải nói Kinh Pháp
- ❖ Biên chép Kinh Pháp

Ngoài ra, còn phải phát tâm vận động cúng dường in Kinh ấn tống sâu rộng. Khiến cho Chánh Pháp thường trụ lâu dài.

Mười phương chư Phật đều do học tập Kinh Luật Đại Thừa mà thành Vô Thượng Chánh Giác. Cho nên, chư Phật, chư Bồ Tát vô cùng tôn trọng, bảo vệ, giữ gìn Kinh Luật Đại Thừa và tìm mọi cách truyền bá sâu rộng.

Nếu hành giả Bồ Tát muốn thành Phật mà không tôn kính, cúng dường và phổ biến Kinh Pháp, đó là một điều thiếu sót lớn, đó là một khuyết điểm lớn, là phạm tội xem thường Pháp Bảo, không xứng đáng là hành giả tu Bồ Tát Đạo, thực hành hạnh Đại Thừa phát nguyện cứu độ chúng sanh.

Những Kinh Pháp nào bị rách hư thì nên sửa sang lại, không nên vất bỏ bừa bãi.

45. GIỚI KHÔNG GIÁO HÓA CHÚNG SANH

I.KINH VẤN:

Nếu là Phật Tử, nên có lòng đại bi, khi vào trong tất cả nhà cửa thành ấp, thấy những loài chúng sanh, phải xướng lên rằng: “Các người đều thọ Tam quy và Thập giới”. Nếu gặp trâu, bò, chó, ngựa, heo dê ..v.v.. nên tâm nghĩ miệng nói:”Các người là súc sanh nên phát tâm Bồ Đề”, khi Phật Tử đi đến núi, rừng, sông, đồng nội cùng tất cả chỗ, đều làm cho hết thấy chúng sanh phát tâm Bồ Đề.

Nếu Phật Tử không phát tâm giáo hóa chúng sanh, thời phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Giới trước nói về công năng của Kinh Pháp. Kinh Pháp của Đức Phật là kho tàng chứa đựng biết bao nhiêu phương pháp tu hành, đây chính là thêm thang đưa đến Phật Quả. Nếu Phật Tử không có lòng quý trọng, không phát tâm cúng dường in Kinh để phổ biến rộng khắp đến tất cả chúng sanh, đó là cái lỗi làm cho Chánh Pháp không thường trụ lâu dài.

Còn giới này nói về tấm lòng Đại Từ Bi của hành giả Bồ Tát cần phát khởi. Cần luôn phải nghĩ nhớ đến muôn loài chúng sanh đang chìm trong biển khổ sanh tử mà phát nguyện dạo đi trong nhân gian để rộng độ chúng sanh. Tìm cách tiếp cận muôn loài, nhắc nhở,

khuyến hóa chúng sanh quay về quy y Tam Bảo, tuân giữ giới luật, phát tâm tu hành, mong cầu thành phật.

Đức Phật dạy rằng: tất cả chúng sanh đều có Phật Tánh. Tất cả đều sẵn có cái Tâm Địa Giới Pháp. Tất cả đã sẵn có cái hạt giống thành Phật. Một khi đã được bậc Thiện Hữu Trí Thức khai thị thì liền Giác Ngộ. Cho nên, mục đích Đức Phật ra đời là muốn chỉ cho chúng sanh bốn điều quan trọng để họ nhận ra Phật Tánh sẵn có của chính mình, để tự tu thành Phật.

Bốn điều quan trọng đó là:

1. Khai: Tức là nhắc cho biết họ đang sẵn có phật Tánh (Tánh Giác) (Trí Kiến Phật)
2. Thị: Là chỉ cho chúng sanh cảm nhận ra Tánh Giác có trong họ (ví dụ: *mình vui, mình BIẾT rằng mình đang vui...*)
3. Ngộ: Chúng sanh thâm hội nó hiện hữu để BIẾT RÕ về mỗi hành động, mỗi tư tưởng của mình
4. Nhập: Tức là An trụ Tánh Giác Biết của mình. Chỉ « rõ ràng thường biết » thôi, mà không chạy theo Tâm Thức suy luận.

Đức Phật ra đời cốt đem pháp Đại Thừa chỉ cho chúng sanh thành Phật mà thôi. Ngài không đem pháp Tiểu Thừa để dạy cho chúng sanh chứng quả nhị thừa Thanh Văn (A La Hán), Duyên Giác. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát chỉ là ba quả vị đặt ra để phương tiện dạy ban sơ thôi. Quả Phật mới chính là mục đích cứu độ

của ngài. Vì vậy, chúng ta phải nhận ra Tánh Giác Biết để trở về An Trụ Phật Tánh, để thành Phật.

Cho nên, hành giả Bồ Tát cần phải nỗ lực, dạo đi trong nhân gian để tiếp cận mọi loài chúng sanh và nhắc nhở họ quay về Quy Y Tam Bảo và hành trì giới luật và dạy họ nhận ra Tánh Giác và phát tâm Bồ Đề mong cầu thành Phật.

Nếu gặp những loài súc sanh, bò, bay, cựa, động, vi tế côn trùng, các loài quỷ thần... thì gần gũi nhắc nhở. Tâm nghĩ miệng nói với chúng rằng:”Các người là súc sanh, quỷ thần, đều sẵn có Phật Tánh, sẵn có hạt giống thành Phật, các người nên phát Bồ Đề Tâm, mong cầu được thành Phật”.

Chúng sanh Quy y Phật

Chúng sanh Quy y Pháp

Chúng sanh Quy Y Tăng

Quy y Phật rồi không đọa vào địa ngục

Quy y Pháp rồi không đọa vào ngạ quỷ

Quy y Tăng rồi không bị đọa vào loài súc sanh (3 lần)

Hành giả Bồ Tát nếu không cứu độ chúng sanh tức là không thực hiện theo Tâm Bồ Đề đã phát, tức là không thực hiện trên cầu quả Phật, dưới cứu độ chúng sanh.

Nếu hành giả Bồ Tát thọ giới, phát nguyện rồi mà không chú ý cứu độ chúng sanh thì phạm khinh cấu, nên sám hối.

46. GIỚI THUYẾT PHÁP KHÔNG ĐÚNG PHÁP

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, thường nên có lòng đại bi phát tâm giáo hóa. Lúc vào nhà Đàn Việt sang giàu, cùng trong tất cả chúng hội, không được đứng thuyết pháp cho hàng bạch y. Phải ngồi trên tòa cao trước chúng bạch y.

Vị Tỳ Kheo Pháp Sư không được đứng dưới đất thuyết pháp cho Tứ Chúng. Khi thuyết pháp, vị Pháp Sư ngồi tòa cao, dùng hương hoa cúng dường, còn Tứ Chúng, hàng thính giả, thời ngồi dưới thấp. Đối với Pháp Sư, phải như hiếu thuận với cha mẹ, kính thuận Sư trưởng, như Bà La Môn thờ lửa. Nếu Phật Tử thuyết pháp mà không đúng như pháp thời phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Mục đích của việc giáo hóa chúng sanh là khiến cho họ nhận ra Tánh Giác Biết thường hằng sẵn có, không nhiễm ô của mình và phát Bồ Đề Tâm mong cầu thành Phật. Hành Giả Bồ Tát luôn luôn hướng dẫn họ tu hành. Thuyết giảng Chánh Pháp của Đức Phật cho họ nghe.

Giới 46 này, là nói về tư cách của Pháp Sư lúc giảng pháp. Cũng như tư cách của chúng sanh khi nghe học Phật Pháp như thế nào cho đúng pháp. Tức là họ phải

đem lòng tôn trọng, cung kính, hân hoan đón nhận Chánh Pháp, vì Chánh Pháp của Đức Phật là đường lối tu hành, thoát khổ được vui, là thềm thang đi lên chỗ tốt đẹp, là phương pháp bỏ phàm làm Thánh, bỏ chúng sanh thành Phật. Chánh Pháp là một trong ba ngôi tôn quý nhất, Phật, Pháp, Tăng tại thế gian này.

Chư vị Thánh Hiền thường dạy:

“Thân người khó được nay đã được
Chánh Pháp khó gặp nay đã gặp
Thân này chẳng hướng kiếp này độ
Còn đợi chừng nào độ thân này”

Đức Phật dạy rằng:

Nếu Pháp sư vì lòng từ bi giảng pháp cho người nhưng tuyệt đối phải đúng pháp, tức là khi giảng pháp của Phật, cũng giống như thay thế Đức Phật giảng pháp, lúc đó giống như có Phật ở đó nói ra, cho nên Pháp Sư không được đứng thuyết pháp mà phải ngồi trên bàn cao trước Đại Chúng. Cho dù vị Sa Di thuyết pháp thì cũng phải ngồi trên bàn cao trước Đại Chúng.

Tóm lại:

A. Tư cách của Pháp Sư khi giảng pháp:

- ❖ Phải ngồi nơi tòa cao trước thính giả
- ❖ Không được đứng thuyết pháp cho bạch y

- ❖ Người nằm, mình ngồi
- ❖ Người ngồi phía trước, mình ngồi phía sau
- ❖ Người ngồi cao, mình ngồi thấp
- ❖ Người ngồi ghế, mình ngồi không ghế
- ❖ Người đi trước, mình đi phía sau
- ❖ Người đứng giữa đường, mình đứng bên lề

Không được
thuyết pháp cho
họ, trừ khi họ bị
bệnh

Trường hợp tại cung vua, vua đang ngồi trên ngai vàng, muốn cầu nghe pháp. Khi đó vị Pháp Sư phải nhìn vào vị hầu cận đang đứng hầu vua mà ngồi bàn giảng pháp thì không phạm.

B. Tư cách của Thánh giả khi nghe pháp:

Chánh pháp tuy cử trụ thế gian và được chư Hành giả Bồ Tát phổ biến rộng rãi cũng như được chư Thiện Thần hộ trì, nhưng nếu không đủ duyên lành thì rất khó được nghe. Nay chúng sanh nào được vào Đạo Tràn nghe học Pháp Bảo, phải:

- ❖ Dem lòng tôn kính
- ❖ Dem lòng vui mừng
- ❖ Chí tâm lắng nghe và thâm nhập

- ❖ Phát nguyện thực hành Chánh Pháp vào đời sống
- ❖ Chí thành cung kính, hiếu thuận đối với Pháp Sư, giống như hiếu kính với Cha Mẹ của mình
- ❖ Phải ngồi đối diện với Pháp Sư
- ❖ Phải ngồi thấp hơn Pháp Sư

47. GIỚI CHẾ HẠN PHI PHÁP

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, đều đã có lòng tin thọ giới của Phật, hoặc Quốc Vương, Hoàng Tử, các quan, bốn bộ đệ tử tự ý thế lực cao quý, phá diệt Giới Luật Phật Pháp, lập ra điều luật, hạn chế bốn bộ đệ tử của Phật, không cho xuất gia hành đạo, cũng không cho tạo lập hình tượng Phật và Bồ Tát, cùng Tháp và Kinh Luật. Lại đặt ra chức quan đồng lý hạn chế Tứ Chúng, và lập bộ sổ ghi số Tăng. Tỳ Kheo Bồ Tát đứng dưới đất còn bạch y ngồi tòa cao, làm nhiều việc phi pháp như binh nô thờ chủ. Hàng Bồ Tát này chính nên được mọi người cúng dường, mà trở lại bắt làm tay sai cho quan chức, thế là phi pháp phi luật.

Nếu Quốc Vương và các quan có lòng tốt thọ giới của Phật, chớ làm những tội phá Tam Bảo ấy. Nếu cố làm, thời phạm “khinh cấu tội”.

II.NGUYÊN NHÂN GIỮ GIỚI:

Giới trước nói về tư cách của một vị Pháp Sư giảng kinh của Đức Phật và tư cách của các thánh giả khi nghe Pháp.

Phật dạy, nếu người giảng pháp và người nghe pháp, không đủ lễ nghi thì thiếu tâm lòng tôn trọng, thiếu cái tâm cung kính và không có cái tâm cần cầu Chánh Pháp. Đức Phật là người rất chú trọng đến cái tâm cần

cầu đó. Cho nên, Phật Tử muốn xin Quy Y Tam Bảo cũng phải đọc ba lần. Cầu xin Sáu Hối cũng phải đọc ba lần, cũng như khi tác pháp An Cư, tác pháp Tự Tứ, tác pháp Yết Ma.... pháp nào cũng phải bạch ba lần để tỏ ra cái tâm cần cầu và tôn trọng.

Còn giới này đề cập đến Phật Tử tại gia đã thọ Tam Quy, trì ngũ giới, thọ Bồ Tát giới, như:

a) Quốc Vương, Đại Thần, Hoàng Tử...

b) Những Phật Tử tại gia đã quy y, có quyền thế...

Họ là những Phật Tử ở ngoài đời, tâm thường cố chấp. Khi họ bắt măn Phật Giáo, họ ý quyền cậy thế, âm mưu triệt hạ Phật Giáo bằng cách ra lệnh cấm đoán, hạn chế sinh hoạt chùa chiền, kiểm soát đời sống tu sĩ cũng như cấm đoán xây dựng Đạo Tràng, hạn chế người xuất gia vào Đạo. Không cho in ấn Kinh luật...

Có ba nguyên nhân chính khiến cho các Phật Tử tại gia phá hoại Phật Giáo:

1. Dù đã quy y, thọ giới, nhưng họ không tu tâm, họ có quyền thế, quan chức, nên họ sanh tâm ngã mạn. Ganh tỵ với địa vị Tăng Bảo của hàng xuất gia cao quý hơn họ, được người đời tôn trọng hơn họ, nên họ tìm cách ban lệnh không cho tu sĩ ngồi cao hơn họ. Họ bắt người tu phải ngồi dưới, họ ngồi trên.
2. Do họ là Phật Tử nhưng đang nắm địa vị chức tước lớn ngoài xã hội. Khi thấy họ khuyết điểm về Giới Luật, họ bị các vị xuất gia chỉ dạy, khuyên họ nên sám hối tu hành. Họ không nghe

lời mà còn tự ái, sanh tâm hờn giận và ghét người xuất gia rồi tìm cách phá hoại Phật Giáo.

3. Có những Phật Tử tại gia thuần thành, tu hành nghiêm chỉnh nhưng rất cố chấp và ít hiểu sâu về Phật Pháp cho nên luôn chấp chặc. Nếu khi thấy người xuất gia phạm giới hoặc bị lỗi lầm gì đó, khiến họ đánh giá thấp Tăng Đoàn. Họ bất mãn Phật Giáo. Họ không còn tin Tam Bảo nữa, cho nên họ sanh ác tâm phá hoại Phật Giáo.

Họ Ý
Quyền Cậy
Thế

- ❖ Lập ra Hội Đồng Tôn Giáo
- ❖ Đặt ra điều lệ hạn chế Phật sự
- ❖ Không cho xuất gia thêm
- ❖ Không cho xây thêm chùa
- ❖ Không cho đúc tượng
- ❖ Không cho in ấn Kinh Luật
- ❖ Xem địa vị Tu Sĩ ngang bằng với dân thường và bắt buộc thi hành nghĩa vụ quân sự (đi lính)
- ❖ Khi giảng Đạo, cầm ngôi cao hơn họ và phải ngồi phía sau quan chức

Tất cả những luật lệ ngăn cấm trên cốt làm cho Tam Bảo suy tàn.

Nếu như chư Tăng Ni tinh tấn tu hành, nghiêm trì Giới Luật. Giữ gìn oai nghi, có tài, có đức thì chánh quyền sẽ tôn trọng, cung kính. Hàng quan chức không thể dựa vào đâu để bắt nạt.

Dù bị ngược đãi, nhưng các tu sĩ xuất gia phải có tinh thần vô úy. Tùy duyên ứng biến, không nên cúi đầu co gồi quỳ lụy kẻ thế quyền bạo ngược, nhất là không làm tay sai cho bọn quan chức. Bồ Tát xuất gia xem thường thân mạng, bảo vệ Tam Bảo và cứu độ chúng sanh là Đại Nguyện Lực, cho nên không chống trái cũng không tuân thủ quá mức. Điều quan trọng là người xuất gia phải kiện toàn Đức Hạnh, giữ vững cương vị của mình thì sẽ chinh phục được Thế Quyền. Ví dụ như:

❖ Bồ Tát Thích Quảng Đức tại Việt Nam, năm 1963 đã tự thiêu để bảo vệ lá cờ Phật Giáo và chánh quyền sau đó phải nhượng bộ.

❖ Quan Thái Thú đời nhà Đường Bạch Cư Dị gặp Ngài Ô Sào Thiên Sư để hỏi: “Đại ý Phật Pháp là gì?”. Ngài Ô Sào trả lời: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành” (*Không làm các việc ác, nên làm các việc lành*).

Quan Thái Thú nói: “Tưởng gì cao siêu mầu nhiệm, chứ hai câu ấy, con nít ba tuổi đều nói được, vậy Thiên sư không nên cho đó là Đại ý Phật Pháp”

Thiên sư Ô Sào trả lời: “Đúng thế, trẻ con ba tuổi đều nói được, nhưng ông già tám mươi tuổi làm không được”.

Nghe vậy, Quan Thái Thú suy gẫm và tỏ ngộ.
Sau đó tỏ lòng kính phục.

- ❖ Vua Thái Tông đời nhà Đường, nghe danh Tứ Tổ Đạo Tín và rất mến mộ Đạo Hạnh của ngài. Vua đã năm lần ban chiếu chỉ, lên núi cung thỉnh Tổ vào cung cho vua thăm, nhưng bị Tổ từ chối. Cuối cùng vua gởi chiếu chỉ lên núi bảo rằng, nếu lần này Tổ không đi thì đưa thủ cấp về triều (chặt đầu đem về). Nhưng Tổ vẫn thản nhiên ngồi đưa đầu bảo quan, lính cứ cắt mà một mực không chịu rời non. Cuối cùng nhà vua phải hạ lệnh tha cho Tổ và cung kính đem phẩm vật cúng dường.

Đức Phật dạy, những hành giả Bồ Tát tại gia như Vua, Quan... đang có quyền hành trong tay, không nên ý quyền cậy thế, bức bách tu sĩ xuất gia và cố tâm triệt hạ Phật Giáo, mà phải tùy duyên ủng hộ, tùy duyên sáng suốt trừ Tà Đạo mê tính để bảo vệ Chánh Pháp. Xây dựng kỷ cương Tăng Đoàn, phát triển Tôn Giáo, kiến lập Đạo Tràng tu học và phổ biến rộng rãi Chánh Pháp, dạy dân sống theo điều lành, thì quốc gia sẽ được hưng thịnh, không có đao binh giặc cướp.

Một hôm, Đức Phật dạy vua Ba Tư Nặc rằng:

“Này Đại Vương, sau khi Như Lai diệt độ, lúc Chánh Pháp sắp hoại diệt, ta đem Tam Bảo này phó chúc cho Quốc Vương. Nên phải lưu tâm ủng hộ.

Về sau, trong thời Mạt pháp, có những Quốc Vương, Vương Tử, Quan Chức, Đại Thần có thế lực. Tự ý mình có địa vị cao, ngã mạn, tự đại, không được người đời tôn kính như các tu sĩ xuất gia, cho nên họ ganh tỵ, tìm cách triệt hạ tu sĩ và âm mưu phá diệt Phật Pháp của ta. Họ ngang nhiên đặt ra những điều luật cấm đoán, hạn chế

- Không cho xây dựng chùa chiền
- Không cho xuất gia
- Không cho giảng Kinh Pháp
- Đặt ra Ban Tôn Giáo để thống nhiếp Chúng Tăng, kiểm tra danh sách, đi sâu vào nội bộ Tôn Giáo
-

Nếu các phật tử vì ngã mạn, ganh tỵ, móng tâm phá diệt Tam Bảo thì mang tội, phải sám hối chừa bỏ.

48. GIỚI PHÁ DIỆT PHẬT PHÁP

I.KINH VẤN:

Nếu Phật Tử, do lòng tốt mà xuất gia, lại vì danh tiếng cùng tài lợi, giảng thuyết giới của Phật cho Quốc Vương và các quan, làm những sự gông trói các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, người thọ giới Bồ Tát như cách của ngục tù và binh nô. Như trùng trong thân sư tử tự ăn thịt sư tử, chớ chẳng phải trùng ở ngoài đến ăn. Cũng thế, các Phật Tử tự hủy phá Phật Pháp, không phải Ngoại Đạo hay Thiên Ma phá được.

Người đã thọ giới của Phật, nên hộ trì Giới Luật của Phật như ấp yêu con một, như kính thờ cha mẹ, không được hủy phá.

Người Phật Tử, khi nghe ngoại đạo, người ác dùng lời xấu hủy báng Giới Pháp của Phật, thời đau đớn không khác nào cả ba trăm cây giáo nhọn đâm vào tim mình, hay cả nghìn lưỡi dao, cả vạn cây gậy đánh bổ vào thân mình. Thà tự cam vào ở địa ngục đến trăm kiếp, chớ không muốn nghe lời hủy báng Giới Pháp của Phật do bọn người ác. Huống là không lòng hiếu thuận, tự mình hủy phá Giới Pháp của Phật, hay làm nhân duyên bảo người khác hủy phá. Nếu cố ý phá Giới Pháp, Phật Tử này phạm “khinh cầu tội”.

II. NGUYỄN NHÂN GIỮ GIỚI:

Giới trước, nói về những Phật Tử tại gia, như Vua, Quan, Hoàng Tử, Công Chúa, Phật Tử đã thọ giới Bồ Tát, mà nay trở mặt, bất mãn, âm mưu, dùng thế lực của mình, ra lệnh phá diệt Phật Pháp, hạn chế sinh hoạt của Tam Bảo, khinh khi Chúng Tăng, đày đọa người xuất gia... Họ đã phạm gần như tội Ngũ Nghịch, gần như tội cần loại trừ ra khỏi Phật Pháp. Nhưng đây là tội của hàng cư sĩ, không thuộc phạm vi xử phạt trong giới luật xuất gia, nên được cho là giới khinh, nhưng quả báo của nó thì vô cùng lớn và rất nặng.

Còn giới thứ 48 này, nói về vị Hành Giả Bồ Tát xuất gia, đang ở ngay trong Tăng Đoàn, như đứa con ruột thịt đang ở trong nhà, mà không biết bảo vệ gia tộc. Dem những điều bí mật trong nhà nói ra ngoài, còn bày vẽ cho người ngoài về phá hoại gia đình ông cha của mình, mà không lo bảo vệ.

Tuy ở trong chùa nhưng ngày tối không tu hành, mãi hướng ngoại tìm cầu lợi dưỡng, nịnh bợ vua, quan, đem giới Luật của người xuất gia giảng cho hàng Vua, Quan, Cư sĩ. Dem những điều bí mật trong Tăng Đoàn nói ra cho Quan Quyền và bày vẽ cho họ ban hành những lệnh cấm, thế này, thế kia, nhằm bôi nhọ Phật Pháp, nhằm để lấy lòng họ, để được họ cúng dường, chùa to Phật lớn, để thu tài lợi từ Đàn Na Tín Cúng.

Người xuất gia ban đầu đi tu, ai cũng mang cái tâm cần cầu, nhưng có ba hạng cần cầu:

1. Cần cầu xuất gia để ra khỏi sanh tử, để có đủ năng lực cứu độ chúng sanh.

2. Có người cần cầu vào Đạo để được danh dự, để được ăn trên ngồi trước, để được mọi người tôn trọng. Để ăn dương nương phật, để muốn an nhàn cho đến cuối đời. Tính lợi, tính hại. Hạng người này ở trong chùa chỉ lo tư lợi, chưa hề giúp đỡ ai. Chỉ lo tư lợi. Không phát tâm cứu độ chúng sanh, nhưng vẫn thọ giới Bồ Tát để được xếp vào hàng cao quý Tỳ Kheo Bồ Tát, nghe cho kêu, nghe cho lớn. Địa vị, hơn thua. Ai có gì họ cũng có, không thua sút một ai.
3. Có người cũng vì cần cầu thoát ly sanh tử mà xuất gia vào Đạo. Thọ Tỳ Kheo Bồ Tát. Ở trong chùa càng lâu thì giới phẩm càng cao, do vậy, nên Tâm Ngã Mạn ngày càng tăng trưởng. Lợi dưỡng trong chúng họ cũng hưởng nhiều hơn. Có người hầu kẻ hạ. Có người dâng cơm hầu nước...
- ❖ Không cày mà có ăn
 - ❖ Không dệt mà có mặc
 - ❖ Không xây nhà mà Thiên Môn, lầu cao cửa rộng
 - ❖ Không đi làm mướn mà vẫn có xe hơi
 - ❖ Quần áo có người giặt
 - ❖ Nhà cửa có người lau
 - ❖ Phật tử cung cấp Tứ sự cúng dường đầy đủ

Sung sướng quá, lâu ngày sanh tẻ, quên mất cái bản nguyện ban đầu, cái tâm cầu giải thoát sanh tử không còn, mà thế vào đó là cái tâm mong cầu lợi dưỡng, mong cầu danh tướng. Mỗi khi được quan quyền chú ý tôn trọng thì họ rất vui mừng. Được dịp đứng gần Vua quan thì họ vô cùng hân hạnh.

Vì muốn nịnh bợ vua quan, thân cận người giàu có, nên họ tỏ ra khăng khít tin tưởng với họ, rồi đem những việc bí mật trong Tăng Đoàn nói ra cho họ biết. Kể hết những giới luật Tỳ Kheo cho họ nghe, còn bày vẽ cho họ ban ra những luật cấm chế điều này, hạn chế điều kia trong Tăng Đoàn. Khiến cho Phật Giáo bị khổ nạn.

Chỉ có vi trùng trong con sư tử mới ăn thịt con sư tử được. Chỉ có Tỳ Kheo phá giới ở trong Tăng Đoàn mới phá hại được Tăng Đoàn. Giống như nhận giặc làm con, khiến phá hư tài sản.

Phật Giáo khó bị người ngoài triệt hạ, chỉ có người trong Tăng Đoàn mới làm hư hoại Tăng Đoàn, mới làm mục nát Tăng Đoàn từ bên trong, khiến cho Tăng Đoàn tan rã.

Vì vậy, chấp nhận cho người xuất gia vào Tăng Đoàn rất là quan trọng, nhất là người cao tuổi (50-70). Sau bao năm cực khổ làm ăn ngoài đời. Nay sức yếu tuổi già, họ muốn vào chùa xuất gia, cốt để an thân. Vừa có danh dự vừa nhận lợi dưỡng. Có cơm ăn, áo mặc, nhà chùa ở yên, tất cả đều được cúng dường. Nhưng họ không đủ sức công phu, công quả. Không khả năng ứng

phó Đạo Tràng, cứu độ chúng sanh. Họ lấy gì để trả đền lợi dưỡng, nên họ mang nợ thêm của Tam Bảo mà không có ruộng phước điền cho chúng sanh gieo trồng, để trả nợ Đàn Na Tín Cúng.

Tuổi càng già, tâm trí càng mờ mịt, phải cần có người hầu giúp, nhưng vì họ mới khởi tu, không đủ phước để được các Sa Di hầu hạ giúp đỡ, và còn gây thêm gánh nặng cho chùa. Vì vậy, mà họ phải quay về nhà con cháu để trú ngụ trở lại, với bóng dáng một vị tu sĩ Tỳ Kheo ở trong nhà thế tục. Đó là tình trạng của Tăng Đoàn trong thời hiện tại Mạt pháp này.

VII – TỔNG KẾT

Đức Phật dạy: “Các Phật Tử ! Đó là bốn mươi tám điều giới khinh, các người phải thọ trì. Chư Bồ Tát thọ đời quá khứ đã tụng, chư Bồ Tát đời vị lai sẽ tụng, chư Bồ Tát hiện tại đương tụng.

Các Phật Tử lắng nghe ! Mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh đây, Chư Phật trong ba đời đã tụng, sẽ tụng và hiện đương tụng. Nay Ta cũng tụng như vậy”.

VIII – LƯU THÔNG

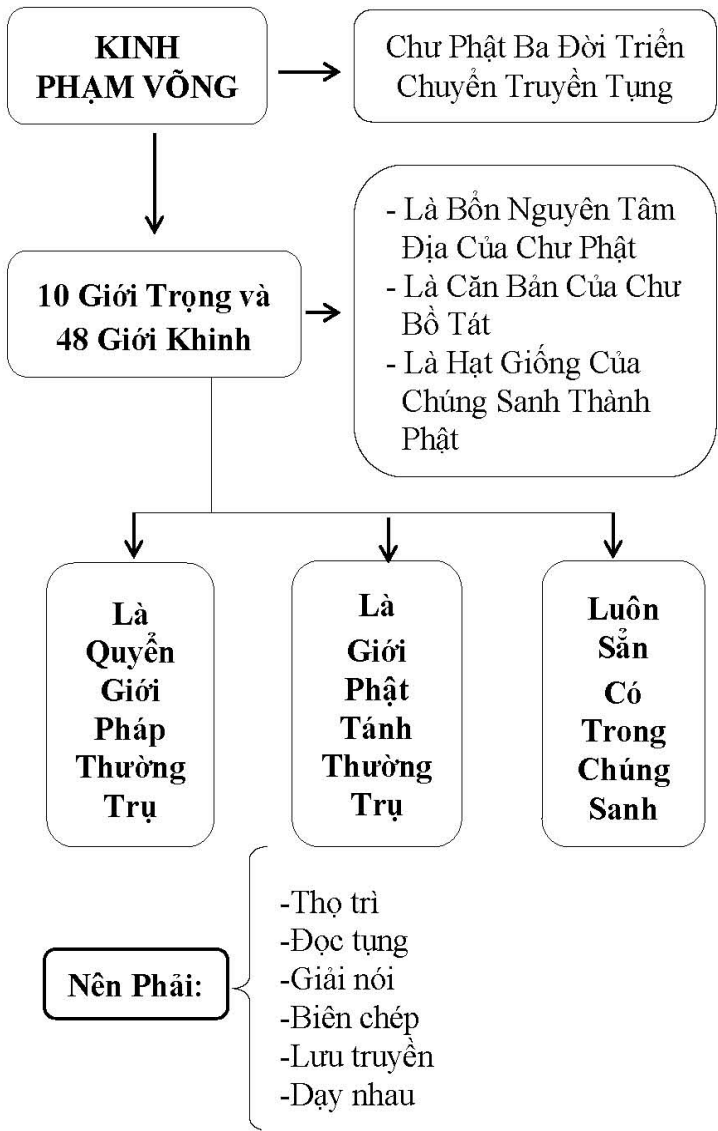
Đức Phật phán tiếp: “Tất cả Đại Chúng, Quốc Vương, Vương Tử, các quan, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, tín nam, tín nữ thấy, những người thọ trì giới Bồ Tát, nên phải thọ trì đọc tụng giảng thuyết biên chép quyền giới pháp Phật Tánh thường trụ để lưu thông mãi mãi. Tất cả chúng sanh xoay vần truyền dạy lẫn nhau không dứt. Do đây, được gặp Chư Phật, được Chư Phật trao tay. Đời đời khỏi hẳn ba ác đạo và tám chỗ nạn. Thường được thác sanh trong loài người, hay cõi trời.

Nay ta ở dưới cội Bồ Đề này, lược giảng giới pháp của Chư Phật. Tất cả Đại Chúng phải nhứt tâm học Ba La Đề Mộc Xoa, hoan hỷ phụng hành.

Như phần “Khuyến học” trong phẩm “Vô Tướng Thiên Vương” mỗi mỗi đều giảng rõ.

Lúc đó, chư Học Sĩ trong cõi Tam Thiên ngôi lắng nghe Đức Phật tụng giới, hết lòng kính trọng, hoan hỷ thọ trì.

II – GIẢI THÍCH:



I – KINH VĂN:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng xong về mười phần vô tận giới pháp trong phẩm “Tâm Địa Pháp Môn” của Đức Phật Lô Xá Na đã giảng nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng lúc trước. Nghìn trăm ức Đức Thích Ca cũng đồng giảng như vậy.

Từ cung Đại Tự Tại Thiên Vương đến dưới cây Bồ Đề này, thuyết pháp cả mười chỗ, vì tất cả Bồ Tát và vô số Đại Chúng thọ trì đọc tụng giải thuyết pháp nghĩa cũng như vậy.

Nghìn trăm ức Thế Giới, Liên Hoa Đài Tạng Thế Giới, vì trần thế giới, Chư Phật cũng giảng thuyết như vậy.

Tất cả Phật Tâm Tạng, Đại Tạng, Giới Tạng, Vô Lượng Hạnh Nguyên Tạng, Nhân Quả Phật Tánh Thường Trụ Tạng. Tất cả Chư Phật giảng thuyết Vô Lượng Pháp Tạng như thế đã xong.

Hết thấy chúng sanh trong nghìn trăm ức thế giới đều thọ trì, hoan hỷ phụng hành.

Còn về phần giảng rộng những hành tướng của tâm địa thời như trong “Phật Hoa Quang Vương Thất Hạnh” đã có đề cập đến.

II – GIẢI THÍCH:

ĐỨC PHẬT LÔ XÁ NA
giảng
TÂM ĐỊA PHÁP MÔN
tại
THẾ GIỚI LIÊN HOA ĐÀI TẠNG



ĐỨC PHẬT THÍCH CA
giảng
KINH PHẠM VÔNG
(Lấy ý từ TÂM ĐỊA PHÁP MÔN)
Gồm
- 10 Vô Tận Giới Pháp (Giới Trọng)
- 48 Giới Khinh

PHẬT GIẢNG KINH PHẠM VÔNG
TỪ CUNG CỦA ĐẠI TỰ TẠI THIÊN VƯƠNG
(VUA TRỜI ĐẠI PHẠM)
(Cung MA HÊ THỦ LA ở Cõi Trời Sắc Giới)
ĐẾN CỘI CÂY BỒ ĐỀ NƠI CỘI TA BÀ

PHẬT TÂM TẠNG: chỉ cho Tâm Thể, Bản Giác, hàm chứa, bao trùm tất cả Pháp. Như bầu hư không chứa tất cả đất đai, sông núi, trăng, sao, mưa, gió... trong nó.

ĐỊA TẠNG TÂM: tức là Tâm Đại bao la, là Tâm Thể Bản Nhiên, Không Hai. Tâm Thể này sinh ra muôn pháp.

GIỚI TẠNG: Tâm Thể Giới Tạng này xa lìa tất cả tội lỗi nên gọi là GIỚI và các oai nghi thảy đều hoàn hảo nên gọi là TẠNG.

VÔ LƯỢNG HẠNH NGUYỆN TẠNG: từ Tâm Thể Giới Tạng phát ra đầy đủ những Thiện Hạnh không cùng tận, nên gọi là Vô Lượng Hạnh Nguyện Tạng.

NHÂN QUẢ PHẬT TÁNH THƯỜNG TRỤ TẠNG: Do Phật Tánh đã thường trụ rồi thì nhân quả của Phật Tánh cũng thường trụ vậy.

I – KINH VĂN:

IX – KỆ KHEN TẶNG GIỚI PHÁP

Người trí nhiều Định Huệ,
Thọ trì được pháp này,
Lúc còn chưa thành Phật,
Được hưởng năm điều lợi:
Một là thập phương Phật,
Thương tưởng hộ trì luôn.
Hai là lúc lâm chung,
Chánh niệm lòng vui vẻ.
Ba là sanh chỗ nào,
Cùng Bồ Tát làm bạn.
Bốn là những công đức,
Giới độ đều thành tựu.
Năm, đời này, đời sau,
Đủ giới và phước huệ.
Đây là các Phật tử,
Người trí khéo nghĩ lường.

II – GIẢI THÍCH:

Đây là bài kệ khen tặng về lợi ích của người phụng trì Giới Luật.

Đối với Tâm Địa Đại Giới này, phải là người có đủ Trí Lực và Định Lực mới đúng pháp phụng trì rốt ráo được. Bởi vì có Định Lực mới không bị lay động do những chướng ngại. Có Huệ Lực mới có đủ sáng suốt sắc bén để chuyển tâm phàm phu vọng động phiền não

thành Chơn Tâm thuần tịnh, mới có thể giữ gìn Giới Hạnh trong sạch được.

Chỉ có người như thế mới có thể thọ trì thành công Tâm Địa Giới Pháp này và chắc chắn hành giả ấy sẽ được thành Phật trong tương lai, không hề bị lui sụt.

Trong thời gian đang tu, dù chưa đạt được quả Phật, hành giả này cũng được hưởng năm lợi ích:

1.

“Một là mười phương Phật
Thương tưởng hộ trì luôn”

Bởi vì Tâm Địa Giới Pháp này là chánh nhân sanh ra chư Phật, Giới Pháp này ví như mẹ của chư Phật. Nên hành giả nào phụng trì Giới Pháp này dĩ nhiên sẽ được chư Phật hộ trì bảo vệ, khiến cho hành giả có đủ năng lực, xa lìa điên đảo mộng tưởng, đạt đến cứu cánh Niết Bàn.

2.

“Hai là lúc lâm chung
Chánh niệm lòng vui vẻ”

Người đời, đến lúc sắp lâm chung, tinh thần phân tán. Những hình ảnh trong cuộc đời đã qua sẽ diễn hiện rõ ràng trong tâm trí, khiến cho tinh thần khó an định. Nhưng hành giả Bồ Tát này, nhờ nghiêm trì Tịnh Giới. Cho nên phút lâm chung, rời bỏ xác thân, họ nhờ được oai lực của Giới Đức phò trì, giữ gìn, làm cho hành giả

luôn được an trụ Tánh Giác và thẳng tiến đến Thế Giới Phật.

3. “Ba là sanh chỗ nào
Cùng Bồ Tát làm bạn”

Hành giả Bồ Tát nghiêm trì Giới Luật, dù đang trong vòng sanh tử, luân hồi bất cứ chỗ nào, sanh ở chốn nào cũng thường gặp Bồ Tát Thánh Hiền làm bạn lữ, không còn lo ngại gặp Ác Tri Thức khiến cho thối thất tâm Bồ Đề.

4. “Bốn là nhóm công đức
Giới độ đều thành tựu”

Vì Tâm Giới này là chỗ chứa nhóm và thành tựu tất cả pháp lành, gồm thâu tất cả công đức, giống như bầu hư không bao la vô tận, hàm chứa, bao trùm tất cả pháp sanh trưởng trong đó. Thế nên, hành giả Bồ Tát một khi kiện toàn Giới Luật thanh tịnh thì công đức và Giới Pháp đều thành tựu.

5. “Năm đời này đời sau
Tánh Giác phước huệ đủ”

Giới này là Tâm Địa Giới Pháp, từ Tự Tánh mà có ra, còn gọi là Pháp Giới Tánh Thường Trụ.

Hành giả đã đủ duyên lãnh thọ, nghiêm trì Giới Pháp Phật Tánh Thường Trụ, cho nên, đã được Pháp Thân Đức, được Giới Thể làm chánh nhân phát sanh Tuệ Giác. Được chánh nhân phát sanh Trí Huệ Bát Nhã, nên việc thành Phật không còn xa.

Hành giả Bồ Tát này đã được vào hàng chư Phật, giờ chỉ cần tương tục chuyên trì Giới Pháp và đúng như pháp tu hành chân chánh mới có thể chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

I – KINH VĂN:

**Kẻ trước tướng chấp ngã (phàm phu)
Không thể được pháp này
Người trầm không trệ tịch (Tiểu thừa)
Cũng không gieo giống được
Muốn nảy mầm Bồ Đề
Trí huệ soi thể gian
Phải nên quan sát kỹ,
Thật tướng của các pháp:
Không sanh cũng không diệt,
Không thường lại không đoạn,
Chẳng đồng cũng chẳng khác,
Chẳng đến cũng chẳng đi.
Trong thể nhứt tâm ấy,
Siêng tu tập trang nghiêm,
Công hạnh của Bồ Tát,
Phải tuần tự học tập.
Nơi học, nơi “Vô học”,
Chớ móng tướng phân biệt,
Đây là “Đệ Nhứt Đạo”,
Cũng gọi Pháp Đại Thừa.
Hết thấy lỗi hý luận,
Đều từ đây dứt sạch,
Vô thượng trí của Phật,
Đều do đây mà thành.
Vì thế nên Phật Tử,
Phải phát tâm đồng mãnh,
Nghiêm trì giới của Phật,
Tròn sạch như minh châu.**

**Chư Bồ Tát quá khứ,
Đã từng học giới này,
Hàng vị lai sẽ học,
Người hiện tại đương học.
Đây là đường Phật đi,
Là chỗ Phật khen ngợi.
Ta đã giảng giới xong,
Phước đức nhiều vô lượng,
Đồng đến “Nhứt Thiết Trí”.
Nguyện ai nghe pháp này,
Đều được thành Phật Đạo.**

X – PHẦN HỒI HƯỚNG

**Trên Liên Hoa Đài Tạng
Lược giảng Tâm Địa Pháp Môn này,
Truyền lại chư Thế Tôn,
Khinh, Trọng Giới phân rành,
Tất cả được nhờ ân.**

**NAM MÔ PHẠM VĨNG GIÁO CHỦ LÔ XÁ NA
PHẬT BIẾN PHÁP GIỚI TAM BẢO
(3 lần)**

II – GIẢI THÍCH:

“Kẻ trước tướng
chấp ngã
Không thể được
pháp này”



Kẻ phàm phu cố chấp cho là thường còn. Chấp ngã và chấp pháp. Thấy các pháp thật có và bám víu cho nên không hiểu và không thể tu theo Tâm Địa Pháp Môn này

“Người trầm
không thể tịch
Cũng không gieo
giống được”



Đây là nói đến hàng Nhị Thừa Thanh Văn và Duyên Giác còn tự lợi, thích nhập Diệt Tận Định, như cây khô, như mầm héo. Họ cũng không thể tu theo Tâm Địa Giới Pháp này.

“Muốn
này mầm
Bồ Đề
Trí Huệ
soi thể
gian
Phải nên
quan sát
kỷ
Thật
Tướng
của các
pháp”



Nếu hàng Nhị Thừa trong tương lai muốn thành Phật, phải quay vào bên trong, nhận ra Tánh Giác sẵn có của mình và An Trụ Chơn Tâm. Phát sanh Trí Huệ thanh tịnh từ trong Tâm Địa Giới Pháp để quán sát Thật Tướng của các pháp là không có tướng thật (vì đang biến dịch → Vô Tướng) các pháp do duyên hợp tạo thành, duyên tan thì không còn, nó không có Tánh Thường Hằng (Vô Tánh) cho nên

Thật
Tướng
của
Pháp
là

* Vô Tướng
* Vô Tánh
(Tánh Không)
* Bản Nguyên
của Tâm Thể
(Vô Hình)

“Không sanh cũng
không diệt
Không thường
cũng không đoạn
Chẳng động cũng
chẳng khác
Chẳng đến cũng
chẳng đi



Là Bản
Nguyên
Của
Tâm Thể Thì
Vô hình

*không sanh { vì không còn
*không diệt { duyên hợp nữa

*không thường
*không đoạn
*không động
*không tịnh
*không đến
*không đi
*không một
*không khác

} Trùm khắp
(như
không gian
vô hình)

- TÁNH KHÔNG tức là DUYÊN KHỞI (do duyên hợp mà có)
- DUYÊN KHỞI tức là TÁNH KHÔNG (không có Tự Tánh thường hằng)

Trong Tánh Không của các pháp thì tất cả Tướng của nó đều không có (Vô Tướng) vì nó đang biến dịch. Trong Duyên khởi của các pháp thì các pháp không có Tự Tánh còn hoài (Vô Tánh) vì nó do duyên hợp mà có, duyên tan thì không có.

Vì Vô Tướng là thật tướng, là tướng thật sự của các pháp. Vô Tướng chính là Bản Nguyên Tâm Thể của các pháp mà chư hành giả Bồ Tát phải căn cứ nơi đây để tu tập trang nghiêm cái Thể Nhứt Tâm này, bằng cách dùng Trí Huệ phương tiện từ nơi Tâm Địa Giới Pháp (Tu bằng Tánh Giác Biết, không tu bằng Tâm Thức) mà tu tập thanh tịnh.

“Công hạnh
của Bồ Tát
Phải tuân tự
học tập,
Nơi học, nơi
“vô học”
Chớ móng
tưởng phân
biệt
Đây là “Đệ
Nhứt Đạo”
Cũng gọi
pháp Đại
Thừa”



Đây nói về cách học và tu
của bậc Bồ Tát. Học mà
không thấy có Học. Tức là
chỗ không dùng Tâm Thức
dùng công mà vẫn thanh
tĩnh vắng lặng. Tức là khi
Tánh Giác Biết hiển lộ để
chỉ BIẾT THÔI, không
phân biệt, không chú ý rằng
tôi đang là... lúc đó Tâm
Thức không suy luận phân
tích tính toán.. (Vô Học)

“Hết thấy
lỗi hí luận
Đều từ đây
dứt sạch”



Khi không còn Tâm Thức
phân biệt thì những phân tích,
so đo, đúng sai, phải quấy,
phiền não... đều dứt sạch
(bầu trời xanh không có mây)

Chỉ thuần một Tánh Giác Biết mà không có Tâm Thức
hiện hữu, chỗ này chính là Đệ Nhứt Đạo, còn gọi là
Pháp Đại Thừa (Chơn Tâm, Tánh Giác)

“Vô Thượng
Trí của Phật
đều do đây
mà thành “



Từ nơi Tâm Địa Giới Pháp,
quang minh Trí Huệ tỏa
chiếu trùm khắp vô tận. Từ
nơi mầm Bồ Đề tỏa ra kết
quả Bồ Đề.

“Vì thế nên
Phật tử
Phải phát
tâm đồng
mãnh
Nghiêm trì
Giới của
Phật”



Trì Tâm Địa Giới Pháp của
Phật, là con đường trở về
bốn sở. Là trở về chính
mình.

Ta như bầu trời xanh không có mây, bao la trùm khắp không ngăn mé (Phật Tánh). Không nên để cho Tâm Thức phiền não hiện ra. Nó như những áng mây che khuất bầu trời trong xanh của ta (Chơn Tâm)
Tâm của ta là Phật (Tâm Địa Giới Pháp). Nếu để Tâm Thức nổi lên. Tâm Phật của ta sẽ bị phiền não che mờ. Nên Tâm Phật bị trở thành Tâm Chúng Sanh.

Vì
vậy



- Phiền não Tâm Thức còn ==> Phật thành Chúng Sanh
- Phiền não Tâm Thức hết ==> Chúng Sanh thành Phật

LỜI CẢM TẠ

---0---

Nam Mô Bôn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Sau một thời gian dài, trải qua những mùa An Cư Kiết Hạ, Bộ Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới Yếu Giải này đã được giảng xong tại Trường Hạ Chùa Phước Huệ Úc Châu.

Để dễ dàng cho việc tham khảo, giúp Hành Giả thuận lợi khi Học Giới và Trì Giới, chúng tôi mang hoài bảo chuyển toàn bộ các bài giảng Bồ Tát Giới, gom lại thành quyển sách với đầy đủ các sơ đồ tóm tắt, dón gọn, làm phương tiện cho Chư Hành Giả Bồ Tát.

Sự thành công này, có sự đóng góp tích cực đánh máy các bài giảng của Phật Tử Cindy Nguyễn. Cùng với phần đóng góp về chuyên môn của Phật Tử Thiện Đạo, vẽ lại tất cả các sơ đồ theo từng bài giảng và trình bày quyển sách. Xin Chân thành cảm niệm công đức của quý vị.

Hôm nay, quyển Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới Yếu Giải này đã được hoàn thành, hân hạnh gửi đến Chư Hành Giả Bồ Tát với niềm ước vọng vô biên.

Xin hồi hướng công đức này đến sự bình an, giải thoát cho tất cả Chúng Sanh. Cầu nguyện Chánh Pháp Trường Tồn, Thế Giới Hòa Bình, An Lạc

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát

Tỳ Kheo Ni : Thích Nữ Phước Hoàn
(Như Thanh)

SÁCH THAM KHẢO

---0---

- 1- Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới của Pháp Sư Diễn Bồi do Hòa Thượng Thích Trí Minh dịch từ Hán văn sang Việt văn.
- 2- Giới Luật Học Cương Yếu của Hòa Thượng Thánh Nghiêm do Hòa Thượng Thích Tuệ Đăng dịch.
- 3- Bồ Tát Giới của Hòa Thượng Thích Trí Quang dịch.
- 4- Kinh văn tụng giới Bồ Tát do Hòa Thượng Thích Trí Tịnh biên soạn.



**Thích Nữ Phước Hoàn
(Như Thành)**

Danh Sách Phật Tử Cúng Đường Ấn Tống “KINH PHẠM VÕNG BỒ TÁT GIỚI”		
Chùa Phước Huệ		
01	Sư Cô Phước Lạc	\$50
02	HL Lê Thắng Tiến • Huỳnh Hậu pd. Huệ Liễu • Trần Sú Chầy pd. Huệ Ngộ • Ngô Nga • Nguyễn V Báo pd Thiện Quới	\$100
03	Hồ Văn Chấn pd Bữu Đức, Tâm Như, Chúc Phong, Tâm Ngọc	\$100
04	Sư Cô Chơn Giác	\$100
05	Sư Cô Phước Chí	\$50
06	Sư Cô Phước Thọ	\$100
07	Sa Di Ni Vạn Trang	\$20
08	Thức Xoa Vạn Hiếu	\$100
09	Sư Cô Phước Chiếu	\$50
10	Sư Cô Phước Mẫn	\$100
11	Sa Di Ni Vạn Tường	\$50
12	Ni Sư Thích Phước Định	\$50
13	Sư Cô Phước Lễ	\$200
14	Thầy Thích Phước Nghĩa	\$200
15	HL Isaac Quận Lâm pd Thiện Mỹ	\$100
16	Nguyễn Hoa	\$50
17	Chúc Nhuận	\$100
18	HL Nguyễn Thị Sô pd Huệ Hiền	\$100
19	Ngọc Duyên	\$50
20	Tứ Minh	\$5
21	Quincy Trí Việt	\$50

22	Minh Quang Và Diệu Huệ	\$100
23	Sư Cô Phước Hòa	\$300
24	Huỳnh Ngọc Hạnh (Tâm An 2)	\$300
25	Nguyễn Thị Chữ (Truyền Quy)	\$300
26	GD Tâm Nguyên	\$100
27	Diệu An	\$50
28	Minh Khánh Diệu Bạch	\$50
Phật tử Ni Viện Thiện Hòa		
29	Thiện Đạo	\$50
30	GD Diệp Thu Hồng	\$500
31	Nguyễn Thảo	\$50
32	Diệu Trí (Thu)	\$200
33	Diệu Tôn	\$20
34	Diệu Đăng	\$20
35	Diệu Tâm	\$20
36	Thoại Phương	\$10
37	Nhất Tuệ	\$20
38	Diệu Trang	\$20
39	Nguyễn Bôn	\$20
40	Diệu Huệ	\$25
41	Diệu Trí (Huyền)	\$15
42	Diệu Quý	\$15
43	Minh Ngọc	\$15
44	Lê Văn Hùng	\$15
45	Lê Thục Quyên	\$15
46	Dichenjendum	\$100
47	Diệu Hoang	\$15
48	HL Tâm Liễu (Trần Vưu Liễu)	\$1500

49	HL Hán Bậu Trịnh	\$150
50	Ăn danh	\$50
51	Nguyễn Phi, Nguyễn Phú	\$50
52	Lý Hương Lan, Từ Đệ	\$50
53	Minh Quang	\$50
54	Cao Thị Mỹ Hậu	\$50
55	Nguyễn Nhật Nghi	\$50
56	Quang Hiến	\$20
57	Diệu Bạch	\$50
58	Diệu Vân	\$20
59	Diệu Thủy	\$20
60	Diệu Trúc	\$20
61	Diệu Phát	\$20
62	Diệu An	\$20
63	Thiện Ân	\$20
64	Đặng Thúy Hạnh	\$50
65	Trần Thị Ba, Tâm An (Xính)	\$50
66	Diệu Phước	\$50
67	Minh Quang	\$40
68	Diệu Trang	\$30
69	Diệu Hiếu	\$30
70	Diệu Bích	\$50
71	Diệu Tuyên	\$100
72	Diệu Nguyên	\$20
73	HL Huỳnh Thị Huệ	\$20
74	HL Nguyễn Thị Hà	\$20
75	HL Trần Tuấn Khải	\$20
76	HL Huỳnh Kim Cúc	\$20
77	HL Huỳnh Văn Hoa	\$20

78	HL Khom Phone Khoupra	\$20
79	Nguyễn Nhật Tân (Nguyễn Từ)	\$25
80	Nguyễn Thị Tài (Diệu Đức)	\$25
81	Võ Quang Đại (Thiện Tài)	\$25
82	Nguyễn Thị Mai Lan (Diệu Minh)	\$25
83	Phạm Hữu Phước	\$50
84	Ngọc Hồng	\$100
85	Huệ Liên	\$100
86	Ly Ly Trần Khoa	\$500
87	GD Diệu Bình	\$30
88	Hồ Xuân Ly	\$50
89	Lê Thị Tuyết Nương	\$50
90	Sây Út Tommy	\$50